

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

**117 CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH**

HÀ NỘI - 2007

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

**117 CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH**

HÀ NỘI - 2007

Chỉ đạo biên soạn:

PGS.TS. Đào Duy Quát

Chủ biên:

Ths. Trương Minh Tuấn

Biên soạn:

Ngô Bá Toại

Nguyễn Đức Bình

Trịnh Duy Kim

Lương Thị Bích Hương

Nguyễn Minh Khai

Nguyễn Quán Phú

Nguyễn Thị Oanh

MỤC LỤC	Trang
Lời nói đầu	9
1. Bản yêu sách của nhân dân An Nam gửi Hội nghị Véc - xây.	10
2. "Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin".	17
3. Bác Hồ với cụ Phan Châu Trinh.	20
4. Bác Hồ với cụ Phan Bội Châu.	31
5. Bác Hồ với cụ Huỳnh Thúc Kháng.	33
6. Tôi là người cộng sản như thế này này!	41
7. Một lần nhớ mãi.	45
8. "Vừa đẹp vừa đỡ chơi mắt đồng bào..."	47
9. Bác tặng khăn quàng.	49
10. Người công giáo ghi ơn Bác Hồ.	50
11. Bữa cơm gia đình.	52
12. "Lịch sử" ba bộ quần áo của Bác.	55
13. Bác Hồ thích ăn món gì nhất.	56
14. Tài ứng khẩu của Bác.	59
15. Cách ứng đáp miễn tiện của Chủ tịch Hồ Chí Minh.	69
16. Trong quốc dân Đại hội Tân Trào.	72
17. Cửng Hồ biết thuốc giỏi lắm.	73
18. Một ngày thu không thể quên.	75

19. Bác Hồ với trung thu độc lập đầu tiên.	77
20. Bác nhớ các cháu thiếu niên dũng sĩ miền Nam.	81
21. Ba lần được gặp Bác Hồ.	83
22. Bác cùng các cháu thiếu niên dũng sĩ miền Nam tiếp đoàn đại biểu Hội hữu nghị Cuba - Việt Nam sang thăm nước ta.	85
23. Những khách "đặc biệt" của Bác Hồ.	87
24. Đôi thủ đáng yêu.	91
25. Quà của Bác Hồ tặng các cháu.	92
26. Một cuộc đối thoại sinh động.	93
27. Cháu của Bác Hồ.	94
28. Thường ngày Bác yêu trẻ con một cách lạ.	95
29. Dành cho các cháu.	97
30. Để các cháu làm chủ.	99
31. Trong Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua chống Mỹ cứu nước.	101
32. Bác Hồ chứ còn ai!.	103
33. Cuộc gặp bất ngờ.	105
34. Bác Hồ thăm vườn hoa nghìn việc tốt.	107
35. Các em sạch và ngoan thật!	109
36. Đối với các cháu bé.	110
37. Quây quần bên Bác.	112

38. Bác Hồ đến với các cháu mồ côi.	114
39. Bác Hồ với việc học tập và sử dụng tiếng nước ngoài.	118
40. Bác Hồ ở Pác Bó.	155
41. Từ Pác Bó đến Tân Trào.	163
42. Những ngày ở Tân Trào.	179
43. Bác Hồ đóng vai thầy mo.	197
44. Dưới gốc đa Tân Trào.	199
45. Tháng Tám năm 1945 ở Hà Nội.	202
46. Chủ tịch nước cũng không có đặc quyền.	207
47. "Thế thì chúng ta đã gặp nhau rồi".	209
48. Tăng tiêu chuẩn cho chiến sĩ.	211
49. Bác Hồ với bộ đội ở Dền Hùng.	213
50. Bác kết luận.	215
51. Bác không thăm những người như mẹ con thím thì còn thăm ai.	216
52. Các chú có báo không.	219
53. Các chú nói có lý nhưng chưa hợp lý.	222
54. Chú nói đúng, nhưng chưa đủ.	224
55. Chú trả lời cho rõ hơn.	225
56. "Đạn bọc đường".	228
57. Đánh nó xong rồi ta phải làm gì?	229
58. Được Bác đổi tên.	233

59. Giờ chú tuyên truyền gì.	235
60. Nhận tên mới.	237
61. Nướng sắn.	238
62. Sự phân công.	241
63. Tặng Thủ tướng bó hoa này thì tốt lắm.	242
64. Bài thơ nổi tiếng của Bác Hồ căn dặn thanh niên được ra đời như thế nào.	244
65. Thế phụ nữ miền Bắc có dám thi đua với phụ nữ miền Nam không?	249
66. Các cháu hát được bài kết đoàn chứ?	250
67. Thanh niên phải gương mẫu trong kỷ luật.	252
68. Câu chuyện tâm đắc của hai cụ đồ Nho ở huyện Nam Đàn.	254
69. Sự ra đời của một bài thơ.	258
70. Bác Hồ là thế đấy.	260
71. Cây đào Nhật Tân.	262
72. Việc chi tiêu của Bác Hồ.	264
73. Chú sang xông nhà cho Bác.	266
74. Bác Hồ tặng gia rau cải.	268
75. Câu chuyện về 3 chiếc ba lô.	272
76. Không ai được vào đây.	273
77. Bát chè xê đôi.	275
78. Một bữa ăn tối của Bác.	276

79. Thời gian quý báu lắm.	279
80. Chú còn trẻ, chú vào hầm trú ẩn trước đi.	282
81. Bác có phải là vua đâu?	283
82. Từ đôi dép đến chiếc ô tô.	286
83. Bữa cơm kháng chiến.	290
84. Quyền lao động của Bác.	292
85. Ai ăn thì người ấy trả tiền.	293
86. Quả táo Bác Hồ cho em bé.	294
87. Mừng cho các cháu, Bác càng thương nhớ mẹ.	295
88. So sánh.	296
89. Đạo đức người ăn cơm.	298
90. Gương mẫu tôn trọng luật lệ.	300
91. Nước nóng, nước nguội.	302
92. Chú ngã có đau không.	304
93. Ăn no rồi hãy đến làm việc.	306
94. Tấm lòng Bác Hồ với chiến sĩ.	308
95. Chú để Bác thuyết minh cho.	311
96. Chú làm như thế là không được.	314
97. Để Bác quạt.	316
98. Bác Hồ với chiến sĩ người dân tộc.	317
99. Tấm lòng của Bác với thương binh, liệt sĩ.	319

100. Tấm lòng của Bác.	322
101. Bác Hồ tắm cho trẻ ở Việt Bắc.	324
102. Bác Hồ quan tâm đến nữ phóng viên.	326
103. Tình thương yêu bao la.	327
104. Đi làm ruộng với nông dân.	333
105. Người Pháp, người Mỹ.	340
106. Cái đuôi Tôn Ngộ Không.	343
107. Thi đua về lòng yêu nước thì ta thắng.	345
108. Phải quan tâm đến mọi người hơn.	347
109. Đời sống của người dân quan trọng hơn.	349
110. Ứng biến nhanh giặc nào cũng thắng.	351
111. Chữ "quan liêu" viết thế nào?	353
112. Làm sao lo cho các cháu ăn no, có quần áo mặc.	355
113. Dù tá hay tướng đều phải lo phục vụ nhân dân.	356
114. Có ăn bớt phần cơm của con không.	358
115. Bác muốn biết sự thật kia.	360
116. Đón vua hay đón Bác.	362
117. "Cách mạng" theo ý Bác Hồ.	365

LỜI NÓI ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài, anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hoá thế giới. Sự nghiệp, tư tưởng và đạo đức sáng ngời của Người sống mãi trong lòng kính yêu vô hạn của nhân dân Việt Nam. Cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi của Người mãi mãi là tấm gương cho các thế hệ chúng ta học tập và noi theo.

Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Bộ Chính trị và lễ phát động tổ chức thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" của Ban Chấp hành Trung ương tại lễ kỷ niệm 77 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dịp kỷ niệm 117 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại (19/5/1890 - 19/5/2007); Hướng dẫn số 11-HD/TTVH (ngày 6/12/2006) của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương). Trung tâm Thông tin công tác tư tưởng chọn lọc, sưu tập và biên soạn 117 chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, góp phần cung cấp những tư liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập và làm theo tấm gương của Bác. Cũng nhân dịp này, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các tác giả, cơ quan, đơn vị: Bảo tàng Hồ Chí Minh, NXB Giáo dục, NXB Chính trị Quốc gia, NXB Quân đội nhân dân, ... có những tư liệu và bài viết giúp chúng tôi sưu tầm và tập hợp 117 chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Trung tâm Thông tin công tác tư tưởng

1. BẢN YÊU SÁCH CỦA NHÂN DÂN AN NAM GỬI HỘI NGHỊ VÉC-XÂY

Tháng 6 năm 1919, nghe tin các đoàn đại biểu mười mấy nước Đồng minh chiến thắng họp ở Véc-xây cách thủ đô Pa-ri 14 ki-lô-mét, Nguyễn Tất Thành bàn với nhà yêu nước Phan Châu Trinh và luật sư, tiến sĩ Phan Văn Trường viết bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" gửi Hội nghị Véc-xây. Nhà yêu nước họ Phan trịnh trọng nói:

- Bảy điều yêu sách mà anh Thành nêu ra, theo tôi thật là xác đáng và đúng như bọn mình thường trao đổi với nhau. Chú Trường xem có nên thêm điều gì không?

- Tôi thấy thế là tốt... Thử xem còn vấn đề gì về quyền của nhân dân ta cần đòi... - Văn Trường nói và gõ nhẹ vào trán mình theo thói quen của ông khi cần suy tính một điều gì.

- Thừa hai bác - Tất Thành lên tiếng - Hôm trước cháu phác thảo ra 7 điều yêu sách đưa hai bác xem, nhưng đêm hôm qua cháu mới nảy thêm một ý. Cháu thấy rằng ở Đông Dương, bọn quan lại chỉ dựa vào các sắc lệnh của tên toàn quyền để cai trị dân ta mà không hề có luật. Cháu muốn đưa thêm một điều yêu sách nữa: *"Thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ luật pháp"*.

- Đúng! Đúng! Luật sư họ Phan sôi nổi hưởng ứng. Muốn cho dân ta có tự do thì phải đòi họ cai trị theo luật pháp!

- Tôi cũng tán đồng! Phan Châu Trinh nói như kết luận buổi gặp mặt. Bây giờ ta làm thế nào để chuyển bản *Yêu sách* tới Hội nghị Véc-xây đây?

Tất Thành:

- Thưa bác, cháu nghĩ rằng phải nhờ bác Phan Văn Trường viết ngay ra bằng tiếng Pháp thì mới kịp.

Hai ngày sau, Nguyễn Tất Thành đã ngồi bên luật sư Phan Văn Trường, trước bản “Yêu sách của nhân dân Việt Nam” vừa thảo xong bằng chữ Pháp.

- Chúng ta sẽ đứng tên dưới bản yêu sách này như thế nào đây? Bác đứng tên nhé. Nguyễn Tất Thành nêu ý kiến.

- Không! Phan Văn Trường đáp - bản *Yêu sách* này tuy là tôi chấp bút viết ra bằng tiếng Pháp. Nhưng tôi phải viết chỉ vì anh chưa thông thạo Pháp văn mà thôi, chứ sáng kiến lớn lao này của anh, và hầu hết ý kiến nêu ra trong bản *Yêu sách* cũng là của anh.

- Thưa bác, sáng kiến của cháu cũng chỉ là phản ánh nguyện vọng chung của những người yêu nước chứ có phải của riêng cháu đâu. Bác là một nhân vật có danh tiếng, bà con Việt kiều trên đất Pháp đều biết bác là một luật sư yêu nước dám bênh vực công lý, che chở cho bà con. Bác đứng tên cho bản yêu sách này thì giá trị của nó càng cao, ảnh hưởng của nó càng rộng.

- Không! Không thể được! Tôi tuy có chút danh vọng hơn anh ngày nay, nhưng cái tâm, cái chí của anh còn lớn hơn tôi nhiều. Và lại về nguyên tắc, người trí thức không

được phép lấy công người khác làm công của mình: “Cái gì của Xê-da thì phải trả lại cho Xê-da”. Đó mới là lẽ phải. Chẳng những tôi không thể đứng tên, mà bác Hy Mã Phan Châu Trinh cũng không nên đứng tên.

Cuộc trao đổi giữa hai nhà yêu nước đi tới kết luận: dùng một cái tên gì tiêu biểu cho nguyện vọng chung của nhân dân, nhưng phải là tên một cá nhân thì tính chất pháp nhân của văn bản mới có giá trị. Cuối cùng anh Nguyễn quyết định tự mình đứng mũi chịu sào với cái tên chung cho tấm lòng của mọi người. Anh ký:

Thay mặt những người yêu nước Việt Nam
Nguyễn Ái Quốc

Ngay buổi chiều hôm ấy, sau khi bàn *Yêu sách* được gửi đi, anh Nguyễn rời khỏi nhà số 6 đường Vi-la đê Gô-bơ-lanh, nơi anh vẫn ở với luật sư Phan Văn Trường. Anh sống bí mật, đề phòng sự truy lùng ráo riết của bọn mật thám Bộ Thuộc địa Pháp.

*

* *

Vào buổi sáng sớm có người đến bấm chuông căn nhà số 6, phố Đô-bi-nhi. Đây là nhà của Giuyn Căm-bông, đại sứ cũ của Pháp ở Đức, hiện là thành viên của đoàn đại biểu Pháp đi dự Hội nghị Véc-xây. Giơ-nơ-vi-e-vơ Ta-bu-i, cô cháu gái trẻ của Căm-bông ra mở cửa. Sau này cô là một nhà báo nổi tiếng, nhưng lúc bấy giờ cô là thư ký của cậu cô. Người bấm chuông là một thanh niên châu Á,

mảnh khảnh, có khuôn mặt cười mở, dễ mến, đôi mắt to, sáng long lanh. Anh lịch sự chào cô và nói bằng thứ tiếng Pháp không sõi:

- Tôi muốn trao cho ngài đại sứ Căm-bông một văn kiện.

Giơ-nơ-vi-e-vơ mời khách đến sớm vào nhà rồi ra hiệu cho khách ngồi xuống cạnh chiếc bàn dài chạm trổ theo kiểu đế chế. Chiếc bàn này hiện nay vẫn kê trong phòng khách gia đình Ta-bu-i. Cô gái hỏi người thanh niên là ai?

- Thưa cô, tôi là Nguyễn Ái Quốc, tôi muốn gặp ngài Căm-bông.

Chàng thanh niên lấy ra một cuốn giấy buộc bằng dây mảnh. Anh mở ra và trao cho cô gái.

- Tôi đến đây để trao cho ngài đại sứ “bản trần tình” của nhân dân Đông Dương.

Có thể thấy ngay là những tờ giấy trong cuộn giấy viết bằng một thứ chữ rất đẹp. Tờ đầu tiên là bức thư gửi cho chủ nhà:

Thưa ngài đại sứ Căm-bông, đại diện toàn quyền của nước Pháp tại Hội nghị Véc-xây. Tôi là người đại diện cho nhân dân Đông Dương. Chúng tôi là một dân tộc chậm phát triển, chúng tôi đã được biết thế nào là nền văn minh của nước Ngài...”.

Tài liệu mà người thanh niên châu Á mang đến có tên là “*Bản Yêu sách của nhân dân An Nam*”. Bản *Yêu sách* viết:

“Trong khi chờ đợi nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thực sự, nhân dân nước An Nam trước kia, nay là xứ Đông - Pháp, xin trình bày với các quý Chính phủ Đồng minh nói chung và với Chính phủ Pháp đáng kính nói riêng những yêu sách khiêm tốn sau đây:

1- Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;

2- Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xoá bỏ hoàn toàn* các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;

3- Tự do *báo chí* và tự do *ngôn luận*;

4- Tự do *lập hội* và *hội họp*;

5- Tự do *cư trú* ở nước ngoài và tự do xuất dương;

6- Tự do *học tập*, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;

7- Thay thế *chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*;

8- Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ.

Vài ngày sau, các đoàn đại biểu khác tham gia Hội nghị

và nhiều nghị sĩ Pháp cũng nhận được bản yêu sách tương tự như vậy. Kèm theo bản yêu sách có bức thư ngắn:

“Thưa ngài! Nhân dịp chiến thắng của Đồng minh, chúng tôi xin mạn phép gửi đến Ngài kèm theo đây bản ghi những yêu sách của nhân dân An Nam. Tin tưởng ở sự độ lượng cao cả của Ngài, chúng tôi mong Ngài ủng hộ bản yêu sách này trước những người có thẩm quyền.

Thay mặt nhóm những người An Nam yêu nước: Nguyễn Ái Quốc”.

Người ta nhiều lần bắt gặp người thanh niên Việt Nam kiên trì này với tập giấy tờ cặm dưới nách tại các hành lang ồn ào, mù mịt khói thuốc của các ban biên tập báo ở Pa-ri, trong các gian phòng chật chội do các công đoàn và đảng Xã hội thuê để tổ chức các cuộc họp và mít tinh.

Lu-i Ác-nu, Trưởng ban Đông Dương của Sở Mật thám Pháp, sau này là Chánh Mật thám Pháp ở Đông Dương, nhún vai khi nghe báo cáo về hành động của một người nào đó tên là Nguyễn Ái Quốc và về nội dung một “tài liệu chống Pháp” đang được người đó phân phát khắp nơi. Do nghề nghiệp đòi hỏi, Ác-nu hầu như biết rất rõ mọi người An Nam khả nghi sống ở Pa-ri, được báo cáo tỉ mỉ về bước đi của “những kẻ chủ mưu gây bất an” từ Đông Dương sang. Một trong những người đó là Phan Châu Trinh, mở một hiệu ảnh và thực tế đã ngừng hoạt động chính trị. Và lại, hành động “khiêu khích” như vậy vốn không phải là Phan Châu Trinh, vì ông lúc nào cũng có thái độ kính nể nước Pháp. Một người khác là luật sư

Phan Văn Trường, cũng sống ở Pa-ri, được coi là nhà mác-xít, nhưng chỉ là người dịch sách báo chính trị ra tiếng Việt và không bao giờ tham gia làm những việc như vậy. Chỉ còn một người duy nhất trong số những nhân vật quen biết cũ của Sở Mật thám dám cả gan làm việc này là Phan Bội Châu. Nhưng Ác-nu biết chắc chắn Phan Bội Châu đang ở một nơi nào đó tại miền Nam Trung Quốc, hơn nữa, mới đây ông ta có cho đăng một bài báo, lời lẽ rất ôn hoà có lợi cho chủ trương hợp tác Pháp - Việt.

Cả Ác-nu - kẻ có con mắt cú vọ, nhòm ngó khắp nơi, thậm chí cả những người bạn gần gũi của người yêu nước trẻ tuổi đã cả gan cất lên tiếng nói bảo vệ nhân dân bị áp bức của mình ngay giữa trái tim của bọn đế quốc Pháp cũng không biết được và cũng không thể ngờ vào lúc đó rằng, Nguyễn Ái Quốc - tác giả bản *Yếu sách*, anh Văn Ba, người phụ bếp trên tàu biển, người con trai quan Phó bảng duy nhất ở làng Sen, cậu bé ham hiểu biết Nguyễn Tất Thành - cũng chỉ là một người mà thôi.

Kể chuyện Bác Hồ

NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, t. 2, tr. 19.

2. “CON ĐƯỜNG DẪN TÔI ĐẾN CHỦ NGHĨA LÊNIN”¹

Ngay sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tôi làm thuê ở Pa-ri, khi thì làm cho một cửa hàng phóng đại ảnh, khi thì vẽ “đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa” (do một xưởng của người Pháp làm ra!). Hồi đó, tôi thường rải truyền đơn tố cáo tội ác bọn thực dân Pháp ở Việt Nam.

Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên. Tôi chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của nó. Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình; trước đó, tôi chưa hề đọc một quyển sách nào của Lênin viết.

Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các “ông bà” ấy - hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế - đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu.

Hồi ấy, trong các chi bộ của Đảng Xã hội, người ta bàn cãi sôi nổi về vấn đề có nên ở lại trong Quốc tế thứ hai, hay là nên tổ chức một Quốc tế thứ hai rưỡi, hoặc tham gia Quốc tế thứ ba của Lênin? Tôi dự rất đều các cuộc họp một tuần hai hoặc ba lần. Tôi chăm chú nghe những người phát biểu ý kiến. Lúc đầu, tôi không hiểu được hết. Tại sao người ta bàn cãi hăng như vậy? Với Quốc tế thứ hai,

¹ Bài viết cho Tạp chí *Các vấn đề phương Đông* (Liên Xô) nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của V.I. Lênin

hoặc thứ hai rưỡi, hay là thứ ba, thì người ta cũng đều làm được cách mạng cả, sao lại phải cãi nhau? Và còn Quốc tế thứ nhất nữa, người ta đã làm gì với nó rồi?

Điều mà tôi muốn biết hơn cả - và cũng chính là điều mà người ta không thảo luận trong cuộc họp là: vậy thì cái quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa?

Trong một cuộc họp, tôi đã nêu câu hỏi ấy lên, câu hỏi quan trọng nhất đối với tôi. Có mấy đồng chí đã trả lời: Đó là Quốc tế thứ ba, chứ không phải Quốc tế thứ hai. Và một đồng chí đã đưa cho tôi đọc *Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* đăng trên báo *Nhân đạo*.

Trong *Luận cương* ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”.

Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba.

Trước kia, trong các cuộc họp chi bộ, tôi chỉ ngồi nghe người ta nói; tôi cảm thấy người nào cũng có lý cả, tôi không phân biệt được ai đúng ai sai. Nhưng từ đó tôi cũng xông vào những cuộc tranh luận. Tôi tham gia thảo luận sôi nổi. Mặc dù chưa biết đủ tiếng Pháp để nói hết ý nghĩ của mình, tôi vẫn đập mạnh những lời lẽ chống lại Lênin, chống lại Quốc tế thứ ba. Lý lẽ duy nhất của tôi là: Nếu đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu đồng chí

không bênh vực các dân tộc thuộc địa thì đồng chí làm cái cách mạng gì?

Không chỉ tham gia các cuộc họp của chi bộ mà thôi, tôi còn đến những chi bộ khác để bênh vực lập trường “của tôi”. Ở đây, tôi cần nhắc thêm rằng các đồng chí Mác-xen Ca-sanh, Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê, Mông-mút-xô và nhiều đồng chí khác đã giúp đỡ tôi hiểu biết thêm. Cuối cùng ở Đại hội thành phố Tua, tôi cùng các đồng chí ấy biểu quyết tán thành tham gia Quốc tế thứ ba.

Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.

Ở nước ta và ở Trung Quốc cũng vậy, có câu chuyện đời xưa về cái “cắm nang” đầy phép lạ thần tình. Khi người ta gặp những khó khăn lớn, người ta mở cắm nang ra, thì thấy ngay các giải pháp. Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cắm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 10.

NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000

3. BÁC HỒ VỚI CỤ PHAN CHÂU TRINH

Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành với cái tên là Ba rời Sài Gòn và ngày 15/7/1911 đến cảng Lơ Ha-vơ-rơ, còn Phan Châu Trinh rời Sài Gòn ngày 1/4/1911 và đến Pháp vào ngày 27/4 cùng năm, ngụ tại Pa-ri. Khoảng cách giữa Lơ Ha-vơ-rơ và Pa-ri - nơi cụ Phan đang sống - chỉ có hơn 100 cây số, đi lại dễ dàng... Chắc chắn trong dịp này Người đã tranh thủ đến Pa-ri gặp cụ Phan, làm quen với những người quanh Cụ, và đặc biệt đề bàn bạc với Cụ về hướng sống và học tập. Và có thể không phải chỉ đến một lần...

Có ba bức thư với thủ bút của Tất Thành mà cụ Phan còn giữ được đem về nước năm 1925 và gia đình đã gửi ra Việt Bắc tặng Trung ương trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nay lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh... Có lẽ do yêu cầu bảo mật, các thư đều không được ghi ngày tháng nhưng có thể phán đoán bức thư sau đây đã được viết vào dịp trên. Nguyên văn như sau:

Hy Mã nghi bá đại nhơn,

Cách đây không tiếp được tôn tín, không hay Bác hành chỉ thế nào và sự thế bên ta thế nào? Và cháu muốn biết như cháu có thể gặp Bác trước lúc Bác đi hay không, vì cháu rất cần một ít lời tôn hội, xin Bác trả lời liền cho cháu vì chừng trong tuần lễ cháu sẽ xuống tàu

“đi chưa biết đâu”. Kính chúc Bác, M. Trường và em Dật và các đồng bào yên hảo”.

C.Đ.* Tất Thành
10. orchard Place
Southampton England

Theo lời thư trên đây thì: Tất Thành biết rõ tình hình cụ Phan đang bị Bộ Thuộc địa ép phải đi khỏi Pa-ri nên yêu cầu Cụ trả lời ngay để đến gặp chỉ trong vòng một tuần lễ... Do đó có thể đoán là mặc dù ghi địa chỉ ở Anh nhưng lúc đó Tất Thành không phải ở Anh mà thực ra đang ở không xa Pa-ri, có thể ở nhà chủ tàu tại Anh A-đơ-ret-xơ (Saint - Adresse), ngoại ô Lơ Ha-vơ-rơ chỉ cách Pa-ri hơn một trăm cây số. Lời thăm hỏi rất thân tình về mọi người ở quanh Phan Châu Trinh lúc đó, kể cả luật sư Phan Văn Trường nói lên họ đã gặp gỡ nhau rồi.

Sau thư trên có thể đã có cuộc gặp gỡ giữa cụ Phan Châu Trinh và Tất Thành tại Pa-ri trước chuyến đi xa bằng tàu biển.

Theo phán đoán thì thời đó nơi dừng chân của Bác Hồ sau các chuyến đi là cảng Lơ Ha-vơ-rơ. Vì mấy nguyên nhân: đó là nơi dừng lâu nhất của tàu La-tút-sơ Tơ-rê-vin, có nhà của chủ tàu và nhiều bạn bè quen biết trên tàu có thể làm nơi tá túc; nơi đó rất gần Pa-ri, chỗ ở của cụ Phan và những người bạn khác, chỉ 1 đến 2 giờ là có thể đến gặp được; nơi đó có thể lánh sang đất Anh thuộc

* C.Đ.: Cuồng diệt: người cháu hăng say

chính quyền Hoàng gia vốn lúc này không mấy thân thiện với Pháp (như thể hiện trong năm 1915, Chính phủ Anh không đáp ứng yêu cầu của Pháp soát xét nơi ở của Tất Thành để tìm các thư phúc đáp của Phan Châu Trinh, hoặc cả sau này, khi Chính phủ Hoàng gia ký lệnh thả Nguyễn Ái Quốc tại Hồng Kông năm 1931...).

Cần khám phá châu Mỹ và nước Mỹ đang thời kỳ phát triển mạnh mẽ, Tất Thành đã lên làm việc ở một chiếc tàu đi Nam Mỹ và Bắc Mỹ. Anh đã dừng lại ở Niu-Yóoc, lên bờ để làm thêm kiếm sống, viết thư về nước nhờ tìm tin, địa chỉ của cha, và đã gặp đại diện phong trào yêu nước Triều Tiên tại Mỹ và học tập kinh nghiệm đấu tranh của họ...

Nhưng Tất Thành không ở Mỹ lâu, trong khoảng năm 1913 Người đã trở về Lơ Ha-vơ-rơ, cùng bàn bạc với cụ Phan và chuyển sang ở Anh, Tất Thành đã gửi bức thư sau cho cụ Phan:

“Hy Mã nghị bá đại nhơn,

Cháu kính chúc Bác, em Dật và ông Trọng, mấy anh em ta ở Pa-ri đều mạnh giỏi. Nay cháu đã tìm nơi để học tiếng. Mấy bốn tháng rưỡi nay thì chỉ làm với Tây, nói tiếng Tây luôn luôn. Tuy ở Anh nhưng chẳng khác gì ở Pháp và ngày tháng chỉ lo làm cho khỏi đói chứ chẳng học được bao nhiêu. Cháu ao ước rằng 4, 5 tháng nữa khi gặp Bác thì cháu sẽ nói và hiểu được tiếng Anh nhiều nhiều.

Bên ta có gì mới không? Và nếu Bác dịch xong mấy

hỏi rồi xin Bác gởi cho cháu. Chuyến này Bác sẽ đi nghỉ hè ở đâu?

Nay kính
Cuồng Diệt Tất Thành.
Crayton Court Hotel
West Ealingw
London

Câu cuối thư hỏi về vấn đề đi nghỉ hè theo tập quán ở Phương Tây và không nói gì đến không khí chiến tranh, cho phép ta đoán thời gian viết thư khoảng giữa năm 1913.

Câu “*Xin gởi mấy hồi sau*” của một bản dịch chắc là của tập *Giai nhân kỳ ngộ* mà Tất Thành đã đọc “mấy hồi trước” trong một chuyến đến thăm cụ Phan trước đó.

Ồ Anh mà làm việc với người Pháp và nói tiếng Pháp, có thể là với sự gợi gẫm của bạn bè Pháp, Tất Thành đã vào làm việc trong ê-kíp hầu hết là người Pháp của vua bép Ê-xcốp-phi-e.

Với lời ước hẹn “*4, 5 tháng nữa lúc gặp Bác cháu sẽ...*” có thể thấy rõ hơn trong tình hình Bác Phan khó đi chuyên vì bị kiểm soát, từ Anh, Tất Thành có thể đã có nhiều cuộc đến gặp Bác tại Pa-ri...

Ngoài hai bức thư trên, cụ Phan còn giữ được một cái “các” của Cuồng Diệt Tất Thành gửi từ một địa phương tên là “*Xu-pho-ra-rat*” mà tập sách *Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử* xác định là ở Anh. Nội dung là một bài thơ tám câu bảy chữ nói lên cảm xúc của bản thân với tác phẩm: “*Giai nhân kỳ ngộ*”, Cụ Phan đã phóng tác...

Lời cuối thật thấm thiết “*Hy Mã nghi bá đại nhơn
thấu Cuồng Diệt*”.

Có một bức thư thứ tư của Tất Thành do bà Thu Trang tìm được bản dịch tiếng Pháp ở thư khố Ô-di-nô của Bộ Ngoại giao Pháp đã dịch lại như sau:

“*Kính gởi Nghi bá đại nhơn*

Tiếng súng đã rền vang và thấy người đã phủ trên đất. Năm cường quốc đã vào vòng chiến và chín nước đang đánh nhau. Châu chột nhờ đến thư cách đây mấy tháng đã viết về cơn dông bão này. Định mệnh sẽ dành cho chúng ta nhiều bất ngờ và không thể nói trước ai sẽ thắng...

Các nước trung lập đang còn lưỡng lự và các nước tham chiến chưa rõ được ý họ. Tình hình như vậy ai nhúng mũi vào thì chỉ có thể đứng về phía này hoặc phía kia. Hình như người Nhật có ý nhúng tay vào. Châu nghĩ trong vòng ba, bốn tháng nữa số phận châu Á sẽ thay đổi, và thay đổi nhiều. Mặc kệ những kẻ đang đánh nhau và bạo động, phần chúng ta hãy cứ bình tâm.

Xin gởi lời thăm Nghi bá và em Dật. Xin trả lời châu về địa chỉ sau đây:

Nguyễn Tất Thành

Số nhà 8

Stephen Totterham Rd. London”.

Thư trên được viết khi cuộc chiến đã diễn ra ác liệt. Nhưng theo tài liệu sưu tầm được thì Phan Châu Trinh cùng với Phan Văn Trường đã bị bắt ngày 14/9/1914, chỉ

hơn một tháng sau khi chiến tranh bắt đầu. Như vậy có thể là Tất Thành đã viết thư khi chưa biết cụ Phan bị bắt và thư này đã bị cơ quan điều tra lấy được, cho dịch và gửi cho Bộ Ngoại giao.

Ngoài ra, Báo cáo kết thúc vụ án của Dự thẩm toà án binh Ca-ron viết rõ là *“Soát nhà Phan Châu Trinh đã lấy được nhiều thư rất khả nghi trong đó có các thư của Tất Thành ở số 8 đường Stenphen Road - Totterham ở London, đã gửi công hàm cho Chính phủ Anh nhờ soát nhà Tất Thành nhưng không được phía Anh đáp ứng”*.

Trong biên bản thẩm vấn Cao Đắc Minh với tư cách nhân chứng, Ca-ron có đưa ra một thư và Đắc Minh đã khẳng định đó là thư Tất Thành trả lời cho Cụ Phan.

Trong bức thư bà Thu Trang tìm thấy được ở thư khố Ô-di-nô, Tất Thành cũng nhắc đến thư viết về *“con đông bão”* chắc cũng ở trong số thư đã bị lấy khi soát nhà Cụ Phan.

Các tài liệu trên cho thấy mối quan hệ thân tình giữa Bác Hồ và cụ Phan ngay từ trong nước và sự gắn bó giữa hai vị trong những năm đầu Người tham gia hoạt động cách mạng.

NIỀM HY VỌNG CUỐI ĐỜI CỦA PHAN CHÂU TRINH

Phan Châu Trinh là nhà yêu nước lớn của Việt Nam đầu thế kỷ XX. Về tuổi tác, Phan Châu Trinh là bậc cha

chú của Nguyễn Ái Quốc. Mặc dù giữa hai người có sự khác nhau về phương pháp cứu nước, nhưng đối với Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc luôn một lòng tôn kính. Trong thời gian cả hai người cùng sống ở châu Âu, nhưng có lúc không gần nhau: Nguyễn Ái Quốc ở Anh, Phan Châu Trinh ở Pháp; Nguyễn Ái Quốc đã có một số lần viết thư gửi cụ Phan trong thời gian xảy ra Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Nguyễn Ái Quốc về hoạt động ở Pa-ri và được cụ Phan Châu Trinh giúp đỡ rất nhiều. Ở Pa-ri lúc đó còn có luật sư Phan Văn Trường. Vào tháng 11/1919, mật thám Pháp có nhận xét về ba người như sau:

“Đa số những người thông ngôn đã nhận xét về Phan Châu Trinh là một nhà cách mạng khôn khéo, Phan Văn Trường là người đã dịch tư tưởng của ông, còn Quốc thì là một nhà nho cộng sự của hai người trên, ít ai biết”.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đời sống ở Pháp rất khó khăn, vất vả. Phan Châu Trinh lúc ấy đã thành thạo nghề thợ chữa ảnh. Mỗi tháng Cụ kiếm được độ 100 quan, nên đã giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn Ái Quốc được Khánh Ký và cụ Phan Châu Trinh trợ giúp để sinh sống. Nhiều mật báo đã gửi về cho Bộ Thuộc địa Pháp cho biết:

“Quốc ở nhờ nhà của Phan Văn Trường. Sinh sống thì do Khánh Ký và Phan Châu Trinh cấp dưỡng, mỗi tháng không quá 500 Francs”.

Ở Pa-ri, Nguyễn Ái Quốc có tham gia vào việc chuyên chữa ảnh tại xưởng chữa ảnh của Phan Châu Trinh để có thêm tiền tiêu dùng.

Ngoài việc giúp đỡ nói trên, trong thời gian đầu, cụ Phan Châu Trinh còn giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc làm quen với những người bạn Pháp.

Tài liệu thư khố cho biết, những người bạn Pháp có cảm tình với Phan Châu Trinh thì cũng trở thành bạn của Nguyễn Ái Quốc. Cụ Phan Châu Trinh đã giới thiệu những người Pháp mà Cụ biết chắc chắn có cảm tình với Việt Nam để những người này có thể giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc như Giu-lét Ru, Ma-rin Ma-tel, nhà báo Bác-buýt.

Bác-buýt là người đã vận động Hội Nhân quyền để cứu Phan Châu Trinh thoát án tử hình sau vụ chống thuế 1908.

Ru là nhà Việt Nam học, vào năm 1914, khi cụ Phan Châu Trinh bị bắt đã vận động ráo riết, tìm cách chứng minh cụ Phan Châu Trinh vô tội.

Ma-tel từng chống đối chính sách hà lạm, độc ác của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Nhờ cụ Phan Châu Trinh giới thiệu, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành bạn của những người nói trên.

Cùng có nhiệt tình yêu nước, cùng có trách nhiệm đối với nhân dân nhưng phương pháp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và cụ Phan Châu Trinh lúc đầu không hoàn toàn giống nhau. Cụ Phan Châu Trinh muốn giữ cương vị của

mình là một nhà chí sĩ yêu nước không đảng phái... còn Nguyễn Ái Quốc thì đến với học thuyết Mác - Lênin. Và sau nhiều thất bại, khi đã cảm thấy mình bắt cập với thời thế, trong một bức thư đề ngày 18/2/1922 gửi từ Mác-xây cho Nguyễn Ái Quốc ở Pa-ri, cụ Phan Châu Trinh đã chân thành bộc bạch: *Tôi tự ví thân tôi như con ngựa già hết nước kiệu, phi nước té. Thân tôi tựa như chim lồng, cá chậu. Và lại, cây già thì gió dễ lay, người già thì trí dễ lẫn. Cánh tôi như hoa sắp tàn, hiềm vì quốc phá gia vong, mà hơi tàn cũng phải gào cho hả, may ra có tình giắc hồn mê...*

Và ở cuối thư, cụ Phan Châu Trinh vui mừng viết rằng Nguyễn Ái Quốc “*như cây đương lộc, nghị lực có thừa, dày công học hành, lý thuyết tinh thông*”. Cụ Phan Châu Trinh tin rằng “*không bao lâu nữa cái chủ nghĩa Anh tôn thờ (ý chỉ chủ nghĩa Mác - Lênin) sẽ thâm căn cố đế (sâu rễ bền gốc) trong đám dân tình chí sĩ nước ta*”.

Năm 1925, cụ Phan Châu Trinh về nước và sớm qua đời vào năm 1926. Trong thời gian đó, những đánh giá và niềm tin đối với Nguyễn Ái Quốc của Phan Châu Trinh vẫn nguyên vẹn. Cụ Phan thổ lộ với các đồng chí của mình như Lê Văn Huân, Huỳnh Thúc Kháng trước khi Cụ qua đời rằng “*Sự nghiệp độc lập nước nhà trông cậy vào Nguyễn Ái Quốc*”. Câu nói ấy cũng được nhắc lại với lớp người cách mạng trẻ như Trần Huy Liệu, Tôn Quang Phiệt... khi tìm đến hỏi Cụ về vận mệnh của đất nước.

Trong mọi trường hợp, thái độ tôn kính của Nguyễn Ái Quốc đối với cụ Phan Châu Trinh là điều dễ hiểu. Trong tác phẩm *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Trần Dân Tiên cho biết tình cảm của Nguyễn Tất Thành đối với cụ Phan Châu Trinh, khi Anh vui mừng viết thư cho bạn bè: “Tôi đã gặp nhà ái quốc Phan Châu Trinh”. Sau này, khi đã trở thành Chủ tịch nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhớ lại cụ Phan, Người viết: “Cụ Phan Châu Trinh mở trường học, bí mật truyền bá chủ nghĩa yêu nước và công kích bọn cầm quyền Pháp. Vì vậy, Cụ bị kết án tù hình, nhưng được Hội Nhân quyền Pa-ri cứu”.

Tình cảm của Nguyễn Ái Quốc đối với cụ Phan Châu Trinh rất sâu sắc khi Cụ qua đời (1926). Nguyễn Ái Quốc trân trọng đúng mức tinh thần yêu nước của cụ Phan Châu Trinh, đánh giá cao ảnh hưởng của Cụ đối với phong trào cách mạng của đất nước. Nguyễn Ái Quốc viết: “Nhà chí sĩ Phan Châu Trinh, một người thuộc phái quốc gia khác vừa qua đời. 30.000 người An Nam ở khắp xứ Nam Kỳ đã làm lễ an táng theo quốc lễ và khắp nước đã tổ chức lễ truy điệu nhà chí sĩ. Chỉ trong vòng vài ba ngày, một cuộc lạc quyên đã thu được 100.000 đồng. Tất cả học sinh, sinh viên đều để tang Cụ.

Trước phong trào yêu nước của toàn dân, bọn thực dân Pháp sợ hãi, bắt đầu phản công lại. Chúng cấm học sinh để tang và tổ chức lạc quyên. Chúng cấm tổ chức các lễ truy điệu, v.v... để phản đối lại, học sinh đã bãi khóa...”.

Ở tác phẩm *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về phong trào cách mạng ở An Nam*, Nguyễn Ái Quốc nhắc lại phong trào cả nước để tang cụ Phan Châu Trinh.

“Năm 1926, có một sự thức tỉnh trong toàn quốc tiếp theo sau cái chết của một nhà quốc gia chủ nghĩa già - Phan Châu Trinh. Khắp trong nước đều tổ chức lễ truy điệu. Chữ “chủ nghĩa quốc gia” từ đó được nói và viết một cách công khai. Những giáo viên Pháp tìm cách ngăn cấm học sinh tham gia các cuộc mít-tinh đó. Nam nữ học sinh ở nhiều trường, đặc biệt là ở Sài Gòn là nơi tổ chức đám tang, đã tuyên bố bãi khoá. 20.000 người đi theo linh cữu, mang biểu ngữ viết những khẩu hiệu có tính chất quốc gia chủ nghĩa. Người An Nam chưa hề được chứng kiến một việc to lớn như vậy bao giờ trong lịch sử”.

Nguồn: Bác Hồ với đất Quảng, Tỉnh uỷ Quảng Nam.
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

4. BÁC HỒ VỚI CỤ PHAN BỘI CHÂU

Bức thư Phan Bội Châu gửi Lý Thụy (Nguyễn Ái Quốc)

Người cháu rất kính yêu của Bác,

Hôm trước anh Lâm (Đức Thụ) và anh Hồ (Hồ Tùng Mậu) gửi lại thư của Cháu, trong thư có nói tường tận về chuyện ông Hy Mã (Phan Châu Trinh). Tuy thư đưa trực tiếp trên chuyện thật nhưng ngụ ý thật sâu sắc, mà lối lập luận lại dựa trên những ý tưởng lớn, nhân đó mới biết là học vấn, tri thức của cháu nay đã tăng trưởng quá nhiều, quả thật không phải như hai mươi năm về trước.

Nhớ lại hai mươi năm trước đây, khi đến nhà cháu uống rượu gò án ngâm thơ, anh em cháu đều chưa thành niên, lúc đó Phan Bội Châu này đâu có ngờ rằng sau này cháu sẽ trở thành một tiểu anh hùng như thế này. Bây giờ đem so kẻ già này với cháu thì bác thấy rất xấu hổ. Nhận được liên tiếp hai lá thư của cháu, bác cảm thấy vừa buồn vừa mừng. Buồn là buồn cho thân bác, mà mừng là mừng cho đất nước ta. Việc thừa kế nay đã có người, người đi sau giỏi hơn kẻ đi trước, trên tiền đồ đen tối sẽ xuất hiện ánh sáng ban mai. Ngày xé đường cùng, chỉ sợ không được thấy ngày đó, làm sao bác không cảm thấy buồn cho chính mình được? Một đời tân khổ, gánh vác công chuyện một mình, được sức lớn của cháu giúp vào thì ắt sẽ có nhiều người hưởng ứng theo. Việc gây dựng lại giang sơn, ngoài cháu có ai để nhờ uỷ thác gánh vác trách nhiệm thay mình. Có được niềm an ủi lớn lao như thế, làm sao bác không cảm thấy vui mừng được.

Bác đang định tìm một dịp tốt về Quảng Đông một

chuyển để đàm luận với cháu, không biết cháu còn ở lại Quảng Đông lâu mau, hoặc giả trong tương lai có định đi chỗ khác không? Trong lòng bác có nhiều chuyện muốn hỏi ý kiến cháu, nhưng không gặp mặt thì làm sao có thể bàn cho hết ý được? Làm sao được? Nếu không coi già yếu là đồ bỏ thì cháu viết thư nhiều cho bác, bác thành thật yêu cầu cháu đấy.

Cần nhắc lại là Bội Châu lúc rời nước đã gần bốn mươi (ba mươi chín tuổi đến Nhật) lại không thể tránh khỏi những trách nhiệm này nọ nặng chuyên chủ học hành, cho nên tri thức lúc bây giờ cũng vẫn như xưa. Cháu học vấn rộng rãi, và từng đi nhiều nơi, hơn bác cả chục cả trăm lần. Tri thức và kế hoạch của cháu tất vượt sức đo lường của bác; không biết cháu có thể chia sẻ cùng bác một hai việc? Bác rất hết sức mong đợi, mong cháu không ngại. Vì nếu không có kế hoạch thì bất quá chỉ làm những khách tha hương than thở không đâu cho hồn cổ quốc, chả giống ông Hly Mã thì cũng giống Phan Bội Châu mà thôi!

Thư bắt tận ngón, mong cháu hiểu giùm cả những ý không viết thành lời. Chúc cháu bình an.

Ngày 21 tháng 1 lịch ta (14 tháng 2 năm 1925 dương lịch) viết dưới đèn dầu.

Chỗ bác ở đâu nơi đất khách thì Quốc Đống (Hồ Tùng Mậu) đã biết nên không ghi ở đây. Thư này nhờ Quốc Đống chuyển giúp.

Bác

Thứ cụ

Nguồn: Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh,
Mai Văn Bộ. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2000.

5. BÁC HỒ VỚI CỤ HUỖNH THỨC KHÁNG

“Dân ta có Cụ Hồ quả là hồng phúc”

Vào cuối năm 1945, sau hai lần nhận được điện mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh Thúc Kháng từ Huế đã ra Thủ đô Hà Nội. Gặp nhau, hai người ứa nước mắt. Bác Hồ nói: Việc mời Cụ ra nhậm chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ là ý kiến chung của tất cả anh em các đảng phái, chứ không phải ý kiến riêng của tôi, vì Cụ ở lại trong nước, Cụ biết rõ trình độ tiến bộ của đồng bào ba kỳ, đồng thời đồng bào ba kỳ đều tin nhiệm Cụ.

Cụ Huỳnh nói: “Tôi ra đây là cốt gặp Cụ, chớ lúc này là lúc cần tăng gia sản xuất mà tôi không biết cầm cày, cầm cuốc; lại cần phải kháng chiến mà tôi lại không mang súng nổi. Cụ nên kiến nghị người trẻ thạo việc để trao nhiệm vụ thì hơn”.

Sau nhiều lần trao đổi, cuối cùng cụ Huỳnh Thúc Kháng đã nhận lời tham gia Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Tại cuộc họp đầu tiên của Quốc hội ngày 2/3/1946, khi giới thiệu danh sách Chính phủ Liên hiệp để Quốc hội thông qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày:

“Bộ Nội vụ: một người đạo đức danh vọng mà toàn quốc dân ai cũng biết: Cụ Huỳnh Thúc Kháng”.

Sau đó cụ Huỳnh lại được cử làm Hội trưởng Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (Gọi tắt là Hội Liên Việt).

Sáng ngày 31/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Hà

Nội đi Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức với Chính phủ Pháp. Sân bay Gia Lâm hôm ấy đông nghịt người ra tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi một vòng chào các đại biểu và đồng bào. Đồng bào vây cở, vỗ tay hoan hô và chen lấn nhau ra phía trước để được nhìn rõ Người.

Sắp đến giờ lên máy bay, Bác tới nắm tay cụ Huỳnh nói:

- Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong Cụ “dĩ bất biến ứng vạn biến” (lấy cái không thay đổi để đối phó với muôn sự thay đổi).

Cụ Huỳnh rất cảm động, cầm tay Bác hồi lâu, Bác đã uỷ nhiệm cụ Huỳnh làm Quyền Chủ tịch nước trong thời gian Bác đi vắng.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, có lúc cụ Huỳnh Thúc Kháng cảm thấy cô đơn, chán nản. Từ sau khi được gặp và hiểu rõ Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh Thúc Kháng vui mừng vì được gặp người bạn già tri kỷ là Hồ Chí Minh. Cụ đã nói với một người bạn: “Dân ta có Cụ Hồ quả là hồng phúc”. Trong bài “*Thất thập tự thọ*”, cụ Huỳnh viết:

*“Bảy tuần đầu bạc như bông
Gặp người tri kỷ thôi xong đã già”*

Thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm nước Pháp, cụ Huỳnh đã có bài thơ ca ngợi Người:

*“Tung hoành bể Sở với non Ngô
Đàm lược ai hơn Chủ tịch Hồ
Mưa gió dãi dầu bao tuế nguyệt*

*Nước non gây dựng nổi cơ đồ
Sen kia chẳng ngại hôi bùn lấm
Tùng nọ bao phen ngọn gió xô
Khắp cả ba kỳ đều tín nhiệm
Rộn ràng muôn miếng tiếng hoan hô”.*

Giải thích về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946, cụ Huỳnh nói:

“Hội đồng Chính phủ không bán nước!... Tôi xin tuyên bố vấn đề với anh em, đó chẳng qua là một nước cờ của Hồ Chủ tịch với cả nước Pháp lẫn Tưởng Giới Thạch. Hồ Chủ tịch là một tay cao cờ. Tôi chắc chắn và anh em cứ định ninh rồi đây thế nào mình cũng thắng thế”.

Trước ngày cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ngày 3/11/1946, báo cáo trước Quốc hội về việc thành lập Chính phủ mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Cụ Huỳnh, vì tuổi già sức yếu mà cố từ, nhưng vì tôi lấy đại nghĩa mà lưu Cụ, Cụ cũng gắng ở lại.

Sau đó, Cụ Huỳnh được Bác cử đi kinh lý miền Trung và miền Nam Trung Bộ với danh nghĩa đại diện Chính phủ Trung ương. Cuối năm 1946, khi về thăm quê hương Tiên Phước, cụ Huỳnh tâm tình với bà con: “Tôi đã vào loại sáng nhưng cụ Hồ lại sáng hơn tôi nhiều. Cụ Hồ có những người giúp việc thông minh lắm, giỏi lắm, tin tưởng lắm. Cụ Hồ rất vĩ đại, dưới có đội ngũ giúp việc tài năng, nhất định sẽ đưa dân tộc ta đến toàn thắng. Ở Hà Nội, Hồ Chủ tịch tiết kiệm lắm. Mỗi bữa cơm, cụ Hồ chỉ dùng có một quả trứng...”.

Đầu năm 1947, với danh nghĩa Hội trưởng Hội Liên

hiệp quốc dân Việt Nam, cụ Huỳnh viết bức thư dài bằng chữ Hán (thổ phú) nhan đề: *“Kính cáo đồng bào phụ lão kháng chiến thư”*.

Nói về Hồ Chủ tịch và Cách mạng Tháng Tám năm 1945, bức thư có đoạn (theo bản dịch của Nguyễn Văn Hạp...):

“Người thân yêu, kính mến nhất của đồng bào quốc dân ta là Hồ Chí Minh tiên sinh. Là bậc yêu nước đại chí sĩ, là nhà lịch nghiệm cách mạng đại chuyên gia, chân đi khắp năm châu, mắt trông xa vạn dặm...”.

Đầu tháng tư năm 1947, tại Quảng Nam, trong một buổi nói chuyện với các thân hào nhân sĩ, có người lên tiếng hỏi cụ Huỳnh:

“Tôi thuở nay nghe biết tên nhiều nhà cách mạng hoạt động trong nước cũng như ở nước ngoài. Nhưng chưa từng nghe tiếng ông Hồ Chí Minh. Vậy Hồ Chí Minh là ai?”.

Cụ Huỳnh trả lời:

“Ông Hồ Chí Minh là con cụ Phó bảng Sắc ở Nghệ An, suýt soát lớp ông và tôi. Ông Hồ hoạt động chính trị ở nhiều nước Âu, Á, Phi và hoạt động bí mật, tất nhiên là thay tên đổi họ luôn luôn để tránh mạng lưới mật thám quốc tế. Nhưng cái tên làm chấn động thế giới là Nguyễn Ái Quốc. Chắc ông biết, nhiều người biết”.

Cụ Huỳnh nhận xét: “Ông Hồ không phải như nhiều người khác mượn hai tiếng cách mạng để rồi làm giàu hoặc làm quan to như các ông tướng đâu. Ông Hồ không đồng xu dính túi. Nói về bằng cấp thì ông Hồ không là

tiến sĩ, phó bảng gì cả. Nhưng nói về tri thức và sự nghiệp cách mạng thì chắc chắn lớp chúng ta cũng như lớp trước chúng ta không ai bì kịp.

Sự hiểu biết của ông Hồ rất xa, rất rộng, chẳng những việc trong nước mà cả việc thế giới nữa. Nước này tương lai sẽ đi về đâu? Nước kia rồi đây sẽ thế nào? Ông nói rất rành rọt, mạch lạc, nghe không chán”.

Bác Hồ đối với cụ Huỳnh như đối với người thân. Nhiều chi tiết nhỏ trong mối quan hệ giữa Bác và Cụ đã nói lên điều này. Có một chai tương Nam Dân do bà Nguyễn Thị Thanh (chị gái của Bác) đem ra làm quà, Bác cũng mời cụ Huỳnh đến dùng cơm để cùng thưởng thức hương vị quê hương xứ Nghệ. Lại có lần nhân dân Thái Bình gửi biếu hai chai mắm tôm đặc sản, Bác cũng viết thư gửi biếu Cụ một chai. Cả trong chuyện thưởng ngày giữa hai người cũng hóm hỉnh thân tình. Có một lần vào năm 1946, gặp Bác, cụ Huỳnh ứng tác hai câu thơ “nhắc nhở”:

*Năm mươi sáu tuổi vẫn chưa già
Cụ ông thấy, Cụ bà không?*

Lúc ấy Bác chỉ cười, nhưng rồi trong thời gian sang Pháp, bên cạnh những bức điện văn gửi về hỏi tình hình và thăm cụ Huỳnh, Bác còn có riêng một bài thơ gửi Cụ:

*Nghĩ rằng ra thơ để trả lời
Nhớ ơn Cụ lắm cụ Huỳnh ơi
Non sông một mối chung nhau gánh
Độc lập xong rồi cưới vợ thôi.*

Tháng 4/1947, cụ Huỳnh bị ốm nặng. Từ Quảng Ngãi,

trên giường bệnh, ngày 14/4/1947, Cụ Huỳnh đọc cho người thư ký riêng của mình ghi bức thư gửi Hồ Chủ tịch:

“Kính gửi Hồ Chủ tịch

Tôi bệnh nặng chắc không qua khỏi. Bốn mươi năm ôm ấp độc lập và dân chủ, nay nước đã độc lập, chế độ dân chủ đã thực hiện, thế là tôi chết hả.

Chỉ tiếc không được gặp Cụ lần cuối cùng. Chúc Cụ sống lâu để dìu dắt quốc dân trên đường vinh quang hạnh phúc.

Chào vĩnh quyết”.

Rất thương tiếc và đau buồn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư cho đồng bào cả nước:

“Gửi toàn thể đồng bào sau ngày cụ Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng tạ thế

Hỡi đồng bào yêu quý,

Vị chiến sĩ lão tiền bối Huỳnh Thúc Kháng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Hội trưởng Hội Liên hiệp quốc dân vừa tạ thế.

Trước sự đau xót đó, Chính phủ ta đã ra lệnh làm Quốc tang.

Nhân dịp này, tôi có vài lời báo cáo cùng đồng bào.

Cụ Huỳnh là một người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao. Vì lòng yêu nước, mà trước đây Cụ bị bọn thực dân làm tội, đẩy ra Côn Đảo. Mười mấy năm trường, gian nan cực khổ. Nhưng lòng son dạ sắt, yêu nước thương nòi của cụ Huỳnh, chẳng những không sờn lại thêm kiên quyết.

Cụ Huỳnh là người mà giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sòn gan.

Cả đời cụ Huỳnh không cầu danh vị, không cầu lợi lộc, không thèm làm giàu, không thèm làm quan. Cả đời cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập.

Đến nay nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập, Chính phủ ta mời Cụ ra. Tuy đã hơn 71 tuổi, nhưng Cụ vẫn hăng hái nhận lời. Cụ nói: “Trong lúc phục hưng dân tộc, xây dựng nước nhà thì bất kỳ già, trẻ, trai, gái, ai cũng phải ra sức phụng sự Tổ quốc”.

Nay chẳng may cụ Huỳnh sớm tạ thế, trước khi được thấy kháng chiến thành công.

Cụ Huỳnh tuy tạ thế nhưng cái chí vì nước, vì nòi của cụ vẫn luôn luôn sống mạnh mẽ trong lòng 20 triệu đồng bào chúng ta.

Hỡi đồng bào yêu quý,

Chúng ta thương tiếc cụ Huỳnh vô cùng. Nhưng chúng ta không nên thương tiếc bằng cách than khóc rầu rĩ. Chúng ta thương tiếc Cụ bằng cách: càng đoàn kết chặt chẽ, càng hăng hái kháng chiến; bằng cách: theo gương dũng cảm, noi chí quật cường của Cụ; bằng cách: hoàn thành sự nghiệp cứu nước, cứu dân mà Cụ đã ra sức đeo đuổi suốt đời. Chúng ta phải đồng thanh thề trước tiên linh của cụ Huỳnh rằng:

Đồng bào Việt Nam quyết theo gương kiên quyết của Cụ.

*Con Rồng cháu Tiên quyết không làm nô lệ.
Tinh thần kháng chiến của cụ Huỳnh sống mãi.
Việt Nam thống nhất và độc lập muôn năm!*

Ngày 29 tháng 4 năm 1947

Hồ Chí Minh”

Ngày 3/5/1947, phóng viên các báo Việt Nam đi thăm mặt trận X, may mắn lại được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng đến thăm mặt trận đó. Nhắc đến Huỳnh Bộ trưởng, Chủ tịch Hồ Chí Minh rơi nước mắt mà nói rằng:

“Cụ Huỳnh là một nhà cách mạng rất kiên quyết, trung thành. Cụ mất là một điều thiệt thòi lớn cho dân tộc, cho Tổ quốc ta. Nhưng tôi tin chắc rằng sẽ có hàng vạn hàng ức đồng bào theo gương dũng cảm vì nước vì dân của cụ Huỳnh”.

Nhân ngày giỗ đầu của cụ Huỳnh, Người có điện thăm hỏi đến gia đình.

“Điện gửi gia đình cố Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng

Gửi gia đình Huỳnh Bộ trưởng,

Nhân ngày giỗ đầu cố Bộ trưởng, thay mặt Chính phủ, tôi kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn Cụ và xin gửi gia đình Cụ lời chào thân ái và quyết thắng.

Ngày 21 tháng 4 năm 1948

Hồ Chí Minh”

Nguồn: Bác Hồ với đất Quảng, Tỉnh ủy Quảng Nam.

NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

6. TÔI LÀ NGƯỜI CỘNG SẢN NHƯ THẾ NÀY NÀY!

Bác Hồ của chúng ta, từ sau khi bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba tại Đại hội Tua Đảng Xã hội Pháp đêm 30/12/1920, thì cũng từ giờ phút ấy, Người trở thành người cộng sản, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Đồng thời cũng là người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Từ người yêu nước trở thành người cộng sản, như Người đã nói rõ, là do trải qua thực tế đấu tranh và nghiên cứu lý luận, Người đã hiểu được rằng “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”.

Trong gần 50 năm mang danh hiệu người cộng sản, khi thuận lợi, lúc khó khăn, dù khi chỉ là một người thợ ảnh bình thường hay đã trở thành vị Chủ tịch nước đầy uy tín và danh vọng, ở buổi cách mạng thắng lợi ròn rã hay khi bị kẻ thù dồn dập phản kích, lúc nào Bác Hồ của chúng ta cũng tỏ ra là một người cộng sản kiên định, thủy chung, nghĩa khí, thắng không kiêu, bại không nản, vô cùng khiêm tốn nhưng cũng rất mực tự hào về danh hiệu người cộng sản của mình.

Đã có thời, có người nhấn mạnh quá đáng phẩm chất siêu việt của người cộng sản, cho rằng đó là những người có một tính cách *đặc biệt riêng*, v.v... được cấu tạo bằng

một chất liệu *đặc biệt riêng*. Không biết đó có phải là một trong những nguyên nhân đẻ ra cái gọi là “thói kiêu ngạo cộng sản” hay không?

Có điều chắc chắn rằng Bác Hồ của chúng ta không tán thành cách nói thậm xưng đó, nhất là vào khi Đảng cầm quyền, vào lúc cách mạng đang thuận lợi. Người nói: “Đảng viên chúng ta là những người rất tầm thường, vì chúng ta đều là con của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động... thế thôi. Chính vì chúng ta rất tầm thường nên Đảng ta rất vĩ đại”.

Người đã từng nói nhiều lần: Người cộng sản cũng là con người, nên có ưu, có khuyết, có tốt, có xấu.

“Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra”. “Cũng như những người hàng ngày lội bùn mà trên mình họ có hơi bùn, vết bùn... Cần phải tắm rửa lâu mới sạch”. Vì vậy, Người dạy: Không phải cứ khắc lên trán hai chữ “cộng sản” là được nhân dân tín nhiệm đâu; phải khiêm tốn, không hiếu danh, không kiêu ngạo, phải nhớ mình vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ của nhân dân.

Bác Hồ của chúng ta, trong cuộc đời hoạt động cách mạng đi Âu về Á, đã từng giáp mặt với bao gian khổ, khó khăn (hai lần ngồi tù: 1931 - 1933 và 1942 - 1943), đã từng lãnh án tử hình vắng mặt (năm 1929); nhưng vì tin vào lý tưởng, tin vào nhân dân, tin ở chính mình, nên lúc nào Người cũng ung dung, tự tại, luôn thể hiện nhân cách cao đẹp của người cộng sản.

Năm 1931, khi Người bị giam trong nhà ngục Vich-to-ri-a của đế quốc Anh tại Hồng Kông hoặc khi bị bệnh phải đưa vào nhà thương, nhiều “ông bà” người Anh có quyền thế và cả một số nhân viên người Trung Quốc đã rủ nhau đến xem, ý chừng họ muốn thấy mặt mũi “lạ lùng” của một người cộng sản! Cuối cùng, họ đã bắt gặp một nhân cách lớn mà họ rất khâm phục và sẵn lòng giúp đỡ từ đó.

Năm 1944, tại Liễu Châu, tuy Người được ra khỏi ngục Quốc dân đảng, nhưng vẫn bị quản thúc vì họ biết Người là lãnh tụ cộng sản, không muốn thả cho về nước. Bác Hồ nói thẳng với Trương Phát Khuê: “Tôi là người cộng sản, nhưng điều mà tôi quan tâm hiện nay là độc lập và tự do của nước Việt Nam”. Chính lòng yêu nước, đức độ và tài trí của Bác Hồ đã làm cho Trương cảm phục, trả lại tự do và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Người trở về Việt Nam.

Năm 1946, ở Pa-ri, trong một cuộc họp báo, một nhà báo Pháp muốn làm giảm thiện cảm của những người Pháp không ưa cộng sản đối với Bác, bằng cách đưa ra một câu hỏi:

- Thưa Chủ tịch, Ngài có phải là cộng sản không?

Bác Hồ của chúng ta liền đi đến lẵng hoa bày trên bàn, vừa rút ra từng bông tặng mỗi người, vừa vui vẻ nói:

- Tôi là người cộng sản như thế này này!

Đó cũng là điều giúp ta có thể hiểu được vì sao mấy chục năm qua, thế giới có bao sự đổi thay, Bác Hồ vẫn luôn được cả thế giới tôn kính và ngưỡng vọng, coi như

một biểu tượng cao cả của nhân đạo, chính nghĩa của hoà bình, một kiểu người cộng sản hài hoà giữa yêu nước và quốc tế, anh hùng dân tộc và danh nhân văn hoá, phương Đông và phương Tây.

Có thể dẫn ra đây một ý kiến, trong rất nhiều ý kiến của nhà báo Mỹ Sa-phơ-len, viết từ năm 1969:

“Trong rừng Việt Bắc, Cụ Hồ như một ông tiên. Nếu có ai bảo đây là một người cộng sản thì tôi có thể nói Cụ là một người cộng sản khác với quan niệm chúng ta vẫn thường nghĩ; và theo tôi, có thể dùng một từ mới: Một người cộng sản phương Đông, một người cộng sản Việt Nam”.

**Theo Trần Hiếu Đức,
Nguồn: Bác Hồ, con người và phong cách,
NXB Lao động, Hà Nội, 1993, tập 1.**

7. MỘT LÀN NHỚ MÃI

Đầu năm 1967 Bác về Thái Bình. Ô tô đưa Bác đến bến Triều Dương thì phải sang phà. Máy đồng chí ở Tỉnh uỷ đến đón, một cán bộ định giới thiệu với Bác. Bác nói:

- Thôi, thôi đi về cho sớm.

Ca-nô mắc cạn loay hoay mãi vẫn chưa cập được bến.

Trời chiều, không thể để Bác chờ lâu nên đành phải đưa thuyền nan ra đón Bác vào bờ. Bác trèo lên đê, hỏi cô Định thường vụ tỉnh uỷ:

- Có còn lối nào đi lý thú hơn nữa không?

Cô Định thành thật thưa:

- Bác phải đi xe, chứ về chúng cháu còn xa lắm.

Anh cán bộ đi theo Bác cười:

- Bác phê bình khéo đấy! Rồi nói khế “tường bở”.

... Về xã Tân Hoà, cán bộ địa phương mời Bác ngồi ghé giữa ưu tiên. Bàn kê thì chật, Bác lựa mãi mới đứng lên được.

Bác mở đầu như một vế đối:

- Ghế ưu tiên nên người không nhúc nhích...

Anh chị em chỉ biết cười trừ.

... Đến bữa cơm, Bác giờ cơm nắm ra ăn. Cô Định cứ năn nỉ mãi, mời Bác dùng cơm nóng, Bác bảo:

- Bác dùng cơm này đã quen rồi...

Trong bữa cơm có bát dưa. Cô Định cứ gắp mãi dưa, Bác hỏi:

- Dưa có ngon không?

Cô Định nói một mạch:

- Ngon lắm ạ. Tỉnh chúng cháu năm nay trồng dưa thừa ăn còn đem bán cho các tỉnh bạn.

Bác tủm tỉm cười:

- Dưa này không phải dưa Thái Bình đâu. Dưa Bác đem từ Hà Nội về đây...

Sau này, cô Định nói: Chỉ một lần ấy mà tôi nhớ đời. Học được bao nhiêu điều.

Theo Lê Văn
Sđd, T. 2, tr. 119.

8. “VỪA ĐẸP VỪA ĐỠ CHÓI MẮT ĐỒNG BÀO...”

Năm 1956, Bác Hồ đón một vị Tổng thống tại khu vườn Phủ Chủ tịch.

Một số công nhân Nhà máy đèn Hà Nội được Bác “mời vào mắc đèn điện trên các cành cây giúp Bác”.

Anh em làm việc suốt ngày, ròng dây dẫn điện lắp đèn nhiều loại màu sắc trên ngọn, trên cành trong các chùm cây.

Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, Bác ra vườn thăm anh em. Bác nói:

- Các chú bật đèn lên cho Bác xem đi.

Sau khi đóng cầu dao, những bóng đèn điện bỗng vụt hiện lên, lung linh như trong một hội hoa đăng. Đồng chí tổ trưởng công nhân điện mời Bác đi xem và kiểm tra.

Bác chú ý từng ngọn đèn, từng đoạn dây dẫn đã an toàn chưa, gật gù đầu tỏ ý hài lòng.

Đến một đèn pha chiếu sáng đặt dưới một gốc cây, Bác dừng lại nói:

- Ngọn đèn này phải để khuất trong chùm cây, vừa đẹp vừa đỡ chói mắt đồng bào đi qua đường.

Bác nhanh nhẹn bước tới ngọn đèn. Đồng chí tổ trưởng Dương Văn Hậu lo Bác vấp ngã vì đôi guốc mộc dưới chân Bác đi trên đường rải sỏi, chạy vội đến:

- Bác để chúng cháu làm.

Nhưng Bác đã cúi xuống, rất “nghề nghiệp”, hai bàn tay bưng lấy thân ngọn đèn pha dầu vào một chùm cây dinh hương.

Ngon đèn pha mới được đặt, đẹp hẳn lên, người ngoài nhìn vào không bị chói mắt, mà chỉ thấy những tia sáng chiếu qua các kẽ lá hắt lên một màu xanh dịu.

Lần sau, anh em nhà máy điện Hà Nội lại được đến Phủ Chủ tịch mắc đèn dây để Bác tiếp khách.

Rút kinh nghiệm lần trước, lần này anh em làm khác hẳn lối treo đèn cũ, như đề thưa với Bác “phải luôn luôn đổi mới, không ngừng phát huy sáng kiến” - như lời Bác dạy.

Anh em đặt một dây đèn màu từ dưới gốc cây dừa nước lên ngọn rồi toả ra các cành, mỗi cành một đèn màu khác nhau. Ở các thân cây có quả đèn màu trắng, cành cây đèn màu xanh, gần quả, một chùm đèn nhỏ màu đỏ. Chéch hai bên đặt hai đèn pha dầu trong lùm cây hắt nghiêng lên.

Như lần trước, vừa chập tối, Bác đã đến trước khách, thăm anh em công nhân điện và kiểm tra. Bác khen:

- Lần này các chú mắc đẹp đấy. Chắc khách quý của chúng ta cũng sẽ khen...

Bác lấy thuốc lá chia cho anh em công nhân điện mỗi người một điếu (sau này được biết là thuốc lá thơm Cu-ba do Thủ tướng Phi Đen Cát-xtrô tặng Bác. Bác chia gần hết hộp thuốc. Một công nhân trẻ, thấy Bác vui, hộp thuốc đã cạn, muốn có một kỷ niệm về Bác, mạnh dạn thưa với Bác xin cái hộp. Bác cười và nói:

- Các chú đã có phần rồi. Cái hộp này Bác để dành cho các cô để các cô đựng kim chỉ chứ!

Theo **Minh Anh** viết theo lời kể của **Dương Văn Hậu**,
Sđd, T. 2, tr. 123.

9. BÁC TẶNG KHĂN QUÀNG

Đầu năm 1964, đồng chí Xu-pha-nu-vông và đồng chí Kay-sôn Phom-vi-hăn sang Hà Nội thăm Bác.

Hai đồng chí và Bác gặp nhau, tình cảm Lào - Việt vô cùng thắm thiết. Đồng chí Xu-pha-nu-vông ôm chặt Bác, hai bàn tay Hoàng thân vỗ nhẹ vào lưng Bác một hồi lâu.

Gió mùa đông bắc mới về lùa hơi lạnh vào phòng khách. Thấy Bác húng hắng ho, đồng chí Kay-sôn nói:

- Bác không được khỏe?

Bác lắng sang chuyện khác:

- Ở Lào không rét như ở Việt Nam. Các đồng chí có lạnh lắm không? Sao hai đồng chí lại không choàng khăn cổ?

- Thưa, hôm sang Hà Nội, trời còn ẩm...

Bác đứng dậy mở tủ lấy ra hai khăn quàng mới, rồi nói:

- Đồng chí Xu-pha-nu-vông và tôi là người già, nhiều tuổi, mỗi người một khăn quàng mới...

Bác tháo chiếc khăn đang quàng, đưa đồng chí Kay-sôn:

- Bác trao khăn này để đồng chí Kay-sôn quàng.

Trên đường về, đồng chí Xu-pha-nu-vông nói:

- Chà, Bác với tôi mỗi người một khăn mới. Mới như nhau.

Đồng chí Kay-sôn thì gật gật đầu:

- Còn tôi, tôi “kể thừa” chiếc khăn quàng của Bác...

*Nguồn: theo Ngô Tuyền
Sổd, T. 2, tr. 125.*

10. NGƯỜI CÔNG GIÁO GIỚI ƠN BÁC HỒ

Ngày 12/6/1987, tại Hội thảo khoa học “Bác Hồ với Huế - Huế với Bác Hồ” do Thành uỷ Huế tổ chức nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày Bác Hồ về thăm Đồng Hới - Quảng Bình, lúc đó thuộc tỉnh Bình - Trị - Thiên, linh mục Nguyễn Văn Ngọc đã kể một kỷ niệm không bao giờ quên của đồng bào công giáo xứ Huế về đức bác ái bao la của Bác Hồ:

Năm 1949, Việt Minh bao vây kinh tế thành phố Huế. Linh mục Nguyễn Văn Ngọc, khi đó, đảm đương công việc ruộng đất của Nhà Chung tại giáo xứ Lương Văn, có trách nhiệm cung cấp lương thực để đài thọ cho 600 linh mục, chúng sinh dòng tu nam, nữ của thành phố. Trong điều kiện Huế bị bao vây, linh mục không có cách nào chờ được số lúa gạo vào thành phố cho Nhà Chung ăn tiêu.

Linh mục rất lo lắng, đem chuyện này thưa lại với đồng chí Quế, lúc đó là cán bộ Việt Minh của mặt trận Thừa Thiên - Huế, vẫn có liên lạc với giáo xứ Lương Văn. Sau một hồi suy nghĩ, đồng chí Quế khuyên linh mục Ngọc nên viết thư xin phép Bác Hồ, đồng chí sẽ cố gắng tìm cách chuyển giúp.

Không còn cách nào khác, linh mục Ngọc đánh bạo viết thư lên Cụ Chủ tịch, thực lòng cũng không dám hy vọng sẽ đến được với Bác Hồ trong hoàn cảnh chiến tranh, Người lại ở quá xa và đang bận rộn trăm nghìn công việc lớn lao của đất nước.

Thật bất ngờ, một tháng sau, đồng chí Quế chuyển đến cho linh mục Ngọc một cái thiệp có chữ ký và dấu của Cụ Chủ tịch. Nội dung gồm hai điểm:

1- Cho phép linh mục Nguyễn Văn Ngọc được phép chở 9000 thúng lúa lên thành phố Huế trong vòng một tháng để trợ cấp cho Nhà Chung.

2- Linh mục Ngọc được tự do đi lại trong tỉnh Thừa Thiên để coi sóc ruộng đất của Nhà Chung, tiếp tục trồng cây, không được để ruộng đất bỏ hoang.

Nhờ có giấy phép đặc biệt của Bác Hồ, linh mục Ngọc đã hoàn thành được nhiệm vụ, chở được lương thực lên thành phố, cứu nguy cho hơn 600 con người đang trong cảnh nguy ngập. Ai cũng mừng rỡ và hết lòng ca tụng Bác Hồ, vị Chủ tịch có lòng bác ái mệnh mông của Chúa, tất cả vì lợi ích và cuộc sống của con người, không phân biệt lương hay giáo. Bác Hồ đúng là hiện thân của chính sách đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết tôn giáo.

Để kỷ niệm và ghi ơn Bác Hồ, vị giám mục người Pháp địa phận Huế đã gửi tấm thiệp của Người về Pa-ri và hiện nay tấm thiệp đó vẫn đang được trang trọng lưu trữ tại Hội Thừa Sai Pa-ri.

Theo lời kể của **Nguyễn Văn Ngọc**, S.Th. ghi,
Sđd, T. 2, tr. 126.

11. BỮA CƠM GIA ĐÌNH

Khoảng cuối năm 1951, trong một lần đến thăm và nói chuyện với học viên lớp chính trị của quân đội ở Việt Bắc, Bác bảo anh Phương - chồng tôi là cán bộ phụ trách lớp:

- Chiều nay, chú cho Bác ăn bữa cơm, vì nói chuyện xong, tối, Bác còn phải đi họp với một chi bộ ở Định Hoá.

Bấy giờ tôi cũng làm văn thư ở Hiệu bộ, nên anh Phương cử người nhắn tôi chuẩn bị.

Công việc của Bác xong xuôi, Bác về đến cơ quan thì cơm nước cũng đã sẵn sàng. Sinh hoạt ở rừng còn thiếu thốn, kham khổ. Anh em muốn “bồi dưỡng” cho Bác, để Bác khoẻ, nhưng lại sợ. Nhưng rồi cũng quyết định thịt một con gà “tăng gia” kiếm ít măng rừng làm cơm mời Bác.

Bác ngồi vào bàn ăn, bảo anh Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp), hai vợ chồng tôi và đồng chí cảnh vệ cùng ăn. Tôi cứ một mực từ chối:

- Thưa Bác cháu ăn rồi. Mời Bác và các anh, các chú xơi cơm đi...

Mãi sau, Bác mới đồng ý và bắt đầu dùng cơm. Vào bữa cơm Bác nói:

- Cô cho Bác xin quả ớt.

Tôi vội thưa:

- Thưa Bác, trong bát măng có ớt rồi đấy ạ.

Nhưng khi ăn, Bác tìm mãi không thấy ớt.

Tôi ngại quá, bèn nói thật:

- Thưa Bác, chúng cháu sợ Bác ăn ớt có hại sức khỏe nên không dám cho vào măng nấu ạ.

Bác quay sang anh Phương:

- Chắc chú lệnh cho cô văn thư chứ gì. Thế là chú quan liêu rồi...

Anh Văn chỉ tùm tùm cười nói thêm:

- Ớt là “vi-ta-min ơ” của Bác đấy.

Bữa cơm của Chủ tịch nước giản dị, vui vẻ, thân mật như bữa cơm trong một gia đình ấm cúng.

Cơm nước xong Bác hỏi tôi:

- Cô thư ký được mấy cháu, tên là gì?

Anh Phương đỡ lời tôi:

- Thưa Bác, được ba cháu gái đặt tên là Thu Thủy, Thu Thảo, Thu Vân.

Bác cười hiền từ, nói:

- Tôi có hỏi chú đâu! Sao đặt tên “văn chương” thế! Gọi là “Thu Ngô, Thu Khoai, Thu Sắn” có hay không?

Mọi người cùng cười vui vì biết Bác liên hệ với phong trào tăng gia sản xuất, trồng thêm màu ngô, khoai, sắn... sản xuất nhiều lương thực đóng thuế nông nghiệp, nuôi bộ đội đánh giặc, mà Chính phủ mới phát động.

Lát sau, Bác lại bảo:

- Bác nói vui thế thôi. Những cái tên Việt Nam ấy rất đẹp.

Chưa kịp nghỉ ngơi, Bác đã chuẩn bị lên đường, Bác đeo balô đi trước, hai đồng chí cảnh vệ, anh Văn tiếp bước sau Bác. Mới đông mà sương chiều Việt Bắc đã xuống rất nhanh tụ thành những đám mây lụa mỏng trắng bìa rừng.

Chúng tôi nhìn theo Bác, ung dung, khoan thai như đi dạo cảnh thiên nhiên hùng vĩ, ngõ ngàng như vừa được qua một giấc mơ đẹp trong một bữa cơm gia đình.

Thủy Vân ghi theo lời chị **Thu Hương**,
Sđd, T. 2, tr. 126.

12. “LỊCH SỬ” BA BỘ QUẦN ÁO CỦA BÁC

Chủ tịch Hồ Chí Minh có hai bộ quần áo được anh em giúp việc đặt tên là “bộ kháng chiến”, “bộ ka ki vàng”.

“Bộ kháng chiến” được may từ khi Bác lên Việt Bắc và Bác đã mặc trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp.

Ngoài hai bộ trên, Bác còn một bộ quần phục màu xanh, một bộ lụa Hà Đông màu gụ. Mùa rét, Bác mặc bên trong một áo len, khoác ngoài một áo “ba-dờ-xuy” chiến lợi phẩm dài quá đầu gối, quà của một đơn vị tặng Người. Trong chiến dịch Biên giới 1950, khi đến thăm thương binh, thấy một chiến sĩ bị mất máu nhiều, rét, Bác đã cởi chiếc “ba-dờ-xuy” này đắp lên người đồng chí đó.

Trên chiếc áo quần phục có một miếng mạng ở vai áo phải, “kỷ niệm” một đầu nhọn chiếc đinh đòn gánh của một cụ già dân công phục vụ chiến dịch Biên giới, qua suối, trượt chân ngã đã làm toạc vai áo Bác.

Thường khi đưa áo đi giặt, Bác nhắc:

- Giặt xong các chú xem áo có chỗ nào sờn thì sửa lại cho Bác, đừng đem nhờ các cô ở cơ quan. Các cô còn bận nhiều việc để dành thì giờ cho các cô chăm sóc dạy dỗ các cháu nhỏ...

Bích Hạnh ghi theo lời kể của đồng chí **Trường**,
Sdd, T. 2, tr. 130.

13. BÁC HỒ THÍCH ĂN MÓN GÌ NHẤT

Nhiều người quan tâm đến sinh hoạt đời thường của Bác Hồ đã có lúc đặt ra câu hỏi ấy. Mời xem qua, dường như nó chẳng có ý nghĩa gì mấy, bởi nó riêng tư, mỗi người đều có sở thích của mình, khẩu vị và thị hiếu là vấn đề không thể bàn cãi!

Đúng như vậy. Nhưng tìm hiểu sở thích của một người cũng là một hướng tiếp cận tính cách của con người đó, càng cần thiết hơn khi đó là một vĩ nhân.

Cũng như mọi người, có món ăn Bác Hồ rất thích, nhiều món ăn được, có món không thích. Ví dụ qua bữa cơm với bà Thanh được kể lại, ta biết cậu Thành từ nhỏ không ăn được tỏi.

Nét nổi bật là vị Chủ tịch nước đầu tiên của chúng ta lại rất thích ăn các món ăn dân dã như mắm, cà dầm tương, canh cua ăn với rau chuối thái ghém,...

Có lần, trong kháng chiến chống Pháp, đồng chí Chủ tịch Liên khu IV Lê Viết Lượng có gửi lên Việt Bắc biểu Bác một lọ cà dầm mắm. Bác rất thích ăn. Ngày đó, Bác vẫn thường ăn chung với các nhân viên phục vụ của mình. Có bữa bận phải ăn sau, Bác dặn:

- Các cô chú cứ ăn thịt cá, để phần Bác món cà dầm mắm.

Ở rừng, thỉnh thoảng vẫn thiếu rau. Bác bảo:

- Ta thiếu rau nhưng nhiều mít, cô Mai (vợ bác sĩ Chánh) làm món nhút ăn cho đỡ xót ruột.

Chị Mai thú thực không biết làm. Bác lại bày cho cách làm nhút từ quả mít xanh. Có lẽ trong các món mang hương vị quê hương, Bác thích nhất món cá bóng kho lá gừng. Hôm nào đồng chí Cần, cấp dưỡng của Bác, làm món ăn đó, Người thường ăn hết, để món thịt lại.

Có lần Bác được mời đi nghỉ tại Liên Xô. Bạn cho ăn toàn những món đặc sản vào loại tuyệt hảo. Bỗng một hôm Bác bảo: “Mình nhớ món cá bóng kho lá gừng quá!”. Một chuyện thật đơn giản, nhưng trong hoàn cảnh đó thực hiện lại không dễ. Nấu ở nhà nghỉ thì không ổn, hơn nữa bạn lại rất sợ mùi nước mắm. Kho ở sứ quán rồi mang vào, lại sợ bạn biết sẽ phạt ý. Cuối cùng, nhờ sự trổ tài khéo léo của đồng chí Vũ Kỳ trong việc giới thiệu các món ăn cổ truyền của dân tộc, món cá bóng kho lá gừng đã được thực hiện.

Ở Việt Bắc, hôm nào có điều kiện ăn tươi, Bác lại bảo: ra gọi cô Cúc (vợ đồng chí Phạm Văn Đồng) và cô Mai vào trổ tài cho Bác cháu mình thưởng thức. Chị Mai làm món gà rút xương, thịt băm trộn nấm hương nhồi đuôi gà, đem hấp. Chị Cúc làm món bít-tết. Bác khen ngon, vì làm rất công phu. Bác nhận xét:

- Gia vị đối với món ăn Việt Nam rất quan trọng. Thiếu gia vị, món ăn sẽ giảm hương vị đi rất nhiều.

Coi trọng nội dung, Bác cũng nhắc nhở cần chú ý đến cả hình thức trình bày. Hồi ở Việt Bắc, có lần đi công tác, buổi trưa, Bác cháu dừng lại bên bờ suối nấu ăn. Bác bảo: các chú nấu cơm, để Bác rán trứng cho. Bác làm rất thạo. Trứng rán xong mà cơm chưa chín. Bác lấy que sắt nung

trên than hồng rồi đặt lên khoanh trứng thành những hình quả trám rất đẹp. Anh em cười thán phục. Bác bảo:

- Khi có điều kiện làm cho ngon hơn, đẹp hơn thì ta cứ làm chứ các chú!

Ngày 16/6/1957, Bác đi thăm Đồng Hới (Quảng Bình). Trong bữa cơm trưa có đủ các món đặc sản của Đồng Hới: mắm tôm chua, rau muống chẻ, cá thu kho,... Bác cháu vừa ăn vừa trò chuyện. Bác chỉ tay sang bác sĩ Nhữ Thế Bảo nói đùa:

- Bác sĩ khuyên mọi người ăn chín, uống sôi, còn bản thân bác sĩ thì lại ăn rau muống sống hơi quá nhiều đấy!

Mọi người cười vang. Bữa ăn ngon lành càng thêm vui vẻ.

Trần Song ghi theo lời kể của đồng chí **Vũ Kỳ**
và vợ bác sĩ **Chánh**, Sđd, T. 2, tr. 140.

14. TÀI ỨNG KHẨU CỦA BÁC

Bác là một lãnh tụ, nhưng khi hoà mình với nhân dân, không chỉ bằng những lời giáo huấn đơn điệu, mà là sự kết hợp hài hoà giữa tác phong quần chúng, những lời nói bình dị, dễ hiểu và khả năng gây cười, sự dí dỏm tự nhiên. Phản xạ, ứng đáp nhanh nhạy trước mọi tình huống ở Bác có nét đặc trưng riêng, đã trở thành thói quen phù hợp với từng đối tượng tiếp nhận, thích ứng đối với mọi hoàn cảnh xung quanh. Đó là kết quả của một trí tuệ mẫn tiệp, của thái độ, phong cách quần chúng. Bác luôn tạo nên một không khí hòa đồng, một mối liên hệ gần gũi giữa người nói, người nghe, xoá đi những cách biệt, những suy nghĩ tự ti của người dân trước lãnh tụ và đưa lại không khí tự nhiên vốn có giữa con người với con người. Nó không chỉ dừng lại ở nghệ thuật ứng xử mà là phản xạ tự nhiên của lãnh tụ rất nhân dân.

Một lần tại bữa tiệc do Hầu Chí Minh (người góp phần đưa Bác ra khỏi nhà tù của Tường Giới Thạch) chủ nhiệm Cục chính trị đệ tứ chiến khu chiêu đãi, hôm đó có Bác và Nguyễn Hải Thần cùng dự. Nguyễn Hải Thần rất tự phụ về vốn Hán học của mình và nhân dịp này đã ra một vế đối:

“Hầu Chí Minh - Hồ Chí Minh, lưỡng vị đồng chí, chí giai minh”

(Hầu Chí Minh - Hồ Chí Minh, hai vị đồng chí, chí đều sáng).

Khi mọi người còn đang nghĩ về đáp, thì Bác ứng khẩu:

“Nhĩ cách mệnh ngã cách mệnh, đại gia cách mệnh, mệnh tất cách”

(Anh cách mạng tôi cách mạng, mọi người cách mạng, mạng phải cách).

Chỗ khó và hay của vế đối là hai chữ “chí” và “minh” là tên của hai nhân vật chính trong bữa tiệc, cái tài tình trong vế đáp của Bác là vừa kịp thời, hợp cảnh và chuẩn chỉnh cả ý lẫn từ, nhưng nâng tầm nhận thức, tư tưởng cao hơn, mang tính cách mạng hơn. Hầu Chí Minh hết lời ca ngợi người đối đáp “đối tuyệt lắm, tuyệt lắm”. Nguyễn Hải Thần cung kính thốt lên: “Hồ tiên sinh, tài trí mẫn tiệp, bội phục, bội phục”.

Năm 1946, Bác sang Pháp, người phụ trách làm hộ chiếu xin phép Bác làm thủ tục, Bác vui vẻ nói: “Chú cứ hỏi, Bác trả lời đầy đủ”. Đến câu thân sinh Bác là gì? Bác cười, trả lời hóm hỉnh: “Bác là Hồ Chí Minh thì ông cụ thân sinh là... Hồ Chí Thông”. Mọi người nhìn nhau cười vui vẻ.

Một lần có nhà báo nước ngoài hỏi Bác: “Có phải Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc không?”. Bác trả lời: “Ông cứ đến ông Nguyễn Ái Quốc mà hỏi”.

Lần khác, nhà báo nước ngoài xin phỏng vấn Bác, ông ta đặt câu hỏi: “Thưa Chủ tịch, trước hoạt động ở nước ngoài, vào tù ra khám, nay làm Chủ tịch nước. Chủ tịch thấy có gì thay đổi trong đời mình không?”. Bác trả lời hóm hỉnh: “Không, không có gì thay đổi cả, lúc bị tù ở

Quảng Tây luôn luôn có hai lính gác giải đi, lúc trong tù mỗi ngày 5 phút được hai người lính bông súng dẫn ra dạo chơi. Nay làm Chủ tịch nước đi đâu cũng có hai đồng chí mang súng lục đi theo, ông thấy có gì thay đổi không nào?”. Lần khác, Bác lên tàu đàm phán với Đô đốc Đắc-giăng-li-ơ ở Vịnh Hạ Long, khi gặp, Bác chủ động ôm hôn Đô đốc, các đồng chí đi theo thắc mắc, Bác nói: “Đánh nhau thì đánh nhau, mình hôn nó một cái thì có mất gì”. Hôm sau báo chí đưa ảnh và bình luận: “Hò Chủ tịch ôm hôn Đô đốc chính là ôm chặt để bóp chết...”.

Năm 1946, trên đường từ Pháp về Việt Nam, đến vùng biển Cam Ranh, Bác nhận được bức điện của Đô đốc Đắc-giăng-li-ơ xin gặp Bác trong cảng, mục đích của chúng là giễu võ, gương oai để uy hiếp tinh thần Bác. Trong bộ quần áo giản dị Bác ngồi giữa một bên là Đô đốc hải quân Pháp, bên kia là Thống soái lục quân Pháp ở Viễn Đông với những bộ quân phục sáng loáng các thứ bội tinh, quân hàm, quân hiệu. Đắc-giăng-li-ơ nói bóng gió: “Thưa ông Chủ tịch, ông đã bị đóng khung giữa hải quân và lục quân đó”. Bác thản nhiên mỉm cười: “Đô đốc biết đó, chính bức họa mới đem lại giá trị cho bộ khung”. Bất ngờ và cay cú trước tài ứng xử thông minh của Bác, cả hai không dám nói xách mé nữa mà tỏ ra lịch lãm và kính phục.

Khi bàn về quy định các phù hiệu đi lại trên xe của Ủy ban Liên hiệp thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, phía Pháp đề nghị trên xe có hai lá cờ một bên của ta một bên của Pháp, còn phía dưới là cờ chính quyền Bảo Đại. Việc được hỏi ý kiến Bác, Bác bảo cứ chấp nhận đi rồi sẽ có những diễn

biên lý thú. Đúng như Bác nói, khi xe đi đến đâu dân cũng chế giễu lá cờ ăn theo ngoại bang. Chuyện tếu lan khắp nơi “3 cột 3 cờ” có ý nhạo báng cờ Bảo Đại. Bọn bù nhìn nguy quyền phân đôi đòi thay đổi. Ta lấy cớ, đó là ý của Pháp nêu ra.

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, có một cán bộ cấp cao nước ngoài đứng trước hàng quân cứ nói thao thao bất tuyệt, nào là chê ta cái này cái nọ, cứ yêu cầu làm theo họ thế này thế kia. Bác nghe, rất bức nhưng không nói gì. Đến giờ nghỉ, cùng ngồi uống nước, Bác giới thiệu đồng chí Hoàng Đạo Thuý trước đây là hướng đạo sinh, nay là cán bộ phụ trách công tác thông tin của quân đội. Vì cán bộ nọ hết sức thắc mắc vì sao lại giao một nhiệm vụ quan trọng như thế cho một hướng đạo sinh, Bác bảo: “Nước chú khác, nước chúng tôi khác”. Ông ta chắc hiểu ý Bác.

Đầu năm 1950, Chính phủ Liên Xô mở tiệc chiêu đãi trọng thể Chủ tịch nước láng giềng của ta. Hôm chiêu đãi có mời Bác đến dự. Khi chuyện trò, Bác hỏi đồng chí Liên Xô: “Các đồng chí đã ký hiệp ước với nhau, nhân dịp tôi ở đây chúng ta cùng ký một hiệp ước với nhau”. Chuyển đi của Bác lúc đó là bí mật, nên đồng chí Chủ tịch trả lời Bác là: “Người ta sẽ nói đồng chí ở đâu đột ngột đến thì không tiện”. Bác trả lời: “Cái đó dễ thôi, đồng chí cho một chiếc máy bay đưa tôi bay một vòng trên trời, sau đó cho người ra đón, rồi quay phim chụp ảnh đưa tin là ổn.

Năm 1967, Liên Xô quyết định tặng Bác huân chương Lênin. Nếu Bác từ chối không nhận thì không thuận cho quan hệ ngoại giao. Bác vốn xưa nay chưa bao giờ nhận

huân chương, lần này Bác có cách từ chối khéo. Bác viết thư chỉ xin hoãn việc trao huân chương, chờ khi nào giải phóng hoàn toàn Tổ quốc lúc đó Bác sẽ thay mặt nhân dân Việt Nam, nhận huân chương cao quý đó. Hôm sau, các báo ở Liên Xô đăng trang trọng trên trang nhất quyết định tặng huân chương của Nhà nước Liên Xô và thư của Bác. Qua đó nhân dân Liên Xô càng yêu quý Bác hơn.

Nhớ lần Bác đến thăm một nông trường ngoại ô Ki-ép, Bác đi xuống nơi công nhân đang lao động, thấy Bác mặc giản dị ai cũng quý, cũng muốn đến gần. Khi đó có một cô công nhân đứng cạnh Bác, mạnh dạn hỏi: “Thưa Bác, cháu trộm nghĩ một mình Bác chắc chắn không tiêu hết lương Chủ tịch nước?”. Bác nhăm nhăm và vui vẻ trả lời: “Thế tính ra lương cháu gấp đôi lương Bác đấy”.

Hồi kháng chiến chống Pháp, Bác thường đi xuống thăm các đơn vị cơ sở. Một lần đi thăm xưởng quân giới Lê Tổ. Bác trả lời câu hỏi của anh chị em ngắn gọn, dễ hiểu. Có người hỏi, khi nào thì đồng tiền Việt Nam trở lại có giá trị như khi nó mới có, Bác trả lời: “Khi các cô chú tăng gia sản xuất tăng hai lần thì nó trở lại hai lần, tăng ba lần nó trở lại ba lần”. Có người hỏi, Đảng ta sắp ra công khai, vậy Bác có ra không, tên thật Bác là gì? Khi nói đến Bác có ra không? Cả hội trường cùng cười. Bác nói: “Đấy, cười là trả lời rồi đấy”. “Tên thật Bác là Bác”. Có câu hỏi: “Khi nào thì Bác có Bác gái? Toàn thể reo cười, Bác trả lời: “Khi nào có thì Bác sẽ trả lời”. Câu hỏi tiếp: “Phụ nữ các nước dân chủ họ làm gì ạ?”. Bác trả lời: “Họ cũng lao động và tăng gia sản xuất, và học hát, các cô các thím thua họ ở chỗ học hát”...

Năm 1948, nhân ngày phong Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bác vui vẻ ra câu đối:

“Giáp phải giải Pháp”.

Các vị có mặt gặp thế bí vì vế đối nói lái này gói gọn ý Đại tướng Giáp phải giải giáp được quân Pháp.

Ông Tôn Quang Phiệt nhìn Bộ trưởng Bộ Tài chính Lê Văn Hiến đọc vế đối:

“Hiền tài, hái tiền”

Bác khen vế đối hay, đạt cả ý lẫn lời, nên Bác tặng tác giả một quả cam.

Sau cuộc họp lớn, giữa trưa hè nắng đẹp, mọi người đứng đầu vào đây cả rồi, thợ ảnh cứ chạy bên này bên kia, chọn góc chụp, Bác đứng cạnh nhà thơ Tú Mỡ, Bác nói vui:

- “Chú chụp nhanh không thì tất cả bọn này thành Tú Mỡ cả”.

Mọi người được phen cười vui vẻ. Bác vừa nói theo nghĩa tiếng Pháp (tout là tất cả, mỡ là mỡ hôi) vừa theo nghĩa tiếng ta, ngụ ý dí dỏm, vui vẻ.

Đồng chí Nguyễn Đăng Bày, thời kỳ kháng chiến là phóng viên nhiếp ảnh thông tin Trung ương, khi chụp được một số ảnh của Bác, anh em bàn đưa ra trưng bày triển lãm. Hôm đó Bác tình cờ vào xem. Đồng chí đang há hốc miệng, Bác hỏi: “Chú treo được bao nhiêu bức ảnh tất cả?”. Đồng chí Bày trả lời Bác là được tất cả 20 tấm ạ, Bác nói: “Hơn chứ, chú đếm lại xem thử”. Đồng chí đếm

đi tính lại cũng chỉ có 20. Lúc ấy, Bác cười, chỉ vào mình mà nói: “Còn đây là chiếc thứ 21 chứ”.

Hôm khai mạc lớp chính huấn có vui văn nghệ. Có đồng chí xung phong lên đọc thơ của Huy Cận, Bác hỏi vui: “Cái tác giả bài thơ có ở đây không?”. Nhà thơ Huy Cận thưa có. “Thế thì mời “tác thật” lên đọc thơ của mình “cho nó thật hơn”. Sau Bác hỏi: “Có chú nào dân tộc Mường lên hát một bài tiếng Mường cho mọi người thưởng thức”. Có đồng chí xung phong đọc bài thơ lục bát tiếng Kinh, đọc lơ lơ, bỏ hết dấu, Bác bảo “đấy không phải tiếng Mường”.

Bác đến thăm nhà chị Loan (người kéo cò ở quảng trường Ba Đình ngày 2/9, sau là phu nhân Đại tướng Hoàng Văn Thái) ở chiến khu. Vào đến nhà thấy đông con nhỏ, Bác nói vui: “Ồ tưởng đây là nhà cô Loan, hoá ra mình vào nhầm nhà trẻ”. Biết Bác phê bình khéo, chị ngượng cười và báo cáo: “Thưa Bác đây là “tiểu đội” của vợ chồng cháu đấy ạ”. Bác vui vẻ bảo chị tập trung “tiểu đội” cứ lần lượt bé nhất đứng trước để Bác chia kẹo, chị đang loay hoay sắp xếp đội hình, Bác bảo: “Tiểu đội trưởng cũng đứng vào hàng chứ”. Bác chia kẹo cho các cháu và cho cả chị nữa. Khi đến lượt chị, Bác nói vui: “Bác khen là cô đã có công nuôi dạy các cháu ngoan”.

Nhớ lần Bác đến thăm một gia đình cán bộ, thấy ba cháu gái xinh xắn ra chào Bác, Bác hỏi vợ chồng chủ nhà tên các cháu là gì. Chủ nhà thưa Bác tên các cháu là Thu Thuý, Thu Thảo, Thu Vân, Bác cười hiền lành và nói: “Sao đặt “văn chương” thế, gọi Thu Ngô, Thu Sấn, Thu

Khoai có hay không”. Khi ra về Bác bảo: “Nói vui thể thôi, chứ những tên Việt Nam ấy rất đẹp”.

Đồng chí Tạ Quang Bửu sinh cháu trai đầu lòng, Bác có chai mật ong, Bác gửi tặng cháu, tự tay Bác viết “nhân hiệu” tặng cháu Quang. Thời gian sau, Bác ghé vào thăm nhà đồng chí Bửu, Bác gọi âu yếm “Thằng Quang đâu? Thằng “xã xệ” đâu, ra ông bế nào”. Rồi Bác chụp ảnh với cháu và không quên gửi tặng ảnh cho cháu.

Một lần đến dự cuộc họp Trung ương, thấy một cô gái đứng cạnh đường, chào Bác, Bác hỏi, cháu đứng đây làm gì, được biết cô là lính bảo vệ, Bác hỏi vui: “Thế cháu đứng bảo vệ Bác thì ai bảo vệ cháu?”.

Có lần Bác đến thăm một địa phương, đồng chí Bí thư tỉnh uỷ đứng lên thưa với Bác, có câu: “Thưa Bác Hồ, vị cha già dân tộc”, Bác ngoảnh lại nói với mọi người: “Bác chưa già đâu”. Buổi đó Bác được tặng ba bó hoa, Bác hỏi đồng chí Bí thư: “Theo chú thì Bác nên tặng hoa cho ai?”. Đồng chí trả lời Bác: “Thưa Bác, Bác tặng cho phụ nữ, thanh niên...”. Bác cười và nói vui: “Phụ nữ, thanh niên không tặng Bác thì thôi...”. Bác xuống sân và tặng một cụ già cao tuổi nhất, một cháu thiếu nhi và cho bộ đội.

Lần Bác tiếp các anh hùng quân đội, Bác hỏi: “Chú nào hạ được nhiều máy bay nhất?”. Thưa Bác, đồng chí Cốc ạ. Mọi người đồng thanh trả lời. Bác gọi: “Chú Cốc lên đây Bác bắt tay”. Bác nói: “Năm nay mong chúng ta có nhiều Cốc hơn nữa”.

Đến thăm Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc, Bác đến

gần một cô gái và hỏi: “Đơn vị cháu có mấy người trong đoàn?”. Cô gái lúng túng trả lời: “Thưa Bác, chỉ một mình cháu được đi thôi ạ”. Bác dí dõm: “Thế đơn vị cháu nhiều người tiêu cực thế à, chỉ được một mình cháu?”.

Một đoàn cán bộ vào gặp Bác, Bác mời ăn kẹo nhưng ai cũng muốn nghe Bác nói chuyện chứ không muốn ăn, thấy thế Bác bảo: “Không ai ăn kẹo thì Bác cho mang về”. Lúc đó, Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền hóm hỉnh nói: “Bác cho, ta đưa cả về”. Bác cười vui nói ngay: “Bác cho đưa kẹo về, đĩa phải để lại Bác còn tiếp khách chứ”.

Nhớ lần đi “dã ngoại” bữa ăn mang theo có thịt bò, đến bữa ăn, đồng chí Vũ Kỳ chỉ vào đĩa thịt, hỏi đồng chí bảo vệ: “Đồ biết đây là thịt gì?”. Đồng chí này trả lời là thịt bò, đồng chí Vũ Kỳ hỏi tiếp: “Nhưng mà thịt bò gì chứ?”. Đồng chí bảo vệ đang băn khoăn chưa kịp trả lời, đồng chí Vũ Kỳ nói tiếp: “Đây là thịt bò rừng, loại này đặc biệt lắm, người ta không bán được nó mà phải dùng muối bỏ vào sấy rồi mới bắt được nó”. Đang lúng túng lại nghe kể có vẻ ly kỳ, nên đồng chí có vẻ chăm chú lắng nghe, tưởng như thật. Thấy vậy, Bác vỗ vai vừa cười vừa hỏi: “Thế Bác đồ chú một cân sắt nặng hơn hay một cân bông nặng hơn?”. Nghe Bác đó, lúc đầu đồng chí định trả lời là cân sắt nặng hơn, nhưng nhìn ánh mắt vui vẻ của Người, đồng chí bình tĩnh cân nhắc trả lời là nặng bằng nhau. Bác nói đùa vui: “Cân sắt chắc nặng hơn chứ” như muốn nói thịt bò nào mà chả giống nhau, cái chính là phải trả lời dứt khoát để người ta khỏi vận vẹo, quanh co.

Một lần đến thăm đơn vị bộ đội, đi đường xa trời nắng,

nhưng tới nơi Bác đi thăm anh em ngay, Bác đến thăm nơi ăn chốn ở, thăm nơi sinh hoạt văn hoá, thấy tờ báo tường viết câu: “Hồ Chủ tịch muôn năm” kẻ đẹp nắn nót nhưng không có dấu, Bác bảo vui: “Ừ đúng, Bác đi mệt, Hồ Chủ tịch *muốn nằm*”, rồi Bác hỏi: “Sao viết không có dấu, người đọc có thể đọc sai ý”. Có đồng chí trả lời Bác là thêm dấu nó mất đẹp đi, Bác nói: “Các chú viết đẹp nhưng chưa đúng nên mất đẹp đi đấy, chữ Việt ta rất đẹp, khi đúng, dù dấu càng đẹp hơn”. Lần đến thăm xã Sài Sơn, thấy tấm biển treo trên trụ sở Việt Minh xã có dòng chữ không dấu “TRU SO VIET MINH”, Bác liền đọc: “Sô viết mình”, rồi Bác bảo các chú viết thế ai mà đọc đúng được. Tấm biển được thêm dấu nên rõ ràng hơn, ai mới biết chữ cũng đọc được. Bác vào thăm nông trường Sông Hiếu, cùng đi với đồng chí giám đốc vào trung tâm nông trường, Bác chỉ câu khẩu hiệu viết không dấu, Bác hỏi: “...LAM TRA NOI SONG” là gì? Đồng chí thưa Bác câu khẩu hiệu là: “Hưởng ướng chiến dịch Lam Trà nổi sóng”. Bác bảo: “Thế thì chú phải cho một người đứng đây để đọc dịch câu khẩu hiệu đó chứ”. Khi Bác đi thăm xong nông trường thì câu khẩu hiệu cũng được sửa xong. Lần Bác đi qua nhà máy cơ khí Gia Lâm, đến trước cổng nhà máy thấy dòng chữ to chạy dài trên cổng nhà máy: “NHA MAY CO KHI GIA LAM”, Bác bèn đọc: “Nhà máy có khi già lắm”. Bác phê bình, chữ viết phải có dấu để người đọc khỏi nhầm.

Nguồn: Hồ Chí Minh, chân dung đời thường,
NXB Lao động, Hà Nội, 1996.

15. CÁCH ỨNG ĐÁP MẮN TIẾP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Năm 1946, một nhà văn là uỷ viên thường trực Ban vận động Đời sống mới đến gặp Hồ Chủ tịch để xin ý kiến Người về nội dung cuộc vận động. Bác Hồ nói nên vận động nhân dân thực hiện mấy chữ: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

- Thừa cụ, mấy chữ ấy rất hay nhưng nghe có vẻ cổ. Cụ có thể thay bằng mấy chữ khác không ạ?

- Thế cơm ông cha ta đã từng ăn hàng ngàn năm trước, hiện nay chú và tôi hằng ngày vẫn ăn, chú thấy có cổ không? Không khí ông cha ta đã từng hít thở, ngày nay chúng ta vẫn tiếp tục hít thở, chú thấy có cổ không?

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, mấy chục vạn quân Tưởng kéo vào tìm cách khiêu khích để lấy cớ tiêu diệt cách mạng Việt Nam. Bác Hồ triệu tập các vị lãnh đạo cao cấp để xử lý một vấn đề “hệ trọng”, Bác nói:

- Tướng T. V. của quân đội Trung Hoa dân quốc có gửi cho tôi một bức công văn, nội dung như sau:

“Kính thưa Cụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,

Yêu cầu Cụ cho mượn một cái nồi nấu cơm”.

Không cần phải nói, ai nấy đều có thể hình dung không khí tức giận bao trùm lên cuộc họp. Có những ý kiến đòi đánh.

Với phong thái bình tĩnh, ung dung, Bác Hồ nói: “Nền độc lập ta vừa mới giành được giống như một chiếc bình ngọc. Nay có những con kiến bò trên miệng bình, nếu ta dùng gậy đập kiến, chưa chắc kiến đã chết mà bình ngọc vỡ. Nếu ta lấy một cái que bắc cầu cho chúng xuống thì kiến sẽ đi hết, như vậy có hơn không? Còn trong sự việc vừa đem ra bàn, họ mượn cái nồi nấu cơm thì ta cho họ mượn, việc gì các chú phải nổi nóng như vậy?!”

Khoảng giữa năm 1949, một nhà báo Thái Lan trực tiếp phỏng vấn Hồ Chủ tịch để thăm dò xem Việt Nam đứng về phía nào trong cuộc chiến Quốc - Cộng ở Trung Quốc.

- Thưa Cụ Chủ tịch, nước Việt Nam của Cụ đứng về phía ông Tưởng hay ông Mao? Xin Cụ miễn cho câu trả lời “đứng trung lập”.

- Chúng tôi đứng trung lập. Cũng như Thái Lan của ông đang đứng trung lập giữa Anh và Mỹ!

- Nghe nói quân giải phóng nhân dân Trung Hoa đã gửi cho Cụ súng cối và súng liên thanh. Cụ đã nhận được chưa, nếu chưa thì Cụ có định nhận không?

- Chúng tôi chưa nhận được gì hết. Còn đúng như ông nói là họ có ý định gửi cho chúng tôi thì trong trường hợp này, ông khuyên chúng tôi nên làm như thế nào?

Ngày 5/10/1959, ông Si-ra I-si Bôn, cố vấn biên tập báo A-xa-hi-sin-bun Nhật Bản phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều vấn đề, trong đó có việc Chính phủ Nhật Bản dự định bồi thường chiến tranh, mà phía Nhật lại chọn Việt Nam lúc đó do nguy quyền Sài Gòn kiểm soát làm đối tác. Câu hỏi và trả lời như sau:

Hỏi: Việc đàm phán về vấn đề bồi thường chiến tranh đã được tiến hành giữa Chính phủ Nhật Bản và Việt Nam. Ngay ở Nhật Bản cũng có người chỉ trích việc đàm phán này và tin tức cho biết Ngài không hài lòng.

Theo ý Ngài, nhân dân Nhật Bản cần được hiểu vấn đề này như thế nào? Theo ý Ngài, vấn đề này cần được giải quyết như thế nào mới đúng?

Trả lời: Trong cuộc Đại chiến lần thứ hai, quân phiệt Nhật Bản đã xâm chiếm nước Việt Nam và đã gây ra nhiều tổn thất cho nhân dân Việt Nam từ Bắc chí Nam. Toàn thể nhân dân Việt Nam có quyền đòi hỏi Chính phủ Nhật Bản tiến hành đàm phán và ký kết bồi thường chiến tranh với chính quyền miền Nam Việt Nam là không hợp pháp.

Nhân dân Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà thấy rằng, việc đòi hỏi Nhật Bản bồi thường sẽ là một gánh nặng cho nhân dân Nhật Bản. Vấn đề cốt yếu trong quan hệ giữa hai nước không phải là việc đòi bồi thường, mà tình đoàn kết hợp tác giữa hai dân tộc Việt - Nhật đấu tranh chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình là quý hơn hết.

Nguồn: Trần Thành - Huệ Chi,
Báo An ninh thủ đô, số 562 ngày 20/2/2001.

16. TRONG QUỐC DÂN ĐẠI HỘI TÂN TRÀO

Nhớ lại sự kiện “Quốc dân đại hội Tân Trào”, đồng chí Nguyễn Lương Bằng kể:

Ngày 16/8/1945, đoàn đại biểu nhân dân Tân Trào đem gạo, trâu, bò, gà đến mừng đại hội... Đồng bào bị bòn rút đến xương tủy, ai nấy đều tiều tụy, rách rưới. Đáng thương nhất là các em vùng dân tộc thiểu số gầy gò, vàng vọt. Chúng ở trường tòng ngồng theo người lớn đến chào Quốc dân đại hội.

Bác đến gần các cháu, chỉ vào chúng và nói với các đại biểu: “Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm sao cho các em bé có cơm ăn, có áo ấm, được đi học, không lam lũ mãi thế này”.

Chúng tôi đều cảm động. Câu nói ấy, về sau này, Bác thường nhắc nhở luôn.

*Nguồn: Những lần gặp Bác,
Báo Nhân dân, số ra ngày 22/9/1963.*

17. CÙNG HỒ BIẾT THUỐC GIỎI LẮM

Thời kỳ ở Pác Pó, do phải giữ gìn bí mật, Bác Hồ ít tiếp xúc với các cháu thiếu nhi ở bên ngoài mà thường chỉ ra khu nhà đồng chí Dương Đại Lâm.

Nhà đồng chí Đại Lâm rất đông anh em và nhiều cháu bé. Những lần Bác ra chơi, ngoài việc trò chuyện với ông cụ thân sinh đồng chí Đại Lâm, Bác còn chăm sóc các cháu nhỏ, giúp đỡ gia đình đồng chí Đại Lâm.

Do các cháu chơi nghịch đất cát, quần áo lem luốc, bẩn thỉu; mặt khác do đời sống thiếu thốn, khó khăn vì sự bóc lột của bọn thống trị, có cháu đầu bị chốc lở, tanh tươi mà không có thuốc chữa chạy.

Bác Hồ chữa cho các cháu bằng cách đem nước nóng rửa thật sạch chỗ lở chốc, rồi lấy tro bếp nóng, gói lại đắp lên đầu cho cháu. Bác làm việc này với tất cả sự cẩn thận, tận tình nên chỉ trong một thời gian ngắn, lở chốc trên đầu cháu bé bay đi chẳng nào. Cháu lại chơi vui. Nhân dân ở đó kháo nhau “Cùng Hồ biết thuốc giỏi lắm!” (Cùng Hồ tiếng địa phương là Bác Hồ). Thực ra, Bác Hồ chữa bệnh cho các cháu không chỉ bằng thuốc mà bằng tấm lòng thương yêu của một người cha, một người ông lúc nào cũng mong cho con cháu khoẻ mạnh, lớn khôn. Chính vì lo lắng đến tương lai hạnh phúc của con em, Bác đã không chỉ quan tâm mà còn rất chú trọng đến việc tổ chức giáo dục nhi đồng. Bác Hồ luôn nhắc

nhờ cán bộ phải chú ý đến “Hội nhi đồng cứu quốc”.
Đồng chí Đức Thanh nghe lời dạy của Bác đã tổ chức ra
Hội nhi đồng cứu quốc thôn Nà Mạ, trong đó có Kim
Đông, người thiếu niên anh dũng đã cống hiến tuổi thiếu
niên đẹp đẽ, bất diệt của mình cho cách mạng.

Theo **Bác Hồ kính yêu**, tập 1.
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1975.

18. MỘT NGÀY THU KHÔNG THỂ QUÊN

Một chiều thu tháng 8/1942, bầu trời xanh ngắt, gió nhẹ thổi, không gian thoang thoang mùi hương của đồng lúa sắp chín. Kim Đồng xách ống nước ở dưới suối lên, thấy anh Ngự Mạn đã đợi ở dưới chân cầu thang. Với nét mặt rạng rỡ, anh Ngự Mạn ghé sát vào tai Kim Đồng nói nhỏ:

- Có một cán bộ cao cấp vừa đến, cho gọi em lên gấp đây!

- Anh có biết ai không?

- Suyt... ! Nguyên tắc bí mật cơ mà.

Kim Đồng hồi hộp bước theo anh Ngự Mạn lên ngọn núi sau bàn. Đến trước cửa hang Nục Én, anh ra hiệu cho Kim Đồng đợi một chút. Lát sau Kim Đồng thấy anh Đức Thanh bước ra, vẫn đôi mắt lúc nào cũng dịu dàng âu yếm, anh đưa Kim Đồng vào trong hang. Trống ngực Kim Đồng bỗng đập rộn lên khi nhìn thấy một “ông Ké” ngồi trên một tảng đá, dựa lưng vào thành hang, chòm râu và mái tóc đã điểm bạc. Trên khuôn mặt gầy, hơi xanh, sáng rực một đôi mắt như hai vì sao ấm áp. “Ông Ké” nhìn Kim Đồng trìu mến. Vẫn còn đang lúng túng chưa kịp chào, Kim Đồng bỗng thấy “ông Ké” hỏi:

- Cháu là Kim Đồng, đội trưởng Đội Thiếu nhi cứu quốc phải không?

- Vâng ạ!

- Lại đây với Bác nào!

“Ông Ké” vẫy Kim Đồng lại gần và kéo vào lòng, đưa tay xoa đầu âu yếm:

- Cháu có ghét bọn Tây không?

- Dạ, có ạ!

- Vì sao nào?

- Vì bọn Tây sang cướp nước ta làm cho dân ta khổ.

“Ông Ké” khen Kim Đồng và đề nghị Kim Đồng kể về hoạt động của Đội cho mọi người cùng nghe. Nghe kể xong, “ông Ké” khen Đội đã có nhiều hoạt động phong phú, mưu trí và dũng cảm.

“Ông Ké” còn khuyên Kim Đồng nói đúng và các đội viên vừa hoạt động, vừa phải học văn hoá, học chính trị để mai này nước nhà độc lập, có đủ tài sức xây dựng đất nước.

Buổi chiều đó, Kim Đồng được “ông Ké” giữ lại ăn cơm. Chờ đêm xuống, Kim Đồng được cử theo ba anh đưa “ông Ké” vào Pác Pó an toàn. Do nguyên tắc bí mật, ngày đó, Kim Đồng chưa được biết rằng “ông Ké” đó chính là Bác Hồ kính yêu, vị cha già của dân tộc Việt Nam.

Theo cuốn **Bình minh Nà Mạ**,
Sđd, T. 2, tr. 162.

19. BÁC HỒ VỚI TRUNG THU ĐỘC LẬP ĐẦU TIÊN

Chiều hôm đó, thứ 6, ngày 21/9/1945 tức ngày 15/8 năm Ất Dậu, tan giờ làm việc, Bác bảo đồng chí thư ký về nhà trước, còn Bác ở lại Bắc Bộ phủ để đón các em thiếu nhi vui Tết Trung thu.

Ngay từ chiều, Bác đã cho mời đồng chí Trần Huy Liệu, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền và một đồng chí phụ trách thiếu nhi của Thanh niên đến hỏi về tổ chức Trung thu tối nay cho các em. Nghe báo cáo chỉ có ba địa điểm xung quanh Bờ Hồ để bày mâm cỗ cho hàng vạn em, Bác bảo các anh chị phụ trách phải tổ chức cho thật khéo để em nào cũng có phần. Về chương trình vui chơi, Bác khen là có nhiều cố gắng về mặt hình thức và căn dặn là phải đảm bảo an toàn, nhất là đối với các em nhỏ.

Sau đó, Bác trở về phòng làm việc của mình trên căn gác 2 ở Bắc Bộ phủ. Nhưng chốc chốc Bác lại hỏi:

- Các em đã tập trung đủ ở Bờ Hồ chưa?

Trăng đã bắt đầu lên. Bác Hồ ra đứng ở cửa ngắm đêm trăng và lắng nghe tiếng trống rộn ràng từ các đường phố vọng đến. Ai mà biết được niềm vui lớn đêm nay của Bác Hồ, người chiến sĩ cách mạng đã bôn ba khắp năm châu, bốn bể, nếm mật nằm gai, vào tù ra tội, chỉ nhằm một mục đích duy nhất là đem lại độc lập cho Tổ quốc, no ấm cho nhân dân và đặc biệt, cháy bỏng trong lòng Người là niềm mong ước hạnh phúc ấm no cho lớp trẻ thơ.

Đêm nay, giữa lòng Hà Nội, ngay trong Dinh Chủ tịch, Bác Hồ hồi hộp chuẩn bị đón tiếp “Bầy con cưng” của mình.

Trước Trung thu mấy hôm, Bác đã viết một lá thư dài gửi các em nhân ngày tựu trường.

...

Liên sau đó, Bác lại viết “Thư gửi các cháu thiếu nhi” nhân dịp Tết Trung thu. Thư viết trước Trung thu một tuần lễ để kịp đến với các em khắp các miền đất nước. Bác Hồ bao giờ cũng chu đáo như thế.

Và đêm nay, Trung thu đã thực sự đến trong nỗi bồi hồi mong đợi của Bác. Theo chương trình thì đúng 21 giờ các em mới đến vui chung với Bác Hồ. Thế mà lúc này chưa đến 20 giờ Bác đã bồn chồn đi lại trong phòng, xem lại đề cương bài phát biểu lát nữa sẽ nói với các em, xem lại những tấm ảnh lát nữa Bác sẽ tặng cho mỗi em một tấm... Thật khó mà hình dung được một cụ già đã gần tuổi 60, một vị Chủ tịch nước, một nhà hoạt động quốc tế nổi tiếng, một con người vốn có bản lĩnh ung dung, bình thản trong mọi tình huống, đêm nay lại nóng lòng chờ đợi, gặp gỡ các em nhỏ như vậy.

Hồ Hoàn Kiếm tung bừng náo nhiệt. Những bóng điện lấp lánh trong các vòm cây. Hàng ngàn, hàng vạn đèn giấy trên tay các em soi bóng xuống mặt hồ. Trên đỉnh Tháp Rùa rực sáng ánh điện với băng khẩu hiệu “Việt Nam độc lập”.

Đúng 20 giờ, lễ Trung thu độc lập đầu tiên bắt đầu. Sau

lễ chào cờ, một em đại diện cho hàng vạn thiếu nhi Hà Nội phát biểu niềm vui sướng được trở thành tiểu chủ nhân của nước độc lập. Tiếp đó đồng chí Trần Huy Liệu, đại diện Chính phủ, trình trọng đọc thư của Bác Hồ gửi thiếu nhi, căn dặn các em cố gắng học tập để xứng đáng với sự quan tâm, chăm sóc của Bác.

Buổi lễ kết thúc, các đoàn đội ngũ chỉnh tề đều bước trong tiếng trống vang vang hướng về Bắc Bộ phủ. Dẫn đầu đoàn là những đội múa lân, múa sư tử cùng hàng ngàn, hàng vạn chiếc đèn giấy lung linh uốn lượn như một dòng sông sao...

Đúng 21 giờ các em có mặt trước Bắc Bộ phủ. Bác Hồ xuất hiện tươi cười, thân thiết. Tiếng hoan hô như sấm dậy. Tiếng trống rộn ràng. Sư tử lại nhảy múa. Tất cả sung sướng hò reo. Chúc mừng Bác Hồ kính yêu.

Bác Hồ xúc động bước xuống thềm đón các em, tiếng hoan hô lại dậy lên. Một em đứng trước máy phóng thanh đọc lời chào mừng. Đọc xong em hô to “Bác Hồ muôn năm!”. Lập tức tiếng hô “Muôn năm” rền vang không ngớt.

Bác Hồ giơ cao hai tay tỏ ý cảm ơn các em rồi Bác lần lượt bước đến bắt tay từng em đứng ở hàng đầu. Cặp mắt của Bác ánh lên một niềm vui đặc biệt. Trong lúc ở phía ngoài, các đoàn “xe tăng”, các binh sĩ của Hai Bà Trưng, của Đình Bộ Lĩnh, các đội sư tử với rất nhiều em đeo mặt nạ... ùn ùn kéo vào dinh của Chủ tịch trong tiếng trống hò reo vang dậy, khu vườn Phủ Chủ tịch bỗng nhiên im

phăng phắc khi đồng chí phụ trách giới thiệu Bác Hồ sẽ nói chuyện với các em.

Bằng giọng xứ Nghệ có pha lẫn giọng các miền của đất nước, Bác thân thiết trò chuyện với các cháu: “Các cháu! Đây là lời Bác Hồ nói chuyện...”.

Cuối cùng Bác nói: Trước khi các cháu đi phá cỗ, ta cùng nhau hô hai khẩu hiệu: “*Trẻ em Việt Nam sung sướng!*”, “*Việt Nam độc lập muôn năm!*”.

Tiếng hô hưởng ứng của các em rền vang cả một vùng trời.

Trăng rằm vàng vạc toả sáng. Niềm vui tràn ngập cả Hà Nội. Bác Hồ vui sướng đứng nhìn các em vui chơi.

Ai hiểu được hết niềm vui của Bác Hồ lúc này. Bao nhiêu năm xông pha chiến đấu, phải chăng Bác cũng chỉ mong ước có giây phút sung sướng như đêm nay.

“Trẻ em Việt Nam sung sướng!”. Khẩu hiệu đó của Bác Hồ cách đây 45 năm, vẫn đang là mục tiêu phấn đấu của các thế hệ hôm nay và mãi mãi mai sau.

Vũ Kỳ - Báo Hà Nội mới số ra ngày thứ tư,
3/10/1990.

20. BÁC NHỚ CÁC CHÁU THIẾU NIÊN DŨNG SĨ MIỀN NAM

Tháng Chạp năm 1968, các dũng sĩ thiếu niên miền Nam đang học ở Tả Ngạn thì có mấy chú đưa xe ô tô đến đón về Hà Nội. Luyện, Thu, Nét, Phở, Mên, Hoà... chưa hiểu có chuyện gì. Về Thủ đô hôm trước thì 5 giờ chiều ngày hôm sau có xe đến đón đi, vào đến sân Phủ Chủ tịch mới biết là được vào gặp Bác Hồ.

Vừa bước chân xuống xe, các cháu đã thấy Bác Hồ và Bác Tôn ngồi ở một cái ghế gỗ dài kê trước cửa nhà. Tất cả chạy ào tới chào hai Bác.

Bác cháu trò chuyện với nhau. Sau đó hai Bác bảo:

- Thôi, các cháu vào ăn cơm với hai Bác!

Bữa cơm chẳng có thịt cá gì nhiều, nhưng rất ấm cúng. Các dũng sĩ thiếu niên được ngồi ăn cùng Bác Hồ, Bác Tôn. Nét người nhỏ quá, cái đầu chỉ lấp ló cạnh bàn, được Bác gấp thức ăn cho luôn.

Vừa ăn, Bác cháu vừa nói chuyện rất vui. Ăn xong, hai Bác cho mỗi cháu một bông hồng, một quả táo, một quả lê và ba quyển sách “Người tốt việc tốt”.

Sau đó, Bác Hồ bảo:

- Các cháu lại cà đây hôn hai Bác rồi về.

Các dũng sĩ hôn hai Bác xong, Bác Hồ dặn lại:

- Các cháu về trường cố gắng học tập cho giỏi.

Tất cả đều cảm động, Đoàn Văn Luyện lên tiếng thưa với Bác:

- Thưa Bác chúng cháu cứ tưởng hai Bác gọi chúng cháu về có việc cần.

Bác Hồ cười hiền từ và bảo:

- Hai Bác nhớ các cháu cho nên gọi các cháu về để hai Bác gặp hỏi chuyện.

Nghe nói, Luyện và các bạn cảm động muốn trào nước mắt. Hai Bác tuổi đã cao, trăm nghìn công việc, vậy mà vẫn nhớ đến các cháu miền Nam. Luyện nghĩ:

“Mình được ở ngoài Bắc mà hai Bác còn lo và thương biết chừng nào!...”.

Theo Bác Hồ kính yêu.

T. 2, tr. 167.

21. BA LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ

Hồ Thị Thu kể:

Khi cháu ở trong Nam, cháu được nghe các chú đọc lời dạy của Bác Hồ, cháu càng thương nhớ Bác nhiều. Cháu và các bạn cháu mong sao nước nhà thống nhất, cùng đồng bào miền Nam đón Bác vào thăm. Qua thời gian chiến đấu, cháu được Đảng, Mặt trận cho ra miền Bắc để học tập, cháu vinh dự được gặp Bác.

Lần đầu cháu được gặp Bác, Bác hỏi cháu đã biết chữ chưa. Cháu vòng tay trả lời Bác mà cháu nói không nên lời, vì cháu cảm động quá. Sau, cháu cố gắng trả lời để Bác nghe:

- Dạ thưa Bác, cháu chưa biết chữ nào ạ. Vì gia đình cháu nghèo, ba má cháu mất sớm, cháu đông em nên không được đi học.

Vừa nói xong, cháu ngược lên nhìn Bác. Hai hàng nước mắt Bác rung rung làm cho cháu càng thêm cảm động hơn.

Lần thứ hai cháu được gặp Bác. Bác hỏi cháu:

- Đồng bào miền Nam đấu tranh và chiến đấu như thế nào?

Cháu liền đứng lên vòng tay lại:

- Dạ, thưa Bác, đồng bào miền Nam đấu tranh không sợ gian khổ, chiến đấu không sợ bị thương, không sợ hy sinh, mà chỉ sợ mù hai mắt, sau này nước nhà thống nhất, Bác vào thăm không nhìn thấy Bác.

Cháu ngược nhìn lên lại thấy Bác rưng rưng nước mắt. Bữa ấy Bác cho cháu ăn cơm. Cháu ngồi bên Bác, Bác gấp thức ăn cho cháu...

Lần thứ ba, cháu được gặp Bác ở hội trường Ba Đình. Cháu mừng rỡ chạy lại ôm và hôn Bác. Bác hỏi cháu:

- Kỳ này cháu có ăn được cơm không, ăn được mấy bát?

Cháu đáp:

- Dạ, thưa Bác, cháu ăn được hai bát ạ!

Ăn thế là ít đấy! Cố ăn nhiều cho khoẻ vào.

Bác dặn thêm cháu phải giữ gìn sức khoẻ cho thật tốt, học tập văn hoá, chính trị, lao động cho thật tốt, đoàn kết tốt, thương yêu đồng đội tốt, phải nghe lời các cô, các chú dạy bảo.

Sau những giờ phút quý báu ấy cháu ra về, không muốn rời Bác, chỉ mong sao gần Bác luôn luôn.

Ngày tháng qua đi, bệnh của cháu lại phát triển, nên các chú đưa cháu vào viện. Được tin ấy, Bác điện vào thăm cháu. Lúc ấy bệnh cháu quá nặng, đến khi cháu tỉnh dậy, các chú nói lại, cháu vô cùng xúc động, vì Bác bao nhiêu là công việc mà Bác còn quan tâm đến sức khoẻ của cháu. Thời gian sau cháu xa Hà Nội về trường học, hàng ngày cháu luôn thực hiện lời Bác dạy.

Hồ Thị Thu - Dũng sĩ thiếu niên miền Nam,
Đời đời ơn Bác. NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1970.

22. BÁC CÙNG CÁC CHÁU THIẾU NIÊN DŨNG SĨ MIỀN NAM TIẾP ĐOÀN ĐẠI BIỂU HỘI HỮU NGHỊ CUBA - VIỆT NAM THĂM NƯỚC TA

Đoàn Văn Luyện kể: Tết năm 1969, chúng cháu lại được đón về Hà Nội. Các chú bảo đón về ăn Tết. Nhưng về đến cơ quan, nghe các chú dặn không được đi đâu trong buổi chiều hôm ấy, chúng cháu đoán ngay là được gặp Bác, nhất là khi thấy chiếc xe màu sữa của Phủ Chủ tịch đến đỗ xích ở cổng. Chúng cháu ủa lên xe. Hà Nội đang chuẩn bị Tết rất tưng bừng. Đường phố nào cũng thấy hoa đào.

Bác ra đứng ở trước nhà để đón chúng cháu. Cháu nhìn kỹ Bác, thấy Bác yếu hơn lần gặp trước, tuy Bác hồng hào. Bác hôn chúng cháu rồi bảo:

- Mấy cháu vào đây chơi rồi tiếp khách với Bác.

Chúng cháu lại được ăn cơm với Bác. Cơm xong, Bác lên xe đi đến phòng khách. Cháu nhìn theo, xe chỉ chạy chừng một trăm mét rồi dừng lại. Bác xuống xe đi vào nhà khách. Cháu nhìn Bác đi, lo lắng vô cùng. Trước kia có bao giờ Bác chịu lên xe để đi đoạn đường ngắn như vậy.

Chúng cháu đi lên theo. Đoàn đại biểu Cuba chưa đến. Bác bảo các cháu đến ngồi bên, rồi hỏi mấy cô phục vụ, mấy chú quay phim... Đoàn Cuba đã đến (đoàn đại biểu

Hội Hữu nghị Cuba - Việt Nam). Bà trưởng đoàn bắt tay Bác rồi xúc động khóc, Bác cũng rất xúc động. Bác giới thiệu từng cháu với Đoàn. Bác thuộc tên từng đứa một. Đến lượt cháu, Bác nói thêm:

- Cháu Luyện này lúc ra còn bé. Bây giờ đã lớn như thế này rồi.

**Đoàn Văn Luyện, Dũng sĩ diệt Mỹ tỉnh Quảng Nam,
Bác Hồ với thiếu nhi. NXB Kim Đồng, 1977**

23. NHỮNG KHÁCH “ĐẶC BIỆT” CỦA BÁC HỒ

Vào một buổi sáng mùa thu tháng tám năm 1990, trong đoàn người kéo dài vô tận vào thăm nhà sàn, nơi Bác Hồ kính yêu đã từng sống và làm việc, có hai cha con người Pháp. Người phụ nữ ngoài 50 tuổi, gương mặt sáng, nụ cười tươi tắn, dáng người mảnh mai, đi bên người cha có gương mặt đôn hậu, chất phác. Đó là hai cha con ông Ô-brắc, một gia đình người Pháp có nhiều kỷ niệm sâu sắc với Bác Hồ. Người phụ nữ mảnh mai kia là Ê-li-da-bét, người con gái đỡ đầu của Bác Hồ. Đi cùng với dòng người ngắm nhìn vườn cây ao cá, dừng chân hồi lâu bên nhà sàn, ông Ô-brắc bảo với con gái của mình:

- Đây là toàn bộ gia tài của người cha đỡ đầu của con đó, con có hiểu không con?

Những giọt lệ lăn trên má chị. Chẳng lẽ Bác Hồ - người cha đỡ đầu của chị không có một cái gì khác ngoài căn nhà sàn đã đi vào huyền thoại về lối sống trong sáng, giản dị, vườn cây, ao cá và thiên nhiên xanh ngắt quanh mình. Điều khó tin nhưng có thật. Mới đó mà đã 54 năm trôi. Biết bao kỷ niệm về Bác Hồ kính yêu không bao giờ phai mờ, nhặt nhòa trong ký ức của mỗi thành viên trong gia đình chị. Nhìn những em bé như bầy chim non vào Lăng viếng Người, chị càng hiểu sâu sắc câu nói không chỉ ở Việt Nam, mà ở khắp mọi nơi trên trái đất, nơi Bác Hồ đã từng đến, ai ai cũng thuộc:

“Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh”.

... Ngày ấy, khi chị mới ra đời trong một nhà hộ sinh ở một làng thuộc ngoại ô Pa-ri. Lúc bấy giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang có mặt trên đất Pháp với tư cách là một thượng khách của Chính phủ Pháp. Báo chí xuất bản ở Thủ đô Pa-ri hoa lệ đều trang trọng in trên đầu trang nhất bức chân dung của Bác Hồ với những hàng tít lớn trang trọng.

Hội nghị Phông-ten-nơ-blô đang họp, Bác Hồ là thượng khách, tâm trí Người luôn hướng tới việc giành lại nền hoà bình, độc lập cho dân tộc, vấn đề Nam Bộ “là máu thịt của Việt Nam”. Ở trong toà lâu đài sang trọng, Bác Hồ cảm thấy không thoải mái vì không có vườn cây, thiếu hoa lá, thiên nhiên. Khi ông Ô-brắc đề nghị Bác đến ở tại ngôi nhà cổ kính của ông ở ngoại ô Pa-ri, Bác Hồ đã nhận lời dọn đến ở 6 tuần lễ.

Nơi đây, cứ chiều chiều sau giờ hội đàm, gặp gỡ với các chính khách, Bác Hồ thường dắt cháu Giăng Pi-e, 7 tuổi, con trai đầu lòng của ông bà Ô-brắc chủ nhà, đi dạo chơi khắp làng, thăm hỏi đời sống của bà con lao động, nói chuyện với ông lão trồng hoa, vui đùa với các em bé vùng ngoại ô. Có buổi trưa, ông Ô-brắc còn thấy Bác Hồ đang cùng con trai ông, Giăng Pi-e nghỉ trưa thanh thản trên bãi cỏ trong vườn.

Chính trong dịp này, vào ngày 15/8/1946, gia đình ông Ô-brắc đón một tin vui mới: cô con gái út vừa chào đời. Được tin này, Bác Hồ ngồi trên xe có hộ tống đến tận nhà hộ sinh chúc mừng bà Ô-brắc và cháu bé mới sinh. Bác Hồ đặt tên cho cháu bé là Ba-bét và nhận cháu làm con gái đỡ đầu của Người.

Từ ngày xa Pa-ri, xa vùng ngoại vi Pa-ri trở về nước, dù bận trăm công ngàn việc, lãnh đạo nhân dân Việt Nam trong công cuộc trường kỳ kháng chiến và những năm hoà bình ở miền Bắc cũng như cuộc đấu tranh chống Mỹ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Bác Hồ vẫn luôn dành tình cảm của mình cho con gái đỡ đầu Ba-bét. Tháng 6/1967, ông Ô-brắc được Hội đồng các nhà bác học thế giới họp ở Pa-ri nhờ chuyển đến Chủ tịch Hồ Chí Minh một bức thông điệp. Gặp lại ông Ô-brắc giữa những ngày Hà Nội đang chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, Bác Hồ rất vui và không quên hỏi thăm về người con gái đỡ đầu Ba-bét của mình. Ông Ô-brắc chuyển cho Người món quà mà chị Ba-bét nhờ gửi đến cha đỡ đầu: một chiếc hộp vuông bên trong đựng một quả trứng được làm từ thứ đá quý. Theo chị cho biết thì “quả trứng đó là biểu hiện của sự sống, tương lai và hoàn hảo. Cha đỡ đầu của chị là hiện thân của những điều đó”. Khi chia tay, Bác Hồ gởi một tấm lụa nhờ ông Ô-brắc chuyển cho “con gái đỡ đầu của tôi để cháu may áo cưới”.

Hàng năm chị Ba-bét vẫn gửi thư đều cho Bác Hồ. Ngày Bác qua đời, cũng như toàn thể nhân dân Việt Nam và nhân loại yêu chuộng hoà bình, cả gia đình ông Ô-brắc vô cùng thương tiếc Người. Bao nhiêu kỷ niệm, những món quà Bác gửi cho chị Ba-bét vẫn còn đó: bức ảnh nhỏ của Người, các con vật dễ thương bằng ngà, bằng sứ, tấm lụa Bác gửi để chị may áo cưới... vẫn còn đây. Và lần này, chị được sang thăm đất nước, thăm nơi ở, nơi làm việc của người cha “đỡ đầu về tinh thần” của mình...

Khi nghe chị thuyết minh nói rằng hai hàng ghế đá và bể cá vàng là nơi Bác Hồ thường dùng để tiếp các khách tí hon, “khách đặc biệt” của mình, chị Ba-bét nước mắt tuôn trào. Chị lặng lẽ ngồi xuống tấm ghế đá mát lạnh, mắt nhìn những con cá vàng tung tăng bơi lội trong bể, thả lòng mình trong những hoài niệm không bao giờ quên về Người. Tình thương bao la của Bác vẫn dành cho tất cả mọi người, đặc biệt nhất vẫn là các em nhỏ “như búp trên cành”. Chị Ba-bét cũng là một trong những “cháu bé” ngày nào đã được sưởi ấm bằng “muôn vàn tình thương yêu của Bác”.

Nguồn: Kim Dung,
Hồ Chí Minh bên Người toả sáng,
NXB Thanh niên, Hà Nội, 1977.

24. ĐÔI THỦ ĐÁNG YÊU

Ngày 7/2/1958 hơn 3.000 em thiếu nhi Ấn Độ đồng diễn chào mừng Bác Hồ. Các em hô vang sôi nổi “Cha, Cha Hồ!” (Bác Hồ). Thủ tướng Nê-ru ngồi cạnh Bác sung sướng nói vui:

- Ngài là đôi thủ đáng yêu của tôi, vì được các em gọi là Bác.

Ở Ấn Độ, các em thiếu nhi chỉ gọi Nê-ru là Bác Nê-ru, và Bác Hồ là người thứ hai được các em gọi là Bác.

Không khí hôm đó vui như ngày hội. Các em ùa lên tặng hoa, có em tặng Bác Hồ hai cái kẹo. Có em mù cả hai mắt được Bác ẵm lên sờ râu, sờ má Bác, rồi ôm chặt lấy Bác một cách âu yếm. Trước tình cảm đó ai cũng cảm động.

Bá Công sưu tầm theo **Time of India** 8/2/1958,
Báo Nhân dân chủ nhật số 40 ngày 12/11/1989

25. QUÀ CỦA BÁC HỒ TẶNG CÁC CHÁU

Ngày Tết dương lịch năm 1960, mọi người lên Phủ Chủ tịch để chúc Tết Bác Hồ. Các cơ quan, đoàn thể trong nước, đoàn ngoại giao và Ủy ban Quốc tế đều đến đông đủ.

Vẫn trong bộ ka-ki giản dị, với phong thái ung dung, chủ động, Bác đáp lễ vui vẻ và nói lời chúc mừng.

... Sau tiệc ngọt, Bác cầm lấy một quả táo to cùng một túi kẹo đứng lên...

Bác đi đến chỗ ông đại sứ Ấn Độ và hỏi:

- Ngài đại sứ có đưa phu nhân sang đây không?

Vị đại sứ râu hùm, hàm én, lẫm liệt oai phong là vậy mà lúc ấy, vì vô cùng xúc động trước vinh dự bất ngờ, bỗng lộ vẻ lúng túng, ấp úng đáp:

- Thưa Chủ tịch... Cảm ơn Chủ tịch... Tôi chỉ đưa theo sang đây cháu trai năm nay chín tuổi.

- Thế thì - Bác Hồ nói - tôi gửi ông mang về cho cháu quả táo này và gửi cháu những cái hôn.

Mọi người đều xúc động và vô cùng cảm phục một cử chỉ vừa thân mật, tự nhiên của Hồ Chủ tịch.

Rồi quay lại phía khách nước ngoài, Bác nói:

- Tết nhất, ở nhà các vị chẳng thiếu thứ gì. Nhưng xin các vị hãy cầm lấy chút hoa quả ở trên bàn và mang về gọi là quà của Bác Hồ tặng các cháu ở nhà.

Cả phòng khách ồn ào nhộn nhịp hẳn lên. Khách nước ngoài, khách trong nước ùa đến bàn tiệc cầm lấy lê, táo, bánh kẹo, nét mặt hớn hờ.

Theo câu chuyện **Quả táo Bác Hồ**. Sdd, T. 2, tr .177.

26. MỘT CUỘC ĐỐI THOẠI SINH ĐỘNG

Một lần, thăm trại thiếu nhi Tiệp Khắc gần Pra-ha, Bác Hồ đã có một cuộc đối thoại sinh động với các cháu:

- Các cháu thân mến! Các cháu có biết Bác là ai không?
- Anô (Có ạ). Strycek Hồ! (Bác Hồ). Các cháu ríu rít trả lời.

- Bác từ nước nào đến?

- Việt Nam! Tất cả đồng thanh nói to.

- Các cháu có yêu học tập không?

- Anô!

- Có yêu lao động không?

- Anô!

- Bác Hồ rất yêu các cháu. Các cháu có yêu Bác Hồ không?

- Anô! Nhiều cháu chen nhau xin được hôn Bác. Bác cười đôn hậu nói vui:

Bác Hồ gầy, các cháu hôn Bác nhiều quá, Bác sẽ gầy hơn. Các cháu hãy cử đại biểu đến hôn Bác vậy.

Tất cả cười ngặt nghẽo.

**Lê Bá Thuyên - Chủ tịch Hồ Chí Minh
sứ giả cho tình hữu nghị, Sđd, T. 2, tr. 181.**

27. CHÁU CỦA BÁC HỒ

Vừa là người lo toan thế hệ nối tiếp cho tương lai, vừa là người thân chăm lo cho con cháu, có lẽ cũng vì vậy, mà dân ta, già trẻ, lớn bé đều gọi Người là Bác. Mà không chỉ nhân dân ta!

Rô-mét Chăn-đra, nguyên Chủ tịch Hội đồng hoà bình thế giới đã phát biểu trong dịp dự Hội nghị quốc tế “Việt Nam và thế giới” những lời chân tình, thân thiết: “Ở Việt Nam, các bạn tự xưng rất đúng mình là cháu của Bác Hồ. Các bạn đã cho phép chúng tôi thay mặt hàng trăm triệu nhân dân thế giới được có mặt hôm nay tại đây. Chúng tôi yêu cầu các bạn thêm một đặc ân nữa: Mong các bạn, những người cháu của Bác Hồ cho phép chúng tôi từ các nơi trên thế giới đều được tự nhận là cháu của Bác Hồ. Tất cả chúng ta, cháu của Bác Hồ ở tất cả các nước trên thế giới, sẽ tập hợp lại để giương cao ngọn cờ Hồ Chí Minh tiến lên những thắng lợi mới hơn nữa”.

Cháu của Bác Hồ.

Bác Hồ của các cháu.

Người suy nghĩ về tuổi trẻ chúng ta,
Hồi tưởng của **Vũ Kỳ**, Sđd, T. 2, tr. 186.

28. THƯỜNG NGÀY BÁC YÊU TRẺ CON MỘT CÁCH LẠ

Mọi người chúng ta đều biết Bác Hồ yêu thương trẻ em như thế nào. Chúng ta có thể kể ra biết bao hình ảnh sinh động, những kỷ niệm sâu sắc, nói lên tấm lòng yêu thương thăm thiết của Bác Hồ đối với trẻ em. Nghĩ đến trẻ em, tự nhiên chúng ta nghĩ đến Bác Hồ. Những đồng chí có vinh dự được sống gần Bác đều kể lại rằng, Bác Hồ có cảm tình đặc biệt đối với trẻ em.

Đồng chí Hoàng Hữu Kháng, Cục cảnh vệ Bộ Nội vụ kể:

“Có một đêm, Bác ngủ trên gác một căn nhà, tới 4 giờ sáng Người thức giấc. Ngoài trời gió vun vút đập vào cửa kính. Ngồi trong nhà còn thấy lạnh, thế mà đã có tiếng trẻ rao hàng dưới đường phố vọng lên. Bác mở cửa ngó xuống nhìn cho đến khi em bé đi khuất mới từ từ khép cửa lại”.

Nhà thơ Tú Mỡ nhớ lại trong Đại hội chiến sĩ thi đua năm 1952, sau một buổi chiếu bóng, mọi người lục tục đứng dậy ra về, Bác vội đứng lên đưa tay ra lệnh trật tự và nói to:

“Hãy khoan đã, để cho cháu bé ra trước, kéo lộn xộn các cháu sẽ lạc đấy”. Đồng chí Tú Mỡ thốt lên:

“Chao ôi! Óc sáng suốt của Bác thật lạ kỳ hiếm có! Bác chăm lo hàng vạn việc lớn mà không quên sót một việc

nhỏ mà người khác thường không nghĩ tới. Ai chú ý chăm sóc các cháu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh”.

“Chuyện thường ngày của Bác Hồ” do đồng chí Hoàng Quốc Việt viết đã khẳng định:

“Bác yêu trẻ con một cách lạ! Đang trò chuyện, đọc báo mà nghe trên đài có tiếng trẻ em bé hát là Bác dừng lại nghe. Đã nhiều lần Bác thi với đồng chí phục vụ đoán xem em bé vừa hát xong mấy tuổi. Rồi Bác bảo đồng chí ấy, lúc nào tiện, hỏi bên đài phát thanh xem. Mặc dù đồng chí ấy thường ngày về nhà vẫn chăm sóc con nhỏ mà lại hay đoán sai, còn Bác thường là đoán trúng. Bác bảo một đồng chí ở gần Bác thỉnh thoảng đưa cháu nhỏ năm tuổi đến chơi với Bác. Nhưng vì Bác bận, phải chọn thời gian vào buổi sáng sớm. Cháu bé sắp được đến với Bác Hồ thì thích lắm, tự mình thức dậy rất sớm, giục bố đi từng phút một. Có lần đến, thấy trên nhà sàn chưa bật đèn, bố con chưa dám lên. Khi Bác bật đèn bố con lên nhà thấy Bác đã cầm sẵn trên tay mấy bông hoa cho cháu, Bác hỏi chuyện cháu rồi bảo hai bố con ngồi chơi đợi Bác tập thể dục. Bác tập xong vào nhà, thấy đồng chí ta không dám lấy kẹo bánh Bác bày sẵn cho ăn, Bác không bằng lòng và bảo:

- Ở nhà, cháu nó là con của cô chú, nhưng đến đây cháu là khách của Bác, chú có nhiệm vụ giúp Bác đãi khách chứ!”.

Kể chuyện Bác Hồ,

Sổd, T. 2, tr. 189.

29. DÀNH CHO CÁC CHÁU

Trước khi thiết kế ngôi nhà sàn gỗ của Bác tại Phú Chủ tịch (tầng trên có hai phòng, một phòng Bác dùng làm việc, một phòng nghỉ. Còn tầng dưới là nơi Bác họp và tiếp khách). Bác có ý kiến:

- Khách của Bác có nhiều, có lúc Bác phải tiếp đông các cháu, vì vậy chủ thiết kế cho Bác một hàng ghế xi măng bao quanh.

Vâng lời Bác, các đồng chí đã thiết kế hàng ghế đó. Mỗi lần các cháu đến, các cháu đều vây quanh bên Bác và được Bác chia bánh kẹo.

Một hôm, Bác nói với đồng chí giúp việc:

- Chú xem, khách “tí hon” của Bác khá nhiều, để các cháu vui thì phải có cảnh cho các cháu xem, chú gắng kiếm một chiếc bể về để nuôi cá vàng làm cảnh cho các cháu.

Vâng lời Bác, đồng chí giúp việc đi tìm mua một bể nuôi cá đặt tại hành lang của tầng dưới ngôi nhà sàn và thả ba con cá vàng rất đẹp.

Hàng ngày, sau giờ làm việc, Bác thường cho cá vàng ăn. Người để dành những mẩu bánh mì làm thức ăn cho cá. Được Bác chăm sóc, ba con cá vàng ngày một lớn và phát triển.

Mùa đông trời lạnh, Bác nói:

- Cá cũng như người, mùa đông phải giữ nhiệt độ đủ ấm. Chú nên làm một chiếc nắp dày bể cá để bảo đảm độ ấm cho cá.

Khách đến thăm nhà Bác, nhất là khách “tí hon” rất thích thú đứng ngắm bể cá vàng. những con cá màu sắc thật sặc sỡ, tung tăng, lấp lánh, bơi lặn trong bể nước.

Theo Bác Hồ người Việt Nam đẹp nhất,
Sdd, T. 2, tr. 189.

30. ĐỂ CÁC CHÁU LÀM CHỦ

Cũng chính tại ngôi nhà của Bác ở Phủ Chủ tịch có một sự kiện đáng ghi nhớ, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Bác Hồ với thiếu nhi. Từ ngày 22/6 đến ngày 11/7/1961, Bác đã dành chỗ đó cho các cháu làm phòng triển lãm “Thiếu nhi với 5 điều Bác Hồ dạy”. Trong 20 ngày, có gần 10 vạn thiếu nhi đến xem triển lãm và vui chơi trong dịp hè. Bác Hồ, Bác Tôn đã đến nói chuyện và dự liên hoan với 2.000 thiếu nhi trong buổi bế mạc ngày 11/7/1961.

Đồng chí phục vụ Bác cảm thấy như vẫn còn sôi động khi vào dịp hè năm 1961 các cháu thiếu nhi tổ chức triển lãm “Làm theo 5 điều Bác Hồ dạy” trong nhà khách Phủ Chủ tịch.

Trung tâm triển lãm chính là phòng khách long trọng của ngôi nhà. Nhiều em lần đầu tiên được đến nơi này thích lắm, chỗ nào cũng sờ, sung sướng lẫn cả ra nhà, ra bãi cỏ.

Những tiếng hát, tiếng cười nói vang vang, đúng là ngày hội. Có đồng chí sợ tiếng loa làm ảnh hưởng sang các cơ quan xung quanh nên xin Bác bỏ bớt loa đi, nhưng Bác bảo:

- Triển lãm của các cháu phải để loa mới vui.

Bác còn nhắc phải có nhiều kem, xi-rô, nước và bánh kẹo để phục vụ các cháu.

Thỉnh thoảng những khi nghỉ, Bác cũng ra xem các

cháu vui chơi. Có hôm Bác đi dạo ở phía dưới, thấy một phòng có kê các ghế băng. Bác hỏi các đồng chí ghế đó để làm gì. Đồng chí phục vụ thưa:

- Thưa Bác để dành cho các cháu bị mệt ạ.

Thấy vậy, Bác bảo:

- Sao dành cho các cháu mà lại không có giường?

Ngày hôm sau, các đồng chí phục vụ triển lãm đã liên hệ với Bộ Y tế, và các ghế băng được xếp lại nhường chỗ cho những chiếc giường xinh xắn.

Bác Hồ là như vậy. Khách của Bác, dù là những người nhỏ bé nhất cũng luôn được tôn trọng và quan tâm chu đáo.

**Bác Hồ người Việt Nam đẹp nhất,
Sđd, T. 2, tr. 193.**

31. TRONG ĐẠI HỘI ANH HÙNG CHIẾN SĨ THI ĐUA CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

Đại hội năm ấy, có sáu thiếu nhi đi dự, được Bác rất quan tâm. Hôm cuối Đại hội, các cháu rất vinh dự được lên ghế Đoàn Chủ tịch với Bác. Sướng quá, các cháu chạy ùa lên. Bác Hồ và Bác Tôn kéo ghế ra cho các cháu đứng vào cạnh hai Bác.

Trong đoàn thiếu nhi có Hoa Xuân Tứ bị cụt cả hai tay. Bác Hồ chăm chú nhìn Tứ, kéo Tứ lại gần. Bác giới thiệu với Đại hội:

- Dân tộc ta rất anh hùng, người lớn anh hùng, thiếu nhi cũng rất anh hùng. Như cháu Hoa Xuân Tứ này cụt hai tay mà vẫn học giỏi.

Rồi chỉ vào Đinh Thị Lê Kim, cô bé “Ba đảm đang”, Bác bảo:

- Cả cô bé hạt mít này cũng học lớp 6 rồi đấy.

Bác bắt nhịp cho Đại hội hát bài “Giải phóng miền Nam”, Bác không hát nhưng vỗ tay theo nhịp, mắt Bác nhìn triu mến.

Sau đó tất cả đại biểu anh hùng và tập thể anh hùng cùng các cháu thiếu nhi được chụp ảnh chung với Bác. Bác đứng giữa, các cháu thiếu nhi vây quanh.

... Bác lại cho đoàn đại biểu thiếu nhi được gặp riêng Bác.

Ngồi quây quần quanh Bác, các cháu được Bác hỏi tên từng người. Bác chia cho mỗi cháu một cái bánh, Bác hỏi:

- Về dự Đại hội, các cháu muốn nói gì nữa không?

Đinh Thị Lê Kim kể với Bác Hồ ở Thái Lan, Kim không được học, phải đi bán bánh, bị cảnh sát đánh. Kể đến đây, Kim khóc, Bác vỗ vai an ủi Kim, rồi Bác kể chuyện Bác hoạt động ở Thái Lan, Bác khen thiếu nhi ta rất anh hùng, dù là ở trong nước hay nước ngoài.

... Các cháu lại được chụp ảnh chung với Bác, hát cho Bác nghe bài “Nguyễn Bá Ngọc, người thiếu niên dũng cảm”.

Khi các cháu thiếu nhi ra về, Bác Hồ đứng trông theo cho đến khi xe của các cháu rời bánh.

Bác Hồ với thiếu nhi,

Sdd, T. 2, tr. 193.

32. BÁC HỒ CHỨ CÒN AI!

Trong Chiến dịch Biên giới, một lần đi gần tới Đông Khê (Cao Bằng), Bác rẽ vào nhà một đồng bào nghỉ ngơi. Một em bé Nùng gánh đôi báng nước từ dưới suối đi lên trông thấy cụ già quen quá mà không rõ gặp ở đâu rồi. Em nghĩ chưa ra thì cụ đã tới gần. Giọng cụ ấm áp:

- Cháu gánh có nặng không?

- Ô! Không nặng đâu!

Em bé vội đáp, ngạc nhiên trước cử chỉ của cụ. Em xốc lại đòn gánh thong thả bước. Cụ già bước theo lên cầu thang. Vào nhà, cụ hỏi em bé:

- Cháu tên là gì?

- Là Phấn.

Cụ già xoa đầu Phấn.

- Pá (bố) đi dân công phải không? Cháu làm việc nhiều quá.

- Pá đi dân công phục vụ chiến dịch. Cháu ở nhà giúp mẹ (mẹ) gánh nước. Không mệt đâu.

Cụ già lại hỏi:

- Cháu có biết đi dân công để làm gì không?

- Đi dân công để giết Tây.

Phấn trả lời cụ già, rồi kể:

- Thằng Tây nó ác hơn cọp ông à! Tàu bay nó bắn cháy

trường cháu ba lần. Bây giờ trường phải dời vào lũng xa lắm. Nó bắn chết cả Pù, con trường thôn.

Cụ già đặt tay lên vai Phấn, đôi mắt hiền từ nhìn Phấn, khẽ nói:

- Bao giờ hết giặc, cháu sẽ không phải vất vả như thế này nữa.

Hai Bác cháu nói chuyện thêm một lát nữa. Rồi Bác nhắc Phấn đi ngủ.

Đêm gần về sáng. Phấn còn đang yên giấc ngủ thì cụ già đã cùng mấy người khác đi. Lúc tỉnh dậy, thấy nhà trống trải, vắng vẻ quá, Phấn bật lên khóc. Nhìn lọ thuốc ho, chiếc khăn quàng cổ cụ già cho, lòng Phấn càng nhớ cụ khôn xiết.

Cho đến lúc ấy, Phấn chưa nhận ra cụ già trọ ở nhà mình là ai? Mãi đến khi Chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi, bố Phấn đi dân công về nghe chuyện mới quả quyết với con rằng:

- A lúi! Bác Hồ chứ còn ai!

Và hai bố con rất tiếc, nhưng rất sung sướng là Cụ Hồ đã đến ở nhà mình.

Bác Hồ kính yêu

Sđd, T. 2, tr. 197.

33. CUỘC GẶP BẤT NGỜ

Một lần vào đầu mùa xuân 1963, sau khi thăm cơ sở xong, trên đường về Hà Nội, thấy ngọn đồi có cây cối sum suê, Bác cho nghỉ lại. Lúc này giữa trưa vắng vẻ, mấy Bác cháu giờ cơm nằm ra vừa ăn vừa ngắm cảnh.

Vừa ăn xong, ngồi nghỉ được một lát thì nghe có tiếng lội bì bõm và tiếng người nói rì rầm. Mấy đồng chí đi theo Bác chạy ra thì thấy hàng chục thiếu nhi trai có, gái có, cháu cầm cào cỏ, cháu xách rổ hái rau, đang hướng về chỗ gốc cây to nơi Bác ngồi nghỉ. Đồng chí bảo vệ báo cáo tình hình với Bác, Bác cười:

- Các chú đi mời các cháu lại đây chơi với Bác, nhưng nhớ đừng làm các cháu sợ.

Các cháu sung sướng chạy ùa đến và quây thành vòng tròn quanh Bác, cháu nào cũng hớn hờ vui mừng.

Bác trìu mến nhìn khắp lượt và hỏi vui:

- Các cháu làm gì mà đông thế?

Một bé trai đáng lém linh lễ phép đáp:

- Thưa Bác, một bạn thấy Bác xuống xe liền bảo chúng cháu ra xem Bác ạ!

Bác cười rất vui vẻ:

- Muốn xem à? Bác ngồi đây, cháu nào muốn xem thì xem cho kỹ.

Cả Bác, cháu và các chú cùng đi cười vui vẻ. Bác hỏi tiếp:

- Các cháu đều đi học cả chứ? Ở đây có cháu nào không được đi học không?

- Dạ, chúng cháu đều đi học cả ạ

Bác cười hiền hậu:

- Thế là tốt. Thế các cháu học có giỏi không? Có ngoan không nào?

Nhiều cháu phấn khởi trả lời Bác.

- Chúng cháu giỏi ạ, có ngoan ạ!

Bác gật đầu hài lòng và bảo các cháu hát. Các cháu đưa mắt nhìn nhau và cùng hát vang bài “Ài yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng”.

Thế là giữa thiên nhiên trời đất bao la một dàn đồng ca gồm các nghệ sĩ tí hon biểu diễn say sưa dưới bàn tay bắt nhịp của Bác Hồ kính yêu.

Hát xong, Bác trìu mến nhìn các cháu và cất giọng hiền từ:

- Bác cảm ơn các cháu đến thăm Bác, hát cho Bác nghe.

Bác mong các cháu học chăm, học giỏi, vâng lời thầy cô và cha mẹ. Bây giờ Bác phải đi tiếp, Bác cháu ta tạm chia tay nhau ở đây.

Vũ Kỳ kể - Nguyễn Hoàng ghi,

Sdd, T. 2, tr. 201.

34. BÁC HỒ THĂM VƯỜN HOA NGHÌN VIỆC TỐT

Sáng mùng một Tết Đinh Mùi (9/2/1967), Bác Hồ về Tam Sơn gặp mặt đại biểu các dân tộc Hà Bắc họp ở chùa Cảm Ứng.

Xe Bác vừa tiến vào sân trường, Nguyễn Thế Hải, học sinh lớp một đang nô đùa cùng bạn, bỗng reo lên:

- Bác Hồ! Bác Hồ!
- Bác Hồ về thăm quê hương nghìn việc tốt.

Cả đám thiếu nhi dừng chơi, xúm lại vây quanh xe Bác.

Đồng chí cán vụ từ trong xe bước ra nhắc nhở các em rời mở cửa, mời Bác xuống.

Bác tươi cười nhìn các em rồi hỏi:

- Các cháu đang chơi Tết?
- Thưa Bác vâng ạ!
- Thưa Bác, năm mới, chúng cháu kính chúc Bác mạnh khỏe, sống lâu!...

Các em đua nhau nói những điều từ lâu mong được thưa với Bác, nhưng hồi hộp quá, nói không được nhiều...

Bác Hồ rất vui. Nghe các em nói xong, Bác bảo:

- Các cháu làm nghìn việc tốt, có nhớ và làm theo những điều Bác dặn không?

- Thưa Bác có ạ! - Nguyễn Thế Hải đứng nghiêm đọc liên hồi 5 điều Bác Hồ dạy như đọc đồng thanh ở lớp.

Tất cả đều cười. Nhưng ai cũng vui vì Hải đã trả lời đúng.

Khi Bác cùng các đồng chí lãnh đạo bước lên chùa, Đội thiếu nhi danh dự đã dâng hoa tặng Bác, Bác nhận bó hoa từ tay Liên đội trưởng Nguyễn Toàn Thắng rồi trao cho đồng chí cán vụ.

Bác hỏi Thắng:

- Cháu học có giỏi không? Có được phần thưởng của Bác không?

- Thưa Bác có ạ! Cháu được nhận phần thưởng của Bác hai lần: Một lần một cuốn sổ, một lần hai quả cam.

- Cháu đã được phần thưởng của Bác, cháu phải giúp đỡ các bạn học thật giỏi, lao động thật giỏi... để nhiều người cùng được phần thưởng của Bác, thế mới tốt!

- Thưa Bác vâng ạ!

Kể chuyện Bác Hồ,
Sdd, T. 2, tr. 203.

35. CÁC EM SẠCH VÀ NGOAN THẬT!

Đầu năm 1967, Bác Hồ về thăm tỉnh Thái Bình. Các em thiếu nhi xóm Dân Chủ hát vang bài “Giải phóng miền Nam” đón Bác. Bác hỏi:

- Các cháu có ngoan không?
- Thưa Bác có ạ! Các cháu cùng trả lời.
- Các cháu có vâng lời cha mẹ không?
- Thưa Bác có ạ!
- Các cháu ăn ở có sạch sẽ không?
- Thưa Bác có ạ!
- Chia tay cho Bác xem nào?

Những bàn tay xinh xắn, chìa ra trước mặt cho Bác xem. Bác gật đầu hài lòng lắm vì thấy cuộc sống của các cháu nhỏ ở nông thôn đã thay đổi dần với cuộc sống của dân làng.

Các em sạch và ngoan thật. Bác Hồ lấy kẹo chia cho các cháu rồi lại tiếp tục đi.

Kể chuyện Bác Hồ

Sdd, T. 2, tr. 203.

36. ĐỐI VỚI CÁC CHÁU BÉ

Đối với các cháu bé, Bác có một sự gần bó mật thiết, một tình cảm triu mến, hiền hòa và chu đáo.

Nhớ lại hồi cách mạng mới thành công, Bác Hồ rất thích thú mỗi khi nghe tiếng trống ếch rộn ràng, nhìn những bước đi cổ tỏ ra vẻ oai nghiêm, nhưng vẫn đầy nét trẻ thơ của các em.

Có những lúc từ buồng làm việc trên tầng cao ở Bắc Bộ phủ, Bác phải đứng nhìn qua vai người khác để các cháu không thấy Bác và Bác được tự do ngắm nhìn các cháu. Trong những ngày vui lúc đó, các em thường mặc đồng phục quần xanh, sơ mi trắng, đầu đội mũ ca-lô. Bác đứng nhìn các cháu rất lâu, rất lâu. Người suy nghĩ điều gì?

Buổi tối, khi làm việc, có tiếng hát của cháu bé, Bác ra hiệu dừng lại, cùng lắng nghe. Rồi Bác hỏi:

- Chú thử đoán xem, cháu bé này bao nhiêu tuổi?
- Thừa Bác, năm tuổi.
- Theo Bác thì ít hơn.

Khi hỏi lại các đồng chí bên Đài phát thanh, tôi thấy Bác thường đoán đúng hơn. Có gì khó hiểu đâu, vì Bác đã nghe rất nhiều, nghe rất chăm chú. Và chắc là, vừa nghe, Bác vừa tưởng tượng ra cô bé hoặc chú bé tí xiu đó!

Nhưng tôi vẫn chưa hiểu vì sao đang làm việc Bác vẫn để dài? Có lần tôi hỏi có nên tắt dài đi không, Bác nhìn tôi trầm ngâm nói:

- Cứ để đấy chú ạ. Để nghe cho có tiếng người. Chú ở nhà, dù con khóc hoặc vợ nói dối, có khi nặng lời, nhưng đều là tình cảm gia đình...

Theo **Vũ Kỳ**, **Người suy nghĩ về tuổi trẻ chúng ta**,
Sđd, T. 2, tr. 206.

37. QUẦY QUẦN BÊN BÁC

“Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng. Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu nhi Việt Nam”...

Đó là tiếng hát của các em học sinh thuộc hệ sơ trung của Trường Âm nhạc Việt Nam (nay là Nhạc viện Hà Nội) vang lên sôi nổi trong ngày 1/6/1969 khi các em được vinh dự biểu diễn báo cáo thành tích học tập với Bác Hồ kính yêu lần cuối cùng trước khi Bác mất.

Hôm ấy, tuy sức khoẻ Bác đã yếu nhưng Bác rất vui khi thấy các cháu biểu diễn đàn vĩ cầm, đàn dương cầm rất giỏi và các cháu còn biểu diễn rất hay, rất say sưa những loại dân dân tộc cổ truyền như: sáo, nhị, bầu... Bác gọi các cháu là “những nghệ sĩ tí hon”, “những nghệ sĩ tương lai” rồi Bác hỏi:

- Các cháu phải học giỏi để sau này phục vụ nhân dân.

Bác ôm các cháu vào lòng, hỏi han từng người:

- Cháu chơi đàn gì?

- Bố mẹ cháu làm gì?

Khi các em giới thiệu với Bác cây đàn thập lục và tam thập lục. Bác cười và bảo:

- Ta có tiếng ta, sao các cháu không gọi là đàn 16 dây và đàn 36 dây có hơn không?

Từ đó hai cây đàn này đã được mang một cái tên đơn giản bằng ngôn ngữ dân tộc mà Bác Hồ đã chỉ bảo và mỗi lần nhắc đến cái tên này các em đều nhớ tới Bác.

Sau mỗi tiết mục biểu diễn, Bác vỗ tay thật to và nói:

- Các cháu vỗ tay to lên để hoan nghênh bạn đánh đàn hay chứ!

Khi chia kẹo cho các cháu, Bác bảo:

- Cho cháu này thêm một cái vì bé nhất và đánh đàn hay.

Quây quần bên Bác có các cháu ở thành phố, ở nông thôn, là con em cán bộ, công nhân, nông dân, các dân tộc miền núi, ở cả hai miền Nam Bắc.

Bác Hồ với các mầm non nghệ thuật,

Sdd, T. 2, tr. 208.

- Ai đặt cho cháu cái tên ấy?
- Dạ thưa, các bạn gọi cháu thế ạ.
- Vì sao các bạn gọi cháu là Quốc lủi?
- Thưa Bác... Cháu... Cháu hay trốn trại. Cháu chui qua hàng rào, lủi và các ngõ phố ạ.

Sao cháu không chịu ở trong trại mà lại trốn ra bên ngoài?

- Thưa Bác... ở trong trại khổ cực lắm ạ.
- Khổ cực như thế nào?
- Dạ chúng cháu bị gò bó đủ thứ ạ.
- Cháu nói rõ sự gò bó cho Bác nghe nào?
- Thưa Bác...

Quốc nhìn Bác Hồ mà nước mắt trào ra, nghẹn ngào không nói lên lời. Bác xoa đầu em, Bác đã hiểu thấu tất cả, dù em chưa nói ra được những điều muốn thưa với Bác, Bác khuyên Quốc: “Từ nay cháu phải phấn đấu bỏ cái tên “lủi”, giữ lại cái tên Quốc...”. Nước mắt càng giàn giụa trên hai má Quốc.

Bác Hồ cầm tay em Quốc đi ra chỗ cả trại đang tập hợp đón đợi Bác. Bác thân mật kể cho các em nghe một số gương tốt của thiếu nhi trong kháng chiến chống Pháp, gương tốt của thiếu nhi ở Liên Xô và các nước bạn. Các em đã không cầm được nước mắt khi nghe Bác kể về thời niên thiếu của Bác, Bác đã từng thềm một cái đồ chơi, ước ao một bộ quần áo mới để mặc Tết. Bác cũng đã mò côi mẹ từ năm lên chín, lên mười. Bác đã phải bế em trèo treo bên hông đi xin sữa cho em sau ngày mẹ qua đời.

Bác căn dặn các em như ông dặn cháu:

- Các cháu phải vâng lời các cô, các chú phụ trách. Thiếu nhi thì phải ngoan, phải thật thà, lễ phép với người lớn, kính trọng người già, giúp đỡ người tàn tật yếu đau. Các cháu ở trong tập thể với nhau càng phải thương yêu nhau như anh chị em ruột thịt. Và phải dũng cảm sửa chữa những khuyết điểm, những thói hư tật xấu để lớn lên làm người chủ của đất nước, đừng để mình là cái gánh nặng của xã hội...

Rồi Bác bảo:

- Các cháu có hứa làm được điều Bác căn dặn không nào?

Một tiếng “có” vang lên, đều khắp và sôi nổi. Bác còn dặn thêm các em là, noi gương dũng cảm của liệt sĩ Kim Đồng trong học tập và rèn luyện, em nào đạt kết quả tốt, được ban phụ trách báo lên Bác, Bác sẽ gửi phần thưởng. Và Bác thân mật hẹn: “Nếu cả trại cùng tiến bộ vượt bậc, Bác sẽ còn về thăm các cháu nhiều lần nữa”.

Ngày hôm ấy, Bác đã để lại rất nhiều quà để chia cho các em. Nhận phần quà của Bác cho, nhiều em đã không ăn, cất làm kỷ niệm.

Từ hôm đó trong từng đôi mắt của các em, ngời lên niềm vui nhận quà Bác. Em Quốc không lùi ra ngoài trại nữa mà giữ gìn mình như giữ gìn kỷ niệm quà Bác trong trái tim.

Sơn Tùng, Hoa râm bụt,

Sổd, T. 2, tr. 212.

được dịch ra nhiều thứ tiếng như tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức... Ở Mỹ, ngày 11/8/1971, một nhà xuất bản chuyên ấn hành loại sách phổ cập đã đặt in 50 vạn cuốn *Nhật ký trong tù*. Một tập thơ được xuất bản với số lượng lớn như vậy là điều chưa từng thấy ở Mỹ. Nhiều chiến sĩ đấu tranh chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, bị giam trong các nhà tù của Mỹ, cũng đã thuộc lòng một số bài thơ của Bác. Chẳng phải bây giờ người ta mới thuộc mà trước khi chúng ta xuất bản rộng rãi tập thơ đó, một số đồng chí Trung Quốc đã nhớ nhiều bài trong tập thơ đó.

Quách Mặc Nhược, nhà học giả nổi tiếng của Trung Quốc nhận xét: "... Có một số thơ rất hay, nếu xếp chung vào tập thơ Đường, Tống, c rằng cũng không dễ gì nhận ra". Theo Lô Tấn, thơ theo kiểu cổ, đến nay phần nhiều mất hết sức sống, "tất cả những bài thơ hay đến đời Đường đã làm hết rồi", thì đủ thấy *trình độ Hán học* cũng như thi tài của Bác *uyên thâm xuất sắc* đến mức nào rồi.

Ngoài "*Nhật ký trong tù*" ra, Bác còn làm nhiều thơ bằng chữ Hán, Bác xen vào nhiều bạch thoại, có khi sửa lại câu thơ xưa cho hợp với hiện thực ngày nay. Điều đó chứng tỏ Bác nhớ nhiều và nhớ lâu văn chương cổ điển của Việt Nam, Trung Quốc và vận dụng độc đáo, sáng tạo, linh hoạt trong tác phẩm của mình. Và cũng như trong nhật ký, ngòi bút của Bác chẳng bao giờ ngừng nghỉ, dù là viết chữ Hán đòi hỏi trí nhớ cao. Có thể nói là Bác đã "xuất khẩu thành thơ". Mẫu chuyện nhỏ sau đây đã chứng tỏ điều đó.

Sau khi kết thúc cuộc đi thăm mười nước cộng hoà Xôviết, 19 thành phố và thủ đô trong một tháng trời, sáng

ngày 1/8/1959, Bác sang thăm Trung Quốc. Trên máy bay, Bác thanh thản đọc sách và ngắm cảnh. Khi bay qua biển cát, đến núi Thiên San, thấy phong cảnh nên thơ, Bác đã làm ngay một bài tứ tuyệt như sau:

Vọng Thiên San

*Dao vọng Thiên San phong cảnh hảo
Từ hà bạch tuyết bao thanh san
Triều dương sơ xuất xích như hoa
Vạn đạo hồng quang chiếu thế gian*

Trông núi Thiên San

*Xa xa trông núi Thiên San, phong cảnh đẹp
Răng tía, tuyết trắng ôm lấy ngọn núi xanh
Mặt trời buổi sáng ló ra đỏ rực như lửa
Muôn tia ánh hồng soi khắp thế gian.
Bài thơ đã được Bác tạm dịch như sau:
Xa trông cảnh đẹp núi Thiên San
Ráng đỏ vây quanh, tuyết trắng ngàn
Sáng dậy mặt trời như lửa tía
Muôn hào quang đỏ, chiếu nhân gian.*

Bác đã dịch, biên dịch hoặc biên soạn được biết bao nhiêu tư liệu quý báu nhằm phục vụ kịp thời cho cách mạng. Sau hơn ba mươi năm trời xa đất nước, Bác lại trở về. Trong chiếc va-li mây của Bác (hiện còn ở Viện Bảo tàng cách mạng) chỉ vền vền có mấy thứ, trong đó có quyển *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô* bằng tiếng Hán, Bác lược dịch quyển này làm tài liệu huấn luyện cán

Việc du học bị nghiêm cấm. Thế nhưng Bác vẫn kiên quyết ra đi với hai bàn tay trắng và một vốn tiếng Pháp ít ỏi học được trong nhà trường.

Mùa hè năm 1911, Bác đặt chân lên đất Pháp. Tiếng Pháp là một “trở ngại” trong bước đầu đi tìm đường cứu nước, cứu dân của Bác. Bác hiểu ngay rằng mình phải giao thiệp bằng tiếng Pháp để làm ăn sinh sống, để học tập và hoạt động cách mạng. Nhờ động cơ học tập đúng đắn và mạnh mẽ đó nên Bác đã nhanh chóng tìm ra được nhiều cách học thông minh, sáng tạo. Ngay trên chuyến tàu sang Pháp, Bác đã tranh thủ lúc rỗi để học đọc và viết tiếng Pháp với hai người lính trẻ được giải ngũ trở về Pháp. Họ cho Bác mượn những quyển sách nhỏ bằng tiếng Pháp. Khi đến thành phố Lơ Ha-vơ-rơ, Bác học tiếng với cô Sen. Tóm lại, những người xung quanh dạy Bác học. Muốn biết một vật nào đó tiếng Pháp gọi là gì. Bác chỉ vật ấy rồi hỏi, xong viết vào mảnh giấy, dán vào chỗ hay đề ý nhất, để vừa làm việc vừa học được. Có khi viết chữ vào cánh tay. Tối đi làm về, Bác rửa tay rồi lại viết các chữ khác. Học được chữ nào, Bác ghép câu dùng ngay. Giảng Long-ghe, cháu ngoại Các Mác, là chủ nhiệm báo “Dân chúng”, cơ quan của Đảng Xã hội Pháp (hồi ấy Đảng Cộng sản Pháp chưa thành lập), đã khuyến khích Bác viết về Việt Nam. Nhưng bấy giờ, Bác chưa giỏi tiếng Pháp. Muốn viết gì, Bác phải nhờ luật sư Phan Văn Trường. Ông là một nhà trí thức yêu nước, đậu tiến sĩ luật khoa ở Pa-ri, nhưng ông không muốn ký tên ở dưới và không viết hết điều mà Bác muốn nói, Bác rất khó chịu vì mình kém tiếng Pháp, Bác nghĩ: muốn tuyên

truyền cho nước ta, nhưng không viết được chữ Pháp. Làm thế nào bây giờ? Nhất định phải học viết cho kỳ được”. Bác làm quen với chủ bút tờ báo “Đời sống thợ thuyền”, Bác ngó ý muốn viết bài nhưng ngại vì tiếng Pháp còn kém. Chủ bút bảo: “Điều đó không ngại, có thể nào anh viết thế ấy. Tôi sẽ chữa bài cho anh trước khi đưa in. Anh không cần viết dài; năm sáu dòng cũng được”. Viết xong bài, Bác chép thành hai bản, một bản giữ lại. Lần sung sướng nhất trong đời viết văn, làm báo của Bác là bài đầu tiên được đăng trên tờ “Đời sống thợ thuyền”. Năm ấy là năm 1917. Bác đã so lại xem đúng sai chỗ nào, toà báo sửa cho như thế nào. Sau này, khi thấy đã bớt sai, ông chủ bút lại bảo: “Bây giờ anh viết dài một tí, viết độ bảy tám dòng”. Rồi cứ thế, Bác viết được cả một cột báo, có khi dài hơn. Lúc ấy, người chủ bút (là bạn thân của Bác) lại bảo viết ngắn lại. Rút ngắn cũng khó như kéo dài. Nhờ kiên trì rèn luyện nên Bác đã thành công.

Lần sung sướng thứ hai là khi mẫu chuyện về Pa-ri của Bác được đăng.

Thường thì suốt ngày làm việc, Bác đọc vài trang tiểu thuyết để trau dồi tiếng Pháp và giải trí một chút. Thấy Tôn-xtôi viết giản dị, rõ ràng, Bác rất thích và cũng viết một bài phóng sự về khu phố công nhân nghèo khổ nơi Bác ở. Sáng nào cũng viết từ năm giờ đến sáu giờ rưỡi. Bây giờ phải đi làm. Khi viết trời rét buốt. Ngón tay tê cóng. Sau một tuần cặm cụi, Bác hoàn thành tác phẩm đầu tiên của mình. Bác nói với các đồng chí trong Ban văn học toà soạn báo “Nhân đạo” rằng: “Tôi rất sung sướng nếu

kiện *lịch sử*, nó cũng là tác phẩm *văn học* lớn bằng tiếng nước ngoài trong văn học sử Việt Nam.

Bác dùng tiếng Pháp rất linh hoạt. Trong quãng đời mười năm ở Pháp, Bác đã *diễn thuyết, nói chuyện, phát biểu* ở nhiều nơi. Nhưng đáng chú ý nhất là lời phát biểu của Bác ở Đại hội Tua (năm 1920) và “Bản tham luận về dân tộc thuộc địa” ở Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 5 (năm 1924). Hai lần phát biểu bằng tiếng Pháp đó chứng tỏ nhãn quang sáng suốt và sâu sắc về chính trị cùng tài năng tiếng nước ngoài của Bác, dường như Bác muốn nói gì, diễn tả như thế nào thì tiếng Pháp lúc đó đủ để phục vụ cho nhu cầu đó (Ở Liên Xô còn giữ được bản ghi lời phát biểu bằng tiếng Pháp của Bác ở Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 5 và Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam đã chụp lại được bản ấy). Sau này, khi đã trở thành Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bác vẫn còn dùng tiếng Pháp ở nhiều nơi, nhiều lúc, rất có hiệu quả.

Tháng 5 năm 1946, Bác chủ động đến nói chuyện với một số lính Pháp đóng trong thành Hà Nội. Lúc ấy, quan hệ giữa ta và thực dân Pháp khá căng thẳng. Nhiều đồng chí đã đi theo và bảo vệ Bác. Tướng Xa-lăng giờ đủ ngón này ngón nọ ra với ý đồ “tác động tinh thần”. Thật đúng là Bác đang đi vào nơi hang hùm miệng rắn vậy. Thế nhưng, Bác vẫn thân nhiên, ung dung, dùng thứ tiếng Pháp điêu luyện “rất Pháp” của mình để nói về tình yêu quê hương đất nước, về sự giải phóng nước Pháp khỏi bọn phát xít Đức, về nguyện vọng và ý chí của dân tộc Việt Nam là giành cho được độc lập, tự do... Lính Pháp vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Xa-lăng bị một cú bất ngờ, hấn sợ nguy

cơ phản chiến, nên hốt hoảng vội mời Bác nghị với lý do là “Sợ Chủ tịch mệt” (!?).

Vài ngày sau, Bác sang Pháp, nhiều người lo cho Bác vì bấy giờ đã có một máy bay Pháp chở một vị lãnh tụ ở Trung Đông đâm vào núi. Thế nhưng, “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”, lại cũng vì tin tưởng ở Đảng Cộng sản và các lực lượng cách mạng ở Pháp nên Bác vẫn ra đi. Mấy tháng ở Pháp, Bác đã làm chấn động dư luận Pháp và thế giới, hết sức có lợi cho cách mạng. Có nhiều câu chuyện, ở đây chỉ xin nêu ra một mẫu chuyện có liên quan tới việc dùng tiếng nước ngoài của Bác.

Trong một buổi họp báo của Bác ở Pa-ri có gần một trăm phóng viên các nước đến dự. Một nhà báo tò mò hỏi:

- Thưa ngài Chủ tịch, Ngài là Cộng sản phải không?
- Phải - Chủ tịch Hồ Chí Minh điềm đạm trả lời.
- Ngài đã tham gia phong trào kháng chiến?
- Đã tham gia.
- Bao lâu?
- Gần 40 năm.
- Hình như Ngài đã từng ở tù?
- Ở các nhà tù khác nhau.
- Có lâu không?

Chủ tịch Hồ Chí Minh mỉm cười. Nhìn thẳng vào mặt nhà báo tò mò, Chủ tịch nói: - Ở trong tù, thời gian bao giờ cũng lâu cả.

Trả lời đơn giản và bất ngờ. Đó là sự chế nhạo kín đáo

hay là ý muốn ngắt lời nhà báo thiếu lễ độ nọ? Có một điều rất rõ, người Pháp, người Anh, người Mỹ đã hiểu được rằng con người có chòm râu nhọn ấy có thể mỉm cười ở Pa-ri, Luân Đôn cũng như ở Hà Nội. Đó là nụ cười của một nhà tiên tri biết mở rộng biên giới của hiện tại.

Câu chuyện dưới đây do giáo sư Trần Hữu Tước, anh hùng lao động, Viện trưởng Viện Tai - Mũi - Họng Việt Nam kể lại:

Trong thời gian đàm phán ở Pháp, hoạt động của Bác thật phong phú, Bác đọc nhiều báo và các bài nói về Việt Nam để nghiên cứu. Bác còn đi nghe hoà nhạc, xem vũ ba-lê, tham quan cơ sở bảo tàng... Sau khi ký bản Tạm ước vào nửa đêm 14/9/1946, Bác cùng vài người nữa về nước trên một thông tin hạm dài hơn trăm mét của Pháp. Lúc qua vịnh Cam Ranh để về Hải Phong, đô đốc Đắc-giăng-li-ơ lúc ấy thay mặt Chính phủ Pháp ở Đông Dương điện ra xin gặp, cho nên tàu ghé vào Vịnh. Thì ra chúng bố trí rầm rộ. Hai thủy phi cơ bay lượn quanh chiến hạm bảy tầng lính thủy của Đắc. Đắc kéo hết các loại cờ, giương hết các nòng pháo. Bác chỉ đi với mỗi giáo sư Trần Hữu Tước lên tàu. Đối phó như vậy thật hiệu quả ngay. Khi ra cửa tàu đón, Đắc đã phải nói ngay với giọng cáo giã: “Thưa Chủ tịch, đến tuổi tôi, tôi lại được học rằng, đi với thầy thuốc là... thượng sách!”. Bác chỉ mặc giản dị, thái độ thản nhiên, đường hoàng với phong cách người chủ ở đây, còn sự loè loẹt của chúng lại trở nên xa lạ, ngượng ngùng. Tiệc trên chiến hạm là một cuộc đấu trí. Đề lưu ý xô xiên rằng Bác đang ngồi giữa hai tướng Pháp lưng danh (tức bị “đóng khuôn” kẹp chặt), giữa một bên là

đô đốc thủy quân Thái Bình Dương, một bên là thống soái lục quân Viễn Đông, Đắc-giăng-li-ơ lưỡi dềo queo, vừa cười vừa nói: “Monsieur le président, vous voi la bien encadre par l’ Armeé et la Marine!” (Chủ tịch thật bị “đóng khung” giữa lục quân và hải quân đó!). Hấn cố nói kiểu nhất gừng, tách riêng và nhấn mạnh những tiếng “bien encadre” (thật bị đóng khung). Nói xong, Đắc dương dương tự đắc y cùng đồng bọn cười khoái chí vì câu nói hiểm hóc đó. Nhưng rồi chúng cũng ngồi lịm đi khi Bác mỉm cười, ung dung trả lời ngay: “Mais, vous savez, Monsieur l’ Amiral, c’est le tableau qui fait la valeur du cadre!” (Nhưng mà Đô đốc biết đấy, chính bức hoạ mới đem lại giá trị cho chiếc khung!). Hồi tưởng lại, câu nói của Bác như có một ý nghĩa tiên tri: Pháp thua nhưng “vinh dự là thua Việt Nam”. Trong bữa tiệc, còn nhiều câu trả lời ý vị bằng thứ tiếng Pháp *đúng giọng* và điêu luyện của Bác ứng đối với bọn thực dân. Cuối cùng, chúng thấy thực là đau nên phải thôi cái trò chơi chữ ấy. Nhiều câu chuyện của Bác hồi đó nay đã trở thành những giai thoại diệu kỳ.

Bác Hồ với tiếng Anh

Qua tiếng Pháp, Bác học thêm tiếng Anh.

- *Tại sao di Anh?*

Bác nói là dễ học tiếng Anh.

Bác sang Anh có nhiều mục đích, nhưng chắc chắn cũng là để học thêm một thứ tiếng nước ngoài ở ngay trên đất nước nói tiếng đó. Bác muốn học được nhanh hơn,

thuận lợi hơn nên sang Anh để có một *môi trường* tiếng Anh tốt hơn là ở đất Pháp. Tất nhiên, vẫn phải *vừa làm vừa học*. Ngày nay, đường phố Hây-ma-kít lớn rộng giữa thủ đô Luân Đôn còn ghi dấu vết tiệm ăn khách sạn Các-lơ-ton (Carlton Hotel), nơi khoảng năm 1914 Bác đã làm phụ bếp ở đây, Khách sạn lớn nhất nước Anh hồi bấy giờ có ông vua bếp nổi tiếng là Êt-cốp-phi-e được huân chương vinh dự. Cũng làm ở tiệm này có ông Nam, người đồng hương với Bác.

- Ai đưa anh đến đây, đến nước Anh?

- Tôi đến đây một mình để học tiếng Anh.

- Hay đấy, nhưng tiếng Anh rất khó học. Đã hai mươi năm tôi ở thành phố này mà không biết hơn, ngoài hai chữ Yes và No (vâng và không).

- Phải học chứ. Chúng ta sẽ cùng nhau học.

Trước khi đến khách sạn này, Bác đã đi làm công việc đốt lò. “Ở đây thật đáng sợ” vì luôn luôn ở trong cảnh “tranh tối tranh sáng”, vì “trong hầm hết sức nóng, ngoài trời hết sức rét”. Không đủ quần áo nên Bác bị cảm, phải nghỉ việc luôn hai tuần. Khi Bác trả tiền thuê phòng, tiền bơ, bánh mì và tiền “sáu bài học chữ Anh” rồi, trong túi chỉ còn vền vền có sáu hào rưỡi! Bác đã phải “thắt lưng buộc bụng” để học tiếng Anh trong một hoàn cảnh khó khăn như thế đấy!

Thường ngày, Bác phải làm từ 8 đến 12 giờ, chiều từ 5 đến 10 giờ. Phương tiện học là vài quyển sách và một cây bút chì. Sớm chiều, Bác đến ngồi ở vườn hoa Hay-dơ, nơi

có nhiều cây to, cột đèn cổ xưa để học. Vườn hoa Hay-dơ (Hyde Park) là nơi mít tinh thị uy của nhân dân lao động ở Luân Đôn. Thật là một cuộc “gặp gỡ” kỳ thú! Trước kia, Lênin và Cơ-rúp-skai-a cũng đã học tiếng Anh ở vườn hoa này! Có lần, khi đến thăm một lớp học, Bác nói rằng học tiếng nước ngoài phải kiên nhẫn, vượt khó, có lúc Bác phải ra vườn hoa Hay-dơ học vì “ở đây lạnh không buồn ngủ”.

Quả là như vậy, một ngày làm đến 9, 10 tiếng vất vả, ăn mặc thiếu thốn, tiếng Anh học đã khó lại thêm phương tiện, điều kiện chẳng có gì. Bác phải *tự học, không thầy, không bạn, không trường, không lớp*. Do đó Bác phải tìm một chỗ học thuận lợi hơn, giúp thêm cho nghị lực quyết tâm và điều kiện học của mình hơn. Đó là điều bình thường thôi. Dĩ nhiên, “hàng tuần, vào ngày nghỉ”, Bác vẫn đi học tiếng Anh với một giáo sư người Ý.

Ở Anh không lâu, thời gian học cũng ngắn, thế nhưng trình độ tiếng Anh của Bác chẳng thua kém gì mấy so với tiếng Hán và tiếng Pháp là những thứ tiếng thành thạo của Bác, Bác học tiếng Anh chủ yếu trong thời gian này. Trong tờ báo “Phong trào”, số tháng 10 năm 1969, Rơ-nê Đi-pét có viết rằng: Trên đường đi tìm hiểu thế giới, ở mỗi nơi tàu dừng lại, “đối với anh Ba, đều là một trường đại học”, ở đó anh đã trực tiếp thu lượm được những hiểu biết về sự tàn bạo của bọn tư bản. Tuy vậy, Bác cảm thấy cần phải mở rộng kiến thức của mình bằng sách vở.

Ở Luân Đôn, Bác đã làm nhiều nghề khác nhau để có tiền ăn học. Trong thời gian chiến tranh, Bác đã đi thi giờ

để nghiên cứu lịch sử thế giới, học tiếng Anh và suy nghĩ về tương lai của các dân tộc thuộc địa.

Qua nhiều tư liệu, ta thấy Bác nói giỏi tiếng Anh, thông thạo văn hoá và lịch sử Anh, Mỹ - nhất là Mỹ. Bác đã dịch nhiều đoạn, nhiều câu rút trong báo chí Anh, Mỹ và các nước khác để đưa vào tiểu phẩm của mình. Tài liệu nói về Mỹ của Bác đã lên đến *hàng mấy trăm bài* với các thể loại khác nhau, đề cập *toàn diện và sâu sắc* đến nước Mỹ (Bác ký nhiều tên khác nhau).

Qua thăm nhiều thành phố ở Mỹ như Oa-sinh-tơn, Niu Oóc, Bô-ston... xem nhiều sách báo về Mỹ, những việc đó đã phần nào giúp Bác hiểu tường tận hơn về những *dự đoán khoa học, kết luận cách mạng* thiên tài hơn. Qua nghiên cứu, ta thấy Bác là nhà lý luận về chủ nghĩa thực dân nói chung cũng như về chủ nghĩa thực dân (kiểu mới) nói riêng. Chính tiếng Anh (của Bác) đã giúp nhiều cho Bác trong hoạt động đó. Bác đã đọc biết bao nhiêu là sách tiếng Anh, nào là Uy-li-am Sếch-xpia (1564 - 1616), nhà viết kịch thời Phục hưng, nào là Sác-lơ Đích-ken (1812 - 1870), nhà văn hiện thực phê phán vĩ đại, nào là Ila-ri-ét-bít-chơ Stao (1811 - 1896)... cho đến đủ loại báo chí tiếng Anh như báo “Bang Oóc-lê-ăng mới”, báo tin tức hàng ngày ở Giắc-xon... Bản thân Bác cũng là một nhà báo đã từng viết bài bằng chữ Anh. Khi cùng làm việc với Bô-rô-đin, cố vấn Chính phủ Liên Xô bên cạnh Chính phủ cách mạng Quảng Châu, Bác giữ nhiều nhiệm vụ quan trọng trong đó có việc phiên dịch từ tiếng Hán sang tiếng Anh và ngược lại, Bác đã viết bài và phụ trách mục tuyên truyền cho tờ Quảng Đông ra hằng ngày, báo bằng chữ

Anh của Trung ương Quốc dân đảng. Đó là những ngày cuối năm 1924 và đầu năm 1925. Trong thời gian ở Hương Cảng, Bác đã làm cho hãng Thông tấn Rút-sta (Rulcta) của Anh và đã dành dùm tiền lương để nuôi anh em, đồng chí Việt Nam hoạt động ở đây.

Bài viết chữ Anh của Bác thì nhiều lắm. Hiện nay, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng của ta còn giữ được Bản báo cáo của Bác gửi Quốc tế Cộng sản bằng chữ Anh (tháng 2 năm 1924); Bức thư Bác gửi Quốc tế Cộng sản (tháng 12/1924), bản “Đề nghị” (Proposition) và “Lời kêu gọi” (Appeal) bằng chữ Anh. Đó là những văn kiện lịch sử quan trọng.

Dưới sự chủ toạ của Bác, đại diện cho Quốc tế Cộng sản, Hội nghị thành lập Đảng họp vào ngày 3/2/1930 đã thông qua các văn kiện của Đảng, trong đó có “Lời kêu gọi” này của Bác. Hiện nay ta vẫn chưa sưu tầm được bản gốc bằng tiếng Việt của văn kiện, do đó bản tiếng Anh của “Lời kêu gọi” kèm theo Bản báo cáo của Bác gửi cho Quốc tế Cộng sản (cũng vào dịp đó) có một ý nghĩa quan trọng đối với công việc nghiên cứu lịch sử Đảng ta.

Tiếng Anh còn được Bác dùng nhiều trong việc giao thiệp, tiếp xúc, họp báo. Qua cuốn sách của Trần Dân Tiên, ta được biết thêm một chuyện lý thú: “Cuối năm 1944, một chiếc máy bay Mỹ lượn trên Cao Bằng và bị hỏng máy. Phi công trẻ tuổi - trung úy Sao (Shaw) nhảy dù xuống một hòn núi gần tỉnh lỵ. Sao được Việt Minh cứu thoát.

Trước việc này, Việt Minh đã chỉ thị cho các hội viên

trong toàn quốc phải cố gắng giúp đỡ đồng minh. Những người Việt Minh Nam Bộ đã liên lạc bí mật với nhiều lính Mỹ, Anh bị giam ở Sài Gòn, nhưng vì không hiểu tiếng của nhau nên họ không thể thảo luận và làm những việc có ích hơn (...). Sao rất vui sướng khi được gặp Cụ Hồ gần biên giới. Từ một tháng nay nhịn nói, Sao bây giờ có thể tha hồ nói. Sao thỉnh cầu Cụ Hồ đi với mình đến Bộ Tổng tư lệnh Không quân ở Côn Minh. Cụ Hồ vui vẻ nhận lời... Hai người chia tay sau năm ngày đi với nhau trên đất Trung Quốc (Tất nhiên là Sao đã được năm ngày tha hồ nói!). Bác đến Côn Minh (Vân Nam), người Mỹ gặp Bác để cảm ơn. Sau đó Bác đi Quảng Tây và gặp tướng Sen-nô (Chennault), Tổng tư lệnh Không quân Mỹ ở Trung Quốc. Qua nhiều ngày nói chuyện với tướng Sen-nô, với Đại tá Hê-li-oen (Heliwell), với Trung úy Sao,... Bác nắm được nhiều tình hình. Theo Giu-lơ A-sơ trong cuốn *Hồ Chí Minh - chuyện thần kỳ của Hà Nội*, thì hồi ấy, “trong khi chờ đợi, Cụ đã đồng ý dịch viết và dịch nói cho “Bộ Thông tin chiến tranh của Mỹ” những tài liệu quan trọng lấy được của địch (tức của phát xít Nhật).

Qua tiếp xúc với nhiều hoạt động trên, Bác nắm được rất nhiều tin tức, Bác rất chủ động. Chúng phải tin, phục và kính nể Bác. Việc giúp Sao, việc di thương lượng với phái bộ đồng minh (Mỹ) ở Trung Quốc, việc nhận giúp đỡ các nạn nhân của đồng minh thoát khỏi nanh vuốt phát xít Nhật... là để thực hiện một sách lược phong phú và linh hoạt hết sức có lợi cho đấu tranh cách mạng. Hồi ấy, Bác thường đến cơ quan đồng minh Mỹ trong một khu rừng ở Việt Bắc, nhờ thạo tiếng Anh nên nghệ thuật “tác chiến”

đổi ngoại của Bác càng thêm tài tình. Theo R. Sáp-lên, trong *Điều bí ẩn về Cụ Hồ Chí Minh* (Enigma of Hồ Chí Minh) thì tháng 5 năm 1945, một trung úy Mỹ tên là Giôn nhảy dù xuống Việt Bắc với mục đích nhằm xây dựng một cơ sở giúp các cá nhân của đồng minh thoát khỏi vùng do phát xít Nhật chiếm đóng. Giôn đã sống và làm việc với Bác trong vài tháng. Ngay lúc đó, Bác đã chuẩn bị cho bản “Tuyên ngôn độc lập” về vang của chúng ta sau này. Bác hỏi Giôn có thể nhớ một đoạn văn của bản “Tuyên ngôn độc lập” của Mỹ không? Anh ta trả lời rằng “Tôi là một người Mỹ bình thường, tôi không thể nhớ được. Tôi có thể gọi điện đến Côn Minh và sẽ có một bản thả xuống cho tôi”. Sau này Giôn rất khâm phục Bác: “Cụ dường như thực sự biết (về bản Tuyên ngôn độc lập Mỹ) hơn tôi. Thực tế là, Cụ đã biết hơn tôi về hầu hết mọi thứ”. Mãi sau này, Giôn vẫn còn giữ hai lá thư bằng chữ Anh mà Bác đã gửi cho anh ta ở trong rừng ngay sau khi Nhật đầu hàng đồng minh. Trong thư ấy, Bác đã dùng cả những khẩu ngữ, ví dụ Bác dùng chữ Japs (mang nghĩa xấu, có nghĩa là bọn Nhật - phát xít).

Có lần, một vị Tổng thống của một nước bạn đến thăm. Ta đón tiếp nồng nhiệt. Khách cao tuổi đi không vững. Sau khi ôm hôn, Bác dìu khách đi chậm từng bước dọc theo tấm thảm nhung đỏ. Giản dị, chân tình và khiêm nhường Bác đỡ vị khách lên bục. Khách nói tiếng Anh. Dù Bộ Ngoại giao ta đã bố trí người dịch giỏi, nhưng Bác không câu nệ thủ tục ngoại giao, *nhằm tranh thủ chính trị* nên đã dịch sang tiếng Việt cho mọi người nghe. Không khí gần gũi. Giới ngoại giao ngạc nhiên và xôn xao. Việc

làm ấy, bình thường, không phải công việc của một Chủ tịch nước, nhưng đã có sức cảm hoá lớn. Người ta thấy ngay vẻ ngạc nhiên, kính cẩn của các vị khách đối với “người phiên dịch” hiếu khách, quý bạn vĩ đại này. Ngày lên đường, trong diễn văn từ biệt, vị khách nhiều hơn Bác đến sáu tuổi và là người đứng đầu của một nước lớn này, đã kính trọng gọi Bác là “người anh cả”.

Bác nghe tiếng Anh cũng thạo. Trước cách mạng, hồi còn ở Trung Quốc, Bác đã phải nghe máy thu thanh để theo dõi tin tức quốc tế nhằm phục vụ cho công tác cách mạng. Bác kể lại rằng: Việc nghe ra-đi-ô cũng không dễ, vì lần này là lần đầu tiên mó tay đến cái máy thu thanh, không biết đài nào phát, phát giờ nào và làn sóng nào. Bác thức suốt năm đêm, vận đi vận lại tìm nghe. Đến khuya đêm thứ sáu mới nghe được đài Luân Đôn.

Qua một số mẩu chuyện trên, ta thấy Bác giỏi tiếng Anh về nhiều mặt, cũng vì vậy nên không ai lấy làm ngạc nhiên khi trong thiên hồi ký của mình, đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp có nhắc đến chuyện hồi còn hoạt động bí mật ở Trung Quốc, nhiều đồng chí Trung Quốc ở Quốc Dương cứ mong đồng chí Hồ Quang (một bí danh của Bác) đến công tác để dạy họ “nói tiếng Nga và tiếng Anh”.

Đồng chí Hoàng Xuân Sính (giáo sư, tiến sĩ toán học) cũng nhớ lại một kỷ niệm xa xưa khi mình còn niên thiếu (khoảng 1945 - 1946).

Bác đến thăm trường nữ trung học ở Hà Nội. Sính đang học bài tiếng Anh thì Bác vào, theo sau là cô Hiệu trưởng.

Cả lớp bật dậy vỗ tay nồng nhiệt. Bác ra hiệu cho tất cả ngồi xuống và Sính được tiếp tục đọc bài tập ghép vần. Giọng Sính không được bình thường vì cô bé xúc động trong niềm vui sướng bất ngờ. Vì thế, Sính phát âm sai khá nhiều. Bác đến gần Sính và ôn tồn đọc lại cho nghe những câu trong bài. Sính chăm chú đọc theo Bác, nhưng cảm động nên vẫn đọc sai. Bác kiên trì chữa lại cho từng câu. Hơi nghiêng người về phía Sính, hai tay đưa lên cổ vũ khích lệ, Bác nói dịu dàng: “Cháu đọc thế này mới đúng”.

Bác Hồ với tiếng Nga

“Ông Nguyễn được dẫn đến khách sạn Quốc tế (...), ông Nguyễn rất bằng lòng được ở một căn phòng rộng rãi, ăn uống đầy đủ, sách báo không thiếu”.

Ông Nguyễn bắt đầu học tiếng Nga.

Hai ngày sau, một người Pháp trẻ tuổi, Pôn, đến tìm ông Nguyễn. Đây là một người bạn thân của ông Nguyễn (...).

- Anh đây ư? - Pôn hỏi.
- Vâng, tôi đây - ông Nguyễn trả lời.
- Anh làm thế nào mà đến đây được?
- Như lệ thường thôi, bằng cách bí mật.
- Anh đến đây vào lúc đang buồn. Lênin vĩ đại vừa mới mất (...). Anh thấy xứ này thế nào?
- Tôi thấy rất rét. Ngoài ra không biết chuyện gì khác, vì tôi đã hứa với người cán bộ là không ra khỏi khách sạn.

- A! Đúng thế, ở đây rất nghiêm ngặt, vì có nhiều do thám ngoại quốc tìm cách lọt vào nước này.

- Còn anh Pôn, anh làm gì ở đây?

- Suýt nữa tôi quên nói cho anh biết nhiệm vụ của tôi. Chính bác Ca-sanh đã bảo tôi đến đây xem có đúng anh không, và đưa anh đến Mạc Tư Khoa.

- Thế thì chúng ta đi ngay, Tôi không muốn mất nhiều thì giờ ở khách sạn này, mặc dầu thịt rán và thuốc lá rất ngon.

- Gavaris po ruski? (Anh biết nói tiếng Nga rồi sao?)

- Đa! (vâng)”.

Qua một số câu đối thoại trên đây, ta thấy Bác bắt đầu *học tiếng Nga lúc mới đặt chân lên đất nước Liên Xô*, đất nước của Lênin vĩ đại. Trải qua bao nhiêu nguy hiểm, gian lao, đến khách sạn sang trọng này bình thường ra mà nói, người ta phải nghỉ ngơi một thời gian, thế nhưng Bác đã *tranh thủ học tiếng Nga ngay*. Và chỉ trong một thời gian ngắn, Bác đã nghe và nói được một số câu thường dùng trong đời sống hàng ngày. Đó là một điều làm anh bạn thân của Bác phải ngạc nhiên. Cũng với tinh thần ham học hỏi đó, mà trước sau trong khoảng 5 năm ở Liên Xô, Bác đã có thể nắm được khá thành thạo thứ tiếng thuộc dòng Sla-vơ này, thứ tiếng mà có lần Bác nói là “khó đọc lắm!”. Ta hiểu rằng tiếng Nga là một thứ tiếng *khác xa* với tiếng Việt, Hán và cả tiếng Anh, Pháp nữa. Nói chung chẳng có gì gần gũi với tiếng Việt. Có người đã nói vui rằng: học xong

sáu cách* thì có một cách thứ bảy nữa là “cách chuẩn!” để chỉ những ai đó học tiếng Nga không bền bỉ, thiếu quyết tâm. *Nếu cố gắng thì mọi khó khăn đều có thể vượt qua được.*

Anh hùng lao động Đỗ Chanh, người đã vinh dự được gặp Bác đã kể lại rằng:

Cuối tháng 4 năm 1956, khi kết thúc khoá học, anh chị em lớp cán bộ công nghiệp sắp đi thực tập ở nước ngoài vào thăm Bác. Bác hỏi lớp bao nhiêu người, có khoẻ không, vui không...

- Các cô, các chú đi Liên Xô thì có được học tiếng Nga không?

- Có ạ.

- Học mấy tháng?

- Thưa Bác, bốn tháng ạ.

- Học có tốt không?

Tất cả ngập ngừng, không ai dám trả lời. Bác chỉ mỉm cười, chỉ một đồng chí ngồi gần:

- Chú nói xem nào: “ăn”.

Chả biết lúng túng thế nào, đồng chí đó phát âm sai, tiếng “ăn” gần giống như tiếng “tắm”. Tất cả cười. Bác cũng cười vui.

Bác có kinh nghiệm về học và dùng tiếng nước ngoài. Đó là một điều chắc chắn, riêng tiếng Nga chẳng hạn, Bác

* Sáu cách biến đổi ngữ pháp của tiếng Nga.

đều luôn lưu ý học và dùng tiếng Nga trong nhiều lĩnh vực hoạt động. Thời kỳ ở Liên Xô (từ năm 1933 đến 1938) là thời kỳ Bác có điều kiện trau dồi tiếng Nga hơn cả. Bác vào học trường bồi túc các lãnh tụ do Quốc tế Cộng sản mở. Bác lấy tên là Li-nốp, giống với tên gọi Nga. Khi viết bài bằng tiếng Pháp để gửi về nước, Bác lại lấy tên là Lin cho hợp với tên gọi Pháp. Bác cũng làm việc ở Viện Nghiên cứu lịch sử phương Đông của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

Theo đồng chí Nguyễn Khánh Toàn thì “Bác vào trường Lênin là trường Đảng cao cấp cho các lãnh tụ các nước ngoài”, rồi sau chuyển hẳn sang Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, đồng thời làm việc ở Quốc tế Cộng sản. Bác vào học lớp nghiên cứu sinh Ban Sử học của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Bác cũng đồng thời “nhận phiên dịch ra tiếng Việt tài liệu”.

Bác đã từng viết rất nhiều bài cho một số báo chí Liên Xô như “Đời sống công nhân Ba-kin-xki”, “Tiếng còi”, “Tạp chí Đỏ”, “Thời mới”, “Sự thật”... Bác cũng từng đi nhiều nơi trên đất nước rộng lớn nhất thế giới này, từng tiếp xúc với nhiều người, nhiều tầng lớp. Vì thế, Bác nói và nghe được tiếng Nga.

Theo nhà báo Thép Mới, người được đi cùng với Bác sang thăm Liên Xô năm 1955, thì một đồng chí ở Mạc Tư Khoa cho rằng: Từ trước đến nay, những người nổi tiếng trên thế giới đến Liên Xô mà nói được tiếng Nga có đồng chí Mô-rít Tô-rê (Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp), nhà

nghệ sĩ da đen người Mỹ Pôn Rốp-sơn và nay có đồng chí Hồ Chí Minh nữa là ba”.

Bác đã sang thăm Liên Xô nhiều lần, đi nhiều nơi, đến đâu cũng nói một ít tiếng Nga. Riêng trường “Ngoại ngữ Hồ Chí Minh” ở Icc-kút, Bác đã đến thăm mấy lần. Đây là một học viện dạy tiếng nước ngoài của Liên Xô mang tên Bác vào cuối năm 1969 và là trường kết nghĩa với Trường đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Nhà trường còn giữ lại nhiều kỷ niệm đẹp về Bác. Các đồng chí Liên Xô vẫn còn nhắc lại với lòng xúc động về những buổi gặp gỡ Bác xưa kia. Chính tiếng nước ngoài mà Bác đã dùng làm tăng thêm bầu không khí ấm cúng trong tình đoàn kết quốc tế đó.

R. Các-men, nhà điện ảnh Liên Xô, người làm bộ phim “*Việt Nam trên đường thắng lợi*”, đã được gặp Bác trong một căn nhà nhỏ ở Việt Bắc. Bác nói chuyện với Các-men bằng tiếng Nga:

- Cụ học tiếng Nga như vậy có khó khăn không?
- Người cách mạng phải biết tiếng nói của Lênin!

M. Giu-láp-xki, nhà văn và là nhà báo Ba Lan sang thăm Việt Nam, được gặp Bác nhiều lần. Lần gặp thứ hai của ông là một ngày thu năm 1954. Giu-láp-xki bước vào một căn nhà lợp rạ, tường quét vôi trắng. Ông chưa kịp uống nước thì Bác bước vào và chào bằng tiếng Nga. Buổi nói chuyện thân mật bắt đầu. Bác ra hiệu cho đồng chí phiên dịch không phải dịch nữa, rồi ngồi nghe đồng chí phóng viên báo “Sự thật” (Liên Xô) nói chuyện. Đôi khi Bác trả lời lại bằng tiếng Nga. Thỉnh thoảng Bác còn nói

chuyện bằng tiếng Ý với phóng viên tạp chí “Đoàn kết” (Unita), cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Ý; bằng tiếng Anh với phóng viên báo “Công nhân” (Worker), cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Mỹ. Tất cả những người nước ngoài có mặt hôm ấy đều tò mò về ngạc nhiên, khâm phục. Dường như đoán được điều đó, Bác mỉm cười nói bằng tiếng Pháp:

- Các nhà báo nước ngoài thường hay kể những chuyện phóng đại về tôi. Nhưng cũng có những chuyện đúng. Khi còn trẻ, quả thật tôi có làm bồi bếp trên tàu, có đến Mỹ, Anh, Đức. Tôi cũng đã từng sống ở Pa-ri và bắt đầu hoạt động cách mạng cùng các đồng chí Pháp. Nhiều lần tôi qua Liên Xô, Trung Quốc. Ở đâu tôi cũng được công nhân dạy cho tiếng của nước họ. Tôi sống cùng với công nhân ở Ý rồi cả ở châu Mỹ nữa...

Đới Hoàng, một nhà văn Trung Quốc, tác giả quyển hồi ký *“Ghi lại những ấn tượng về Chủ tịch Hồ Chí Minh”* cũng nói lên những cảm tưởng tương tự. Nhưng thời gian xảy ra trước buổi gặp mặt trên ít tháng và không gian là một địa điểm kín đáo trong rừng sâu Việt Bắc. Đó là bữa tiệc liên hoan mừng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Đới Hoàng có nhiều ấn tượng đẹp về Bác, trong đó việc sử dụng tiếng nước ngoài của Bác là một “ấn tượng” sâu sắc, Bác đã dùng tiếng Nga, tiếng Pháp thăm hỏi tình hình sinh hoạt của các bạn bè quốc tế, hỏi về việc ăn uống, nhà ở, khí hậu ở rừng xứ nóng, đường sá khô ướt ra sao... Lúc nói với Đới Hoàng, Bác lại dùng tiếng Hán.

Bữa tiệc diễn ra trong bầu không khí tung bừng náo

nhật. Ai cũng muốn vui chung, muốn nói lên những cảm nghĩ đang rạo rức trong lòng mình, nhưng rồi đành chịu ngồi yên vì vương phải “hàng rào ngôn ngữ”. Dường như đoán được điều đó, Bác nói: “Nào các đồng chí có gì cứ nói hết đi, tôi làm phiên dịch cho các đồng chí”. Bác nhắc nhở mọi người ăn, giục “cạn chén”, “không được làm khách”. Câu nào cũng nói bằng đủ các thứ tiếng Nga, Hán, Pháp...

Trong thiên hồi ký của mình, Đời Hoàng cũng khâm phục nhắc đến việc Bác thường trực tiếp đọc và dịch những tác phẩm của chủ nghĩa Mác - Lênin, và đã dịch cuốn tiểu thuyết “Tinh uy bí mật” của Liên Xô (tiếng Nga) sang tiếng Việt.

Lại nữa, có lần đoàn chuyên gia các nước anh em vào chúc Tết Bác. Vì trường hợp đặc biệt nên lần này không có phiên dịch. Thấy mọi người có vẻ lúng túng, Bác mỉm cười bảo: “Thôi được, Bác sẽ dịch cho!”. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói đến đâu, Bác dịch đến đấy bằng các tiếng Nga, Hán, Anh, Pháp. Các đồng chí chuyên gia nhìn Bác với một vẻ khâm phục, triu mến. Không khí càng thêm chan hoà, thấm tình hữu nghị anh em. Sau buổi tiếp khách, Bác bảo: Dịch không phải dễ đâu, tiếng nói là phải chính xác. Bác kể có một đồng chí phiên dịch đã dịch câu “Chúc Hồ Chủ tịch mạnh khoẻ sống lâu” sang tiếng Việt là “Chúc Hồ Chủ tịch bách niên giai lão!” (Câu dùng để chúc cô dâu chú rể trong các đám cưới). Tất cả mọi người có mặt đều phá lên cười vui vẻ, đồng thời ai nấy đều hết sức thấm thía những lời khuyên của Bác.

Bác thường dùng tiếng Nga để tiếp khách, nói chuyện và thường chỉ dùng một số câu, nhưng cũng có khi Bác trò chuyện khá lâu với các đồng chí Liên Xô. Hai mẫu chuyện sau đây đã chứng tỏ điều đó.

Tơ-ra-chi-a-cốp, Thuyền phó thứ nhất tàu Giắc-gin-xki (Liên Xô) phát biểu rằng: ngày 30/5/1957 là một ngày rất vui mừng của thủy thủ tàu này, vì đồng chí Hồ Chí Minh đã tới thăm tàu, đặc biệt là “trong cuộc nói chuyện thân mật với anh em thủy thủ, đồng chí Hồ Chí Minh luôn dùng tiếng Nga, mà không cần phiên dịch, chúng tôi rất vui sướng khi thấy Người nói tiếng Nga một cách thông thạo”.

Xéc-gây-đô-rốp, Trưởng ban thuộc Viện Nghiên cứu toàn Liên bang về nghề đánh cá biển và bản đồ đại dương của Liên Xô đang công tác ở Việt Nam, đã đến gặp và trò chuyện thân mật với Bác vào một ngày gần cuối năm 1959. Trong thiên hồi ký viết mười năm sau, đồng chí cảm thấy sâu sắc rằng: Dù các buổi gặp gỡ có trôi qua theo năm tháng đi nữa, nhưng đồng chí vẫn nhớ rõ những chi tiết nhỏ nhất của bầu không khí vô cùng ấm cúng và thân thiết mà người đã tạo nên.

Sáng 25/8/1957, Bác đã trực tiếp nghe được “tiếng nói của Lênin” khi tới thăm phòng làm việc của Người ở Điện Xôn-ni, Bác rất chăm chú nghe bài diễn văn của Lênin được thu vào băng đĩa nhan đề: “Chính quyền Xôviết là gì?”. Những câu hỏi, những lời nhận xét của Người chứng tỏ rằng hiểu biết rất rõ, rất sâu sắc ngay cả các vấn đề nghiên cứu khoa học về biển, đại dương.

“Đồng chí Hồ Chí Minh hỏi chuyện chúng tôi bằng tiếng Nga rất thạo”.

Tiếng nói đó cũng góp phần làm tăng thêm bầu không khí đoàn kết hữu nghị giữa các nước anh em. Nhà báo Úc Man-côm Xan-mơn (đã từng dạy tiếng Anh ở Hà Nội trong 3 năm), khi được tin Bác mất đã nhớ lại quang cảnh tiêu biểu, mang nhiều ý nghĩa sâu sắc, diễn ra hồi 9 năm về trước. Xan-mơn thấy Bác tươi cười từ trong hội trường đi ra, hai tay quàng vai hai người đi hai bên, đó là đồng chí Trường đoàn đại biểu Liên Xô sang dự Đại hội lần thứ 3 của Đảng Lao động Việt Nam, và đồng chí Trường đoàn đại biểu Trung Quốc. “Chủ tịch Hồ Chí Minh rất hoạt bát. Cự quay sang bên này nói bằng tiếng Trung Quốc, lại quay sang bên kia nói bằng tiếng Nga. Dáng người mảnh dẻ của Cụ có sức hấp dẫn hai vị khách. Cảnh tượng đẹp đẽ ấy diễn ra ngay trong ngày bế mạc đại hội, lúc các đại biểu chia tay nhau ra về.

Bác Hồ với các thứ tiếng khác

Trong bản lý lịch đại biểu dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 7, Bác đã ghi: biết các thứ tiếng Pháp, Anh, Trung Quốc, Ý, Đức, Nga. Trong bản lý lịch in sẵn bằng hai thứ tiếng Anh, Pháp: “Đồng chí biết những thứ tiếng gì?”, Bác đã viết bằng tiếng Nga để trả lời câu hỏi ấy, dưới ký tên bằng chữ Nga (Аул). Như vậy là rõ: Ngay từ năm 1935, ngoài tiếng Hán, Pháp, Anh, Nga được xem là những ngôn ngữ quốc tế thông dụng ra, Bác còn biết cả tiếng Đức và Ý cũng là hai thứ tiếng quốc tế nữa.

Bác học tiếng Đức từ bao giờ?

Năm 1923, trên đường đi công tác, Bác tuy chỉ ghé qua thủ đô Bá Linh trong một thời gian ngắn, Bác vẫn học và có học được tiếng Đức. Lúc học, Bác mua báo Đức để tập đọc. Bác nói: “Tiền mua một tờ báo lúc đó trải rộng ra bằng cả tờ báo!”. Chúng ta biết rằng hồi ấy nước Đức đang bị nạn đói nghiêm trọng, nạn lạm phát tồi tệ. Theo Xanh-tơ-ni, một nhà ngoại giao Pháp thì hồi ấy ở Bá Linh, Bác đã học xong phần cơ bản của tiếng Đức. Nhờ biết nhiều thứ tiếng nên Bác học tiếng Đức cũng nhanh và với việc dùng thường xuyên, với phản xạ nhạy bén mà sau này Bác có thể sửa vài chỗ đồng chí phiên dịch không chính xác. Như khi sang thăm nước Cộng hoà dân chủ Đức chẳng hạn, Bác đến nói chuyện với anh chị em học sinh thực tập sinh Việt Nam cùng các thầy cô giáo Đức. Đồng chí giỏi tiếng Đức nhất lớp được cử ra dịch. Bác giới thiệu có đồng chí Bộ trưởng Bộ Giáo dục cũng đến đây, nhưng đồng chí ấy lại dịch thành Bộ trưởng Bộ Văn hoá. Bác đã chữa lại cho.

Còn nhớ có một lần, một nhà điêu khắc nước Cộng hoà dân chủ Đức tỏ ý mong đáp tượng Bác. Nề lắm Bác mới nhận lời. Trong quá trình làm việc, đồng chí ấy mới biết Bác có thể nói được nhiều thứ tiếng, trong đó có tiếng Đức. Nhà điêu khắc tài giỏi này lúc ấy mới thấy mình lãng phí, không điều tra nghiên cứu kỹ tình hình nên đã đưa cả phiên dịch sang.

Về đọc, Bác cũng thành thạo. Khi đoàn Việt Nam đi dự Đại hội liên hoan thanh niên thế giới ở Đức về, đang tự

học quanh đồng lửa thì Bác đến. Một người đưa cho Bác một lá thư dài bằng tiếng Đức. Đây là thư của một tù binh Đức trong quân đội lê dương bị bắt trong chiến dịch biên giới năm 1950. Do chính sách khoan hồng nhân đạo của chính phủ ta nên anh được trao trả về nước. Người tù binh ấy hiểu rõ sự thật, trong thư, anh gửi tặng Bác ảnh hai vợ chồng, anh báo tin là vợ anh có mang, anh xin Bác nhận làm cha đỡ đầu cho đứa trẻ... Bác dịch ngay tức khắc cho mọi người nghe, dịch tới đâu ai nấy đều phá lên cười vui vẻ đến đấy...

Như vậy là, tiếng Đức tuy Bác ít sử dụng và không được thành thạo bằng các thứ tiếng Pháp, Anh, Nga của Bác thế nhưng nhiều người - kể cả người Đức - cũng vẫn kinh ngạc về vốn liếng thứ tiếng của Mác - Ăng-ghe-nh này của Bác. V. Xan-bao, Ủy viên thường trực Ban thư ký Ủy ban đoàn kết với Việt Nam của Cộng hoà dân chủ Đức được gặp Bác. Đồng chí cảm thấy “một điều rất lạ là sau 37 năm trời - kể từ năm Bác qua hoạt động bên nước Đức - Bác vẫn nói tiếng Đức một cách chính xác”.

Về tiếng Ý, cũng có một mẩu chuyện vui vui. Khi còn hoạt động bí mật ở nước ngoài, trên đường đi công tác, Bác ghé qua nước Ý. Đến biên giới, bọn cảnh sát canh gác biên phòng của bọn phát xít đã giở xem quyển “Tự điển chống cộng quốc tế” dày khoảng 2000 trang, ghi tên tuổi những người cách mạng các nước từ vần A đến vần Z. Khi không thấy tên mới của Bác trong đó, chúng chào lễ phép: “Mời ông cứ đi!” Thế là Bác vào được nước Ý, nơi mà phụ nữ “hát rất hay”, “trong như tiếng chuông”. Bác

đã đến cửa biển Náp-lơ, đi thăm núi lửa Vê-xu-vô, đi tích phố Pom-pê-i, thủ đô Rô-ma và đến dự hội chợ Mi-lăng. Ở đây có một cái tháp cao, lên tháp xem phong cảnh xung quanh phải mua vé. Bác đã chào cụ già gác tháp và hỏi bằng tiếng Ý: “Sao cụ, đời sống thế nào?”, “Ồi, khổ lắm ông ạ! Biết bao giờ sẽ chấm dứt chế độ này!”. Rồi Ý, Bác đáp tàu Nhật sang Xiêm.

Về Xiêm (nay gọi là Thái Lan), Bác lấy tên là Thầu Chín, hoặc Chín Thầu nghĩa là ông già Trung Quốc. Bác đóng vai một nhà báo Trung Quốc. Theo đồng chí Lê Mạnh Trinh, người xưa kia đã được Bác dạy bảo thì bây giờ “việc tổ chức kiều bào còn mắc bệnh hẹp hòi: Ở đất nước người ta lâu mà tiếng Xiêm, chữ Xiêm cũng không học, vì anh em cho rằng không bao lâu nữa, không đi nước ngoài thì cũng về nước để tuyên truyền, vận động, chứ chẳng ăn đời ở kiếp ở nơi đây. Mặt khác, tình hình có nhiều khó khăn, phong trào trong nước bị khủng bố dữ dội, anh em thấy tiền đồ cách mạng còn đen tối”. Trước tình hình ấy, Bác chủ trương “làm cho quần chúng Xiêm có cảm tình với cách mạng Việt Nam”, “xin phép Chính phủ Xiêm cho lập trường học cho trẻ em Việt kiều, khuyến khích mọi người học tiếng Xiêm”. Thầu Chín cổ động mọi người trong cơ quan hợp tác cùng học chữ Xiêm; số người cùng học được mười người. Khi đặt chương trình, Thầu Chín đề ra trong thời gian đầu, mỗi ngày học 10 chữ, về sau tăng dần lên. Mọi người chê ít, đòi học nhiều hơn.

Thầu Chín chủ trương học 10 chữ thôi. Mọi người cho

rằng nhất định mình học được. Chưa đầy 3 tháng, Thầu Chín đã xem được báo chữ Xiêm (còn những người khác thì chỉ hăng hái, vô vập lúc đầu, về sau dần dần “bữa đực bữa cái”. Kết quả “chữ thầy lại theo thầy!”.

Lớp học tiếng Xiêm kể trên là lớp học ngoài giờ làm việc, “lớp không chuyên”, thì sức học như Bác đề ra là hợp lý, bảo đảm thành công mà trí nhớ không bị suy yếu vì học quá nhiều, quá khó trong một lúc, nhất là vào thời gian đầu. Sở dĩ Bác học chữ, tiếng Xiêm được nhanh và tốt như vậy, là nhờ mục đích cao đẹp tạo nên sự say mê, hào hứng, thái độ nghiêm túc kiên trì, kinh nghiệm già dặn trong việc học tiếng nước ngoài, cộng với một sự hiểu biết sâu sắc về ngôn ngữ của Bác.

Chính nhờ nhiều nhân tố học tập đó mà trong quá trình học tập, rèn luyện, Bác Hồ kính yêu của chúng ta cũng đã nắm được tiếng Tây Ban Nha. Do thông thạo tiếng Anh, Pháp, Bác học tiếng Tây Ban Nha chẳng lấy gì làm khó khăn cho lắm. Hơn nữa, con người với “đôi bàn chân đã đi khắp thế giới” ấy, từng đặt chân lên nhiều nơi ở vùng châu Mỹ La-tinh như Pa-na-ma, U-ru-goay... là những nước nổi tiếng như Tây Ban Nha, lại còn đến cả Tây Ban Nha nữa, thì chắc rằng cái vốn của thứ tiếng quan trọng đứng hàng thứ ba về số người nói (sau tiếng Hán và Anh) này của Bác cũng không phải là quá ít ỏi. Trước khi trúng cử Tổng thống nước Cộng hoà Chi-lê, ông Xan-va-do A-gien-đê Gót-xen đã sang thăm Việt Nam. Tháng 6/1969, A-gien-đê được gặp người tượng trưng cho cả dân tộc Việt Nam: Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vị chính khách

được gặp Bác này bày tỏ niềm kính phục vô hạn trước đức độ, tài năng của Bác. Riêng về tiếng nước ngoài, xin trích ra đây một đoạn “băng ghi âm” cuộc nói chuyện giữa Tổng thống và nhà báo Pháp Rê-gi Đơ-bray:

Đơ-Bray: Đồng chí Hồ Chí Minh rất giản dị trong cách đối xử.

A-gien-đê: Thái độ của Người giản dị không thể tưởng tượng được. Trong cách đối xử với chúng tôi, Người thân ái một cách đặc biệt! Nổi bật khi Người nói với chúng tôi bằng tiếng Tây Ban Nha: “Cảm ơn các đồng chí!” và bao giờ cũng vậy, Người nói thêm: “Đất nước các đồng chí ở xa quá!”. Tôi ngạc nhiên hỏi Người học tiếng Tây Ban Nha ở đâu?”. Người kể rằng, trước đây, Người đã từng đi dọc bờ biển châu Mỹ La-tinh làm phụ bếp trên những tàu buôn. Con người từng bôn ba ở nước ngoài, từng kiếm sống bằng nghề nấu bếp bình thường ấy đứng trước chúng tôi giản dị như thế mặc dù có một sức hút mạnh mẽ trên thế giới. Đồng chí Hồ Chí Minh hiểu rất rõ thực tế của các dân tộc chúng ta.

Chẳng những Bác hiểu rõ thực tế của các dân tộc Hán, Pháp, Anh, Nga mà còn hiểu cả tiếng nói của các dân tộc ấy nữa. Nhằm phục vụ cho lý tưởng cao đẹp của mình, Bác chẳng nề hà ngần ngại điều gì. Một mặt, Bác học tiếng Hán, Pháp, Anh, Nga... là những thứ tiếng nước ngoài có ý nghĩa “thế giới”, “quốc tế” của nó, mặt khác khi cần thiết, Bác cũng học cả một vài thứ tiếng *ít được dùng* trên thế giới như tiếng Xiêm, Tiệp, và những thứ tiếng của các dân tộc ít người sống trên lãnh thổ Việt

Nam, chỉ lưu hành trên vài vùng nhỏ hẹp mà thôi. Ở Viện Bảo tàng Cách mạng, chúng ta vẫn còn giữ được bút tích Bác học tiếng Tày hồi ở Việt Bắc như thế nào. Mới về Pác Pó, chẳng bao lâu, Bác đã nói được tiếng Nùng, giao thiệp với đồng bào ở vùng “quê hương thứ hai” của Bác (người Pác Pó nói tiếng Nùng). Chẳng những thế, Bác còn đặt một bài hát bằng tiếng Nùng rồi dạy dân cho các đồng chí ở xung quanh. Đó là “Bài hát thiếu niên cứu quốc hội” theo một điệu dân ca Nùng, một số câu dịch ra tiếng Kinh đại ý như sau:

*Thiếu niên ta ở trong Cứu quốc hội
Phải học để cứu nước nhà
Theo người lớn đánh Tây đuổi Nhật
Ta tự cứu lấy ta...*

Bác đã đi hầu hết các tỉnh miền núi ở miền Bắc, Bác lên vùng cao cũng như xuống vùng thấp, quen biết rất nhiều địa phương. Nhiều khi vào một bản, nhân dân quây quần lại, khi thì Bác nói tiếng Kinh, lúc lại nói tiếng Tày, Nùng... tiếng quê hương của các dân tộc ít người. Bác thường khuyên cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền ngược *cần phải học tiếng địa phương*, nếu không như vậy thì “nửa cầm nửa diếc”, “khó gần gũi quần chúng”. Bác nói: “Người Kinh lên miền núi công tác phải học cho được tiếng dân tộc. Không học tiếng dân tộc, bà con bảo đau đầu lại cho thuốc đau bụng, thế là bệnh chẳng khỏi mà có khi gây nguy hiểm chết người nữa”, “Người dân tộc này phải học tiếng nói của người dân tộc khác để hiểu biết nhau hơn, giúp đỡ nhau học tập dễ dàng hơn và sau này

nếu đi công tác ở vùng không phải dân tộc mình, cũng làm việc được tốt hơn”.

Anh hùng La Văn Cầu người dân tộc Tày, đại biểu Quốc hội được gặp Bác. Trong câu chuyện đậm đà giữa Bác và người anh hùng đã nhờ đồng đội chặt tay mình để xông lên diệt địch này, Bác có dùng xen vào tiếng dân tộc. “Bác phát âm, dùng từ rất đúng”. Bác đề nghị anh nói chuyện cho một số người ở cơ quan trung ương nghe. Anh e ngại vì tiếng phổ thông (tiếng Kinh) chưa thành thạo, mà nói tiếng Tày thì người nghe lại không hiểu. Bác động viên: “Cháu biết tiếng phổ thông thế nào thì cứ nói thế ấy!”. Nhờ sự cổ vũ của Bác, anh đã nói chuyện thành công. Sau đấy, Bác lại còn khuyến bảo thêm: “Cháu nói được tiếng phổ thông rồi, nhưng muốn nói thạo hơn, thì nên xem nhiều sách báo và mạnh dạn dùng tiếng phổ thông, không sợ sai, sai sẽ sửa, trước lạ sau quen”.

Biết bao nhiêu đồng chí ta nhờ vâng theo lời Bác mà đạt được nhiều thắng lợi trong công tác, vừa giỏi chính trị chuyên môn lại vừa giỏi tiếng dân tộc (hoặc tiếng Kinh), tăng cường đoàn kết, giúp đỡ nhau, cùng dắt tay nhau vươn lên, vươn mãi. Và chính Bác cũng là hiện thân của đoàn kết, nguồn gốc của mọi thắng lợi - đoàn kết dân tộc, đoàn kết trong nội bộ từng dân tộc, giữa các dân tộc với nhau, giữa dân tộc ít người với dân tộc nhiều người, đoàn kết giữa nhân dân ta với nhân dân thế giới.

Bác Hồ với tiếng nước ngoài,

Sdd, T. 2, tr. 216.

40. BÁC HỒ Ở PÁC BÓ

Ngày mùng 3 tết, năm Tân Tị, tức ngày 8 tháng 2 năm 1941 Bác về đến Pác Bó. Pác Bó thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng. Nơi đây núi rừng trùng điệp và địa thế hiểm trở rất có lợi cho hoạt động bí mật của cán bộ Việt Minh, nhiều cơ sở cách mạng ở vùng Pác Bó đã được xây dựng vững chắc. Gia đình cụ Máy Lý là một trong những cơ sở chúng tôi chọn làm nơi để Bác ở và làm việc. Gia đình chỉ có ba người, cụ ông, cụ bà và cô con gái. Nhà không được rộng nhưng thoáng mát, ngay bìa rừng và kín đáo, đi lại rất thuận tiện. Gia đình đón tiếp Bác và chúng tôi rất thân mật.

Sau bữa cơm tết chiều mùng 3, Bác đã chỉ thị chúng tôi phải nghiên cứu từng nơi ở và làm việc cho thích hợp và kín đáo hơn. Bác nói đại ý: “Ở đây dựa vào dân thì có nhiều thuận lợi nhưng cũng có cái không lợi cả cho yêu cầu hoạt động bí mật của ta mà cũng không tiện cho sinh hoạt của dân, nên phải “sáu sán” thôi...”. “Sáu sán” tiếng địa phương có nghĩa là vào núi. Mà đã vào núi thì phải ở hang hoặc dựng lán... Và ngay tối hôm đó bên bếp lửa nhà sàn, Bác hỏi cụ Máy Lý ở đây có chỗ nào mưa không hắt tới không? Như vậy chúng tôi hiểu ý Bác là phải ở hang. Chúng tôi bàn cách tìm hang. Cụ Máy Lý cho biết, gia đình cụ có một cái hang sâu và rất kín dùng lánh nạn khi có biến (có phi về cướp, giết). Sáng hôm sau (ngày mùng 4 tết), chúng tôi mời Bác đi. Xem hang nhà cụ

Máy Lý, Bác ưng ngay. Chúng tôi quyết định tiến hành công tác chuẩn bị vào hang. Anh Phùng Chí Kiên giao cho tôi liên hệ với cơ sở để chuẩn bị các thứ. Anh Cáp, anh Lộc được phân công trở lại hang nghiên cứu thêm lối vào, đường ra và tình hình cụ thể trong hang.

Cụ Máy Lý cho chúng tôi mượn 5 tấm ván gỗ nghiêng. Ván hơi ngắn nên khi kê để ngủ phải nằm hơi co mới đủ chỗ cho 5 người. Chúng tôi chặt cây làm một cái giá trên có tiếp nửa để Bác và anh em đặt túi đựng quần áo.

Ngày 5 tết thì Bác và chúng tôi dọn vào hang. Cùng ở hang với Bác có anh Phùng Chí Kiên, Hoàng Sâm, Thế An, anh Cáp, anh Lộc và tôi. Nhóm công tác của chúng tôi do anh Phùng Chí Kiên phụ trách, còn các anh Quốc Vân, Đức Thanh (tức Đàm Minh Viễn) là đường dây liên lạc đồng thời phụ trách lực lượng vũ trang bảo vệ vòng ngoài.

Ở hang được ít lâu, chúng tôi thấy trong người rất mệt. Sức khoẻ của Bác lúc đó cũng không được tốt lắm. Người gầy, nước da xấu, ăn uống kham khổ mà Bác lại làm việc căng thẳng nên chúng tôi rất lo.

Tuy nói là bảo vệ Bác, nhưng thực chất Bác lại là người dạy chúng tôi rất nhiều trong công tác bảo vệ. Bác quan tâm giáo dục chúng tôi chi li từng việc rất nhỏ. Những việc tiếp xúc với dân trước hết phải được nhân dân quý mến, tin tưởng nhưng đồng thời phải có câu chuyện hoá trang hợp lý đảm bảo giữ bí mật công việc cách mạng đang làm. Và thực tế chúng tôi đã làm tốt lời

Bác dạy. Những cơ sở cách mạng ở vùng Pắc Bó ngay cả như anh Đại Lâm cũng chỉ biết có cán bộ Trung ương quan trọng về nhưng không biết có bao nhiêu người, cụ thể là ai và hiện nay ở đâu.

Còn chuyện nhận lương thực do dân giúp đỡ, Bác dạy mỗi lúc phải có giờ giấc, cách làm, cách đi lại khác nhau không để địch nắm được quy luật hoạt động của ta, ngày nhận lương thực chuyển đến phải luôn thay đổi; mang lương thực trên đường phải hoá trang hợp lý và đường đi phải có hướng thay đổi luôn. Gạo và muối do các cơ sở vận động quyền góp không nên tập trung để ở một nhà, phải phân tán mỗi nơi một ít. Đồ dùng cho hậu cần mượn của dân phải mỗi nhà một thứ, thậm chí có thứ phải mượn nhiều nhà... Bác kể cho chúng tôi nghe rất nhiều những mẫu chuyện về đời hoạt động của Bác khi còn ở nước ngoài, nội dung mỗi chuyện tuy xảy ra ở các nước khác nhau nhưng đều nhằm giáo dục chúng tôi ý thức giữ bí mật. Cuối cùng Bác dạy: “Trong điều kiện và hoàn cảnh cách mạng nước ta hiện nay, bí mật phải được coi là nguyên tắc trong mọi hoạt động của Đảng...”.

Tuy nói lúc đó Pắc Bó là khu vực an toàn hơn các khu khác trong vùng, nhưng lại là nơi kẻ địch luôn dòm ngó, tìm kiếm, tổ chức phục kích các ngả đường nghi có cán bộ ta đi qua. Cách nơi Bác về phía bản Lũng 10 cây số, chúng dựng đồn với hơn một trung đội lính đông do Pháp chỉ huy tổ chức tuần tra, kiểm soát, bắt bớ hoặc càn quét những bản nghi có cán bộ ta hoạt động. Đồng thời hoạt

động của bọn phi lúc này cũng rất táo tợn nên chúng tôi càng lo lắng, trần trở về nhiệm vụ bảo vệ Bác.

Hằng ngày sau giờ làm việc buổi chiều, Bác thường đi dạo leo núi, nhưng thực ra là Bác đi nắm tình hình khu vực, phần lớn anh em chúng tôi hoạt động ở vùng này lâu nay quen với lối suối trèo đèo nhưng đôi lúc phải vừa đi, vừa chạy mới theo kịp Bác. Có nhiều việc rất đơn giản nhưng khi Bác hỏi anh em chúng tôi không trả lời được. Cũng có việc chúng tôi đã làm nhưng khi nghe Bác giảng giải mới biết mình còn đơn giản và khờ dại quá. Ý thức cảnh giác có nghĩ đến nhưng cách giữ bí mật còn tùy tiện, non kém. Bác dạy chúng tôi hoạt động ở vùng núi, dân thưa, khi đi công tác tốt nhất là phải đem theo cơm nắm. Như vậy vừa được việc mà không gây phiền hà cho dân. Kẻ địch lại rất tinh quái, ở đâu mà chúng chẳng cài người vào. Những bang tá, trưởng bản,... và ngay cả những gia đình người dân tộc sống ven đường đi, địch thường dùng vật chất như bạc hoa xòe, muối, vải để mua chuộc làm chỉ điểm. Mình phải sâu sát giáo dục ý thức ủng hộ cách mạng cho đồng bào, nhưng phải chú ý phát hiện tay chân của chúng. Trên đường đi, khi ăn cơm phải tìm nơi suối sạch sẽ, ăn xong lá dùm cơm phải chôn sâu, tiện khi rửa tay khoát cho nước dội hết những hạt cơm vãi xuống suối, cá được ăn mà ta lại xoa được dấu vết làm cho kẻ địch có mắt cũng như mù. Hoạt động bí mật phải “lai vô ảnh, khứ vô hình”. Chúng ta đến địch không biết mà rút đi chúng cũng không hay, thì mới bảo vệ được mình và có nhiều thuận lợi diệt địch.

Tới đây lực lượng cách mạng sẽ phát triển. Kẻ địch lại đang tìm mọi cách tiêu diệt lực lượng cách mạng. Tình hình sẽ càng thẳng và phức tạp hơn nhiều. Chúng ta phải vừa chiến đấu vừa tăng gia sản xuất và làm nhà ngoài rừng để ở... Tăng gia hoặc làm nhà cũng phải biết giữ bí mật. Trồng rau hay gico bắp cũng phải làm đúng kiểu cách của dân tộc nơi mình ở. Làm lán ở cũng phải giống kiểu lán của đồng bào. Nếu ta làm khác đi là địch và bọn xấu sẽ phát hiện được ngay. Khi làm lán cũng phải biết tính toán sao cho có lợi đôi đường. Mỗi lán chỉ nên làm đủ cho 1 đến 2 người ở là cùng. Nơi làm lán phải xem xét vừa lợi cho việc quan sát phát hiện địch từ xa nhưng đồng thời phải có đường rút khi bị vây. Liếp che chung quanh lán không nên dùng nứa đan vững chắc mà nên lấy cỏ tranh tết nẹp lại thành tấm dễ thương. Trường hợp bị địch vây hoặc đến gần mới phát hiện thì chỉ việc lách nhẹ qua liếp tranh cho dễ dàng. Muốn bảo vệ Đảng, trước hết mỗi đảng viên phải suy nghĩ tự bảo vệ mình. Nghĩ lại những năm trước đây, khi Đảng bị khủng bố, nhiều đồng chí bị bắt bớ tù tội và hy sinh, anh em chúng tôi càng thấm thía lời Bác dạy.

Ở hang đến tuần thứ hai, chúng tôi thấy tình hình sức khoẻ của Bác có hiện tượng một mình hơn. Chúng tôi ai nấy đều lo lắng cho sức khoẻ của Bác. Có hôm dọn vệ sinh, anh Hoàng Sâm phát hiện thấy rắn độc chui vào hang, nằm dưới tấm phản ngay chỗ Bác. Hàng ngày Bác vẫn miệt mài làm việc, ít khi thấy Bác rảnh rỗi. Mỗi buổi đi dạo, chúng tôi vẫn thấy Bác nhanh nhẹn, vui vẻ hoạt

bát nên cũng yên lòng. Cứ dăm ba ngày cụ Máy Lý lại đem lương thực vào một lần. Bác tiếp cụ rất thân mật và chuyện trò thật vui vẻ. Ngay cả cụ Máy Lý cũng không biết Bác là ai. Một lần trong câu chuyện vui, cụ hỏi tên Bác, Bác cười rồi chậm rãi giải thích: “Sáu sán” là vào núi còn có nghĩa là “Thu Sơn”. Tên tôi là “Thu Sơn”. Từ đó mỗi lần gặp cụ Máy Lý thường chào Bác bằng câu chào ké Thu Sơn (Già Thu). Chúng tôi và một số anh em khác cũng từ đó dùng cái tên “Già Thu” để giải thích cho các đồng chí khác khi bị hỏi về Bác mà theo nguyên tắc không được nói rõ hơn.

Chúng tôi có ý định làm lán để Bác ở, đảm bảo sức khoẻ hơn. Khi báo cáo ý định đó, được Bác đồng ý, chúng tôi rất mừng. Công việc chuẩn bị được khẩn trương tiến hành. Việc tìm một địa điểm để làm lán theo ý Bác dạy cũng rất khó. Một hôm sau giờ làm việc buổi chiều Bác đi dạo đến một đoạn suối cách cửa hang không xa. Bác dừng lại quan sát và gợi ý chỗ này nếu làm lán ở thì tiện nhất. Nơi Bác chỉ là một khoảng đất bằng ngay cạnh bờ suối. Con suối nước rất trong và ngay bờ có nhiều tảng đá to và đẹp. Phải đi ngược theo dòng chảy mới vào được cửa hang nơi Bác ở. Nhưng đứng ở đây nhìn lên thì lại không thấy được cửa hang. Khi có biển, có thể theo dòng suối rút vào hang hoặc lên triền núi có rừng cây rậm cũng rất tiện.

Thế là chúng tôi bắt tay vào công việc dựng lán ngay. Lán rộng chỉ vừa chiếc chiếu đôi. Cửa lán hướng xuống con đường mòn dưới thung lũng. Chung quanh cũng

dùng có tranh thay liếp nửa như lời Bác dạy, nhưng bên ngoài có treo thêm một số tàu lá cọ trông giống như những cái lán canh nương của đồng bào. Anh Lộc hướng dẫn chúng tôi vào rừng lấy nửa tếp (loại nửa chỉ lớn bằng ngón chân cái), vót nhọn làm hàng rào chung quanh. Anh giải thích đây là kinh nghiệm của đồng bào dân tộc thường dùng loại cây này để rào vườn nhà vì con hổ trông thấy rất sợ.

Lán làm xong, chúng tôi mời Bác ra xem. Bác rất ưng và ngay ngày hôm sau, anh Kiên mời Bác xuống lán ở và làm việc. Bác đồng ý và chỉ ban ngày xuống lán làm việc, ăn nghỉ, còn ban đêm lại vào hang.

Lương thực do đồng bào giúp đỡ thường là gạo ngô (bắp bẹ) xay nhỏ và muối. Có hôm thấy gạo gần hết, Bác bảo chúng tôi nấu cháo ngô (cháo bẹ) ăn thay bữa. Còn rau xanh chủ yếu là măng tự kiếm trong rừng. Có hôm câu được con cá hoặc hái được ít rau rớn (loại giống cây dương xỉ mọc ven bờ suối) thì bữa ăn được cải thiện và ngon miệng hơn. Một hôm Bác và chúng tôi đang ăn cháo ngô, có người nói đùa đây là bánh đúc, thì Bác ung dung đọc mấy câu thơ:

*Sáng ra bờ suối tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang...*

Thơ Bác làm hiện thực với cuộc sống quá, chúng tôi mỗi người đọc lại một câu và giải nghĩa luôn. Đến lượt

anh Hoàng Sâm đọc câu “Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng” thì tất cả ai cũng cười vang.

Thật vậy, tôi chen vào: Đúng hòn đá chông chênh thật, nhưng vững lắm đấy. Thế mà có hôm anh Kiên thấy Bác ngồi làm việc lại sợ Bác ngã.

Chúng tôi vui vẻ tranh nhau và đọc đi đọc lại những câu thơ của Bác. Bác nhìn chúng tôi cười hiền hậu và với giọng ấm áp, Bác nói:

- Thôi các chú ăn tiếp đi kẻo cháo bẹ nguội mất!...

Từ xuân Tân Tị năm ấy, đến xuân Mậu Thìn năm nay thấm thoát đã ngót gần nửa thế kỷ trôi qua. Thế mà có dịp gặp lại, thấy như mới hôm qua. Bác đã đi xa, nhưng biết bao kỷ niệm sâu sắc trong cuộc đời người chiến sĩ bảo vệ Bác mãi mãi là những bài học truyền thống vẻ vang không bao giờ phai.

**Lê Quảng Ba⁽¹⁾ kể, Cao Bá Sán ghi trong
Những chuyện vui và cảm động về Hồ Chủ tịch.
NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2000**

⁽¹⁾ Sau là cấp tướng trong Quân đội nhân dân Việt Nam

41. TỪ PÁC BÓ ĐẾN TÂN TRÀO

Tôi cùng anh Vũ Anh lên Pác Bó. Những ngày qua đã được tin chắc chắn Bác thoát khỏi tù ngục của bọn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch và đã trở về nước. Nhưng trên đường đi vẫn hồi hộp. Khi được nhìn thấy Bác ở trong căn lán nhỏ trên sườn một quả đồi, mới thực tin là sự thực.

Bác vẫn như xưa với bộ quần áo chàm của đồng bào Nùng. Nhìn lâu, thấy Bác có gầy và già hơn trước. Không biết lấy gì so sánh với nỗi mừng khi được gặp lại Bác.

Những chuyện về thời kỳ Bác bị bắt, sau này chúng tôi mới biết nhiều, lúc ấy Bác chỉ kể qua rồi hỏi ngay về tình hình cách mạng trong nước.

Chúng tôi báo cáo xong, Bác nói: “Phong trào lên, địch khủng bố là chuyện tất nhiên, nhưng có phần vì ta bộc lộ lực lượng”. Bác nhắc lại những cuộc duyệt binh huy động đến hàng ngàn người.

Bác nhận định: “Bây giờ thời kỳ cách mạng hoà bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới. Nếu bây giờ chúng ta vẫn chỉ hoạt động bằng hình thức chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào đi tới. Nhưng phát động vũ trang khởi nghĩa ngay thì quân địch sẽ tập trung đối phó. Cuộc đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Song hiện nay chính trị còn trọng hơn quân sự. Phải tìm ra một hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy mạnh phong trào tiến lên.

Nếu phát động đấu tranh mà mỗi khi địch đến, nhân dân lại phải tản cư cả vào rừng núi, thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn, phải làm sao cứ hoạt động vũ trang mà dân ở đâu cứ ở đấy sản xuất, chỉ cần tăng cường canh gác đề phòng không đề địch bắt, hại những người hoạt động...”.

Rồi Bác đề ra một cách giải quyết: “Lực lượng vũ trang của ta hiện nay đã ít lại phân tán quá. Bây giờ nên tập hợp những cán bộ, chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất tổ chức thành một đội vũ trang tập trung để hoạt động. Ta sẽ dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Tác chiến phải nhằm gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, do đó mà mở rộng cơ sở, phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập đội quân giải phóng...”.

Ngay trong buổi họp đó, tôi được chỉ định đảm nhiệm công tác này.

Rồi Bác hỏi:

- Việc này chú Văn phụ trách, chú Văn có thể làm được không?

Tôi đáp:

- Có thể được.

Tôi trình bày cơ sở chính trị vũ trang tại vùng giáp giới hai tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn, từ Nguyên Bình đến Ngân Sơn, Chợ Rã; từ Tĩnh Túc, Phja Oắc đến Phja Bioóc. Cơ sở quần chúng tại vùng này rất tốt, trong suốt thời gian khủng bố của địch vẫn vững vàng, cơ sở lực lượng vũ trang cũng tốt.

Trước khi quyết định, Bác hỏi:

- Có thể tìm được một căn cứ “tiền khả dĩ công, thoái khả dĩ thù”, mình còn yếu, địch mạnh, nhưng nhất định không thể để địch tiêu diệt, có thể như thế được không?

Tôi đáp:

- Có thể. Nhất định quân địch không thể tiêu diệt ta được.

Đêm hôm ấy, chúng tôi nằm nghe Bác nói chuyện rất khuya. Trên núi cao, cái rét của mùa đông đến sớm hơn. Trong căn lều lạnh giá, không đèn dóm, Bác và chúng tôi mỗi người gồi đầu lên một khúc gỗ cứng. Bác phác ra những nét chính về đội Việt Nam Giải phóng quân, từ tổ chức đến phương châm hành động và vấn đề cung cấp lương thực, đạn dược. Bác hướng dẫn cho tôi làm một bản kế hoạch. Bác dặn đi dặn lại nhiều lần: “Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được. Tổ chức của đội phải lấy chi bộ Đảng làm hạt nhân lãnh đạo”. Chuyện trò hào hứng đến hai, ba giờ sáng.

Sáng hôm sau, tôi cùng một số anh em lên mồm núi sau cơ quan trao đổi làm kế hoạch.

Buổi chiều, cuộc họp lại tiếp tục. Chúng tôi báo cáo lại bản kế hoạch đã dự thảo. Nghe xong, Bác nói:

- Được, tình hình quốc tế đang có nhiều điều kiện thuận lợi. Trong vòng một tháng phải có hoạt động. Trận đầu nhất định phải thắng lợi.

Đúng vào dịp này, anh chị Tổng Minh Phương và bà

con Việt kiều ở Côn Minh lại mới gửi về một số vũ khí: một khẩu tiểu liên Mỹ Sub Machine gun và 150 viên đạn, 6 quả bom lửa, một hộp bom nổ chậm. Cùng với số vũ khí này, chúng tôi còn được nhận thêm 500 đồng để chi phí về quân nhu.

Sau khi suy nghĩ, Bác đề nghị thêm hai chữ “tuyên truyền” vào tên đội quân giải phóng cho đúng với nhiệm vụ hiện tại của nó.

Chúng tôi được giao trách nhiệm điều động tất cả 34 đội viên và cán bộ trong các đội vũ trang địa phương, hai khẩu súng thập, 10 khẩu súng trường vừa giáp năm, giáp ba, vừa khai hậu và súng Tàu chế tạo, 14 khẩu súng kíp.

Thế là Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ra đời.

Chúng tôi có hỏi Bác: “Đội tuyên truyền hoạt động theo kế hoạch của Liên tỉnh, khi tới một địa phương thì quan hệ giữa đội chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương ra sao?”.

Bác nói: “Thống nhất chỉ đạo cả chủ lực và địa phương. Hai lực lượng ấy đoàn kết phối hợp chặt chẽ với nhau. Đội chủ lực có nhiệm vụ dìu dắt giúp đỡ các đội địa phương trưởng thành”. Điều Bác nói đó chính là phương châm xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng mà chúng ta đã thực hiện trong suốt cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ của toàn dân, và đã thấy được hiệu lực vô cùng mạnh mẽ.

Anh em trong cơ quan mấy ngày trước đã nghe ngóng thấy Bác không đồng ý với nghị quyết phát động chiến

tranh du kích của Liên tỉnh uỷ, kém phần phần khởi, lúc này được biết quyết định mới của Bác, vui hẳn lên.

Một buổi sớm tháng chạp, chúng tôi từ già Bác, trở về, Bác căn dặn chúng tôi một lần nữa: “Nhớ bí mật: ta ở đông, địch tưởng ta ở tây, “Lai vô ảnh, khứ vô hình”.

Để thi hành đúng chỉ thị của Bác: “Trong vòng một tháng phải có hoạt động để gây tin tưởng cho các chiến sĩ và gây truyền thống hành động tích cực nhanh chóng cho bộ đội”. Chúng tôi họp bàn kế hoạch tác chiến, và quyết định sẽ chiến đấu ngay sau khi thành lập đội.

Vấn đề đặt ra là đánh ở đâu? Có ý kiến nêu lên là không nên đánh vào những nơi có cơ sở của ta để tránh cho cơ sở bị địch khủng bố. Nhưng khi bàn, thấy đánh vào nơi không có cơ sở thì chuẩn bị sẽ rất khó khăn, không nắm được tình hình, khi đánh thiếu sự giúp đỡ của nhân dân, khó đảm bảo thắng lợi. Chúng tôi nhận thấy trận đánh đầu tiên chỉ có thể thành công nếu đánh vào những nơi có cơ sở nhân dân thật tốt, giúp đỡ cho bộ đội chuẩn bị thật chu đáo. Các đồng chí tại các địa phương có địch đóng đều yêu cầu cứ đánh, còn đối với sự khủng bố của kẻ địch, chỉ cần có một kế hoạch đề phòng cho nhân dân.

Một điều rất quan trọng khác phải bàn bạc là đánh cách nào? Trong trận đầu chúng ta phải giành được thắng lợi mà không để bị tổn thất nặng nề về người cũng như về vũ khí. Lực lượng của ta trong thời kỳ trứng nước này còn rất mỏng manh. Vũ khí đã thiếu, đạn dược càng thiếu hơn. Mỗi khẩu súng trường trung bình chỉ có hai mươi viên

dạn. Chỉ cần đánh một trận là sẽ bắn đèn viên đạn cuối cùng, và khi đó khẩu súng trường, thứ vũ khí chủ lực của đội sẽ trở nên vô dụng. Khi bàn bạc thấy, nếu đánh phục kích các đội quân lưu động của địch thì tương đối dễ đạt thắng lợi và bộ đội cũng đỡ bị tổn thất, nhưng cũng thấy đánh phục kích thì chỉ có thể thu được một số súng mà không giải quyết được vấn đề đạn dược. Bọn chỉ huy người Pháp vốn không tin ở binh lính người Việt, khi đi tuần tiễu chỉ phát cho mỗi tên từ năm đến mười viên đạn. Về vũ khí lúc này, súng chưa quan trọng bằng đạn dược. Mặt khác, muốn đánh phục kích phải có thời gian mới gặp hoặc tạo nên được cơ hội, như vậy sẽ khó hoàn thành nhiệm vụ trong vòng một tháng. Cuối cùng chúng tôi đi đến quyết định, trong mấy trận đầu phải tập trung vào đồn trại của địch để chiếm lấy đạn dược, mặc dầu đánh tập kích khó khăn hơn.

Một số đồn trại địch đóng trên dưới một trung đội trong vùng Kim Mã và Cẩm Li được chọn để tiến hành công tác điều tra: đồn Phai Khắt và đồn Nà Ngần.

Các đồng chí Hồng Quân, Đức Long được phái đi trinh sát. Thực ra các làng địch đóng đều là quê của nhiều đồng chí trong đội. Địch ở Phai Khắt đóng chính ngay tại nhà đồng chí Lạc. Anh em có thể vẽ sơ đồ đồn địch, rồi phái một số đồng chí đến nơi đối chiếu lại, là biết rõ tình hình. Việc khó khăn hơn là làm sao đột nhập đồn địch, điều tra cách bố trí, sắp xếp bên trong, và mọi quy luật hoạt động, sinh hoạt hàng ngày của chúng. Người trinh sát đầu tiên của đội lọt vào đồn là em bé Hồng.

Hồng mới mười hai tuổi. Ngày ngày em phải mang bánh và rượu vào đồn cho tên quan Tây trong đồn. Em đã lần la trò chuyện với lính địch, xem kĩ kho lương, kho đạn, nơi ăn ngủ, nơi canh gác, giờ giấc canh gác, giờ giấc sinh hoạt, tập hợp của địch. Đêm đêm em luôn ra khỏi luỹ tre làng đến báo cáo với Đội.

Căn cứ vào những quy luật hoạt động của địch tại vùng này, chúng tôi bàn nhau rất có thể cải trang thành lính đồng để đột nhập đồn địch.

Các đồng chí trung kiên dưới làng đi tìm gặp những hội viên là lính đồng, mượn ba chục bộ quần áo. Cũng phải tìm một số hội viên cựu binh sẽ mượn thêm mấy bộ quần áo ka-ki để cải trang thành lính tập vì những đoàn lính đồng đi tuần bao giờ cũng có lính tập đi kèm. Ngoài ra, còn phải chuẩn bị một số nón lính. Các chị ở dưới làng lên, mang theo vài chàm và kim chỉ để khâu áo nón. Nón của đồng bọc vải chàm, có viền vành trắng và điểm một miếng tròn trắng trên chóp. Khi qua cơ quan in báo *Việt Nam độc lập*, tôi đã mượn máy chữ ngồi đánh mấy tờ “Giấy di tuần” giả. Các đồng chí tại cơ quan đã cắt củ khoai trở một con dấu rất khéo, đóng đỏ chót lên cạnh chữ kí. Hồi đó, những giấy giới thiệu đánh máy là loại giấy có giá trị.

Ba chiếc lán bên cạnh sườn núi đã làm xong. Các đồng chí nhận lệnh điều động đã về đầy đủ. Bà con hội viên ở dưới làng có nhiệm vụ đi lại nơi trú quân để giúp đỡ Đội. Lần đầu thấy quân cách mạng tập trung đông đảo như vậy,

súng ống lại nhiều, mọi người đều hết sức phấn khởi. Không khí tập nập như ngày hội.

Chúng tôi tiếp tục hoàn thành việc thảo những lời thề và những điều kỉ luật của Đội.

Mọi việc chuẩn bị đã xong.

Một ngày trước lễ thành lập Đội, chúng tôi nhận được một bức thư Bác đặt trong một bao thuốc lá. Giở ra, đó là chỉ thị của Bác về việc thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

“Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội đàn em khác. Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang, nó là khởi điểm của Giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam”.

*

* *

Về đến Chợ Chu đúng vào ngày mùng 1 tháng 5, chúng tôi dừng lại đây làm mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động. Một số tin mừng đến. Bên chiến trường châu Âu, phát xít Đức sắp hoàn toàn gục ngã trước Hồng quân Liên Xô và Đồng minh. Cũng lúc ấy, được tin Bác đi xa mới về, đang từ biên giới xuống với chúng tôi. Trước đó, có tin Bác định về dưới này, chúng tôi đã đề nghị Bác đi theo con đường Nam tiến Bác đã vạch ra cho Đội Tuyên truyền ngày trước.

Tôi vội vã đi đón Bác. Dọc đường ngựa phóng nhanh quên nghỉ. Lên Đèo Rc, qua Nghĩa Tá, tới Nà Kiên thì gặp Bác đang đi về, Bác ngồi trên mình ngựa, có vẻ mệt sau một chặng đường xa, mặt đỏ hồng, râu dài, duy đôi mắt Bác vẫn tinh anh như bất cứ lúc nào.

Từ ngày Bác trao nhiệm vụ xây dựng Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đến bây giờ tôi mới được gặp lại Bác. Tôi không nén được xúc động, báo cáo với Bác:

- Vùng giải phóng đã mở rộng...

Tôi trình bày với Bác tình hình phong trào nhân dân trong những vùng rộng lớn mà chúng tôi đi qua, từ ngày Bác chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Tôi báo cáo đã liên lạc được với Trung ương, đã gặp anh Trường Chinh và các anh, phong trào cách mạng ở miền xuôi đang lên mạnh. Bác chăm chú nghe, bình tĩnh, điềm đạm, trong đôi mắt Bác có ánh vui.

Bác kể chuyện tình hình bên ngoài, thời cơ cũng đang có lợi cho ta. Bác nói, cần chọn ngay trong vùng Cao - Bắc - Lạng hoặc Tuyên Quang, Thái Nguyên một địa điểm có dân tốt, có cơ sở cách mạng tốt, địa hình tốt, có thể thuận tiện làm một trung tâm liên lạc với miền xuôi, miền ngược và ra nước ngoài.

Tôi trở về Kim Quan Thượng bàn với anh Song Hào. Chúng tôi nhận thấy nên chọn vùng Tân Trào. Tân Trào là một vùng rừng núi hiểm trở, giữa Tuyên Quang và Thái Nguyên, rất xa đường cái lớn. Từ ngày các anh

Song Hào ⁽¹⁾, Tạ Xuân Thu... thoát ngục Chợ Chu, đã về đây cùng các đồng chí Dục Tôn, Lê Trung Đình... xây dựng cơ sở và thành lập chính quyền cách mạng. Nhân dân và cơ sở tại đây rất tốt.

Bác về đến Tân Trào vào một buổi trưa, anh Song Hào cùng một số đồng chí cán bộ đón Bác trước đình Hòng Thái.

Bác ở lại ít ngày tại một gia đình cơ sở ở xóm Kim Lộng rồi chuyển lên một chiếc lán nhỏ làm trên sườn một quả đồi. Tiếng đồn bay đi khắp nơi: “Có ông cụ đã cao tuổi, sao mà nhanh nhẹn, tài giỏi, tốt đến thế. Dân mình lắm người tài, phen này nhất định lấy lại được nước”.

Thời gian này anh Cả ⁽²⁾ ở xuôi lên và anh Hoàng Quốc Việt ở nước ngoài mới về, cũng đến Tân Trào. Tôi báo cáo lại với Bác và các anh những nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Bác nhận xét hội nghị tiến hành rất tốt, nhưng Bác nói: “Chia các tỉnh ra làm nhiều chiến khu như thế rườm rà quá, không lợi cho việc chỉ huy. Vùng giải phóng ở miền ngược đã bao gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, địa thế nối liền với nhau, nên lập thành một khu căn cứ lấy tên là Khu Giải phóng. Thống nhất các lực lượng vũ trang lại là rất đúng, nên đặt tên là Quân Giải phóng. Bác bàn với chúng tôi làm dự thảo Nghị quyết về việc thành lập Khu giải phóng và quyết định triệu tập hội nghị cán bộ toàn khu để thống nhất lãnh đạo và triển khai công tác.

(1) Sau là Thượng tướng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

(2) Đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

Theo nghị quyết của Hội nghị cán bộ ngày 4/6/1945, được triệu tập theo chỉ thị của Bác, Khu Giải phóng phải trở thành một căn cứ địa vững chắc về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá để làm bàn đạp Nam tiến, giải phóng toàn quốc.

Tân Trào được chọn làm Thủ đô của Khu giải phóng.

Tôi làm việc ở dưới làng, hằng ngày vẫn lên cơ quan của Bác để báo cáo.

Các đồng chí ở địa phương đã làm cho Bác một căn lán khá xinh xắn, náu kín trong khu rừng nửa ở sườn đồi. Lán chia làm hai gian nhỏ, một bên là nơi Bác nằm nghỉ, một bên vừa là chỗ làm việc, vừa là chỗ để tiếp khách.

Bác làm việc không mấy lúc nghỉ ngơi. Lần nào tôi lên cũng thấy Bác đang cặm cụi với công việc. Mọi giấy tờ chỉ thị, Bác đều tự tay đánh máy và đánh số cẩn thận, rõ ràng.

Trung ương đã quyết định cần tích cực chuẩn bị cho cuộc Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội đại biểu. Bác giục chuẩn bị cho kịp họp hai hội nghị quan trọng này từ tháng 7. Tình hình đã khẩn trương lắm. Bác nói: “Có thể còn thiếu một số đại biểu nào đó chưa về kịp cũng họp. Nếu không thì không kịp được với tình hình chung”. Nhưng, dù chuẩn bị rất gấp, các đại biểu của Đảng và các đảng phái dân chủ trong Mặt trận Việt Minh ở toàn quốc vẫn không thể về đúng hẹn.

Giữa lúc công việc bề bộn như thế, Bác bỗng bị mệt. Đã mấy hôm liền Bác sốt nóng. Song, Bác vẫn gượng làm

việc. Mỗi khi tôi tới thảo luận công việc, hỏi thăm sức khoẻ, Bác chỉ nói: “Chú cứ xuống làm công tác, tôi không việc gì”. Nhưng tôi thấy Bác yếu nhiều, người hốc hác hẳn. Có hôm tôi đến, Bác đang lên cơn sốt, miệng còn nói mê. Thuốc men chẳng có, chỉ kiếm được vài viên thuốc cảm và kí ninh, Bác đã uống mà không thấy đỡ. Thường khi, nếu không phải lúc nghỉ, không bao giờ Bác nằm, thế mà bây giờ Bác phải chịu nằm, lại mê sáng luôn. Bây giờ, trong các đồng chí thường gần Bác, chỉ còn lại mình tôi ở Tân Trào. Hôm ấy Bác mệt lắm, tôi rất lo. Tôi nói: “Hôm nay tôi cũng thông thả, xin ở lại với Bác đêm nay”. Bác mờ mắt và hơi gật đầu.

Đêm ấy, tôi nghỉ lại với Bác trên cái lán ở giữa rừng, lúc nào tỉnh, Bác chỉ nói chuyện tình hình: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Mỗi lúc nhớ ra điều gì, Bác lại dặn. Bác lúc ấy chắc cũng thấy mình yếu quá, có ý muốn dặn lại công việc. Chỉ có công việc, Bác nói về công tác cùng cố phong trào: “Lúc nào cũng phải chú trọng xây dựng chi bộ, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và các phân tử trung kiên. Trong chiến tranh du kích, lúc phong trào lên, ta phải hết sức phát triển, vừa phát triển vừa chú trọng xây dựng căn cứ cho thật vững chắc đề phòng lúc khó khăn mới có chỗ đứng chân được”.

Suốt đêm ấy, Bác vẫn lúc tỉnh lúc mê. Hôm sau, tôi viết thư hoả tốc về Trung ương. Tôi lại tìm hỏi bà con địa phương xem có thứ thuốc men gì không. Bà con nói gần

đây có một ông lang quen trị bệnh sốt nóng. Tôi cho người cưỡi ngựa đi đón ông thầy về. Ông cụ lang già người Tày xem mạch, sờ trán Bác rồi đốt cháy một thứ củ vừa đào trong rừng về, hoà vào cháo loãng. Sau đó Bác tỉnh. Hôm sau, Bác ăn thêm vài lần với cháo loãng nữa, cơn sốt nhẹ dần. Bác lại gượng dậy tiếp tục làm việc ngay.

Mặc dầu Bác đã chỉ thị viết nhiều thư hoà tốc, tung giao thông đặc biệt đi các hướng để thúc giục các đại biểu, nhưng vì đường sá trắc trở, liên lạc khó khăn, nhiều đại biểu đã cố gắng đi cho chóng mà mãi tới 13, 14 tháng 8 mới lên tới Tân Trào. Có những đoàn đại biểu 16, 17, 18 mới đến kịp.

Trung ương và Tổng bộ Việt Minh quyết định không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Ngày 11, 12 tin vô tuyến điện cho biết có hiện tượng nguy ngập tan rã trong quân đội Nhật.

11 giờ đêm 13, Ủy ban Chỉ huy Lâm thời Khu giải phóng hạ mệnh lệnh khởi nghĩa cho nhân dân và bộ đội.

Nửa đêm nhận lệnh, bộ đội và nhân dân reo mừng, sẵn sàng chiến đấu hy sinh để thực hiện nhiệm vụ lớn. Các đơn vị giải phóng quân đóng tại Chợ Chu, Tuyên Quang được lệnh chuyển gấp về tập trung tại Tân Trào.

Ngày 14/8, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp, Bác vừa dứt cơn sốt, gượng tới họp, người còn võ vàng, Hội nghị nhận định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới”. Hội nghị quyết định mục đích của cuộc chiến đấu là giành quyền độc lập hoàn toàn cho đất nước, thành lập chính quyền nhân dân, thi hành mười chính sách của Mặt

trận Việt Minh, định ra chính sách ngoại giao đối với Đồng minh. Để đạt mục đích đó, phải huy động toàn thể nhân dân gồm tất cả các giới, các đảng phái tham gia phong trào cứu quốc, phải gấp rút vũ trang nhân dân chống Nhật và mở rộng Giải phóng quân Việt Nam. Hội nghị định ra nhiệm vụ quân sự cần kíp thống nhất các lực lượng vũ trang thành Giải phóng quân Việt Nam; gấp rút củng cố và phát triển bộ đội, thống nhất biên chế, kỷ luật, tăng cường công tác chính trị, tổ chức Đảng trong quân đội lấy trung đội làm đơn vị cơ sở, củng cố các tổ chức chiến đấu và tiểu tổ du kích để lập những đơn vị Giải phóng quân mới ngoài khu giải phóng.

Sang ngày 15, được tin đích xác Nhật Hoàng đã ra lệnh cho quân đội hấn đầu hàng, Hội nghị toàn quốc của Đảng đang họp quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc để lãnh đạo Tổng khởi nghĩa và lập Bộ Tư lệnh Giải phóng quân Việt Nam.

Một số chúng tôi ngừng họp và nhận nhiệm vụ mới. Tôi sẽ cùng Giải phóng quân tiến về phía Nam. Anh Song Hào về phía Tuyên Quang cùng các đồng chí ở đây lãnh đạo nhân dân cướp chính quyền các tỉnh phía Tây.

Chiều 16/8, một đơn vị Giải phóng quân tập hợp dưới cờ làm lễ xuất phát tiến về Nam. Các đại biểu về dự Quốc dân Đại hội đều có mặt dưới cây đa cổ thụ, cạnh ngôi nhà Hội đồng Cứu quốc xã Tân Trào để tiễn đưa bộ đội lên đường chiến đấu. Chưa bao giờ Tân Trào lại đón tiếp một đoàn người nhiều màu sắc như vậy. Cùng với màu chàm của rừng núi quen thuộc, còn có màu nâu dày dặn của

đồng bằng và những màu sắc tươi sáng của đô thị. Những chiến sĩ Giải phóng quân, quần áo đủ kiểu, mang trên người dấu vết của những cuộc vật lộn ác liệt với quân thù trên các nẻo đường rừng trên các triền núi đá Việt Bắc, tề tựu nghiêm trang dưới cờ nghe đọc bản Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa.

“Hỡi quân dân toàn quốc!

12 giờ trưa ngày 13/8/1945, phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận. Kẻ thù chính của chúng ta đã ngã gục.

Giờ tổng khởi nghĩa đã đến!

Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà!

Mang nhiệm vụ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa toàn quốc cho đến ngày toàn thắng. Ủy ban Khởi nghĩa đã thành lập.

Hỡi các tướng sĩ và đội viên quân Giải phóng Việt Nam!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa, các bạn hãy tập trung lực lượng, kíp đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch; đánh chặn các đường rút lui của chúng, tước vũ khí của chúng! Đạp qua muôn trùng trở lực, các bạn hãy *kiên quyết tiến!*

Hỡi nhân dân toàn quốc!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, đồng bào hãy đem hết tâm lực ủng hộ đạo quân Giải phóng, sung vào bộ đội, xông ra mặt trận đánh đuổi quân thù.

Chúng ta phải *hành động cho nhanh*, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!

Tổ quốc đang đòi hỏi những hi sinh lớn lao của các bạn!

Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta!”.

Trong lòng chúng tôi khi đó rạo rực lạ thường. Trước mắt chúng tôi lá cờ đỏ sao vàng rực rỡ hào quang, xa xa là nền trời xanh cao lồng lộng, tươi sáng vô cùng của nước Việt Nam giải phóng.

Đoàn quân giải phóng, áo vải chân đất, rầm rập tiến về phía Nam trước những bàn tay vẫn chào chúc mừng thắng lợi cất cao lời ca hùng tráng.

“Cờ giải phóng phát cao, mau thắng tiến!

Trời phương Nam, dân chúng đang ngóng chờ...”.

Tại Tân Trào, lần đầu từ khi về, Bác ra mắt các đại biểu đồng bào Trung, Nam, Bắc. Quốc dân Đại hội đã lập ra Ủy ban dân tộc giải phóng toàn quốc, chuẩn bị khi cần có thể trở thành Chính phủ nhân dân lâm thời...

Đại tướng **Võ Nguyên Giáp** kể, **Hữu Mai** ghi, trong **Bác Hồ ở Tân Trào**. NXB Chính trị Quốc gia, Bảo tàng Tân Trào ATK, Hà Nội, 2001.

42. NHỮNG NGÀY Ở TÂN TRÀO

Cuối tháng 4/1945, sau khi khu giải phóng Tân Trào được thành lập, Trường quân chính kháng Nhật liền được xây dựng.

Chúng tôi - những người Giải phóng quân được đoàn thể lựa chọn về học, đang gấp rút làm doanh trại, ai cũng mong chóng tới ngày khai mạc.

Giữa lúc ấy, vào một buổi sáng, chúng tôi đang tập trung để phân công làm việc thì đồng chí Văn tới.

Tôi đoán chắc sẽ có việc quan trọng xảy ra.

Đúng vậy, sau khi nói chuyện về tình hình đấu tranh chống Nhật ở các nơi và nhắc nhở chúng tôi nhiệm vụ học tập xây dựng trường, đồng chí nói:

- Đoàn thể cần một số đồng chí đi công tác, các đồng chí cần nhận rõ học tập hay đi công tác đều là trách nhiệm của đoàn thể giao cho, chúng ta đều phải cố gắng làm tròn.

Chúng tôi ai cũng tha thiết muốn được học, nhưng khi nhắc đến công tác cần thì ai cũng sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

Nhận chỉ thị của đồng chí Văn, đồng chí Khang liền tuyển lựa một đội mười người và một tổ ba người. Đội mười người được trang bị vũ khí mới để đi xa ngay. Còn tổ ba người, trong đó có tôi, thì được đồng chí Khang giao nhiệm vụ tới làng Tân Trào tìm liên lạc với đồng chí Đường để nhận công tác.

Đồng chí Đường là một đồng chí công tác lâu năm và đã ra nước ngoài học tập. Từ khi vào Giải phóng quân, tôi được đồng chí đi sát chỉ đạo mọi mặt. Vừa lúc ấy một

đồng chí ở cơ quan đón chúng tôi. Đồng chí Đường giới thiệu đó là đồng chí Hồng Thái. Tuy chưa biết nhau nhưng sẵn tình đồng chí, chúng tôi mến nhau ngay.

Trước khi chúng tôi đi, đồng chí Đường căn dặn:

- Đoàn thể rất tin cậy các đồng chí mới giao trách nhiệm này, các đồng chí phải cố làm tròn, ở nơi công tác mới các đồng chí có nhiều điều kiện để học tập.

Đồng chí Đường còn theo tiễn chúng tôi một quãng và lại dặn riêng tôi:

- Ba ngày một lần đồng chí về gặp tôi, để tôi giúp đỡ học tập.

Tôi rất cảm động trước những lời dặn dò của đồng chí Đường và đã hứa xin làm đúng.

Trên đường tới cơ quan, vừa đi vừa nghĩ đến sự tín nhiệm của đồng chí Khang và sự săn sóc của đồng chí Đường đối với tôi, tôi cảm thấy công tác của tổ chúng tôi lần này sẽ có tầm quan trọng hơn công tác trước đây nhiều. Đồng chí Hồng Thái đưa chúng tôi đi về phía bắc đỉnh Tân Trào một quãng xa, rồi tạt xuống lợ ngược dòng suối tới nơi có một bụi rậm thì rẽ quặt lên đồi, chúng tôi men theo sườn núi đi mãi cho tới khi qua một vọng gác thì tới đỉnh núi. Cơ quan đóng ở ngay trên đỉnh núi này. Đứng ở đây, chúng tôi có thể quan sát khắp cánh đồng Tân Trào, dòng sông Đáy, đèo Re, v.v...

Cơ quan là một lán dài ngăn đôi, bên nửa rộng có nhiều người ở, vũ khí để ở đầu chỗ nằm, toàn các-bìn và tiểu liên “tôm-sơn”. Còn bên nửa hẹp thì đặt điện đài và có một số đồng chí đang làm việc. Cách lán đầu chừng ba mươi thước có một lán nhỏ nhỏ nữa.

Thấy kiểu súng của các đồng chí ở cơ quan, tôi mừng lắm. Ở Giải phóng quân, được thấy đồng chí Quang Trung mang khẩu các-bin và một số đồng chí cán bộ trong trung đội có tiểu liên, tôi rất thèm. Tôi thường ước ao sẽ có ngày được giao sử dụng những vũ khí ấy. Bây giờ đến cơ quan này, tôi hy vọng mình cũng sẽ được trang bị súng tốt như các đồng chí khác... Khi nhìn thấy điện đài, tôi cũng mừng. Tôi nghĩ thầm lực lượng cách mạng của ta đã lớn mạnh nên phải dùng phương tiện khoa học để chỉ huy đi xa, chứ không bó hẹp riêng trong Khu Giải phóng nữa.

Chợt, tôi nghe có tiếng ho từ phía lán nhỏ, rồi một ông cụ gầy, tay chống gậy đi lại. Cụ mặc áo ngắn kiểu người Nùng (hàng cúc giữa bằng vải, cổ cao). Quần và áo đều màu chàm đã bạc. Dầu ông cụ đội chiếc mũ vải kiểu các cụ già người Nùng. Cụ đi thẳng tới chỗ chúng tôi. Thấy cụ đi tới mọi người đều đứng nghiêm chỉnh, và khi cụ tới gần ai thì người ấy đều né ra để nhường bước.

Thấy chúng tôi, ông cụ vui vẻ hỏi:

- Các đồng chí mới đến phải không?

Tôi vội trả lời:

- Báo cáo đồng chí, chúng tôi mới đến.

Ông cụ gật đầu bảo:

- Tốt, đồng chí Hồng Thái cần giao nhiệm vụ và giúp đỡ các đồng chí ấy công tác.

Nói xong, ông cụ đi xuống phía nhà bếp.

Có lẽ ông cụ tuổi khoảng gần sáu mươi, mái tóc đã đốm bạc, người cụ tuy gầy gò nhưng cặp mắt rất sáng, nghiêm nghị, vàng trán cao, giọng nói rõ ràng, âm áp, tôi vừa gặp lần đầu đã cảm thấy gần gũi ngay được.

Ông cụ đi khỏi, một đồng chí cũ nói như giới thiệu với tôi:

- Đây! Ông Cụ đây!

Giới thiệu như vậy chỉ làm tôi càng thêm bỡ ngỡ và tôi đã biết ông Cụ là ai đâu!

Đêm ấy, sau khi được đồng chí Hồng Thái giao nhiệm vụ cụ thể, lại được sinh hoạt cùng tiểu đội cảnh vệ, chúng tôi mới rõ cơ quan ở đây là rất quan trọng, ông Cụ là cán bộ thượng cấp, ở đây có điện đài và hai lớp học, lớp học điện đài và lớp chính trị, cả hai lớp đều do ông Cụ hướng dẫn. Trách nhiệm của đội cảnh vệ là phải bảo vệ cơ quan cho nghiêm mật. Càng nghĩ tôi càng lạ, không rõ ông Cụ là ai mà thoáng qua đã thấy khác người.

Trong suy nghĩ, bỗng nhiên tôi nhớ tới một hôm trước đó mấy ngày, đội Giải phóng quân của chúng tôi vừa về tới Tân Trào thì đồng chí Quang Trung hỏi tôi:

- Đồng chí quê Chợ Đồn à?

- Vâng - Tôi trả lời.

- Đồng chí có thuộc các đường về đây không?

- Thuộc chứ!

- Đi đón ông Cụ nhé! Đi cả tiểu đội của đồng chí!

Nghe đồng chí Quang Trung nói, tôi nghĩ bụng: ông Cụ là ai lại phải mang cả tiểu đội đi đón. Tuy vậy, tôi không dám hỏi kỹ. Đồng chí Quang Trung lại nói:

- Chờ liên lạc sẽ đi, việc này tuyệt đối bí mật đấy!

Thấy việc quan trọng nên tôi nói thêm:

- Từ Chợ Đồn về đây có hai đường: đường Chợ Đồn đi Chợ Chu (tức là đường đồng chí Văn Nam tiến) thì tôi

không được rõ. Còn đường Chợ Đồn qua Tông Quận (đường đồng chí Khang Nam tiến) thì tôi thuộc.

Đồng chí Quang Trung suy nghĩ rồi bảo tôi:

- Nếu đi đường đồng chí Khang thì đồng chí sẽ đi đón.

Tôi vâng lời, nhưng sau đấy không thấy đồng chí Quang Trung bảo gì nữa.

Giờ đây cơ quan lại có ông Cự này, có lẽ chính là ông Cự mà mình suýt nữa được cử đón đây! Chắc Cự là người đứng đầu Việt Minh đây!

Ở gần ông Cự được vài ngày, tôi nhận thấy ông Cự sao mà làm việc nhiều thế. Suốt ngày, Cự đọc sách và viết tài liệu, viết báo, dạy chính trị, v.v... Ngoài ra, bất kể ngày đêm, cán bộ các nơi còn về xin chỉ thị. Cả anh Văn, anh Khang cũng thường tới cơ quan xin ý kiến Cự. Bận như vậy nhưng ông Cự rất chú trọng chăm sóc chúng tôi. Ngoài việc giáo dục chính trị, ông Cự còn dạy bảo rất tỉ mỉ về cuộc sống tập thể, như bày cho cách đặt chương trình học tập và làm việc hàng ngày, hàng tuần, cách sắp xếp trật tự trong lán, nhất là cách giữ gìn súng đạn. Cự thường dạy không nên ngồi chơi rồi, phải lấy sách báo ra đọc hoặc vá quần áo, v.v... Hồi đó giữa xuân, nước suối từ trong khe chảy ra còn lạnh, ông Cự thường dặn chúng tôi không nên tắm lâu dễ bị cảm. Khi tập thể dục, có những đồng chí thường tập chiếu lệ. Cự ra xem, sửa lại từng động tác và còn làm động tác mẫu và bảo: “Các đồng chí tập theo tôi, tập thể này mới được”. Những buổi đi lấy rau rừng, ông Cự còn hướng dẫn chúng tôi cả cách lấy rau, cách chọn rau ngon.

Hằng ngày, ông Cự thường xuống suối tắm rửa hoặc giặt lấy quần áo.

Có điểm trái ngược là bọn thanh niên chúng tôi mỗi khi lên núi thường hay ngã, còn ông Cự tay chống gậy, vai vác ống nước, vai vắt quần áo vừa giặt, chẳng bao giờ bị ngã cả. Thấy anh em ngã nhiều, Cự bảo:

- Các đồng chí cứ làm theo tôi thì không ngã.

Chúng tôi hay ngã vì sợ đi giữa đường lồi, cứ đi tránh sang hai bên, như vậy làm cho đường ngày một to ra và sườn núi dốc trơn. Còn Cự cứ giữa đường đã đánh bậc sần Cự đi, tuy lồi một chút nhưng khi về tới lán, sần ống nước xách lên, ông Cự dùng một nửa rửa chân, còn một nửa để rửa tay trước và sau khi ăn cơm.

Từ khi anh em học ông Cự cách xuống suối, lên núi thì không ai bị ngã nữa. Đúng quy định của đồng chí Đường, sau ba ngày, tôi ra báo cáo công việc và nghe đồng chí ấy hướng dẫn công tác. Buổi báo cáo đầu, sau khi nghe tôi nói sơ về công tác, đồng chí Đường hỏi tôi:

- Ông Cự có khoe không?

- Khoe.

- Gần ông Cự, đồng chí thấy thế nào?

- Ở với bố đã mười tám năm rồi, bố cũng dạy mọi điều. Nhưng mới gần ông Cự có ba ngày mà tưởng như ông Cự dạy cho còn nhiều hơn.

- Đồng chí có văn hoá, nên đóng một quyển sổ nhỏ, mỗi khi ông Cự nói câu gì mà đồng chí thích thì đồng chí ghi vào sổ sau này sẽ có một quyển sách quý lắm đấy!

Tôi tuy chưa hiểu nhưng cũng vâng lời.

Công tác được một tuần lễ, có lẽ đồng chí Đường đề nghị, tôi được ông Cụ lấy vào học cùng với anh em học sinh chính trị. Tôi biết anh em đều là cán bộ hoạt động từ lâu về đây học cấp tốc rồi đi công tác ngay. Tôi được đưa vào học có lẽ nhờ sự chiếu cố riêng.

Buổi học đầu của tôi đúng vào bài nói về Mặt trận Việt Minh, ông Cụ đưa chúng tôi quyển sách nhỏ nhỏ in thạch bản, trong đó nói về chương trình và điều lệ của Mặt trận.

Tôi vào Giải phóng quân giữa lúc phong trào cách mạng đang lên cao, các đội Giải phóng quân vừa phát triển mạnh nên chưa được huấn luyện kỹ. Tôi chỉ được học đồng chí Khang, đồng chí Quang Trung thiết thực ngay trong mỗi công tác. Có lúc đồng chí Khang hướng dẫn cả bài nói chuyện cho tôi, rồi tôi nhẩm kỹ cho thuộc để khi ra nói chuyện sẽ nói bằng tiếng Tây cho khỏi vấp vấp. Các buổi đó thường nói nhiều về chủ trương đánh Pháp, đuổi Nhật của Việt Minh, chủ trương đoàn kết các dân tộc, cách thành lập chính quyền, đoàn thể. Cho nên đây là lần đầu tiên tôi được học về tôn chỉ, mục đích, chương trình, điều lệ của Mặt trận Việt Minh có cả Đảng Cộng sản tham gia, tôi ngỡ ngàng không hiểu và cứ tự hỏi thầm: trong Mặt trận Việt Minh mà lại có cả Đảng Cộng sản tham gia là thế nào.

Vừa may, ông Cụ bảo phát biểu những điều chưa hiểu, tôi bèn giơ tay. Được ông Cụ chỉ định, tôi mạnh dạn nói:

- Thưa Cụ, tại sao trong Mặt trận của ta lại có Đảng Cộng sản?

Tôi vừa dứt lời thì trong lớp đã có nhiều tiếng xì xào. Thấy thế tôi đâm lo ngại. Ông Cụ ra hiệu cho mọi người giữ trật tự rồi lại hỏi:

- Đồng chí hiểu về Đảng Cộng sản như thế nào?

- Thưa Cụ, cháu chưa hiểu, nhưng nghe người ta nói Đảng Cộng sản không tốt. Họ chủ trương cái gì cũng làm của chung cả, ai theo họ thì họ cho vào Đảng, ai không theo họ thì họ giết, như vậy có khác gì phát xít Nhật và đế quốc Pháp?

Nghe tôi trả lời, các đồng chí trong lớp học đều tỏ vẻ ngạc nhiên. Riêng ông Cụ vẻ mặt thoáng nét cười, hỏi thêm:

- Đồng chí nghe ai nói vậy?

- Thưa Cụ nhiều người nói...

Ông Cụ lại hỏi:

- Những người ấy là thế nào với Tây?

- Họ là những người... là những người làm việc với Tây ạ!

Trả lời câu hỏi xong, tôi tự nhiên cảm thấy tất cả những ý nghĩ của mình về cộng sản từ trước tới nay có lẽ là bị tiêm nọc độc. Nhưng cộng sản là thế nào thì thực tình tôi vẫn chưa hiểu.

Thấy vẻ băn khoăn của tôi, ông Cụ liền đặt câu hỏi khác:

- Đồng chí thấy Pháp, Nhật nói về Việt Minh ta thế nào?

- Dạ, nó nói là giặc cỏ, là ăn cướp, giết người ạ.

Ông Cụ lúc ấy mới chỉ một học viên khác bảo trả lời câu hỏi ban đầu của tôi.

Đồng chí ấy bèn đứng dậy nói:

- Đế quốc Pháp, phát xít Nhật ghét cộng sản cũng như ghét Việt Minh cho nên chúng dùng mọi điều để nói xấu cộng sản và Việt Minh ta. Những người cộng sản là những người kiên quyết đánh Pháp, đuổi Nhật trong Mặt trận Việt Minh, do đó họ là nòng cốt, là cơ quan tham mưu của Mặt trận ta.

Các học viên khác đồng ý.

Ông Cụ lại hỏi tôi:

- Đồng chí đã hiểu chưa?

Tôi trả lời:

- Thưa Cụ, cháu đã hơi hiểu.

Lúc ấy, ông Cụ mới dịu dàng giải thích thêm. Mỗi lời ông Cụ nói về cộng sản, về những người cộng sản cứ như những ngọn đèn thấp sáng lên trong óc tôi khi đó.

Sau khi giải thích kỹ càng rồi, ông Cụ lại hỏi thêm:

- Đồng chí đã thấy người cộng sản chưa?

- Dạ, chưa ạ!

- Nếu đồng chí Văn, đồng chí Khang là những người cộng sản thì đồng chí có thích không?

- Dạ thích ạ!

Nghe tôi nói vậy, các đồng chí trong lớp đều cười một cách vui vẻ.

Ông Cụ chuyển sang giảng bài học khác. Sau buổi học, tôi suy nghĩ mãi về bài học vừa qua, về Đảng Cộng sản và cố đoán xem trong Giải phóng quân ai là đảng viên cộng sản? Cộng sản với Việt Minh khác nhau những gì?

Chiều hôm ấy, chúng tôi đi làm lán. Đồng chí Quang Việt - một học viên trong lớp chính trị - thân mật bảo tôi:

- Này Việt Dũng, cậu đi chẻ lạt với tớ.

Vốn mến đồng chí Quang Việt, tôi bèn theo đồng chí ấy ra một góc cây, cùng nhau chẻ lạt. Làm được một lát, đồng chí Việt bảo tôi:

- Cậu ở nhà trước làm gì?

Tôi thành thực kể cho đồng chí Quang Việt nghe về gia đình tôi, một gia đình nông dân thuộc loại trung bình. Làng tôi ở sát ngay hồ Ba Bể, tôi được học tới lớp nhất và được đưa đi học y tá ở nhà thương Hải Dương. Tôi nói tiếng Kinh thạo, biết một ít tiếng Pháp, hiểu biết về miền xuôi khá nhiều. Ngày 9/3/1945, Pháp bị Nhật đảo chính, trường y tá tan, tôi và người anh con ông bác về quê thì vừa dịp đồng chí Khang mang một đơn vị Giải phóng quân tới xây dựng chính quyền cách mạng tại địa phương. Hai anh em tôi được giác ngộ và tham gia Giải phóng quân. Chính cái tên Việt Dũng của tôi và anh tôi là Việt Cường đều do đồng chí Khang đặt cho cả.

Nghe tôi kể xong đồng chí Quang Việt cũng kể chuyện gia đình và hoàn cảnh tham gia cách mạng của đồng chí ấy cho tôi nghe. Sau đó, đồng chí nói cho tôi nghe sơ lược về lịch sử Đảng Cộng sản Đông Dương, về những gương anh dũng của các đồng chí tiêu biểu, nhất là gương hi sinh anh dũng của đồng chí Hoàng Văn Thụ.

Câu chuyện của đồng chí Việt đã bổ sung thêm cho tôi những hiểu biết về Đảng sau buổi học, gây cho tôi niềm tự tin và nâng cao thêm ý chí chiến đấu cách mạng của tôi. Một câu hỏi nổi lên trong tôi lúc ấy: đồng chí Hoàng Văn Thụ sao tài giỏi, anh hùng như vậy? Mình phải làm gì để xứng đáng với tám gương ấy? Tôi liền hỏi đồng chí Việt:

- Tôi có thể trở thành người cộng sản được không?
- Sao lại không, nếu cậu chịu khó tu dưỡng và kiên quyết đấu tranh cho quyền lợi của quần chúng lao khổ!

Chúng tôi nắm tay nhau thật chặt.

Ra về, vừa đi vừa nghĩ: “Có lẽ ông Cụ bảo đồng chí Việt tới nói thêm để cho tôi hiểu thấu đây. Ông Cụ có lẽ trông thấy lòng mình...”.

Công tác và học tập được ít bữa thì một buổi trưa tôi bỗng thấy người mệt. Không thể cùng anh em vào rừng kiếm củi được, tôi liền xin phép đồng chí Hồng Thái ở lại nhà nằm nghỉ. Vừa đặt mình xuống, cơn sốt đã kéo đến. Tôi quấn chặt hai chiếc chăn mà người vẫn run lên bần bật, hai hàm răng đánh vào nhau lập cập. Lúc đó, tôi chỉ ước ao có ai dè lên người giữ hộ, hoặc có lò than ở bên cạnh thì mới ghim cơn rét lại được.

Lát sau, cơn rét lui, cơn sốt lại đến. Người tôi như lò than, đầu nhưế buốt. Tôi nghĩ vẫn vợ: “Giá mình ở nhà thế nào bà mẹ, cô em gái lúc này cũng đã đánh cảm và nấu nước xông cho mình rồi. Từ dạo bắt đầu vào Việt Minh, mẹ tôi ở nhà không có ai giúp đỡ liền lấy cho tôi một cô vợ, vừa lấy buổi sớm thì buổi chiều tôi đã đi. Chẳng biết cô ta bây giờ thế nào? Giá ở nhà, thế nào cô ta cũng nấu cho tôi bát cháo gà để sau cơn sốt dậy ăn cho tỉnh người. Nghĩ hết chuyện nhà lại nhớ tới hiện tại: “Ồ đây tình đồng chí thì thật là cao nhưng mọi thứ thiếu thốn quá!”. Suy nghĩ như vậy tôi mới thấy nhớ nhà da diết. Nhưng hình ảnh ông Cụ và gương anh dũng của đồng chí Hoàng Văn Thụ lại động viên tôi chống chọi với bệnh tật, gian khổ. Tôi đang miên man suy nghĩ thì chợt có người đi nhẹ nhẹ

dền bên rồi ngồi xuống giường. Tương đồng chí nào trong đại đội gác về, tôi cứ trằm chân tiếp theo dòng suy nghĩ của mình. Một bàn tay mát dịu sờ vào trán tôi, tiếp đó là tiếng hỏi thân thuộc:

- Đồng chí nào mệt đây?

Tôi giật mình nhận ra tiếng ông Cự, vội bỏ chân ra.

Ông Cự vẫn đặt tay lên trán tôi, đôi mắt nhìn như muốn hỏi: “Đồng chí sao thế? Có mệt lắm không?”.

Cảm động quá tôi vội thưa:

- Thưa Cự cháu bị sốt rét, bây giờ đỡ rồi.

Ông Cự gật đầu bảo:

- Đồng chí cố ngồi dậy dựa vào vách cho đỡ mệt. Tôi đi lấy thuốc cho đồng chí uống.

Nghe tiếng “thuốc” tôi tỉnh cả người, vì mỗi viên thuốc trong hoàn cảnh lúc bấy giờ rất quý giá, song thấy ông Cự phải bận mình, tôi lại thấy ngại ngại. Tôi toan thưa lại thì ông Cự đã đi rồi. Nhìn theo mái tóc đốm bạc, đôi vai gầy của ông Cự lòng tôi nao nao. Tôi biết giờ này là giờ đọc sách của Cự. Nhưng sao Cự lại tới lán của chúng tôi? Có lẽ trong lúc sốt rét, tôi run làm động sàn nứa nên ông Cự biết. Tôi đã học y tá mà tôi chưa giúp gì cho anh em trong đội, bây giờ chính tôi lại được ông Cự săn sóc.

Đang nghĩ, ông Cự đã trở lại. Tôi tưởng như cơn sốt giảm hẳn, liền ngồi dậy, sẵn sàng nhận thuốc uống.

Thấy vậy, ông Cự cười bảo:

- Đồng chí cố gắng như vậy là tốt, bây giờ đồng chí uống một viên, còn chiều uống viên nữa.

Nói xong, ông Cụ dốc trong chiếc lọ con ra hai viên kí ninh trắng. Thoảng nhìn, tôi thấy trong lọ còn chừng hơn chục viên nữa. Tôi đoán đó là thuốc riêng của Cụ.

Sau khi tôi uống thuốc, Cụ dặn thêm:

- Hễ đỡ, đồng chí phải dậy đi lại mới được, nằm nhiều là dễ bị con ma ôm nó quật đấy! Bây giờ tôi về làm việc.

Ông Cụ đi, tôi lặng nhìn theo, không biết nói gì. Còn lại một viên thuốc, tôi đặt giữa lòng bàn tay, hết nhìn viên thuốc, tôi lại nhìn về phía lán ông Cụ ở. Viên thuốc lúc này sao mà quý vậy! Ông Cụ là thượng cấp, vừa là thầy dạy học, vừa là thầy thuốc của mình! Hình ảnh này in sâu vào trí nhớ tôi cũng như ngọn núi Cứu quốc trên quê hương đã in vào trí nhớ tôi từ thuở nhỏ, không bao giờ có thể quên được.

Tôi khỏi bệnh thì ngày 1/5 đã đến. Hôm ấy, chúng tôi cố gắng động viên nhau làm cho xong nhà để có thành tích kỉ niệm ngày Quốc tế lao động. Tôi mới một nên được phân công vá quần áo cho anh em. Tôi đang vá, chợt đồng chí liên lạc lên, mang theo một số báo và tài liệu, ngoài ra còn có một hộp gì màu đỏ rất đẹp. Tôi dò xem nhưng đồng chí liên lạc bảo:

- Không được, đây là quà ở xa gửi biếu ông Cụ!

Sau khi đồng chí liên lạc về, ông Cụ mang cái hộp ấy xuống bếp. Giữa lúc đó, tôi cũng có việc xuống đây. Tôi thấy ông Cụ đang bảo đồng chí Trần Định (một đồng chí cũ lúc ấy vừa bảo vệ Bác vừa làm cấp dưỡng).

- Đồng chí đổ một nồi nước đủ cho mỗi anh em một bát, có ít gạo nếp ta đem nấu, khi nhừ gạo, đồng chí cho hộp mật này vào.

Đồng chí Định ngân ngữ nói:

- Thừa Bác, cái này để Bác dùng (trong chúng tôi lúc ấy chỉ có đồng chí Định gọi ông Cụ là Bác) vì sức khoẻ Bác chưa được tốt.

Ông Cụ bảo:

- Tôi mệt thì anh em cũng mệt. Hôm nay là ngày 1/5 tôi được quà từ ngoài gửi biếu, anh em cũng phải có phần.

Nghe ông Cụ nói, đồng chí Định tỏ vẻ miễn cưỡng vâng lời.

Chờ ông Cụ đi khỏi, tôi vào xem chiếc hộp. Đó là hộp mật ong khô, rất quý. Có lẽ hộp mật đó làm ở một nước nào đó có kĩ nghệ thực phẩm gửi tới, nhãn hiệu không phải chữ Pháp nên tôi không biết. Tôi bàn với đồng chí Định nấu một nửa, còn dành lại cho ông Cụ một nửa. Đồng chí Định cười bảo rằng:

- Tính Bác vậy, Bác đã bảo là phải làm đúng, nếu bớt lại, Bác bắt nấu lần nữa thì lại mất công.

Trưa 1/5 năm đó, chúng tôi được thưởng thức một bữa chè mật ong đặc biệt. Hương vị thơm ngon của bát chè tương như bây giờ vẫn còn nguyên vẹn trong tôi.

Đầu tháng 7/1945, lớp học chính trị đã hết, các học viên đã đi công tác, cơ quan vắng một số người. Sáng hôm ấy, chúng tôi vừa rửa mặt xong, chợt có tin báo: một toán thổ phỉ và đặc vụ của Tưởng, mượn cơ chống Nhật (thực ra có liên hệ với Nhật) đang tiến vào đèo Re để dò la căn cứ địa của ta. Một bộ phận giải phóng quân đã mai phục đón đánh chúng. Vì trận địa gần cơ quan quá, các đồng chí có trách nhiệm bảo vệ bèn đề nghị ông Cụ tạm lánh.

Được ông Cự đồng ý, đơn vị chúng tôi để lại già nửa bảo vệ cơ quan, nếu phi trần qua sẽ đánh, còn một tổ năm đồng chí do tôi chỉ huy, bảo vệ ông Cự và tài liệu tạm tránh đi nơi khác.

Trước lúc ra đi, ông Cự kiểm tra lại việc gói buộc tài liệu, việc bố trí hành quân, chuẩn bị súng đạn của chúng tôi một cách tỉ mỉ, kiểm tra xong ông Cự dặn:

- Các đồng chí đi phải giữ bí mật, không được gõ vào cây nữa gây tiếng động, không được phát đường bẻ lá. Đồng chí đi sau cùng phải xoá dấu vết của anh em đi trước. Các đồng chí rõ chưa?

Chúng tôi trả lời:

- Dạ, rõ rồi ạ.

Ông Cự gật đầu nói:

- Được, chúng ta đi.

Chúng tôi lên đường, nhằm đỉnh núi cao nhất leo lên. Đường đi dốc đứng, lại không được phát dây leo, cảnh lá ngáng đường, nên càng khó khăn. Chúng tôi đi chậm chậm để giữ sức cho ông Cự, vì lúc đó ông Cự không được khoả lăm. Trong lúc đi đường, chúng tôi xin đeo hộ ông Cự chiếc túi dết, nhưng ông Cự không đồng ý.

Lên đến gần mồm núi, nơi có một gốc cây to sạch sẽ và có chỗ ngồi bằng phẳng, chúng tôi dừng lại tạm nghỉ. Chúng tôi toan chặt lá để ông Cự ngồi nhưng ông Cự không cho. Ông Cự liền giải thích cho chúng tôi rõ, phải giữ bí mật như vậy để nếu kẻ địch có tiến tới lán, chúng cũng không biết chúng tôi đi về phía nào mà truy tìm.

Giải thích xong, ông Cự đặt câu hỏi:

- Nếu địch tới đây thì ta đối phó thế nào?

Một đồng chí trả lời:

- Thừa Cự, phải kiên quyết chiến đấu để diệt chúng ạ

Cụ chỉ bó tài liệu hỏi:

- Nếu trong lúc chiến đấu, ta vì lực lượng yếu phải rút đi nữa thì số tài liệu này sẽ làm thế nào?

Chúng tôi mỗi người mỗi ý trả lời:

- Dạ, ta phải đốt đi ạ!

- Không được, tài liệu rất quý. Ta biết phải cất giấu vào rừng hoặc chôn giấu đi, để khi chiến đấu không lo mất, có phải rút lui cũng không ngại. Sau đó ta sẽ quay lại lấy.

Ông Cụ nghe xong liền kết luận:

- Các đồng chí đều nói đúng. Nếu giặc tới, chúng ta phải kiên quyết chiến đấu, tài liệu cũng như sinh mệnh của ta, phải bảo vệ đến cùng. Vậy ta nên tìm cách tạm cất giấy tờ đi để khi xảy ra chiến đấu, ta hoạt động được dễ dàng.

Chúng tôi đào một hố sâu, bỏ hòm tài liệu xuống, lấy lá khô nguy trang. Ông Cụ lại bảo:

- Đừng lấp đất vội, cứ chuẩn bị sẵn, khi nào cần sẽ hay. Bây giờ, các đồng chí nên nghiên cứu cách đánh khi địch tới đây.

Trong lúc chúng tôi để một đồng chí cảnh giới rồi tùm lại bàn bạc cách đánh, ông Cụ lấy sách ra đọc. Khi thấy chúng tôi bàn bạc xong, ông Cụ ngừng đọc, bảo tôi báo cáo lại kết quả. Nghe xong, ông Cụ bảo:

- Được, các đồng chí chuẩn bị như vậy là tốt. Ta nhân việc này mà tập dượt cho quen, có giặc tới ta sẽ đánh!

Khoảng gần chín giờ sáng, từ xa vọng lại một tràng tiêu liên rồi súng trường, lựu đạn liên tiếp nổ. Từ đèo đến chỗ chúng tôi, đường chim bay chỉ khoảng hơn một cây số, chúng tôi lại ở trên núi cao nên nghe rất gần.

Một đồng chí gác chạy tới báo với ông Cụ. Ông Cụ bảo:

- Tôi cũng nghe thấy rồi.

Nói xong, ông Cụ lại tiếp tục đọc sách.

Ngồi nghe súng nổ, tôi rất sốt ruột. Tôi pháp phòng nghĩ không biết chúng có đông không, ta có thắng không? Nếu chúng tràn vào được, nhân dân ta sẽ thế nào?

Súng nổ dồn dập một chập rồi thưa dần, sau đó im bặt. Ông Cụ đặt sách, vẻ vui mừng hiện trên nét mặt. Chúng tôi thăm thì phán đoán. Như biết được ý nghĩ của chúng tôi, ông Cụ bảo:

- Chắc là thắng rồi, vì những tiếng súng về sau mỗi lúc một xa. Vả lại, trận này ta nắm rõ địch, ta lại chủ động từ đầu.

Đúng vậy, đến quá mười một giờ, có tiếng hú từ dưới cơ quan vọng lên. Đó là mật hiệu liên lạc. Lát sau một đồng chí lên báo cáo là quân ta đã đánh tan cánh phi đó và thu được nhiều vũ khí.

Ông Cụ chỉ thị cho chúng tôi trở về, trong lúc về vẫn phải xoá dấu vết để giữ bí mật.

Hôm ấy, chỉ trong mấy giờ buổi sáng mà chúng tôi đã học được ở Cụ nhiều điều về chuẩn bị hành quân, công tác bí mật trong lúc hành quân, cách phán đoán, xử trí tình hình và dân chủ trong công tác quân sự. Ông Cụ đã dạy cho chúng tôi những bài học thực tế sâu sắc.

Chiều hôm ấy, tôi xuống làng để nghe đồng chí Đường hướng dẫn học tài liệu như thường lệ. Tới nơi, một tin làm tôi sững sốt: đồng chí Đường đã hi sinh trong trận diệt phỉ vừa rồi. Đau xót quá tôi chạy thẳng về cơ quan và không sao nén nổi cảm xúc. Tôi bỏ bữa cơm chiều, nằm dài trong lán.

Gần tối, đồng chí Định tới thăm, bảo tôi:

- Ông Cụ bảo mình tới kể cho đồng chí nghe về gương chiến đấu của đồng chí Đường đây.

Tôi vội ngồi dậy, lắng nghe, đồng chí Trần Định nói:

- Ông Cụ dặn đồng chí là: thương đồng chí mình thì phải noi gương chiến đấu của đồng chí ấy. Đồng chí là một người cộng sản tốt đấy!

Tôi hứa với đồng chí Định là sẽ học tập, theo gương đồng chí Đường.

Đồng chí Định cũng cho tôi biết là đồng chí sẽ thay đồng chí Đường giúp đỡ tôi về các mặt công tác và học tập. Biết là đoàn thể đã phân công đồng chí Định dìu dắt tôi thay đồng chí Đường, tôi chân thành nhận sự dìu dắt ấy.

Thật không ngờ, mãi tới khi Chính phủ lâm thời thành lập, tôi mới được biết ông Cụ là Hồ Chủ tịch, là Bác Hồ kính yêu của chúng ta.

Việt Dũng kể, Ngọc Châu ghi,

trong Bác Hồ ở Tân Trào,

**NXB Chính trị Quốc gia, Bảo tàng Tân Trào - ATK,
Hà Nội, 2001.**

43. BÁC HỒ ĐÓNG VAI THẦY MO

Tháng 5/1942, Bác đi họp Tỉnh uỷ Cao Bằng, Bác đóng vai ông thầy mo kiêm thầy thuốc nhưng mà điếc. Đồng chí Thế Anh đóng vai đón ông thầy mo về chữa cho vợ bị ốm. Lúc này đồng chí Thế Anh mới chỉ biết Bác là ông Ké Thu. Bác nhờ Tỉnh uỷ Cao Bằng chuẩn bị cho Bác một cuốn sách cúng, một cái thanh la, một con gà và mấy bao gạo nếp. Đồng chí Thế Anh đeo các bao gạo nếp. Bác đội nón Nùng, lấy khăn che râu, mặc bộ quần áo Nùng, tay chống gậy. Đến ngã ba Đôn Chương thì gặp bọn tổng đoàn và bọn lính gác. Bọn chúng hỏi:

- Đi đâu?

Đồng chí Thế Anh đáp:

- Đi đón ông Ké về chữa cho vợ đang bị bệnh phong.

- Tốt lắm. Về chữa cho vợ tao đang ốm nặng.

Như thế thì gay go rồi. Đồng chí Thế Anh nói đi nói lại với tụi nó:

- Ông Ké này cũng xoàng thôi. Chỉ biết cúng có bệnh phong thôi, lại điếc nữa mà.

Nói mãi, chúng nó cũng nhượng bộ và nói rằng:

- Mày đi xong, chiều về nhớ cúng cho vợ tao.

Ông Ké quay lại cười. Đồng chí Thế Anh bực quá, đi một quãng xa, rồi quay lại phê bình ông Ké:

- Đã bảo là điếc rồi, mà ông Ké còn quay lại cười với nó. Làm vậy nó bắt thì làm sao?

- Nếu không cười thì nó bắt rồi. Diếc thì nó nói không nghe. Nhưng mình còn hệ thần kinh. Ông Ké giải thích, mình còn đi lại được, nó vỗ vào người phải biết. Chứ nó vỗ vào mà không đứng lên nó cho là diếc giả vờ, nó bắt rồi.

Đi một quãng, đồng chí Thề Anh lại ngạc nhiên khi nhìn hàm răng ông Ké trắng là thế, sao hôm nay lại bần vậy.

Bác cười và nói:

- Chục, chục, cheng cheng, xôi đầy, gà béo đưa cho thầy, thầy ăn. Ăn chưa hết nó còn dính như thề!

Bác đã lấy nhựa sung phơi khô tai tái rồi dí vào răng sau đó lấy xôi nhét vào. Lúc Bác cười, hạt xôi cứ rơi lả tả. Việc làm này của Bác càng làm cho chúng ta thấy rõ Bác đã chuẩn bị cải trang và giữ bí mật rất chu đáo.

Đoàn Minh Tuấn, **Bác Hồ cây đại thụ**,
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

44. DƯỚI GỐC ĐA TÂN TRÀO

Qua mấy ngày lội suối, tắt rừng, vượt đèo, đoàn đại biểu Hà Nội do đồng chí Hoàng Đạo Thuý dẫn đầu đã tới cây đa Tân Trào, điểm liên lạc cuối cùng.

Toàn đoàn khá mệt, ngồi nghỉ dưới gốc đa, có liên lạc đón và mời nước chè tươi.

Toàn đoàn đang ngắm nhìn chiến khu với sự cảm kích, hào hùng - Bờ rừng già hùng vĩ, núi non trầm mặc. Vừa lúc ấy, từ bản gần đó, một đoàn người đi ra, người quần áo Tây, người quần áo Dao. Dẫn đầu đoàn người là một cụ già mặc quần áo Tây, đội mũ sồi màu chàm, tay chống gậy. Được biết, đó là nhân dân địa phương ra đón đoàn đại biểu Hà Nội.

Đoàn đại biểu Hà Nội vội đứng lên chào mừng nhân dân địa phương. Sau phút chào hỏi vui vẻ, đồng chí Hoàng Đạo Thuý cử đồng chí Nguyễn Tài, uỷ viên dân vận của đoàn ra nói chuyện cùng nhân dân địa phương. Còn cả đoàn xin phép được ngồi nghỉ dưới gốc đa liên đó để chờ thượng cấp.

Được gặp đồng bào ở chiến khu, với niềm tự hào là đại biểu của Hà Nội đi dự Quốc dân Đại hội (8/1945), đồng chí Nguyễn Tài dùng hết khả năng tuyên truyền của mình để nói chuyện với đồng bào: nào là tội ác của Pháp cùng Nhật xâm lược nước ta, cướp bóc thóc lúa, để hàng triệu đồng bào ta bị chết đói; nào là phát xít Đức đã đầu hàng; Hồng quân Liên Xô đã đánh tan đạo quân Quan

Đông của Nhật; nào là lực lượng Việt Minh ta ở Hà Nội rất mạnh, khắp nước cũng rất mạnh. Thời cơ nổi dậy giành độc lập đã tới, v.v... Chúng ta lại có lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo...

Đồng chí Nguyễn Tài vừa nói tới đây thì cụ già - người dẫn đầu đoàn nhân dân địa phương vỗ tay ngắt lời, nhân dân cùng vỗ tay hoan hô theo. Ông cụ ra hiệu, một nữ đại biểu từ trong đoàn nhân dân đứng ra đáp lời: “Nhân dân Tân Trào rất cảm ơn đoàn đại biểu Hà Nội đã về dự Đại hội. Đại biểu vừa rồi đã nói chuyện với nhân dân nhiều ý hay, lời đẹp. Dân ở đây cũng được cán bộ Việt Minh, nhất là ông Ké dạy bảo nhiều. Hợp với ý của đại biểu vừa nói. Như vậy là xuôi ngược một lòng cứu nước. Chúc các đại biểu Hà Nội thu nhiều kết quả”.

Nữ đại biểu phát biểu xong, thì nhân dân trở về bàn. Đoàn đại biểu Hà Nội cũng đứng dậy, đôi bên vẫy chào nhau.

Ông cụ vẫy đồng chí Nguyễn Tài lại gần, cầm tay như dắt đi. Vừa đi, vừa hỏi:

- Đồng chí thấy nữ đại biểu nói thế nào?

- Dạ, nữ đồng chí ấy nói ngắn, nhưng thể hiện trình độ khá cao. Cháu đang băn khoăn là mình nói hơi thừa...

Ông Ké tùm tùm cười, nhẹ nhàng bảo đồng chí Tài:

- Chú cần nhớ là Hà Nội bị địch chiếm trước, trên này bị địch chiếm sau. Bây giờ trên này lại được giải phóng trước, Hà Nội vẫn bị quân giặc cướp nước thống trị. Cho nên người đi sau không nên chỉ đường cho người đi trước.

Đồng chí Nguyễn Tài giật mình nhìn ông Ké: Trời ơi! Ông già miền núi gầy gò, mảnh khảnh kia nói đơn giản nhưng đầy ý nghĩa: “Người đi sau sao lại chỉ đường cho người đi trước”. Đồng chí Nguyễn Tài vội nắm chặt tay ông già: “Cháu hiểu ra rồi ạ!”. Nhìn theo bóng ông cụ bước đi, Nguyễn Tài thầm nghĩ: “Việt Minh mình có những sức mạnh, chính là ở những con người này đây”.

Thấy đồng chí Nguyễn Tài đi theo ông Ké một lát rồi bần thần đứng lại, đồng chí Hoàng Đạo Thuý liền tới gần và hỏi: “Ông Ké bảo gì, mà cậu ngần ngợ ra vậy?”.

Đồng chí Nguyễn Tài kể lại lời ông Ké. Đồng chí Hoàng Đạo Thuý gật đầu bảo: “Phải nhắc nhở anh chị em mình, trò chuyện với nhân dân vùng giải phóng, phải cẩn trọng”. Nhìn theo bóng ông cụ, rồi đồng chí Thuý thầm thì với đồng chí Tài: “Không khéo ông Ké ấy chính là cụ Nguyễn Ái Quốc đấy!”.

Đến ngày khai mạc Quốc dân Đại hội, những bản khoản đó của hai đồng chí mới được rõ ràng: Ông Ké ấy chính là cụ Nguyễn Ái Quốc.

Ngọc Châu, Những ngày được gần Bác,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.

45. THÁNG TÁM NĂM 1945 Ở HÀ NỘI

Đầu năm 1941, Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Hà Nội khởi nghĩa giành chính quyền, rồi lần lượt đến các tỉnh khác trong cả nước. Cuối tháng 8 năm 1945, Thường vụ Trung ương quyết định đưa Bác về Thủ đô Hà Nội để lãnh đạo, giữ vững và củng cố chính quyền non trẻ. Lúc ấy, Bác ốm và rất gầy. Chúng tôi mua ít tim gan nấu cháo cho Bác. Nhưng có thể do không may mua phải tim gan của lợn gạo nên Bác lại lên cơn sốt cao. Trên đường về Hà Nội, có lúc mệt quá, Bác không đi được, anh em dùng vải và đòn tre làm cang. Nằm trên cang, người sốt hầm hập nhưng Bác vẫn thấy vui vì đi tới đâu cũng thấy cờ đỏ sao vàng và đồng bào hào hứng hô vang: “Ủng hộ Việt Minh”, “Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm”. Chiều 25 tháng 8, về đến ngoại thành Hà Nội, Bác dừng lại ở làng Phú Gia. Chiều tối chủ nhật, 26 tháng 8 năm 1945, đồng chí Trường Chinh đến đón Bác. Hà Nội hừng hực khí thế cách mạng. Khắp phố phường tràn ngập niềm hân hoan với cờ đỏ sao vàng. Ít ai để ý đến một chiếc xe cũ, màu đen chở Bác chạy từ phía Chèm, dọc theo đê Yên Phụ, xuống dốc Hàng Than, qua phố Hàng Giấy rồi rẽ Hàng Mã về đến trước số nhà 35 Hàng Cân. Xe đưa Bác vào cổng sau, rồi Bác lên thẳng gác 2 nhà 48 phố Hàng Ngang. Đây là ngôi nhà 3 tầng của ông Trịnh Văn Bô, một thương gia lớn của Hà Nội và là cơ sở của cách mạng. Nhà xây chắc chắn, rất tiện cho

công tác bảo vệ. Tầng 1 và tầng 3 chủ nhà dành để ở và bán hàng. Còn tầng 2 dành cho cách mạng. Lúc này, chủ nhà chưa biết người cách mạng đó chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đi lên, đi xuống nhiều, chủ nhà chỉ thấy một cụ già đáng người gầy nhưng nhanh nhẹn, có đôi mắt sáng lạ thường. Sau này chủ nhà mới biết ngôi nhà của mình có vinh dự được đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngay chiều tối hôm sau, 27 tháng 8, tôi (tức Vũ Kỳ) được Trung ương chọn làm thư kí cho Bác. Bác thân mật hỏi tôi:

- Chú tên gì?

Tôi thưa:

- Cháu tên Cần ạ (tên của tôi hồi đó).

Có lẽ tôi xúc động nói không rõ nên Bác nghe thành Cần. Bác trêu mếu bảo:

- Cần à, Cần là cần thận. Rất tốt.

Sáng hôm sau, Bác lại hỏi tên tôi, tôi thưa rất rõ:

- Cháu là Cần ạ.

Bác tỏ ra rất vui và nói ngay:

- Cần thì càng tốt. Cần là cần, kiệm, liêm, chính.

Đó cũng là điều mong muốn của Bác về phẩm chất, đạo đức của người cán bộ mà những năm sau này mỗi dịp gặp cán bộ, mỗi khi đến thăm các lớp huấn luyện, Bác đều căn dặn mọi người phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính.

Trong căn nhà 48 phố Hàng Ngang, chủ nhà dùng căn phòng phía sau trên tầng 2 làm phòng ăn. Giữa phòng kê

một chiếc bàn gỗ dài và to, quanh bàn có 8 chiếc ghế tựa đệm mềm. Bác dùng bàn này để làm việc với các đồng chí Thường vụ Trung ương. Cuối phòng kê một chiếc bàn tròn. Nơi đây Bác dùng làm bàn ăn. Trong cuộc sống hàng ngày, Bác không dành cho mình một sự ưu đãi nào. Bác là tấm gương sáng về đức tính giản dị của người cán bộ cách mạng. Bác thường ngồi làm việc trên chiếc bàn kê sát tường bọc da xanh màu lá mạ, vừa đủ để tập giấy bút và chiếc máy chữ nhỏ Bác mang từ chiến khu về. Trong những ngày này, Bác dành nhiều thời gian và tâm trí cho việc soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập. Hàng ngày Bác dậy sớm tập thể dục, sau đó ngồi vào bàn và đánh máy luôn bản thảo. Ban đêm, Bác cũng thức rất khuya, trầm ngâm suy nghĩ về những nội dung trong bản thảo Tuyên ngôn Độc lập. Sáng 29 tháng 8, Bác chuyển đến Bắc Bộ phủ làm việc. Ở đây, Bác tiếp tục hoàn chỉnh bản Tuyên ngôn Độc lập. Sau mấy ngày sốt, tuy sức khỏe giảm sút trông thấy, nhưng sức làm việc của Bác thì vẫn phi thường. Đêm 29 tháng 8, Bác thức khuya hơn bình thường vì ngày 2 tháng 9 đã cận kề. Bác viết rồi lại sửa. Những lúc suy nghĩ căng thẳng nhất Bác thường đặt tay lên trán và đôi mắt sáng khi thì nhìn những dòng chữ như có hồn vừa được viết ra, khi thì nhìn vào đêm tối như tìm một điều gì đó mà chỉ riêng Bác mới hiểu.

Cho đến ngày 30 tháng 8, bản Tuyên ngôn Độc lập được dự thảo xong, Bác đưa ra tranh thủ ý kiến các đồng chí Trung ương.

Sáng 31 tháng 8, Bác hỏi tôi:

- Chú Cần có biết Quảng trường dự định họp mít tinh như thế nào không?

Rồi Bác báo tôi vẽ phác bản đồ cho Bác. Xem bản đồ xong, Bác hỏi:

- Liệu được bao nhiêu người?

Tôi thưa với Bác:

- Được vài chục vạn người đấy ạ.

Bác hỏi tiếp:

- Thế các chú định bố trí để đồng bào di vệ sinh ở đâu?

Tôi sững sờ trước câu hỏi của Bác và lúng túng không biết trả lời thế nào, thì Bác nói tiếp:

- Việc nhỏ, nhưng nếu không chú ý bố trí cho tốt thì rất dễ mất trật tự. Chú có biết không, ở Hương Cảng, công nhân lao động biểu tình thì chính quyền Anh chưa giải quyết, nhưng khi công nhân công ty vệ sinh đình công thì chính quyền Anh phải giải quyết ngay. Vì đã có lần giải quyết chậm, rác rưởi bắn thiu ngập đường phố.

Tiếp đó, Bác dặn tôi nói với Ban tổ chức nếu trời mưa thì kết thúc mít tinh sớm hơn, tránh cho đồng bào khỏi bị ướt, nhất là đối với các cụ già và các cháu nhỏ.

Thật hạnh phúc biết bao cho nhân dân Việt Nam khi được biết vị đứng đầu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ chỉ trước khi đọc bản Tuyên ngôn Độc lập vài giờ vẫn chăm lo đến những cái nhỏ nhất trong đời sống.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945 đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam như một mốc son chói lọi: khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tại Quảng trường Ba Đình, khi đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, đến đoạn tố cáo tội ác của phát xít Nhật, cả biển người im phăng phắc. Nghĩ đồng bào nghe mình nói tiếng Nghệ An không rõ và quên cả mình là Chủ tịch nước đang trình trọng đọc Tuyên ngôn Độc lập, Bác ngừng đọc cất tiếng hỏi rất thân mật:

- Đồng bào nghe rõ tiếng tôi không?

Tiếng trả lời: “Có” như sấm dậy. Chưa bao giờ và chưa ở đâu, người ta lại thấy tình cảm giữa lãnh đạo cao nhất và dân chúng gần gũi và thân thương đến thế! Kết thúc cuộc mít tinh, ra về nhưng mọi người vẫn như nhìn thấy ánh mắt, vẫn như nghe thấy giọng nói ấm áp và hiền hậu của Bác.

**Vũ Kỳ kể, Huyền Tím và Tử Nê ghi,
Truyện kể về Bác Hồ những chặng đường
trường kỳ kháng chiến,
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.**

46. CHỦ TỊCH NƯỚC CŨNG KHÔNG CÓ ĐẶC QUYỀN

Đầu năm 1946, cả nước ta tiến hành cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên. Gần đến ngày bầu cử, tại Hà Nội - là nơi Bác Hồ ra ứng cử - có 118 Chủ tịch Ủy ban nhân dân và đại biểu các giới hàng xã đã công bố một bản đề nghị: “Yêu cầu cụ Hồ Chí Minh không phải ứng cử trong cuộc Tổng tuyển cử sắp tới. Chúng tôi suy tôn và ủng hộ vĩnh viễn cụ Hồ Chí Minh là Chủ tịch của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà”.

Từ nhiều nơi trong cả nước, đồng bào viết thư đề nghị Bác không cần ra ứng cử ở một tỉnh nào, nhân dân cả nước đồng thanh nhất trí cử Bác vào Quốc hội.

Trước tình cảm tin yêu đó của nhân dân, Bác viết một bức thư ngắn cảm tạ đồng bào và đề nghị đồng bào để Bác thực hiện quyền công dân của mình: “Tôi là một công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nên tôi không thể vượt khỏi thể lệ của Tổng tuyển cử đã định. Tôi ra ứng cử ở Hà Nội nên cũng không thể ra ứng cử ở nơi nào nữa. Xin cảm tạ đồng bào đã có lòng yêu tôi và yêu cầu toàn thể đồng bào hãy làm tròn nhiệm vụ người công dân trong cuộc Tổng tuyển cử sắp tới”.

Sau ngày hoà bình lập lại, có lần Bác đi thăm một ngôi chùa cổ, vị sư chủ trì ra đón và khẩn khoản xin Bác đừng cỡi dép khi vào trong chùa. Bác không đồng ý và lặng lẽ làm đúng những quy định như khách thập phương đến lễ

chùa. Trên đường từ chùa về, khi vào đến thành phố, xe Bác đến một ngã tư thì vừa lúc đèn đỏ bật. Sợ phố đông, xe dừng lâu, đồng chí bảo vệ định chạy lại đề nghị đồng chí công an giao thông bật đèn xanh để Bác đi. Bác hiểu ý ngăn lại:

- Các chú không được làm thế, phải tôn trọng và gương mẫu chấp hành luật lệ giao thông. Không được bất luật pháp dành quyền ưu tiên riêng cho mình.

Nguyễn Dung, trong **Bác Hồ với chiến sĩ**, tập 1.
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.

47. “THẾ THÌ CHÚNG TA ĐÃ GẶP NHAU RỒI”

Chuyện xảy ra vào một buổi tối cuối năm tại một thung lũng thuộc núi rừng Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Hôm ấy, khi đồng chí Tường đang ngâm mình dưới nước để đóng chân cầu thì bỗng một cụ già đi ngang qua. Dưới ánh đuốc sáng, biết mọi người đang khẩn trương hoàn thành chiếc cầu phục vụ chiến dịch sắp tới, ông Cụ dừng lại chăm chú quan sát và hướng về đồng chí Tường, đang ngâm mình dưới nước lạnh.

Khi Tường lên bờ nghỉ cho đỡ rét, Cụ lại gần, nhìn bộ quần áo ướt anh đang mặc, hỏi:

- Đồng chí có quần áo thay chưa?

Tường thật thà đáp chưa. Thấy vậy, Cụ liền lấy một chiếc áo trong gói đem theo, đưa cho Tường và nói:

- Đồng chí cầm lấy.

Từ chối không được, Tường ôm chầm lấy Cụ và cảm ơn. Ông Cụ chống gậy, theo con đường nhỏ khuất trong buổi tối mờ sương.

Sau đó ít lâu, Tường được đi dự Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc và được nghe Hồ Chủ tịch nói chuyện...

Trong bản báo cáo thành tích, Tường đã kể lại câu chuyện gặp ông cụ già và được ông cụ tặng chiếc áo trong ngày lạnh giá ấy.

Lần đó, Bác Hồ thưởng huy hiệu cho nhiều đại biểu đến dự hoạt động. Đến lượt gắn huy hiệu cho Tường, Bác mỉm cười hỏi:

- Thế đồng chí không nhớ tên cụ nông dân mà đồng chí vừa kể à?

- Cháu rất tiếc là đã quên không hỏi, nhưng hi vọng sẽ còn ngày cháu gặp lại cụ ấy! Tường thưa với Bác.

Hồ Chủ tịch mỉm cười, xiết chặt tay anh và nói:

- Thế thì chúng ta đã gặp nhau rồi.

Đức Bảo, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 1.

NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.

48. TĂNG TIÊU CHUẨN CHO CHIẾN SĨ

Năm 1952, khi vùng tự do đã được mở rộng sau nhiều chiến dịch lớn, các đại đoàn chủ lực đã được thành lập. Chính sách thuế nông nghiệp được ban hành, nhân dân nhiều vùng ra sức đóng góp thuế nông nghiệp để nuôi quân.

Bác đề nghị tăng gấp đôi tiêu chuẩn cho bộ đội (lúc đó chiến sĩ được tiêu chuẩn 1 kg gạo/ngày, kể cả ăn và tiêu vật), cán bộ thì được hơn.

Chủ trương đó được phổ biến tới Tổng cục Hậu cần và Cục Quân lương. Các đồng chí quân lương nhiều lần làm đề án trình Bác, căn cứ vào thực tế thóc có trong kho và tính toán cân đối với Bộ Tài chính, thì tăng gấp đôi cho cán bộ từ trung đội phó trở lên, còn chiến sĩ chỉ thêm hai lạng tức là mỗi ngày được tiêu chuẩn 1,2 kg gạo.

Tôi thấy nhiều đêm Bác thao thức về vấn đề này. Có lần đến phiên tôi trực, Bác hỏi: “Sức trai như chú mỗi bữa ăn mấy bát cơm thì no?”. Lúc ấy ăn uống thức ăn chẳng có gì, chủ yếu là ăn cơm. Tôi hiểu tâm trạng Bác hỏi là có ý, nên đã thưa thực:

- Thưa Bác, như sức cháu mỗi bữa ăn 5 bát mới no.
- 5 bát cơm phải một bọ đầy gạo là 0,33 kg, ngày ba bữa, riêng ăn đã là 1 kg rồi.

Vào một đêm tháng Chạp năm đó, trời rét như cắt thịt. Tôi thu mình trong chiếc áo dạ chiến lợi phẩm đứng dưới nhà sàn của Bác. Ánh đèn trên nhà sàn vẫn sáng. Khoảng 1 giờ sáng có tiếng lộp xộp trên sàn nứa, tôi đoán Bác lại suy tư điều gì, xuống hỏi tôi đây.

Đúng như dự đoán, chỉ hơn một phút sau Bác đã đứng cạnh tôi, Bác đưa cho tôi một chiếc thuốc lá hút cho đỡ rết rồi hỏi:

- Chú ăn cơm chiều lúc mấy giờ?

- Thưa Bác lúc 5 giờ rưỡi ạ!

- Chú đã đói chưa?

Biết là không thể nói dối Bác được, tôi thú thật:

- Thưa Bác đói rồi ạ!

Bác vui hẳn lên như tìm ra một vật quý và nói - giọng nói đầy thương yêu.

- Đúng rồi, chú bảo vệ ở hậu phương mà lúc này đói, thì các chiến sĩ công đồn, phục kích quân địch, vào lúc này chắc sẽ đói gấp đôi. Vậy mỗi chú chỉ có 1,2 kg gạo thì đánh giặc sao nổi.

Bác lên sàn rồi quay lại rất nhanh đưa cho tôi một bấp ngô nếp luộc rất to.

- Phần của chú đây, chú ăn đi cho đỡ đói để làm nhiệm vụ.

Tôi biết không thể từ chối, nên cầm bấp ngô ăn, trong bụng vẫn băn khoăn không biết đêm nay Bác đã ăn gì chưa?

Khi nhà sàn tắt đèn, tôi liếc nhìn đồng hồ thì đã 2 giờ sáng. Những gì diễn ra tiếp đó thì tôi không rõ, chỉ biết rằng đầu tháng sau các chiến sĩ bảo vệ chúng tôi cũng được tăng tiêu chuẩn 2 kg gạo/ngày.

Hồ Vũ, theo lời kể của đồng chí **Ma Văn Trường**,
trong **Bác Hồ với chiến sĩ**, tập 2.

NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.

49. BÁC HỒ VỚI BỘ ĐỘI Ở ĐỀN HÙNG

- Các chú có mệt không?

Mọi người đáp ran:

- Thưa Bác, không ạ!

Theo hiệu của Bác, tất cả cán bộ chiến sĩ đều nhất loạt ngồi xuống bậc thềm, vây quanh lấy Bác.

Mở đầu câu chuyện, Bác chỉ tay lên đền, thân mật hỏi:

- Các chú có biết đây là nơi nào không? Đây chính là đền thờ vua Hùng, tổ tiên chúng ta. Bác cháu ta gặp nhau ở đây tuy tình cờ nhưng lại rất có ý nghĩa. Ngày xưa, các vua Hùng đã có công dựng nước, ngày nay Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước. Trải qua bao nhiêu thời đại đấu tranh, ông cha ta mới giữ được Thủ đô. Tám, chín năm nay, do quân dân ta kiên quyết kháng chiến nên mới có thắng lợi trở về Hà Nội. Vì thế, các chú được Trung ương và Chính phủ giao cho nhiệm vụ tiếp quản Thủ đô, là được nhận một vinh dự rất lớn.

Sau đó, Bác nhắc nhở: “Quân đội ta không được vì sống trong hoà bình mà lơ lửng tay súng. Còn đế quốc ở miền Nam, còn đế quốc trên thế giới thì còn phải xây dựng quân đội mạnh mẽ”.

Ái nấy đều nhớ mãi lời khuyến khích, dặn dò ân cần của Bác. Lúc câu chuyện kết thúc, Bác nói:

- Đồng bào Hà Nội chờ mong các chú từ ngày các chú

ra đi, nay đang mong chờ dò sao vàng, chờ đợi hoan hô các chú. Hãy xứng đáng với vinh dự đó, trách nhiệm đó.

Vô cùng phấn khởi, mọi người vội đứng cả dậy, xúm xít quanh Bác Hồ hồ lớn: “Hồ Chủ tịch muôn năm! Chúc Bác vui khỏe, sống lâu!”.

Bác cười hiền hậu, nói:

- Được, muốn Bác vui khỏe sống lâu, các chú hãy làm đúng lời Bác dặn.

Những lời căn dặn của Bác Hồ với bộ đội tại Đền Hùng 48 năm về trước đã đặt ra cho thế hệ chúng ta hôm nay trách nhiệm nặng nề và rất vẻ vang.

Kể chuyện Bác Hồ

NXB Giáo dục , Hà Nội 2006, T. 4, tr. 8.

50. BÁC KẾT LUẬN

- Thưa Bác, tại sao chúng ta cứ để mãi cái bọn giết người độc ác ấy? Cháu tưởng lũ rác ấy, Bác cứ lệnh cho chúng cháu quét sạch chúng nó xuống cống hết!

Bác cười, chỉ gian phòng làm việc rồi hỏi tôi:

- Bây giờ có con chuột vào phòng gặm nhấm đồ đạc, các chú lấy gạch đá ném, hay khéo tìm cách bắt nó, hoặc đuổi nó đi?

- Dạ, lấy đá ném vỡ mất đồ quý trong phòng ạ!

Bác kết luận:

- Đối với bọn phản cách mạng hiện nay cũng thế. “Nó lú nhưng chú nó khôn”. Muốn làm được việc lớn phải biết nhìn xa trông rộng.

I hiểu rõ vấn đề, từ đây chúng tôi không thắc mắc nữa.

Kể chuyện Bác Hồ

Sdd, T. 4, tr. 14.

51. BÁC KHÔNG THĂM NHỮNG NGƯỜI NHIU MẸ CON THÍM THÌ CÒN THĂM AI?

Thấy người lạ, mấy em quay ra nhìn tôi. Em lớn, cặp mắt như dò hỏi nhưng vẫn lễ phép:

- Cháu chào bác ạ!

- Mẹ cháu đâu? - Tôi vội hỏi.

- Bác ạ, bác hỏi gì cháu? - Chị Chín từ trong bếp đi ra, vai quẩy đôi thùng, có lẽ chị đi gánh nước để sớm mai khỏi bị “đông”.

Chị vừa trả lời vừa nhìn tôi hơi ngạc nhiên, tôi vội bảo:

- Chị ạ, chị ở nhà...

Chị Chín vẻ lo lắng, quay lại nhìn lũ trẻ. Hình như chị lo lũ trẻ nghịch dại nên cán bộ tới chăng? Tôi vội bảo thêm:

- Chị ở nhà, có khách đến thăm Tết đấy!

Vừa lúc ấy, Bác đã bước vào. Chị Chín sững sờ nhìn Bác. Chiếc đòn gánh bỗng rơi khỏi vai chị. Chiếc thùng sắt gico xuống đất kêu loảng xoảng. Tôi vội xếp lại hộ chị. Mấy cháu nhỏ kêu lên: “Bác, Bác Hồ” rồi chạy lại quanh Bác.

Lúc này chị Chín mới như chợt tỉnh, chị chạy tới ôm choàng lấy Bác và bỗng nhiên khóc nức nở. Đôi vai gầy sau làn áo nâu bạc rung lên từng đợt.

Bác đứng lặng, hai tay Người nhẹ nhẹ vuốt lên mái tóc chị Chín. Chờ cho chị bớt xúc động, Người an ủi:

- Năm mới sắp đến, Bác đến thăm thím, sao thím lại khóc?

Tuy cổ nén, nhưng chị Chín vẫn không ngừng thôn thức, chị nói:

- Có bao giờ... có bao giờ Chủ tịch nước lại tới thăm nhà chúng con..., mà bây giờ mẹ con chúng con lại được thấy Bác ở nhà. Con cảm động quá! Mừng quá... thành ra con khóc...

Bác nhìn chị Chín, nhìn các cháu một cách trìu mến và bảo:

- Bác không tới thăm những người như mẹ con thím, thì còn thăm ai?

Người xoa đầu các cháu và cho các cháu kẹo, rồi hỏi chị Chín:

- Thím hiện nay làm gì?
- Dạ, cháu làm phu khuân vác ở Văn Điển ạ!
- Như vậy là làm công nhân chứ! Sao lại gọi là phu?
- Vâng ạ, cháu trót quen miệng như trước kia.
- Thím vẫn chưa có công việc ổn định à?
- Dạ, cháu đã ngoài ba mươi tuổi, lại kém văn hoá nên tìm việc có nghề nghiệp cũng khó.

Bác quay nhìn đồng chí Phó bí thư Thành uỷ và đồng chí Chủ tịch Uỷ ban hành chính thành phố Hà Nội. Bác lại hỏi:

- Mẹ con thím có bị đói không?
- Thừa Bác, hồi Tây còn ở đây thì đâu có cả bố cháu cũng vẫn đói ạ! Bây giờ bố cháu mất rồi, nhưng đói thì không ngại, rét cũng không lo, song việc chi tiêu thì còn vất vả lắm ạ!

Nói tới đây chị lại rơm rớm nước mắt.

Bác chỉ vào cháu lớn nhất và hỏi:

- Cháu có đi học không?

- Dạ, cháu đang học lớp bốn ạ! Cháu nó vất vả lắm! Sáng đi học, chiều về phải trông các em và đi bán kem, hoặc bán lạc rang để đỡ dần cháu... Còn cháu thứ hai thì học lớp ba, cháu thứ ba học lớp hai. Dạ, khó khăn nhưng vợ chồng cháu trước đã dốt nát, nay cũng phải cố cho các cháu đi học.

Bác tỏ ý bằng lòng. Người ân cần dặn dò việc làm ăn và việc học tập cho các cháu. Nhân dân trong ngõ đã tới vây quanh trước sân. Bác bước ra thăm hỏi và chúc Tết bà con. Mọi người cùng mẹ con chị Chín theo tiễn Bác ra xe. Khi chiếc xe từ từ lăn bánh, mấy mẹ con chị vẫy chào Bác, nhưng nét mặt chị Chín vẫn bàng hoàng như việc Bác vào thăm Tết nhà chị không rõ là thật hay hư.

Trên xe về Phủ Chủ tịch, vàng trán mênh mông của Người còn đọng những nét suy nghĩ.

Tôi khẽ trình bày với Bác:

- Thưa Bác, năm nay Thành uỷ Hà Nội đã đề ra mười vạn đồng trợ cấp cho các gia đình túng thiếu.

Bác quay lại nhìn tôi rồi bảo:

- Bác biết, nhưng muốn cho mọi người vui Tết, trước hết phải lo cho ai cũng có việc làm. Phải chú ý những người có khó khăn đặc biệt.

Kể chuyện Bác Hồ

Sdd, T. 4, tr. 11.

52. CÁC CHÚ CÓ BÁO KHIÔNG?

Ông cụ bắt tay chúng tôi và hỏi:

- Các chú là tự vệ thôn đây?

- Dạ.

Ông cụ liền chỉ tay vào các đồng chí cùng đi, nói:

- Các chú đây là Giải phóng quân.

Lâu nay ba tiếng Giải phóng quân có sức thu hút mãnh liệt đối với tôi. Hằng ngày cứ đứng trên đê, hướng về dãy núi Tam Đảo, tôi ao ước sao có cánh để bay tới chiến khu Tuyên - Thái mà sống cuộc sống chiến đấu và tự do trên ấy. Tôi đã nhiều lần đề nghị cấp trên cho thoát ly để tham gia Giải phóng quân, nhưng chưa được. Giờ đây trước mặt tôi là những con người ấy đang tươi cười bắt tay mình. Tôi không sao nén được cảm động trước những đồng chí mới gặp lần đầu này, đặc biệt là cụ già trong đoàn.

Sau phút chào hỏi, chúng tôi mời ông cụ về trụ sở tự vệ của chúng tôi trong thôn. Tới cổng thôn, ông cụ dừng lại xem các khẩu hiệu kẻ trên bức tường. Chợt nhìn thấy hàng dây cờ căng trước cổng thôn, ông cụ bỗng nhiên hỏi:

- Sao các chú làm cờ của ta nhỏ hơn cờ của các nước đồng minh?

Chúng tôi cùng nhìn lên, thì ra cờ của ta nhỏ hơn cờ của các nước đồng minh thật!

Một đồng chí trong chúng tôi thưa với cụ:

- Dạ, giấy đỏ và giấy vàng nhân dân ta mua làm cờ nhiều quá nên thiếu ạ! Vì muốn cho đủ, nên chúng cháu phải cắt bỏ đi một chút ạ.

- Không nên - ông cụ khế lắc đầu và bảo. Các chú phải hiểu là: Cách mạng đã thành công, nước ta đã giành được độc lập và ngang hàng với các nước khác, vì vậy cờ của ta phải bằng cờ của các nước. Có thể mới tỏ rõ chí tự cường, tự trọng của mình.

Chúng tôi đều vâng lời, một đồng chí tự vệ vội trèo lên lấy dây cờ xuống để sửa lại.

Về tới trụ sở của đội tự vệ (nói là trụ sở, thật ra chỉ là một ngôi miếu gần đình làng tôi, cả ngôi miếu bấy giờ chỉ có hai cái phản để chúng tôi nghỉ mỗi khi đi tuần tra, canh gác về; sở dĩ chúng tôi chọn nơi đây là cốt để yên tĩnh và chờ đến tối sẽ chuyển sang địa điểm khác), tôi vội đi lên trước, toan trải chiếu, nhưng ông cụ gạt đi và thân nhiên ngồi xuống phản. Hai đồng chí Giải phóng quân cùng anh em tự vệ chúng tôi gác phía ngoài. Số còn lại thì vào nghỉ ở chiếc phản kê bên.

Tôi mang bộ đồ trà tới. Quen như tiếp khách ở nhà, tôi toan rót nước ra chén. Ông cụ bảo:

- Cháu cứ để đấy, ai khát sẽ rót uống, không nên rót sẵn.

Tôi vâng lời. Ông cụ lại hỏi:

- Các chú có báo không?

- Dạ, có ạ.

Tôi vội mang tới cho ông cụ tờ báo *Cờ giải phóng* chúng tôi vừa mua ban sáng. Ông cụ chỉ đầu bài rồi giao cho một đồng chí Giải phóng quân đọc, các đồng chí khác cùng ngồi quây quần lắng nghe. Ông cụ vừa nghe, vừa thỉnh thoảng ghi gì đó vào sổ tay. Có lúc ông cụ dừng lại, nêu câu hỏi để các đồng chí Giải phóng quân nêu ý kiến, rồi cụ giảng giải thêm, sau đó mới cho đọc tiếp.

Kể chuyện Bác Hồ

Sdd, T. 4, tr. 17.

53. CÁC CHỦ NÓI CÓ LÝ NHƯNG CHƯA HỢP LÝ

... Các đồng chí Bộ Chính trị đều tham gia ý kiến rồi gửi lại cho Bác. Bác xem và bảo đồng chí Vũ Kỳ lấy bản của đồng chí Trường Chinh làm bản gốc, vì bản này có nhiều ý kiến thiết thực, sau đó bổ sung các ý từ những bản của các đồng chí khác. Sửa xong, Bác cho đi đánh máy lại và ngày 30/1 mời đồng chí phụ trách tuyên huấn sang cùng Bác soát lại lần cuối. Đồng chí tuyên huấn đọc xong, cười gượng, nói:

- Thưa Bác, so với bản bên Tuyên huấn gửi sang, Bác sửa lại hầu hết ạ.

Bác cười độ lượng:

- Bác có sửa nhưng các ý chính trong bài Bác có sửa đâu.

Đồng chí phụ trách tuyên huấn thưa:

- Thưa Bác, cán bộ Đảng ta nói chung là tốt. Chỉ có một số ít thoái hoá biến chất. Bác đặt đầu đề như vậy thì mạnh quá, xin Bác đưa về “Nâng cao đạo đức cách mạng” lên trước, về “Quét sạch chủ nghĩa cá nhân” xuống sau ạ!

Bác quay sang hỏi đồng chí Vũ Kỳ:

- Ý kiến chú thế nào?

Đồng chí Vũ Kỳ thưa với Bác là đồng ý với đề nghị của đồng chí tuyên huấn. Nghe xong Bác nói:

- Các chú có lý, nhưng chưa hợp lý. Bác muốn hỏi điều này. Gia đình các chú tiết kiệm mua được một bộ bàn ghế và giường tủ mới. Vậy trước khi bê vào phòng, các chú có khênh đồ cũ ra quét sạch sẽ hay cứ để rác bẩn thỉu mà kê bàn ghế, giường tủ mới vào?

Ngừng một lát. Bác tiếp:

- Vì các chú là đa số. Bác đồng ý nhượng bộ, đổi lại đầu đề “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, nhưng trong bài dứt khoát giữ nguyên ý: “Quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng”.

Kể chuyện Bác Hồ

Sdd, T. 4, tr. 19

54. CHÚ NÓI ĐÚNG, NHƯNG CHƯA ĐỦ

Nghiêm nghị nhìn chúng tôi một lượt, Bác lại hỏi:

- Hoà bình lập lại, nhiệm vụ của các chú là gì?

Đồng chí Tân, cán bộ đại đội, đáp:

- Thưa Bác, bộ đội chúng cháu phải tiếp tục cùng nhân dân trừ gian, tích cực sản xuất và tích cực học tập quân sự, chính trị, văn hoá. Riêng đoàn chúng cháu có nhiệm vụ bảo vệ Trung ương Đảng, Chính phủ tại Hà Nội ạ.

Bác gật đầu:

- Chú nói đúng, nhưng chưa đủ. Các chú còn phải cùng nhân dân đấu tranh thực hiện cải cách ruộng đất, tăng gia, chống đói, chống lụt. Phải xây dựng quân đội lớn mạnh bằng cách học tập chính trị, văn hoá, quân sự cho giỏi và sẵn sàng chiến đấu. Phải đề phòng mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ địch.

Sau khi đã giải thích cặn kẽ về Hiệp định Giơ-ne-vơ, Bác lại hỏi một lần nữa:

- Các chú còn gì thắc mắc nữa không?

Trích trong cuốn "**Kể chuyện Bác Hồ**"

Sổd, T. 4, tr. 24.

55. CHÚ TRẢ LỜI CHO RÕ HƠN!

Sau khi thăm xong khu nhà ở, chúng tôi đưa Bác tới hội trường, đồng thời cũng là câu lạc bộ của đơn vị. Thấy nền gạch trong hội trường được anh em lau rất sạch, Bác cời dép đi ngoài thềm, đi chân không vào hội trường. Chúng tôi cũng làm theo Người. Thấy vậy, Bác bảo:

- Nên để cái gì lau chân, vừa sạch nhà, vừa đẹp mắt.

Bước vào trong hội trường, Bác đưa mắt nhìn chung quanh một lượt, để xem cách bố trí hội trường và phòng đọc sách. Sau đó, Người lần lượt xem các bức vẽ và bích báo của các chiến sĩ. Bác chú ý những bài nói về kinh nghiệm học tập quân sự, chính trị, văn hoá, thành tích tăng gia... Bác khen:

- Các bức vẽ và bích báo đều tốt, nhưng thiếu mục phê bình!

Tới giữa hội trường, Bác nhìn lên khẩu hiệu dưới ảnh Người và bảo:

- Chữ viết đẹp. Nhưng là những chữ gì? - Nói xong, Bác liền đọc: “Hồ Chủ tịch muôn năm”.

Phê bình mà chúng tôi cũng không sao nhịn được cười. Bác cũng cười. Duỗi mắt Người nheo hằm hằm, chòm râu rung rung.

- Thừa Bác, chúng cháu viết khẩu hiệu “Hồ Chủ tịch muôn năm” đấy ạ! Sợ vì đánh dấu sẽ giảm mất mỹ thuật nên viết như thế ạ. - Đó là lời đồng chí Minh, người chiến sĩ vừa tòng quân năm 1961. Lần đầu gặp Bác, thấy Bác

đọc khẩu hiệu như thế, Minh tưởng Bác đọc thật, vội trình bày lại.

Bác nhìn Minh, âu yếm hỏi:

- Chú bao nhiêu tuổi?

- Thưa Bác, cháu 18 ạ!

- Chú ở nhà làm gì? Gia đình hiện nay như thế nào?

- Dạ, cháu ở nhà đi học và giúp bố mẹ cháu làm trong hợp tác xã ạ! Bố cháu trước là cố nông, sau Cách mạng tháng Tám đi bộ đội, mới phục viên năm 1959 ạ!

- Chú học lớp mấy?

- Dạ, cháu học lớp 9...

Bác chỉ vào bản đồ Việt Nam treo trên tường và bảo Minh:

- Cháu chỉ cho Bác xem âm mưu Mỹ - Diệm dùng chất độc hoá học ở miền Nam Việt Nam như thế nào, tác hại ra sao?

Minh trả lời xong, Bác gật đầu tỏ vẻ bằng lòng:

- Chú hiểu đúng! Nên làm cho anh em khác cũng hiểu như mình.

Nhắc Minh xong, Bác quay lại hỏi tôi:

- Lúc ở nhà chú làm gì?

- Ngày bé cháu đi ở cho địa chủ, lớn lên được người anh xin cho vào học việc ở nhà máy xe lửa Gia Lâm. Kháng chiến cháu tham gia đội nghĩa quân Hồng Hà, rồi sau chuyển sang sư đoàn Quân tiên phong ạ!

Bác quay lại hỏi Minh:

- Chú nghĩ như thế nào khi thấy mình học hết lớp 9 và trung đoàn trưởng của chú trước làm công nhân?

Minh suy nghĩ có vẻ khó khăn, đôi lông mày thanh thanh nhíu lại. Má lại đỏ bừng lên. Cuối cùng Minh trả lời gượng:

- Thừa Bác, đó là nhờ có sự lãnh đạo của Đảng và quân đội ta tiến lên chính quy hiện đại ạ!

Có tiếng xì xào. Bác ra hiệu giữ trật tự rồi chỉ thượng sĩ Bình, người chiến sĩ tình nguyện:

- Chú trả lời cho rõ hơn!

Rập chân đứng nghiêm lại, vẻ tự tin, Bình thưa:

- Đó là bản chất của chế độ ta, mặt khác cũng nói rõ quân đội ta là của quần chúng nhân dân lao động, công nông là chủ lực của cách mạng.

- Chú học lớp mấy? - Bác hỏi tiếp đồng chí Bình.

- Dạ, cháu học lớp 5 ạ! - Bình hơi thẹn, thanh minh thêm: Cháu vào bộ đội mới được học ạ!

Bác dặn:

- Hai chú cần học tập lẫn nhau, giúp nhau để cùng tiến bộ.

Trích trong cuốn "**Kể chuyện Bác Hồ**"

Sổd, T. 4, tr. 24.

56. “ĐẠN BỌC ĐƯỜNG”

Bác chỉ vào đồng chí Văn đẹp giai, ăn mặc có vẻ đom dáng, hỏi:

- Các chú rời đây về thành phố phải đề phòng điều gì nhất?

Văn đứng dậy, lúng túng nhìn quanh, như mong anh em ai nhắc hộ. Một đồng chí “gà” luôn: “Nhớ gia đình”.

Văn thuận miệng nói luôn: “Nhớ gia đình ạ!”

Bác và anh em cùng cười, Bác nói:

- Có nhớ nhà mà nâng cao được tinh thần trách nhiệm thì như thế là tốt! Điều Bác muốn dặn các chú là: phải đề phòng “đạn bọc đường”. Loại đạn này, lúc đầu ai bị bắn dù có trúng cũng không biết đau, còn khen ngọt là khác, đến khi ngã ra có hối hận cũng đã muộn. Ví dụ: Bây giờ chuẩn bị vào thành phố, có chú sẽ nghĩ: lâu nay mình sống gian khổ đã nhiều, bây giờ là lúc được hưởng lạc đây! Trong lòng chú luôn nghĩ đến những thứ của ngon, vật lạ, dần dần quên mất tác phong gian khổ, giản dị. Như vậy rất dễ dẫn đến tham ô, hủ hoá. Tức là mình đã tự biến hoá thành cái bia rất tốt cho đạn bọc đường!

Trích trong cuốn **"Kể chuyện Bác Hồ"**

Sổd, T. 4, tr. 29.

57. ĐÁNH NÓ XONG RỒI TA PHẢI LÀM GÌ?

Trong cuộc mít tinh, có chút vốn nào tôi đều đưa ra cả (từ việc phát xít Đức đã bị đánh gục, tới sự suy vong của phát xít Nhật, mâu thuẫn Nhật - Pháp v.v...).

Dang dà thao thao bất tuyệt, tôi bỗng thấy chị Chi hồi hộp ghé tai tôi thầm thì:

- “Đồng chí già” đang đứng nghe đấy. Chắc đồng chí ấy đến từ đầu.

Tôi giật thót mình, tự nhiên khắp người nóng ran lên.

Bỗng “đồng chí già” từ trong đám đông bước ra. Người vẫn mặc bộ quần áo chàm như mọi khi. Dừng tiếng địa phương, Người hỏi:

- Đồng bào nghe cán bộ nói có hay không?

- Hay lắm!

- Đồng bào có biết cán bộ nói cái gì không?

- Á dà... à, cán bộ nói cái hay, nói cái tốt mà, nói dài mà, không nhớ hết đâu!

Đứng người, tôi tưởng đất dưới chân mình có thể bị sụt. Quay lại nhìn chị Chi, thì mặt chị cũng đỏ như gấc chín, từng giọt mồ hôi đang lấm tẩm nơi tóc mai.

Cũng may, “đồng chí già” không hỏi chúng tôi câu nào. Đồng chí chỉ yêu cầu đồng bào dừng về vội, để đồng chí nói lại cho dễ nhớ thôi. Được đồng bào ưng thuận, đồng chí liền hỏi:

- Nhật và bọn quan lại của nó bây giờ so với Pháp và bọn quan lại của Pháp ngày trước, thế nào?

- Pháp như con hổ, con báo thì Nhật cũng như bọn con báo con hổ thôi.

- Bọn quan của Pháp trước là bọn quan của Nhật đấy mà.

- Rắn lột xác vẫn là rắn thôi.

- Không phải rắn lột xác đâu. Chó săn đòi chủ đấy!

“Đồng chí già” lại hỏi:

- Dân ta có thể để cho con rắn, con hổ ăn thịt mình không?

- Không! - Đồng bào cùng cất tiếng trả lời.

Rồi từ các cụ già tới các thanh niên nam nữ thi nhau kể chuyện giặc giết người, tù đầy, thuế nặng, bắt lính, bắt phu, v.v... Những điều họ kể ra còn sâu sắc, cay đắng hơn những điều tôi vừa nói, vì nó đều là những sự việc ngay trong địa phương, nhân dân đã mắt thấy tai nghe và chính họ kể lại.

Chờ cho đồng bào ngớt lời. “Đồng chí già” kết luận:

- Ta phải quyết tâm đánh Nhật, quyết tâm trừ bọn quan lại của chúng để cứu lấy nước mình. Đồng bào đồng ý không?

Tiếng hô “đánh” vang lên. “Đồng chí già” lại chỉ một thanh niên rất khỏe, hỏi:

- Một người khỏe như anh này, đánh được không?

Đồng bào cười ồ lên. Một người nói:

- Không đánh được đâu! Nó đông đây, lại có súng to, súng nhỏ nhiều mà.

- Thế cả nước một lòng, Kinh, Thổ, Mán, Mèo cùng đứng dậy đánh có được không?

- Được, đánh được! Mọi người cùng một lòng thì sợ gì Nhật, sợ gì Tây. Thầy nó chết thì bọn quan tay sai của nó cũng chết thôi!

- Đánh nó xong rồi ta phải làm gì?

Đồng bào ngơ ngác nhìn nhau. Lúc ấy “Đồng chí già” mới nói thêm:

- Đánh xong rồi ta không lập lại cái quan nữa, vì ta biết nó ác lắm!

Đồng bào đều nói:

- Phải, phải!

- Ta xem trong dân ta, ai tốt và giỏi thì mình chọn người ấy để giúp dân, lo làm ăn, sao cho dân có cơm no, áo ấm, ai cũng được học hành. Mọi dân tộc, mọi người thương nhau như anh em ruột một nhà.

Tất cả cất tiếng reo lên:

- Ái dà, được thế thì sướng chết mất thôi!

Mắt mọi người đều sáng lên, ngẩng nhìn “Đồng chí già” như muốn uống từng lời. “Đồng chí già” lại hỏi:

- Đồng bào nhớ chưa?

- Nhớ rồi, nhớ rồi.

“Đồng chí già” còn dặn thêm về việc phòng gian, chống giặc, cách giữ “ba không” (không nghe, không thấy, không biết).

Cuộc mít tinh kết thúc, “Đồng chí già” cùng tôi và chị Chi trở về. Dọc đường “Đồng chí già” bảo tôi:

- Lần sau nói chuyện ở đâu, phải hiểu rõ trình độ dân nơi ấy, phải nói sao cho thiết thực, đề đồng bào dễ hiểu, dễ nhớ thì đồng bào mới theo mình được.

Tôi và chị Chi đều vâng lời. Tới chỗ rẽ, chờ cho “Đồng chí già” đi khuất, tôi mới bảo chị Chi:

- Được một bài học thấm thía. Không rõ “đồng chí già” người Kinh hay người Thổ?

Trích trong cuốn **"Kể chuyện Bác Hồ"**

Sdd, T. 4, tr. 30.

58. ĐƯỢC BÁC ĐỔI TÊN

- Sao tên chú lại là Thều?

Không nén nổi xúc động, Thều lặng người đi, nước mắt trào ra.

Bác đưa cho Thều một chén nước, Thều nghẹn ngào kể lại với Bác tình cảnh riêng của mình.

Nhà Thều nghèo lắm. Lúc nhỏ Thều được cha mẹ đặt tên là “thằng cu Nậy”. Thều cũng biết rằng tên đó không hay, nhưng quanh xóm, bọn trẻ cùng cảnh nghèo như Thều, tên cũng xấu vậy thôi. Chỉ có con nhà giàu mới có tên đẹp! Rồi đến năm 1945, mẹ Thều chết đói, cha Thều phải bồng bế dắt díu con ngược dòng sông Lam, sang tận bên Lào kiếm sống. Cơ cực quá, không nuôi nổi các con, cha Thều phải bán các em cho nhà giàu. Còn Thều thì lang thang thất tha thất thểu, dẫu đường xó chợ kiếm ăn. Cũng từ đó, người ta quen gọi nó là “thằng Thều” và thế là cái tên “thằng Nậy” mà cha mẹ nó đặt cho cũng mất nốt.

Vào bộ đội, chiến đấu dũng cảm, trở thành Chiến sĩ thi đua, Thều vẫn giữ cái tên cũ.

Lắng nghe Thều kể xong, Bác rất xúc động. Người cầm tay Thều và nói:

- Bác cháu ta làm cách mạng để xóa bỏ kiếp sống cũ, xây dựng cuộc đời mới, chú nên đặt tên mới để thể hiện sự thay đổi của cuộc đời mình.

Bác ngừng lời, nhìn các chiến sĩ một lượt. Các chiến sĩ, nhất là Thều, cùng nhìn Bác chăm chú chờ đợi.

Bác nói tiếp:

- Từ nay chú Thều sẽ tên là Thảo. Như thế vừa giữ được văn cũ, lại có ý nghĩa hiều thảo với nhân dân.

Thều cảm động và sung sướng nhận tên mới: Nguyễn Văn Thảo.

*
* *

Sau đồng chí Thảo, gặp đồng chí Thái Doãn Thiệp. Bác lại hỏi:

- Sao tên chú lại như tên con gái vậy?

Câu hỏi của Bác làm Thiệp xấu hổ.

- Thưa Bác, cháu không rõ ạ!

Bác nói:

- Các cụ đặt tên là có ý lắm và bao giờ cũng giải thích cho con cháu nghe ý nghĩa tên của mình.

Không thể giấu được Bác, Thiệp đành thú thực:

- Thưa Bác, cháu nghe cha mẹ cháu nói là vì hiếm hoi, lúc mới sinh cháu lại gầy yếu và trông như con gái, nên mới lấy tên con gái để đặt tên cho cháu ạ!

Bác cười và nói:

- Ừ, thế mới đúng - Bác nhìn Thiệp và nói tiếp - Bây giờ chú là chiến sĩ bảo vệ - chiến sĩ bảo vệ thì không những phải dũng cảm, cảnh giác, thông minh, tận tụy mà còn phải lịch thiệp nữa. Cho nên đổi tên "Thiếp" thành tên "Thiệp" là hơn.

Thiệp phấn khởi nhận ngay cái tên mới mà Bác vừa đặt cho: Thái Doãn Thiệp.

Trích trong cuốn "**Kể chuyện Bác Hồ**"
Sdd, T. 4, tr. 33.

59. GIỜ CHÚ TUYÊN TRUYỀN GÌ?

Khi đã đông đủ gia đình, Bác bảo chụp ảnh làm kỷ niệm. Ông tôi sung sướng quá đứng lạng người đi trước cái vinh dự ấy.

Chụp ảnh xong, Người dặn:

- Tôi sẽ ăn cơm trưa với gia đình, nhà ăn thế nào tôi sẽ ăn thế.

Mẹ tôi và chị Thanh có mua thêm con gà làm cơm. Khi mang cơm lên, Bác ngạc nhiên gọi chị Thanh lại:

- Cô làm thế nào mà hoá cỗ thế này? Nay cô làm thế này, mai tới nơi khác cô bảo nhân dân giết bò, giết lợn để đãi tôi chăng?

Chị Thanh lo quá, mẹ tôi phân trần:

- Đắt lẽ, quê thôi, mỗi khi nhà có khách đều tỏ lòng kính trọng...

Bác bảo dọn cơm cả gia đình cùng ăn. Nghe lời Bác, gia đình tôi cử người lên ăn cùng với Bác.

Chiều hôm ấy, đồng chí trong uỷ ban xã cùng một vài cán bộ huyện về công tác tới chào Bác.

Quen như mọi khi có cán bộ cấp trên tới, chúng tôi chuẩn bị sẵn trong óc báo cáo về tình hình trong xã. Không ngờ mở đầu Bác hỏi:

- Xã chú có bao nhiêu mẫu ruộng? Hai vụ chiêm, mùa gico hết bao nhiêu giống? Thu hoạch được bao nhiêu?

Lúc ấy chúng tôi đâu đã có kế hoạch sản xuất! Nên trước câu hỏi của Bác, chúng tôi đành chịu, không biết đăng nào mà thừa cả.

Bác lại hỏi:

- Đời sống bây giờ khác trước ra sao? Có bao nhiêu gia đình khá, bình thường, còn đói kém?

Cái này thì có thể hiểu được. Chúng tôi báo cáo với Bác con số ước lượng.

Bác không bằng lòng. Người bảo:

- Các chú phụ trách xã mà cái sống còn nhất lại không rõ thì còn nói gì nữa.

Lúc ấy đồng chí Chuyên vừa tới, vào chào Bác. Người hỏi ngay:

- Chú làm công tác gì?

- Dạ, tuyên truyền ạ!

- Giờ chú tuyên truyền gì?

- Chương trình Việt Minh ạ.

- Bây giờ phải tuyên truyền về Hiến pháp - Bác bổ sung.

Trích trong cuốn "**Kể chuyện Bác Hồ**"

Sdd, T. 4, tr. 35.

60. NHẬN TÊN MỚI

Một đồng chí trong chúng tôi hỏi Bác:

- Thừa Bác, chúng cháu nghĩ mãi vẫn chưa rõ tại sao phải đánh trường kỳ, vì đánh trường kỳ thì hại người, hại của lắm!

Bác phân tích cho chúng tôi rõ các mặt lợi hại, rồi lấy một ví dụ:

- Sức ta lúc này như trai mười sáu, mà giặc như một lão già quỵ quệt, độc ác. Nếu ta cậy sức đánh bừa sao chắc thắng được! Phải vừa đánh vừa nuôi sức cho mình lớn lên. Khi sức đã khỏe, giặc đã suy yếu, già cỗi, ta mới lừa thế quật ngã, như vậy có chắc thắng không?

Bác dừng lại nhìn chúng tôi một lượt. Và khi thấy chúng tôi đã nhận thức được, Bác kết luận:

- Vì vậy mới nói trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi.

Sau đó, Bác bảo chúng tôi:

- Các chú ở đây mỗi người một tên, khó gọi, dễ lộ bí mật. Để dễ gọi, dễ giữ bí mật và cũng thể hiện quyết tâm kháng chiến của chúng ta, từ nay Bác đặt cho các chú tên mới theo câu Bác vừa nói. Các chú có đồng ý không?

- Dạ! - Chúng tôi đều phấn khởi nhận tên mới.

Bác chỉ vào tôi và lần lượt đặt tên cho từng đồng chí. Từ đó tám anh em chúng tôi có tên mới là: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi.

Trích trong cuốn "**Kể chuyện Bác Hồ**"

Sdd, T. 4, tr. 40.

61. NƯỚNG SẴN

Ông cụ bóc vỏ được củ sắn nào lại đưa cho Bác và chúng tôi hơi nhựa, rồi vùi xuống tro nóng để nướng.

Nhìn Bác hơi củ sắn khô mà vẫn trắng, và khi vùi tro, sắn chín vàng rất đều, còn chúng tôi hơi củ nào cũng bị dính bụi củ ấy, ông cụ cười bảo:

- Các đồng chí phải học cái kẻ bộ đội này! Trông cầm củ sắn là biết ngay người có quen núi hay không đấy!

Đang ăn, chợt ông cụ hỏi một câu rất đột ngột:

- Kẻ bộ đội à, thấy người ở núi Hồng qua đây, nó kể chuyện Cụ Hồ, nghe họ nói thì Cụ Hồ tốt lắm, giỏi lắm vợ! Có thật Cụ Hồ như vậy không?

Chúng tôi phải cố giữ vẻ tự nhiên cho khỏi lộ. Bác vẫn nghe một cách chăm chú, rồi trả lời:

- Tôi cũng nghe nói, chắc là có.

Ông cụ vẻ hả hê sung sướng, mắt sáng lên, tay đập vào vai Bác mà nói:

- Con tôi nó viết thư về, nó cũng bảo thế! Nhiều cái tôi tin còn nhiều cái tôi chưa tin!

Bác hỏi:

- Cụ chưa tin điều gì?

Ông cụ nuốt một miếng sắn, chiêu một ngụm nước chè rồi thẳng lưng, cất tiếng nói sang sảng rất cời mở.

- Nói Cụ Hồ dạy dân phải đánh Nhật, đuổi Tây dân mới

khỏi khổ, cái này tôi tin đấy! Nói Cụ Hồ bảo phải đoàn kết Kinh, Thổ, Mán, Mèo, Nùng lại mới đánh được Tây, đánh được cái tội quan của nó, cái này tôi cũng tin đấy! Nói Cụ Hồ bảo phải làm ra nhiều gạo, nhiều ngô, sản giúp bộ đội đánh Tây, tôi cũng tin đấy! Còn nói Cụ Hồ đi nhiều nước lắm - ông cụ ấy khoan tay tròn trước mặt ra hiệu là nhiều, nhiều lắm, rồi tiếp - Tôi già thế này mà ra đến Bắc Kạn, về Thái Nguyên thôi! Con tôi nó giỏi hơn, nó đi theo bộ đội đi Nam tiến. Nam tiến xa hơn, nhưng cũng chỉ trong nước ta thôi! Thế Cụ Hồ là người, sao đi được nhiều thế? Cái này không tin đâu, người mình sao tài thế?

Nghe ông cụ nói, chúng tôi cố giữ nét mặt bình thản, nhưng cũng không nhịn được cười. May ông cụ vui chuyện, cười nói sang sảng, nên cũng tưởng chúng tôi vui chuyện hưởng ứng mà thôi.

Bác cũng cười vui vẻ và giải thích cho ông cụ hiểu thêm:

- Cụ Hồ cũng là người mình thôi, nhưng đi nhiều nơi, học được nhiều cái hay ở mỗi nơi một ít, rồi được nhân dân trong nước góp vào mỗi người một ý, lại cùng nhân dân thực hiện ý ấy, nên câu nói Cụ Hồ mới đúng và việc đánh giặc cứu nước, sản xuất, học tập mới thắng lợi được. Cụ với tôi già thế này có thấy ai là người trên trời rơi xuống đâu.

Nghe Bác nói, ông cụ gật gù khen phải. Lúc ấy có đồng chí đi với tôi, ngồi hơi nghiêng trước ánh lửa. Cụ già chợt nhìn thẳng vào hai mắt đồng chí ấy, thấy nổi lên hai đốm lửa trông như hai con ngươi, ông cụ reo lên:

- Ái dà, thấy rồi, biết rồi! Mắt Cụ Hồ là thế này đây!

Tôi giật mình, tưởng là ông cụ nhận ra Bác, nhưng nghe cụ giải thích, chúng tôi mới hiểu. Còn ông cụ tỏ vẻ sung sướng, lẩm bẩm trong miệng:

- Cụ Hồ là có thật rồi! Bây giờ thì tôi tin cả rồi!

Ông cụ gật gù nói tiếp:

- Nó đánh mình, nó giết mình, mình không đánh lại nó thì mình cũng chết. Đánh thì hà cái lòng mình chứ! Thấy thằng Tây có cái máy bay, cái súng lớn mà mình không có, nên lúc đầu cũng thấy sợ! Nhưng bây giờ biết có Cụ Hồ thật rồi, thì tin lắm! Nhất định mình thắng thôi!

Nói tới đây ông cụ bỗng im lặng, dăm dăm nhìn vào Bác và bảo:

- Cái mắt ké bộ đội này, cũng giống mắt Cụ Hồ, ké là người nhà Cụ Hồ phải không?

Bác và chúng tôi gật đầu cười vui vẻ.

Ông cụ cũng cười, tự mình trả lời:

- Các đồng chí là bộ đội Cụ Hồ, thì là người nhà Cụ Hồ hẳn rồi, với lại con tôi cũng là bộ đội Cụ Hồ. Tôi cũng là người nhà Cụ Hồ. Rồi ông cụ hỏi “Bộ đội có ảnh Cụ Hồ không cho xin một cái?”.

Kể chuyện Bác Hồ

Sdd, T. 4, tr. 41.

62. SỰ PHÂN CÔNG

- Các cô, các chú nhiều người có đồng hồ ở đây chứ?

- Thưa Bác, có ạ!

- Các cô, các chú có thấy trên mặt đồng hồ kim giây chạy nhúc nhích suốt ngày đêm, kim phút di chuyển hơi chậm, kim giờ thì rề rề chuyển chỗ, chữ số nằm yên, cái máy nằm trong vỏ đồng hồ, có đúng thế không?

- Dạ, đúng ạ!

- Đó là sự phân công của bộ máy cái đồng hồ. Nếu giả sử các bộ phận ấy xin thay đổi, cái kim giây nói: “Tôi chạy thế này thì mệt quá, cho tôi chạy chậm lại hoặc nghỉ ít lâu”. Mặt số kêu lên: “Đứng mãi một chỗ chán quá, cho tôi chạy như kim giây”. Bộ máy lại nói: “Tôi làm nhiều việc mà chả ai biết đến, cho tôi làm mặt số”. Các cô, các chú thử nghĩ xem, nếu ta để các bộ phận đồng hồ làm theo ý muốn riêng của mình thì sẽ thế nào?

Cả lớp vang lên tiếng cười. Có đồng chí nói:

- Thưa Bác, như vậy không còn là đồng hồ nữa ạ!

- Trong công tác cách mạng cũng như vậy, tùy theo trình độ và yêu cầu mà Đảng và nhân dân giao nhiệm vụ. Ví dụ: Bác được Đảng và nhân dân giao nhiệm vụ làm Chủ tịch nước, đồng chí cảnh vệ lo công tác bảo vệ, đồng chí cấp dưỡng lo nấu ăn, đồng chí văn thư lo việc giấy tờ, mỗi người một việc, như vậy hợp lại mới thành công việc chung. Đó là sự phân công của tổ chức.

Trích trong cuốn "**Kể chuyện Bác Hồ**"

Sdd, T. 4, tr. 47.

63. TẶNG THỦ TƯỚNG BÓ HOA NÀY THÌ TỐT LẮM!

Chúng tôi vừa tới phòng đợi thì Người từ phòng riêng bước ra. Thấy chúng tôi, Người tươi cười nói:

- A! Năm mới Bác mừng các chú thêm một tuổi! Bác gửi các chú lời chúc mừng năm mới được mạnh khỏe, sản xuất, tiết kiệm tốt tới các cụ, các thím, các cháu ở nhà!

Rồi Bác khen:

- Năm mới có khác, trông chú nào cũng đẹp trai!

Thấy đồng chí đại biểu cầm bó hoa bước ra, Bác bảo ngay:

- Các chú thật khéo vẽ chuyện! Bác với các chú sống bên nhau hằng ngày, việc gì phải hoa!

Người ngừng lại, cùng chúng tôi cười vui rồi nói tiếp:

- Dáng chừng Bác cho ăn cỗ tết mà đến tay không thì ngại, phải không? Các chú trồng được nhiều rau tốt, sao không chọn những cây nào đẹp, tốt, trồng vào chậu cảnh mang tới biếu Bác. Bác sẽ đặt nó ở trước phòng khách. Khách tới Bác sẽ giới thiệu là các chú trồng, hết tết các chú lại mang rau về dùng. Thế là Bác có quà tặng, các chú được tuyên truyền, mà lại chẳng mất gì cả! Như vậy có tốt hơn không?

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau, thật là ngượng ngập. Để đại biểu tặng hoa Bác lúc này cũng dở, mà mang về cũng dở...

May sao Bác gỡ thế bí cho chúng tôi, Người bảo:

- Các chú mua được hoa đẹp đây! Ta mang sang chúc tết Thủ tướng đi! Tặng Thủ tướng bó hoa này thì tốt lắm!

Mừng quá chúng tôi reo lên, theo Người sang chúc tết đồng chí Thủ tướng.

Gần tới nhà đồng chí Thủ tướng, Bác vui vẻ nói to lên:

- Năm mới, các chiến sĩ, cán bộ tới chúc tết Thủ tướng. Chúc Thủ tướng mạnh khỏe, cùng nhân dân giành nhiều thắng lợi mới!

Đồng chí Thủ tướng nghe thấy giọng nói của Bác, vội vàng từ trong nhà bước ra đón, nét mặt Thủ tướng vui vẻ, sung sướng, đáp lễ lại lời chúc mừng của Bác. Và, kể từ năm ấy, cứ 30 Tết là chúng tôi lại chọn bốn cây bắp cải, bốn cây su hào, loại to nhất, đẹp nhất trong vườn, đưa tới chúc tết Bác. Bác đem đặt ở hai bên bậc lối vào phòng khách, xen lẫn với những gốc quất, gốc đào.

Ai nhìn thấy quất đỏ, đào hồng bên cạnh những cây su hào, bắp cải xanh mơn mơn cũng khen là đẹp.

Trích trong cuốn **"Kể chuyện Bác Hồ"**

Sdd, T. 4, tr. 48.

64. BÀI THƠ NỔI TIẾNG CỦA BÁC HỒ CẦN DẶN THANH NIÊN ĐƯỢC RA DỜI NHƯ THẾ NÀO

Đội thanh niên xung phong công tác trung ương đầu tiên thành lập ngày 15/7/1950 theo chỉ thị của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch. Sau khi phục vụ chiến dịch Biên giới, Đội được giao nhiệm vụ bảo vệ tuyến đường quan trọng: Cao Bằng - Bắc Kạn - Thái Nguyên. Đội đã được tổ chức thành nhiều Liên phân đội rải quân dọc tuyến đường và nhận nhiệm vụ bám trụ những nơi hiểm yếu. Liên phân đội TNXP 321 của chúng tôi được nhận trọng trách bảo vệ cầu Nà Cù (thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn), nằm trên tuyến đường từ thị xã Bắc Kạn đi Cao Bằng. Cầu Nà Cù lúc này không những đã trở thành mục tiêu ném bom bắn phá của máy bay địch, mà còn có nguy cơ bị nước lũ cuốn trôi.

Trung tuần tháng 9/1950*, chúng tôi được tin báo có đồng chí Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp (nay là Tổng cục Hậu cần) sẽ đến thăm đơn vị. Đêm hôm đó, chúng tôi tổ chức lửa trại trong rừng Nà Tu để đón khách. Vừa trông thấy ánh đèn pin thấp thoáng từ ngoài cửa rừng đi vào, đoán là khách đã đến, tôi cho anh chị em vỗ tay hoan hô: “Hoan hô đồng chí Trần Đăng Ninh”. Khách vào tới nơi, định thần nhìn lại, tất cả chúng tôi đều

* Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia 1995, T.6, tr. 95.

sững sờ trước niềm hạnh phúc thật bất ngờ: Bác Hồ đến thăm. Hàng ngũ của chúng tôi trở nên xáo động..., nhưng do việc giữ bí mật đã ăn sâu vào ý thức từng người nên trong hàng ngũ cũng chỉ truyền đi những tiếng reo khe khẽ: “Bác Hồ! Bác Hồ!”. Rõ ràng Bác đang ở trước mắt mà chúng tôi cứ ngỡ như một giấc chiêm bao! Bác vẫn giản dị với bộ quần áo bà ba màu nâu, chiếc khăn quàng cổ che kín cả chòm râu. Đi bên cạnh Bác là đồng chí Trần Đăng Ninh.

Bác tươi cười nhìn chúng tôi và giơ tay ra hiệu:

- Các cháu ngồi cả xuống.

Chúng tôi đều rậm rập nghe theo lời Bác, im lặng ngồi xuống.

Những câu đầu tiên Bác hỏi chúng tôi là những lời hỏi thăm ân cần về tình hình đời sống của đơn vị.

Bác hỏi:

- Các cháu ăn uống có đủ no không?

- Thưa Bác có ạ!

- Các cháu có đủ muối ăn không?

- Thưa Bác đủ ạ!

- Quần áo, chăn màn, thuốc phòng bệnh chữa bệnh có đủ không?

- Thưa Bác đủ ạ!

Qua nụ cười hiền hậu trên nét mặt của Bác, chúng tôi thấy Bác biết thừa là chúng tôi nói dối để Bác vui lòng.

Bác đã được đồng chí Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp báo cáo đầy đủ về chế độ cấp phát lương thực, thuốc men, quân trang cho TNXP còn thiếu thốn. Bác lại hỏi:

- Các cháu có biết Đảng Lao động Việt Nam không?
- Thưa Bác có ạ!

Sau đó Bác lại hỏi tiếp:

- Đảng Lao động Việt Nam với Đảng Cộng sản Đông Dương khác nhau ở điểm nào?

Một số người trong chúng tôi được Bác kiểm tra trực tiếp toát mồ hôi, nên trả lời rất lúng túng.

Sau đó bằng những câu ngắn gọn, Bác đã truyền đạt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ II vừa mới họp về việc đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam. Tiếp đó Bác nhắc nhở:

- Lần sau cái gì không biết các cháu phải nói không biết, không biết mà nói biết là giấu dốt.

Rồi Bác đột ngột hỏi tiếp:

- Đào núi có khó không?

Chúng tôi ai cũng dè dặt không dám trả lời ào ào như trước nữa. Thế là người trả lời: khó, người sợ nói khó bị cho là tư tưởng ngại khó nên trả lời không khó.

Trả lời xong mà cứ nơm nớp sợ Bác hỏi thêm. Bác chưa kết luận mà hỏi thêm chúng tôi:

- Có ai dám đào núi không?

Và chỉ định một đội viên gái ngồi ngay trước mặt Bác, đồng chí này mạnh dạn đứng lên thưa:

- Thưa Bác có ạ! TNXP chúng cháu ngày ngày vẫn đang đào núi để đảm bảo giao thông đấy ạ! (Hồi bấy giờ chúng tôi đào núi bằng cuốc, xẻng, không được cơ giới hoá như bây giờ). Nghe xong, Bác cười:

- Đào núi không khó là không đúng, nhưng khó mà con người vẫn dám làm và làm được. Chỉ cần cái gì?

Chúng tôi đã bình tĩnh, lấy lại được tinh thần và mạnh dạn hẳn lên, thi nhau giơ tay lên phát biểu, có người trả lời “cần quyết tâm cao”, có người “cần kiên gan bền chí”, “cần vượt khó vượt khổ”, có người “cần xung phong dũng cảm”, toàn là những khẩu hiệu hành động của TNXP chúng tôi hồi đó.

Bác động viên chúng tôi:

- Các cháu trả lời đều đúng cả: Tóm lại việc gì khó mấy cũng làm được, chỉ cần quyết chí. Tục ngữ ta có câu: “Có công mài sắt có ngày nên kim”. Để ghi nhớ buổi nói chuyện của Bác cháu ta hôm nay, Bác tặng các cháu mấy câu thơ:

*Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.*

Đọc xong mỗi câu thơ, Bác lại bảo chúng tôi đồng thanh nhắc lại. Cuối cùng Bác chỉ định nhắc lại cả bài thơ cho tất cả đơn vị nghe. Thật may mắn, tôi đã nhắc trôi chảy không sai chữ nào.

Giữa rừng đêm khuya, dưới ánh lửa bập bùng, Bác cùng chúng tôi hoà nhịp theo bài ca “Nhạc tuổi xanh”. Chúng tôi hát hào hứng, say mê. Đến khi bài hát được hát lại lần thứ hai, nhìn lại thì không thấy Bác đâu nữa! Bác xuất hiện và ra đi như một ông tiên trong chuyện cổ tích huyền thoại. Đám thanh niên chúng tôi ngẩn ngơ nuôi tiếc hồi lâu.

Bài thơ nổi tiếng của Bác Hồ căn dặn thanh niên được ra đời như thế đó. Rất mộc mạc, giản dị nhưng lại vô cùng sâu sắc. Bài thơ đã là nguồn cổ vũ, động viên lớp lớp TNXP chúng tôi lao vào cuộc kháng chiến và kiến quốc. Sau này mỗi khi gặp khó khăn, hình ảnh của Bác Hồ và bốn câu thơ của Bác lại được tái hiện trong lòng chúng tôi, tiếp cho chúng tôi thêm sức mạnh để vượt qua.

Trích trong cuốn **"Kể chuyện Bác Hồ"**
Sdd, T. 4, tr. 57.

65. THÊ PHỤ NỮ MIỀN BẮC CÓ DÁM THI ĐUA VỚI PHỤ NỮ MIỀN NAM KHÔNG?

Buổi chiều ngày 22/12/1965, Bác đến thăm đại đội của chúng tôi. Cùng đi với Bác có Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Anh hùng Tạ Thị Kiều. Bác tươi cười giờ tay ngăn lại những tràng vỗ tay và chỉ vào chị Kiều, Bác nói:

- Hôm nay Bác dẫn cô bé này đến thăm các cô, các cô có phấn khởi không?

Sau đó Bác kể cho chúng tôi nghe về những tấm gương anh hùng của phụ nữ ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp và sự hy sinh anh dũng của chị em miền Nam. Khi Bác nói, tôi cứ ngồi ngây ra ngẩn Bác, không ghi chép được gì. Cuối cùng, Bác hỏi: “Thê phụ nữ miền Bắc có dám thi đua với phụ nữ miền Nam không?”. Tất cả chúng tôi đồng thanh trả lời: “Có ạ”.

Đến lúc ấy, Bác mới rút trong túi ra một tờ “Thủ đô Hà Nội” giơ lên và nói:

- Hôm nay Bác đọc báo, thấy có thành tích của bảy cô, có cô là nông dân, có cô là công nhân, có cô nuôi dạy các cháu bé, lại có cô là mẹ bộ đội nữa, Bác rất phấn khởi. Bác có mấy chiếc huy hiệu, hôm nay Bác tặng các cô ấy, không biết bảy cô có đây không?

Chúng tôi phấn khởi quá, vỗ tay và reo hò tưởng đến vỡ cả phòng họp! Bác nhìn vào trang báo, lần lượt gọi tên bảy chị em rồi tự tay Bác trao huy hiệu cho từng người một.

Trích trong cuốn "**Kể chuyện Bác Hồ**"

Sdd, T. 4, tr. 66.

66. CÁC CHÁU HÁT ĐƯỢC BÀI *KẾT ĐOÀN CHỮ?*

Bác đi về phía chúng tôi. Các đồng chí ban tổ chức ca nhạc thấy Bác, khách quốc tế và các đồng chí cùng đi đông quá, vội chạy lo đi tìm ghế cho Bác và các đại biểu. Nhưng gom góp lại cũng chỉ được chục cái, ai ngồi, ai không?

Vừa lúc đó, Bác đã nhanh nhẹn bước tới, hình như việc giải quyết linh hoạt các khó khăn dù lớn, dù nhỏ đã thành thói quen đối với Bác. Bác cười với chúng tôi rồi ngồi ngay xuống bãi cỏ phía trước. Các đại biểu Đảng bạn đi sau đều theo Bác mà ngồi cả xuống cỏ. Ban tổ chức thở phào, trút được mối lo. Số ghế ít ỏi đã chuẩn bị đâm ra thừa.

Anh Nguyễn Hữu Hiếu chỉ huy chúng tôi trình bày bài ca ngợi Đảng và ca ngợi Bác. Chưa bao giờ chúng tôi biểu diễn trong trạng thái say mê đến thế!

Âm hưởng bài hát ca ngợi Bác chưa dứt, niềm say mê của chúng tôi chưa kịp lắng xuống thì Bác đứng lên, tiến về phía chúng tôi. Chúng tôi sung sướng chờ nghe tiếng nói hồn hậu của Bác mà phần lớn chúng tôi chỉ được nghe qua loa truyền thanh.

Nhưng không, Bác không nói chuyện với chúng tôi mà đến gần bực chỉ huy rồi bước lên. Và trước nỗi thích đến muốn reo lên của chúng tôi, Bác cầm lấy dĩa chỉ huy của anh Nguyễn Hữu Hiếu.

Chúng tôi càng thích thú khi thấy các đồng chí bạn xông xáo kinh ngạc. Nhiều vị đứng lên, rồi tất cả cùng đứng lên để nhìn Bác cho rõ hơn.

Các đồng chí bạn ngạc nhiên là phải, vì trong quá trình hoạt động của Bác, mọi người chỉ biết Bác đã từng trải qua nhiều ngành nghề, nhưng có ai nghe nói Bác chỉ huy dàn nhạc bao giờ đâu, mà đây lại là một dàn nhạc giao hưởng hiện đại với cả khối hợp xướng ngót nghìn người.

Bác vẫn điềm tĩnh hỏi chúng tôi:

- Các cháu hát được bài *Kết đoàn* chứ?

Và chúng tôi đã đàn và hát bài *Kết đoàn* dưới sự chỉ huy của Bác.

Bác không nói lời dạy bảo gì khác đối với chúng tôi. Bác chỉ bắt nhịp cho chúng tôi hát bài *Kết đoàn*; chính là chúng tôi đã hát lên lời dạy bảo của Bác.

Theo Văn Long
(Nhà thơ)

67. THANH NIÊN PHẢI GƯƠNG MẪU TRONG ĐOÀN KẾT VÀ KỶ LUẬT

Lần nào gặp Bác, câu đầu tiên Bác thường hỏi là: “Thế các cháu có đoàn kết không, có thương yêu nhau không?”, rồi Bác dặn: “Thanh niên phải gương mẫu trong đoàn kết và kỷ luật”.

Cả chi đoàn đã lấy lời nói đó của Bác làm nội dung tu dưỡng. Mỗi khi có gì va chạm, kén gấn bó với nhau, anh chị em lại rất ân hận là chưa xứng đáng với lời Bác dặn, có anh chị em khóc nức nở vì hối hận chưa thực hiện được theo đúng lời Bác.

Có lần Bác hỏi tôi: “Trong chi đoàn cháu, có đoàn viên nào có tư tưởng muốn làm “ngôi sao” không?”.

Tôi còn đang lúng túng, Bác đã bảo: “Biểu diễn thật hay để phục vụ nhân dân được nhiều là tốt. Nhưng nếu có tư tưởng muốn làm “ngôi sao” thì ngôi sao có khi tỏ, có khi lặn, lúc ngôi sao lặn thì lại buồn. Trong đoàn cháu có thanh niên nào có tư tưởng muốn làm “ngôi sao” thì cháu phải giúp đỡ”.

Lần cuối cùng tôi được gặp Bác là vào tháng 7... Sau khi đi diễn ở Pháp, Ý, Angiêri, Liên Xô, Trung Quốc... về, cả đoàn lại được quây quần quanh Bác. Tôi là Phó trưởng đoàn, nên cũng được đến gặp Bác và báo cáo với Bác là ở Angiêri cũng như ở Pháp, ở Ý..., cứ mỗi lần tiết mục của ta hay, họ vỗ tay đến vỡ nhà hát và hô: Việt Nam - Hồ Chí Minh, Việt Nam - Điện Biên Phủ.

Bác vui vẻ bảo:

- Thế là người ta hoan nghênh các cháu, các cháu có hếch mũi lên không? (Bác đưa tay đẩy mũi lên).

Cả đoàn cười rộ và ai nấy đều hiểu đó là Bác có ý răn bảo.

Xong Bác bảo: “Người ta hoan hô các cháu, hay hoan hô Bác là người ta hoan hô cả dân tộc mình, cả dân tộc Việt Nam anh hùng”...

Theo **Thuý Quỳnh** (Diễn viên múa)

Sổd, T. 4, tr. 84.

68. CÂU CHUYỆN TÂM ĐẮC CỦA HAI CỤ ĐỒ NHỎ Ở HUYỆN NAM ĐÀN

Cụ Giáp cầm bát nước chè xanh lên môi rồi đặt xuống, gật gù bảo bạn:

- Bác ạ! Câu sấm ngày xưa ý chừng đã hiệu nghiệm rồi đây. Càng nghiệm thì càng vinh cho huyện Nam Đàn ta.

- Bác bảo câu sấm nào?

- Chứ bác không nhớ câu:

... *Đụn Sơn phân giải,*
Bò Đái nhất thanh
Nam Đàn sinh thánh... à?

Bây giờ rú Đụn ta cũng chỉ giới rồi, mà khe Bò Đái thì không chảy nữa. Đất ta có thánh là phải.

Cụ Ất gật đầu:

- Phải đấy, nhưng theo bác thánh Nam Đàn là ai?

- Bác còn phải hỏi làm gì. Chính Cụ Hồ Chí Minh chứ ai?

Cụ Giáp trầm ngâm:

- Nói Cụ Hồ thì đúng. Nhưng tôi nghe câu sấm truyền đã lâu. Mà câu chuyện rú Đụn và khe Bò Đái cũng đã xảy ra từ dạo đầu thế kỷ này cơ. Cho nên có người nói thánh Nam Đàn là cụ Phan Bội Châu kia.

Cụ Ất cười:

- Tôi cũng đã nghe giải thích như thế rồi. Mà cụ Phan Bội Châu quê ta cũng là một lãnh tụ xuất sắc, là người được quốc dân ngưỡng mộ một thời. Xem cụ là thánh như Cụ Hồ cũng xứng đáng thôi! Có điều, tôi tin câu sấm truyền nói về Cụ Hồ hơn vì tôi được một câu thần mộng, bác ạ!

Cụ Giáp trở mặt nhìn bạn một phút rồi hỏi dồn:

- Thế à? Chuyện thần mộng nào lại liên quan đến vị thánh Nam Đàn? Bác kể lại cho tôi nghe chuyện đi! Thú vị đấy.

- Thế này bác ạ. Chính tôi cũng có một hôm bỗng nhiên cứ suy nghĩ về câu sấm nói đến thánh nhân xuất hiện ở Nam Đàn ta. Tôi cứ nghĩ đi nghĩ lại không biết câu sấm chỉ vào Cụ Hồ hay cụ Phan là đúng. Thế rồi ngay giữa trưa hôm ấy, nằm thiu thiu ở chính giữa phàn này, tôi bỗng thấy có một vị thần đập vào vai tôi. Tôi nghe rõ ràng và nhớ như in lời người phán bảo: “Có gì mà suy nghĩ nhiều. Hãy nhớ lấy câu này suy ra thì biết”. Thế rồi vị thần đó đọc cho tôi hai câu lục bát:

*Trăng xưa dọi tỏ lòng người
Treo gương nhật nguyệt cho đời soi chung.*

Đọc xong là ngái biền mất! Tôi giật mình tỉnh dậy, cứ đi quanh, đi quanh lại lẩm nhẩm đọc câu thơ, lâu rồi cũng vỡ nghĩa ra. Bác thử đoán xem có đúng không?

Cụ Giáp đọc lại câu thơ nôm. Tiện tay cụ với lấy giấy bút để trên án thư viết “đăng tà” hằn hoi, rồi bóp trán suy nghĩ. Bỗng cụ vỗ đùi đánh đét rồi reo lên:

- Thôi phải rồi! Thật quý báu! Bác được câu thần mộng quý giá vô cùng. Câu chiết tự bác ạ! Phải! Phải! Chiết tự!

Cụ Ất nheo mắt mỉm cười:

- Bác quả là tinh thông. Tôi cũng như bác cho đây là câu chiết tự. Thần nhân đã dạy quả không sai.

Chàng con trai cụ Giáp ở dưới nhà mang tiếp ấm nước sôi lên. Anh thấy hai cụ có phần đắc ý thì cũng vui lây, mạnh dạn đến gần:

- Hai ông có điều gì thích thú vậy, có cho con nghe được không?

Cụ Ất gọi anh lại, chỉ vào trang giấy:

- Đây này, hai câu lục bát nguyên là câu thần mộng ban cho tôi. Chúng tôi đều nhất trí câu người phán cho người trần mắt thịt biết Cụ Hồ là bậc thánh nhân rạng rỡ muôn đời. Anh có hiểu không?

Anh con trai nhìn vào mảnh giấy. Vì là con cụ đồ nên anh cũng lăm bồm được vài từ chữ Hán, chữ Nôm. Nhưng anh lắc đầu:

- Thừa bác, cháu chẳng thấy câu nào nói đến Cụ Hồ cả.

Cụ Ất cười:

- Các anh không được học chữ Hán thì thấy làm sao được. Lại đây tôi giảng rõ cho nghe.

Cụ chỉ vào từng chữ, ôn tồn phân tích:

- Đây nhé: Câu này có hai chữ “trăng xưa”, dịch ra chữ Nho là “cổ nguyệt”, hai chữ cổ nguyệt ghép với nhau

thành chữ “Hồ”. Lại có hai chữ “lòng người”, dịch ra chữ Nho là “sĩ tâm”, mà chữ “sĩ” ghép với chữ “tâm” thành ra chữ “Chí”. Còn đây, rõ hơn nữa: hai chữ “nhật nguyệt” ghép với nhau thành chữ “Minh”.

Vậy rõ ràng câu thơ có ba chữ Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh “treo gương sáng cho đời soi chung”. Thế là bậc thánh. Thánh của nước ta và của cả loài người, cả các thế hệ nữa! Đời soi chung kia mà! Anh hiểu chưa?

Trích trong cuốn **"Kể chuyện Bác Hồ"**
Sổd, T. 4, tr. 89.

69. SỰ RA ĐỜI CỦA MỘT BÀI THƠ

Những năm đầu cách mạng, trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, Bác phải chăm lo trăm công ngàn việc. Nhân dân ta ai cũng lo cho sức khoẻ của Bác. Nhiều người với tư cách cá nhân, tập thể đã dành thời giờ đến thăm Bắc Bộ phủ - nơi ở và làm việc của Chính phủ ta hồi đó - thăm sức khoẻ của Bác. Lúc bấy giờ, việc đến thăm vị Chủ tịch nước không đến nỗi phải qua nhiều thủ tục phiền phức rắc rối.

Nhân chuyển vào Thanh Hoá có việc riêng, nữ thi sĩ Hằng Phương đã nghĩ làm sao khi về phải có món quà đầy ý nghĩa đến thăm sức khoẻ của Bác. Tại Thanh Hoá có loại cam làng Giang ngon nổi tiếng. Nhà thơ liền chọn mua chục quả về biếu Bác.

Ngồi trên xe trở về Hà Nội, vừa khur khur ôm túi cam, vừa nghĩ đến ngày mai vào Bắc Bộ phủ gặp Bác nên nói câu gì, và nói thế nào cho phải phép với Bác. Hằng Phương nhẩm ngay một bài thơ:

*Cam ngon Thanh Hoá vốn dòng
Kính dâng Chủ tịch tỏ lòng mến yêu
Đắng cay Cự trái đã nhiều
Ngọt bùi trời trả đủ điều từ đây
Cùng quốc dân hưởng những ngày
Tự do hạnh phúc tràn đầy trời Nam
Anh hùng tỏ mặt giang san
Lưu danh thiên cổ vẻ vang giống nòi.*

Sáng hôm sau, nhà thơ cẩn thận gói cam vào giấy đẹp, trân trọng chép lại bài thơ rồi đến Bắc Bộ phủ thăm Bác.

Vừa đến cổng, bà liền được đồng chí bảo vệ chỉ đường vào phòng làm việc của Bác. Nhưng lúc đó Bác còn bận tiếp một vị khách nước ngoài ở phòng tiếp khách. Đồng chí văn phòng bảo nhà thơ ngồi chờ một lát. Nhưng nhà thơ thấy Bác bận quá, không muốn làm phiền Bác, bèn gửi cam và bài thơ lại rồi xin phép ra về.

Sau khi tiễn chân người khách nước ngoài, Bác trở lại văn phòng và biết bà khách đã về rồi. Nhìn gói cam và đọc bài thơ, Bác rất cảm động, nhưng lại không biết tên và địa chỉ của khách, Bác liền làm một bài thơ đăng Báo Phụ nữ để trả lời. Bài thơ đề là “Tặng cam”:

*Cảm ơn bà biếu gói cam
Nhận thì không đáng, từ làm sao đây
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai.*

Bài thơ bày tỏ lời cảm ơn, đồng thời nhân đó nêu lên bài học đạo đức từ một câu tục ngữ rất quen thuộc và khẳng định niềm tin vào thắng lợi sắp tới.

Mấy chục năm qua, bài thơ đã đi vào lòng mọi người, nhưng ít ai chú ý đến chi tiết bà biếu gói cam - một chi tiết gợi cảm hứng cho sự ra đời một bài thơ có giá trị của Bác.

Trích trong cuốn "**Kể chuyện Bác Hồ**"
Sdd, T. 4, tr. 104.

70. BẮC HỒ LÀ THIẾ ĐẦY

Thời chống Mỹ. Một buổi trưa, Hồ Chủ tịch đang chuẩn bị nằm nghỉ thì cần vụ vào báo cáo Bắc là có khách. Khách là một cụ già ở Hưng Yên. Cùng đi với cụ có một vị lãnh đạo tỉnh. Trên xe còn có một thùng cá khá nặng.

- Thưa Bắc, cháu xin thay mặt bà con ở địa phương lên thăm sức khoẻ Bắc và có ít cá mới đánh đem lên biếu Bắc. Cá loại này là cá tiến nổi tiếng ở đầm Dạ Trạch đấy ạ!

- Thưa cụ, cụ ngang tuổi tôi, xin cụ đừng xưng hô như thế!

- Vâng, nếu cụ cho phép...

- Ao nhà ta có rộng không mà cụ thả được nhiều cá vậy?

- Dạ thưa cụ, đây là cá của hợp tác xã.

- Cá của hợp tác xã là tài sản chung của bà con, phải để bà con dùng chứ!

- Thưa cụ, nhờ có ông lãnh đạo tỉnh giao cho nên lần đầu tiên tôi mới được gặp Cụ Chủ tịch nước, thật may mắn cho tôi quá. Còn cá, đã trót mang lên đây rồi, xin Cụ vui lòng nhận cho, chúng tôi khỏi phải đem về.

Hồ Chủ tịch cho mời ông cán bộ phụ trách nhà bếp lên gặp Người.

Loại cá này ở chợ Bắc Qua bán bao nhiêu một cân?

Thưa Bắc, một cân giá...

- Vậy chú cân lên xem tất cả là bao nhiêu cân, coi như nhập vào nhà bếp của cơ quan. Và chú tính xem bao nhiêu tiền để gửi cụ cầm về.

Quay sang vị khách quý Hưng Yên, Hồ Chủ tịch ân cần nói:

- Tôi xin đa tạ tấm lòng của cụ và bà con xã nhà đối với tôi. Quà cụ và bà con cho, tôi nhận rồi, còn đây là số tiền tôi gửi cụ đem về nộp vào quỹ hợp tác xã.

Theo Tĩnh Tâm

Trích trong cuốn Kể chuyện Bác Hồ

Sdd, T. 4, tr. 114.

71. CÂY ĐÀO NHẬT TÂN

Một cụ đại diện phát biểu nhân dân xã Nhật Tân tặng Bác cây đào. Bác cảm ơn, khen cây đào đẹp và hỏi lại các cụ: “Cây đào này các cụ đã trồng được mấy năm?”. Các cụ trả lời đã được 3 năm. Bác lại hỏi tiếp: “Trồng được ba năm sao không để gốc lại, đem đào cả gốc sang năm lấy hoa đâu mà chơi Tết nữa?”. Cụ già đại diện lại nhanh miệng thưa với Bác: “Thưa Bác cây đào tuy lớn nhưng bà con trong xã muốn đào cả gốc để cây sống khoẻ vù và hoa tiếp tục nở thêm để Bác chơi được lâu hơn”. Bác cười rất vui và lại dặn tiếp: “Sang năm các cụ và nhân dân trong xã không phải đem tặng tôi cây đào khác nữa. Tôi sẽ tự trồng cây đào này ngay tại vườn nhà và cố gắng chăm bón thật tốt để đến mùa xuân tiếp theo lại có hoa đào Nhật Tân để chơi xuân”.

Nghe Bác nói, tất cả mọi người có mặt trong phòng khách cười rất vui, làm cho không khí ngày xuân trong phòng càng ấm áp hơn. Cây đào nhân dân Nhật Tân tặng Bác lần ấy, Người đặt ngay giữa phòng khách lớn của Phủ Chủ tịch trong suốt ba ngày Tết cổ truyền. Khách từ các địa phương cũng như các cơ quan đóng ở Hà Nội đến chúc Tết Bác đều khen nó rất đẹp.

Ngày 5 Tết, cây đào nụ và hoa vẫn trĩu cành rộ nở, khi mà ở gò Đống Đa nhân dân thủ đô và các nơi kéo về kỷ niệm mừng Quang Trung đại thắng quân Thanh thì Bác đem nó ra vườn trồng, đúng như Người đã hứa với các cụ

làng đào Nhật Tân. Từ đó, hàng ngày sau giờ làm việc, khi ra vườn chăm tưới rau và hoa, Bác đã dành một khoảng thời gian đáng kể để vun xới, chăm tỉa cho cây đào Nhật Tân giữ được dáng thế của nó như khi nhân dân Nhật Tân mang đến tặng Người.

Trích trong cuốn "**Kể chuyện Bác Hồ**"
Sđd, T. 4, tr. 120.

72. VIỆC CHI TIÊU CỦA BÁC HỒ

Các đồng chí ở gần Bác đều cho biết Bác rất tiết kiệm. Có đôi tất rách đã vá đi, vá lại mấy lần Bác cũng không dùng tất mới. Bác nói:

- Cái gì còn dùng được nên dùng. Bỏ đi không nên...

Khi tất rách chưa kịp vá, anh em đưa đôi mới để Bác dùng, Bác xoay chỗ rách vào bên trong rồi cười xị xoá:

- Đây, có trông thấy rách nữa đâu...

Có quả chuối hơi nẫu, anh cán bộ chê không ăn, Bác lấy dao gọt phần nẫu đi, bóc ăn ngon lành, rồi nói:

- Ở chiến khu có được quả chuối này cũng đã quý...

Câu nói và việc làm của Bác làm đồng chí cán bộ “khiếp vía”, hồi hận mãi.

Dù cho đã làm đến Chủ tịch nước, suốt trong những năm ở Việt Bắc, ở Hà Nội, Bác chưa bao giờ “có tiền” (như anh em cán bộ, chiến sĩ công tác quanh Bác thường nhận xét).

Thực tế lịch sử cho thấy rằng: suốt cuộc đời hoạt động của Bác ở nước ngoài, Bác gặp rất nhiều khó khăn về tài chính do những nguyên nhân khác nhau. Được đồng nào, chủ yếu do lao động tự thân mà có, Bác dành cho công tác cách mạng. Bác chi tiêu rất dè xèn, cân nhắc từng xu. Liên hoan mừng thành lập Đảng cũng chỉ có bát cơm, món xào, tô canh, đĩa cá. Chiêu đãi đồng chí Lý Bội Quần, người Trung Quốc, người đã mua chiếc máy chữ từ Hải Phòng về tặng mình (năm 1939), Bác cũng chỉ

“khao một món canh và 2 đĩa thức ăn, thêm hai lạng rượu, tổng cộng chưa hết một đồng bạc”.

Tự thết đãi mình “khi nghe tin Hồng quân bắt sống 33 vạn quân Hítler ở Xtalingrát năm 1943”, tại nhà tù, trong túi chỉ còn vền vền một đồng bạc, Bác đã “nhờ người lính gác mua giùm cho ít kẹo và dầu chà quẩy”. Sau khi phần khởi hô mấy khẩu hiệu hoan nghênh thắng lợi của Liên Xô, Bác “ngồi một mình, chén tạc, chén thù rất đàng hoàng vui vẻ”...

Năm 1957, Bác về thăm Nghệ Tĩnh, khi ăn cơm chung với đồng chí Nguyễn Sĩ Quế, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Diệm, Bác đã để bớt ra ngoài mâm mấy món ăn, rồi nói: “Ăn hết lấy thêm, không ăn hết để người khác ăn, đừng để người ta ăn thừa của mình”.

Có thể dẫn ra nhiều nữa những ví dụ về cách chi tiêu, sử dụng tiền bạc, cơ sở vật chất của Bác, rất “mâu thuẫn thống nhất”: chặt chiu, tằn tiện nhưng vẫn rộng rãi, không hoang phí mà cũng không keo kiệt, “ki bo”.

Thế giới, loài người tự hào về Bác. Là người Việt Nam, đồng hương của Bác, chúng ta càng tự hào biết bao! Cách ứng xử của Bác với tiền tài, với cái ăn, cái mặc, với cơ sở vật chất nói chung đâu có phải là cao quá mà chúng ta không học tập được, đâu có phải là một toà thánh cấm uy nghiêm mà chúng ta không đặt chân lên được thêm bậc, dù là bậc thêm thứ nhất?

Theo Nguyễn Việt Hồng

*Một số lời dạy và mẩu chuyện về
tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh,*
NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2007, tr. 76.

73. CHÚ SANG XÔNG NHÀ CHO BÁC

Vào các dịp lễ tết, vẫn có một số anh chị em “ăn cơm tập thể, nằm giường cá nhân” ở lại trực cơ quan.

Mồng một tết âm lịch (năm 1956), nhường anh em khác về quê, tôi ở lại bảo vệ cơ quan.

Khoảng 9 giờ sáng, khi mọi người đã rộn ràng đi chúc tết, thì Bác tới.

Thấy nhà vắng lặng, chỉ có mỗi mình tôi ngồi ở bàn, Bác mừng tuổi tôi một chiếc bánh chưng, một gói kẹo, chúc tôi nhân dịp năm mới, rồi Bác hỏi:

- Mồng một tết chú khai bút cái gì đó?
- Thưa Bác, cháu đang viết báo cáo tổng kết công tác năm 1955 của đội ạ.

Bác khen:

- Các chú thật cần cù, chịu khó, quanh năm vất vả. Những ngày mưa dầm gió bắc, Bác ngủ trên nhà, còn các chú phải thức suốt đêm ở dưới vườn. Tết còn phải làm việc.

Bác nói tiếp:

- Chú viết báo cáo ngắn thôi. Kết luận là: toàn đội hết lòng bảo vệ Trung ương Đảng và Chính phủ được an toàn. Không nên nói: bảo vệ Hồ Chủ tịch, vì trong Trung ương Đảng và Chính phủ là có đủ mọi người rồi.

Bác nắm tay tôi:

- Chú sang xông nhà cho Bác đi.

Bác phân công tôi rửa ấm chén, còn Bác thì lau bàn ghế và cắm hoa để đón các đồng chí trong Bộ Chính trị sang chúc tết.

Tết năm ấy, tôi lại là người vui nhất.

Trần Công Tôn kể Hồ Vũ ghi
Sdd, tr. 124.

74. BÁC HỒ TẶNG GIA RAU CẢI

Mùa đông năm 1952, lúc đó tôi đang công tác ở Văn phòng Trung ương Đảng. Trụ sở cơ quan đóng tại đèo Re (núi Rồng). Cơ quan Phủ Chủ tịch cũng ở sát ngay cạnh đó. Sau hội nghị chính quyền lần thứ 5 (tháng 3/1952), Chính phủ đã phát động phong trào tặng gia, sản xuất, tiết kiệm trong toàn quốc.

Ở Trung ương, cơ quan này thi đua tặng gia với cơ quan khác. Vì hai cơ quan gần nhau, tôi được công đoàn cử ra thi đua với cơ quan bên Phủ Chủ tịch. Bên Văn phòng Phủ Chủ tịch lại cử Bác là đại diện cá nhân thi đua tặng gia với cơ quan Văn phòng Trung ương.

Buổi lễ phát động thi đua diễn ra thật sôi nổi. Tôi đang sức trẻ nên thay mặt anh em đứng lên thách thức thi đua: cùng một khoảng đất như nhau 36 m^2 , trong một thời gian nhất định, tôi xin trồng rau ăn với sản lượng cao nhất. Bác cũng đứng lên: Bác nhận thách thức thi đua tặng gia với chú Thông, với mảnh đất 36 m^2 trong một thời gian bằng nhau, đạt sản lượng rau nhiều hơn chú Thông. Mọi người vỗ tay hoan hô. Một số đồng chí xì xào: một cuộc thi đua không cân sức. Bác vừa già, vừa bận nhiều việc, địch sao được với cậu Thông khoẻ như voi, trồng rau đã quen. Có người nêu: “giải thưởng thi đua là một con gà trống 2 kg”. Mọi người lại hoan hô tán thưởng. Mấy đồng chí ở Văn phòng Trung ương nói to: “nhất định chuyến này chúng ta được ăn thịt gà của Phủ Chủ tịch”. Bác nói vui: “Các chú

muốn ăn gà của Chủ tịch thì phải tích cực tăng gia để có nhiều rau xanh cung cấp cho nhà bếp cơ quan”.

Tôi về suy nghĩ: để chắc ăn và có năng suất cao thì trồng cải củ, vì cải củ ở vùng này củ rất to, rất nặng. Tôi trao đổi với anh em công đoàn, mọi người ủng hộ cho là sáng kiến.

Sau một tuần, tôi đã làm đất và trồng xong 36 m² cải củ. Ngay sát mảnh đất của tôi, Bác và anh em bên Phủ Chủ tịch làm rất kỹ, đất nhỏ, mịn và sạch cỏ. Hơn một tuần thì Bác gieo hạt cải mào gà (cải xanh lá xoan). Anh em Văn phòng Phủ Chủ tịch làm chỗ đi tiểu gần nhà và mua một nồi hông lớn để hứng nước tiểu. Phía Văn phòng Trung ương tôi cũng huy động anh em làm nhà tiêu để lấy phân bón.

Sau một tuần các cây cải mọc đều và đẹp. Bác lấy nước tiểu pha loãng tưới. Còn tôi lấy phân bắc tưới hoà ra tưới. Mỗi lần tưới cả cơ quan bịt mũi.

Sau một tháng, hai vạt rau tốt ngang nhau. Nhiều người ủng hộ tôi cho rằng tôi sẽ thắng vì củ cải lớn rất nhanh.

Một hôm Bác nhờ rau bán cho nhà bếp chỉ được 15 kg. Bác để lại những cây to, khoẻ, mỗi cây cách nhau chừng hai gang. Một số anh em lo lắng vì thấy vườn rau Bác nhờ đi xơ xác mà chỉ được có 15 kg rau cải con. Ba buổi chiều liền, sau giờ làm việc Bác đều ra vườn dùng chiếc dầm xới đất cho cải và tưới nước giải đều.

Sau hai tháng 10 ngày thì củ cải của tôi đã to bằng bắp tay và có cây đã có nụ. Tôi nhổ và cân cho nhà bếp được

60 kg. Tôi vui mừng vì thắng lợi. Nhưng cũng lúc đó, cây cải mào gà của Bác đã to bằng cái nôm, cứ 5 ngày một lần Bác tĩa tàu cân cho nhà bếp khoảng 10 kg. Kỳ lạ thay cải mào gà càng tĩa cây càng lớn, tàu càng to và càng trẻ lâu. Sau 2 tháng rưỡi cải mới có ngồng. Lúc đó Bác nhổ cả cây cho nhà bếp muối dưa. Bác còn đem biểu cụ già dân tộc gần đó 2 cây rất to làm giống. Cụ già sung sướng khoe với mọi người: “Rau cải cụ Hồ tốt thật”.

Mở sổ nhà bếp ra cộng

- Cải con: 15 kg

- Tàu cải canh: 14 lần x 10 kg = 140 kg

- Cây cải làm dưa nén: 20 kg

Cộng: 175 kg

Vậy tôi thua đã rõ ràng. Công đoàn Văn phòng Trung ương phải nộp con gà trống nuôi được cho công đoàn Văn phòng Phủ Chủ tịch. Nhờ có rau tăng gia mà cả mùa đông nhà bếp đủ rau nấu, không phải ra dân mua. Buổi tổng kết thật vui vẻ. Tôi đứng dậy xin nhận thua. Bác nói chuyện với anh em: khi tăng gia, các cô, các chú phải lưu ý bốn điều kiện: giống, cần, phân, nước. Giống: nên chọn loại rau trồng một lần, ăn nhiều lần, củ cải dễ trồng, năng suất cao, nhưng chỉ được ăn một lần thì không bằng cải mào gà, trẻ lâu, tĩa ăn được nhiều lần. Cần: người trồng rau phải chăm chỉ, chọn đúng thời vụ trồng loại rau cho hợp khí hậu, rau mới tốt. Vun xới phải đúng cách. Cải mào gà khi tốt cứ 10 ngày xới một lần cho rễ con đứt, chúng ra nhiều nhánh rễ hơn và hút được nhiều phân bón, muối

khoáng trong đất. Phân: phải chọn loại phân bón thích hợp. Cải canh rất hợp nước tiểu pha loãng. Thứ phân tươi chú Thông bón cũng tốt đấy nhưng mất vệ sinh lắm. Nước: phải tưới đều và tưới đủ độ ẩm rau mới trổ lâu và xanh tốt”.

Lần ấy thua Bác, tôi hết chủ quan và rút được bài học mới về trồng gia.

Nguyễn Thông kể, Hồ Vũ ghi.

Sổd, tr. 78.

75. CÂU CHUYỆN VỀ 3 CHIẾC BA LÔ

Trong những ngày sống ở Việt Bắc, mỗi lần Bác đi công tác, có hai đồng chí đi cùng. Vì sợ Bác mệt, nên hai đồng chí định mang hộ ba lô cho Bác, nhưng Bác nói:

- Đi đường rừng, leo núi ai mà chẳng mệt, tập trung đồ vật cho một người mang đi thì người đó càng chóng mệt. Cứ phân ra mỗi người mang một ít.

Khi mọi thứ đã được phân ra cho vào 3 ba lô rồi, Bác còn hỏi thêm:

- Các chú đã chia đều rồi chứ?

Hai đồng chí trả lời:

- Thưa Bác, rồi ạ.

Ba người lên đường, qua một chặng, mọi người dừng chân, Bác đến chỗ đồng chí bên cạnh, xách chiếc ba lô lên.

- Tại sao ba lô của chú nặng mà Bác lại nhẹ?

Sau đó, Bác mở cả 3 chiếc ba lô ra xem thì thấy ba lô của Bác nhẹ nhất, chỉ có chấn, màn. Bác không đồng ý và nói:

- Chỉ có lao động thật sự mới đem lại hạnh phúc cho con người.

Hai đồng chí kia lại phải san đều các thứ vào 3 chiếc ba lô.

Trần Thị Lợi (*sưu tầm*)

Sdd, tr. 82.

76. KHÔNG AI ĐƯỢC VÀO ĐÂY

Sách “Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử”, tập 10, do Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành năm 1996, trang 334, có đoạn:

“Ngày 27 tháng 4 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh nghe hai đồng chí: Lê Đức Anh và Chu Huy Mân báo cáo công việc, sau đó Người mời hai đồng chí ở lại ăn cơm với Người”.

Sáng hôm ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi bỏ phiếu bầu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã... Người bỏ phiếu tại hòm phiếu số 6, đơn vị 1, tiểu khu 1, khu phố Ba Đình, Hà Nội, đặt tại Nhà thuyền Hồ Tây.

Khi Bác Hồ đến, trong Nhà thuyền đã có nhiều cử tri đang bỏ phiếu. Tổ bầu cử thấy Bác đến, ra hiệu đề đồng bào tạm dừng và tạo “điều kiện” để Bác bỏ phiếu trước. Biết ý, Bác nói “sòng phẳng”:

- Ai đến trước, viết trước, Bác đến sau, Bác chờ. Bác chờ cho đến hàng mình, mới nhận phiếu và vào “buồng” phiếu.

Nhà báo Ma Cường chợt nghĩ thật là “hạnh phúc một đời của người làm báo”, “cơ hội ngàn năm có một” và vội giờ máy lên bấm, rất nhanh, Chủ tịch Hồ Chí Minh lấy tay che phiếu lại, nói với Ma Cường:

- Không ai được vào đây. Đây là phòng viết phiếu kín của cử tri. Phải bảo đảm tự do và bí mật cho công dân.

Nhà báo buông máy, nhưng vẫn thấy hạnh phúc.

Theo lời kể của các đồng chí ở gần Bác, trước khi đi bầu cử Bác không cho ai “gợi ý” cả, Bác nói:

- Ấy, đừng có “lãnh đạo” Bác nhé. Bác không biết đảng uỷ hướng dẫn danh sách để ai, xoá ai đâu nhé. Đưa lý lịch của những người ứng cử đây để Bác xem. Có chú nào dự buổi ứng cử viên trình bày ý kiến với cử tri, nói lại để Bác cân nhắc, Bác tự bầu.

Theo Nguyễn Việt Hồng

Sdd, tr. 83.

77. BÁT CHÈ XÈ ĐÔI

Đồng chí liên lạc đi công văn 10 giờ đêm mới đến. Bác gọi mang ra một bát, một thìa con. Rồi Bác đem bát chè đậu đen, đường phèn, mà anh em phục vụ vừa mang lên, xẻ một nửa cho đồng chí liên lạc.

- Cháu ăn đi!

Thấy đồng chí liên lạc ngần ngại, lại có tiếng đặng hắng bên ngoài, Bác giục:

- Ăn đi, Bác cùng ăn...

Cám ơn Bác, đồng chí liên lạc ra về. Ra khỏi nhà sàn, xuống sân, đồng chí cấp dưỡng bấm vào vai anh lính thông tin:

- Cậu chán quá. Cả ngày Bác có bát chè để bồi dưỡng làm đêm mà cậu lại ăn mất một nửa.

- Khổ quá, anh ơi! Em có sung sướng gì đâu. Thương Bác, em vừa ăn vừa rót nước mắt, nhưng không ăn lại sợ Bác không vui, mà ăn thì biết cái chắc là các anh mắng mỏ rồi...

Theo **Thuỷ Xuân**, Sdd, tr. 85.

78. MỘT BỮA ĂN TỐI CỦA BÁC

Tháng 4 năm 1946, giữa lúc đất nước đang bề bộn công việc, thì Bác vẫn dành những thì giờ quý báu về Ninh Bình dân xếp những vấn đề đối nội, đối ngoại có lợi cho quốc gia. Vào khoảng ngày 10 đến 12, Bác đi qua thị xã Ninh Bình để xuống Phát Diệm. Lúc đó tôi là quyền Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh. Một dịp may hiếm có được đón Bác về tỉnh, nghĩ vậy, tôi mời đồng chí Ủy viên thư ký kiêm Phó Chủ tịch và Chánh Văn phòng đến hội ý. Hai đồng chí cũng cùng chung một ý nghĩ như tôi.

Tôi phân công đồng chí Phó Chủ tịch huy động nhân dân ra tập trung đón Bác, đồng chí Chánh Văn phòng chuẩn bị cơm mời Bác, còn tôi phụ trách việc dọn dẹp văn phòng, chuẩn bị chỗ nghỉ và chỗ ngủ cho Bác qua đêm.

Quả như tôi dự đoán, sáu giờ chiều thì xe Bác về đến phía nam thị xã Ninh Bình. Nhân dân đã vây cờ, hô khẩu hiệu rồi ủa xuống lòng đường đón Bác. Bác ra khỏi xe vây chào nhân dân. Nhân lúc đó chúng tôi mời Bác vào trụ sở Ủy ban hành chính tỉnh.

Trước sự nhiệt tình của nhân dân thị xã, không nỡ từ chối, Bác đã vào gặp Ủy ban hành chính tỉnh Ninh Bình.

Đến công cơ quan, Bác bảo đồng chí lái xe dừng lại rồi xuống đi bộ. Vừa đi Bác vừa hỏi tình hình đời sống của nhân dân, đặc biệt đồng bào ở vùng công giáo. Chúng tôi báo cáo với Bác về những khó khăn trong tỉnh, một số nơi nông dân còn bị đói.

Bác căn dặn chúng tôi phải chú ý đoàn kết lương giáo, động viên bà con tích cực tăng gia sản xuất để chống đói, chú ý công tác diệt giặc đói, mở nhiều lớp bình dân học vụ vào buổi trưa, buổi tối, vận động bà con đi học.

Chúng tôi mời Bác nghỉ lại cơ quan cho đỡ mệt rồi dùng bữa tối. Thực ra bữa cơm chúng tôi chuẩn bị cho Bác không có gì ngoài một con gà giò luộc, nước dấm nấu bí đao, vì lúc đó kinh phí của Ủy ban hành chính tỉnh cũng hết sức khó khăn.

Bác nói:

- Hàng ngàn đồng bào đang chờ Bác ngoài kia, Bác không thể nghỉ ở đây để ăn cơm được vì 9 giờ tối Bác đã có việc ở Chủ tịch phủ. Bây giờ các chú giúp Bác: một chú ra tập hợp đồng bào vào một ngã tư rộng gần đây để Bác ra nói chuyện với đồng bào mười phút, một chú ra cửa hàng bánh mua cho Bác một cặp bánh giò. Còn các chú đi với Bác thì tranh thủ ăn cơm trước. Nói chuyện xong, Bác ngược Hà Nội ngay cho kịp hẹn. Trong xe Bác sẽ ăn bánh vừa đỡ tốn kém, vừa tiết kiệm được thời gian cho Bác.

Chúng tôi vâng lời Bác làm theo.

Nói chuyện với đồng bào Ninh Bình hôm đó, Bác nhấn mạnh:

- Đồng bào chú ý đoàn kết lương giáo vì âm mưu của kẻ thù luôn tìm cách chia rẽ đồng bào lương giáo.

- Đồng bào tích cực tăng gia sản xuất chống giặc đói, chống giặc đói.

- Đồng bào chuẩn bị tinh thần chịu đựng gian khổ để chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc.

Kết thúc, Bác hỏi:

- Đồng bào có đồng ý thực hiện ba điều tôi nêu ra không?

- Đồng ý! Đồng ý! Hồ Chủ tịch muôn năm.

Hàng ngàn nắm tay gân guốc giơ lên hưởng ứng. Tiếng hô và tiếng vỗ tay râm ran.

Bác vẫy tay chào đồng bào rồi lên xe về Hà Nội. Xe đi được một quãng Bác mới bắt đầu dùng “bữa ăn tối” của mình.

Phí Văn Bái kể, Hồ Vũ ghi.

Trong cuốn "Bác Hồ, con người và phong cách"
tập 1, NXB Lao động, H. 1993.

79. THỜI GIAN QUÝ BÁU LÂM

Sinh thời, Bác Hồ của chúng ta yêu cái gì nhất, ghét cái gì nhất? Kể cũng hơi khó trả lời cho thật chính xác, bởi ở ta không có thói quen “tự bạch” và kín đáo, ý nhị vốn là một đặc điểm của lối ứng xử phương Đông.

Tuy nhiên, theo dõi qua tác phẩm, hoạt động và sinh hoạt đời thường, điều ta có thể thấy rõ cái mà Người ghét nhất, “ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm” là các thói quan liêu, tham nhũng, xa hoa, lãng phí tiền bạc và thời gian của nhân dân.

Ở một mức độ khác, thấp hơn, những người có điều kiện tiếp xúc và làm việc với Bác Hồ, đều thấy rõ nhất là Bác rất khó chịu khi thấy cán bộ làm việc không đúng giờ.

Năm 1945, mở đầu bài nói chuyện tại lễ tốt nghiệp khoá V Trường huấn luyện cán bộ Việt Nam, Người thẳng thắn góp ý: “Trong giấy mời tới đây nói 8 giờ bắt đầu, bây giờ 8 giờ 10 phút rồi mà nhiều người chưa đến. Tôi khuyên anh em phải làm việc cho đúng giờ, vì thời gian quý báu lắm”.

Trong kháng chiến chống Pháp, một đồng chí cấp tướng đến làm việc với Bác sai hẹn mất 15 phút, tất nhiên là có lý do: mưa to, suối lũ, ngựa không qua được. Bác bảo:

- Chú làm tướng mà chậm đi mất 15 phút thì bộ đội của chú sẽ hiệp đồng sai đi bao nhiêu? Hôm nay chú đã chủ quan, không chuẩn bị đầy đủ các phương án, nên chú đã không giành được chủ động.

Một lần khác, Bác và đồng bào phải đợi một đồng chí cán bộ đến để bắt đầu cuộc họp. Bác hỏi:

- Chú đến chậm mấy phút?
- Thưa Bác, chậm mất 10 phút ạ!
- Chú tính thế không đúng, 10 phút của chú phải nhân với 500 người đợi ở đây.

Bác quý thời gian của mình bao nhiêu thì cũng quý thời gian của người khác bấy nhiêu, vì vậy thường không bao giờ để bất cứ ai phải đợi mình.

Năm 1953, Bác quyết định đến thăm lớp chinh huấn của anh chị em trí thức, lúc đó đang bước vào cuộc đấu tranh tư tưởng gay go. Tin vui đến làm náo nức cả lớp học, mọi người hồi hộp chờ đợi.

Bỗng chuyển trời đột ngột, mây đen ùn ùn kéo tới, rồi một cơn mưa dòn dập, xối xả, tối đất, tối trời, hai ba tiếng đồng hồ không dứt. Ai cũng xuýt xoa, tiếc rẻ: mưa thế này, Bác đến sao được nữa, trời hại quá.

Giữa lúc trời đang trút nước, lòng người đang thất vọng, thì từ ngoài hiên lớp học có tiếng rì rào, rồi bật lên thành tiếng reo át cả tiếng mưa ngàn, suối lũ:

- Bác đến rồi, anh em ơi! Bác đến rồi!

Trong chiếc áo mưa ướt sũng nước, quần xắn đến quá đầu gối, đầu đội nón, Bác hiện ra giữa niềm ngạc nhiên, hân hoan và sung sướng của tất cả mọi người.

Về sau, anh em được biết: giữa lúc Bác chuẩn bị đến thăm lớp thì trời đổ mưa to. Các đồng chí làm việc bên cạnh Bác đề nghị Bác cho báo hoãn đến một buổi khác.

Có đồng chí đề nghị tập trung lớp học ở một địa điểm gần nơi ở của Bác...

Nhưng Bác không đồng ý: “Đã hẹn thì phải đến, đến cho đúng giờ, đợi trời tạnh thì biết đến khi nào? Thà chỉ một mình Bác và một vài chủ nhà chịu ướt còn hơn để cho cả lớp học phải chờ uống công!”.

Ba năm sau, giữa thủ đô Hà Nội đang vào xuân, câu chuyện có thêm một đoạn mới. Vào dịp tết cổ truyền của dân tộc, hàng trăm đại biểu các tầng lớp nhân dân thủ đô tập trung tại Ủy ban Hành chính thành phố để lên chúc tết Bác Hồ. Sắp đến giờ lên đường, trời bỗng đổ mưa như trút. Giữa lúc mọi người còn đang lúng túng thu xếp phương tiện cho đoàn đi để Bác khỏi phải chờ lâu thì bỗng xịch, một chiếc xe đậu trước cửa. Bác Hồ từ trên xe bước xuống, cầm ô đi vào, lần lượt bắt tay, chúc tết mỗi người, trong nỗi bất ngờ rung rung cảm động của các đại biểu.

Thì ra, thấy trời mưa to, thông cảm với khó khăn của ban tổ chức và không muốn các đại biểu vì mình mà vất vả, Bác chủ động, tự thân đến tại chỗ chúc tết các đại biểu trước. Thật đúng là mối hằng tâm của một lãnh tụ suốt đời quên mình, chỉ nghĩ đến nhân dân, cho đến tận phút lâm chung, vẫn không quên dặn lại: “Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diễu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thời giờ và tiền bạc của nhân dân”.

Song Thành (Theo lời kể của đồng chí *Huy Vân*)
Trong cuốn "Bác Hồ, con người và phong cách",
NXB Lao động, H. 1993, T. 1.

80. CHÚ CÒN TRỀ, CHÚ VÀO HÀM TRÚ ẨN TRƯỚC ĐI

Một ngày tháng 7 năm 1967 ở Hà Nội, đồng chí Mai Văn Bộ được Bác Hồ gọi đến mời cơm tiễn chân trước khi đồng chí lên đường đi Pa-ri nhận nhiệm vụ Tổng đại diện Chính phủ ta bên cạnh Chính phủ Pháp.

Trong bữa cơm, Bác kể chuyện về khu Luýc-xăm-bua, Mông-pac-nát, nơi Bác có nhiều kỷ niệm. Bác nói Bác rất yêu Pa-ri, Pa-ri đã dạy cho Người nhiều điều...

Bỗng tiếng còi báo động rú lên. Một chiến sĩ bảo vệ yêu cầu Bác và các đồng chí khác xuống hầm. Ít phút sau đã nghe tiếng đạn nổ.

- Thưa Bác, tác chiến báo cáo chúng nó đánh cầu Long Biên. Mời Bác vào hầm trú ngay cho.

Bác quay lại đồng chí Bộ, nói:

- Bác già rồi, chẳng bom đế quốc nào ném đâu. Chú còn trẻ, chú cần vào hầm trú ẩn trước.

Rồi Bác đẩy đồng chí Bộ đi trước, sau đó đến đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí cảnh vệ.

Bác là người vào hầm trú ẩn sau cùng.

Thủy Trường

Trong cuốn "Bác Hồ, con người và phong cách"

NXB Lao động, H. 1993, T. 1.

81. BÁC CÓ PHẢI LÀ VUA ĐÂU?

Có một số người có ngôi cao, chức cả, sống trong sự trọng vọng, chiều chuộng của mọi người, thường xuyên được hưởng sự ưu đãi đặc biệt, lâu dần cũng quen đi mà không hề biết rằng mình đã nhiễm phải thói đặc quyền, đặc lợi.

Suốt đời tâm niệm là người công bộc của nhân dân, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, Bác Hồ của chúng ta luôn luôn hoà mình vào cuộc sống chung của đồng bào, đồng chí, không nhận bất cứ một sự ưu tiên nào người khác dành cho mình.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, nhiều nhân sĩ, trí thức cao tuổi theo Bác lên Việt Bắc, đi kháng chiến, đèo cao, suối sâu, đường bùn lầy, nhiều vị phải nằm cáng. Anh em phục vụ lo Bác mệt cũng đề nghị Bác lên cáng, Bác gạt đi: Bác còn khoẻ, còn đi được, các chú có nhiệm vụ đưa Bác đi như thế này là tốt rồi.

Năm 1950, Bác Hồ đi chiến dịch biên giới. Chuyến đi dài ngày, gian khổ. Anh em cảnh vệ kiếm được một con ngựa, mời Bác lên. Bác cười: chúng ta có 7 người, ngựa chỉ có một con, Bác cười sao tiện?

Anh em vừa khấn khoản: chúng cháu còn trẻ, Bác đã cao tuổi, đường xa, việc nhiều,... Không nỡ từ chối, Bác trả lời:

- Thôi được, các chú cứ mang ngựa theo để nó đỡ hộ

ba lô, gạo nước và thức ăn. Trên đường đi, ai mệt thì cười. Bác mệt, Bác cũng sẽ cười.

Cuối năm 1961, Bác về thăm xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, một xã có phong trào trồng cây tốt. Tại một ngọn đồi thấp, Bác đứng nói chuyện với nhân dân trong xã. Trời đã gần trưa, tuy đã sang đông mà nắng còn gay gắt. Nhìn Bác đứng giữa nắng trưa, ai cũng bần khoăn. Đồng chí Chủ tịch huyện cho tìm mượn được chiếc ô, định giương lên che nắng cho Bác, thì Bác quay lại hỏi:

- Thế chú có đủ ô che cho tất cả đồng bào không? Thôi, cất đi, Bác có phải là vua đâu?

Một lần, trong bữa ăn, đồng chí phục vụ dọn lên cho Bác một đĩa cá anh vũ, một loại cá sông quý hiếm thường chỉ có ở khúc sông Hồng đoạn Bạch Hạc - Việt Trì. Nhìn đĩa cá biết ngay là của hiếm, Bác khen và bảo:

- Cá ngon quá, thế mà chú Tô (tức đồng chí Phạm Văn Đồng) lại đi vắng. Thôi, các chú để đến chiều đồng chí Tô về cùng thưởng thức.

Miếng ngon không bao giờ Bác chịu ăn một mình. Chia sẻ ngọt bùi là thế, tưởng chuyện cũng sẽ qua đi. Nhưng đến bữa sau, trong mâm cơm lại có món cá hôm trước. Nhìn đĩa cá, Bác hiểu ngay và tỏ ra không bằng lòng.

- Bác có phải là vua đâu mà phải cung với tiến!

Rồi Người kiên quyết bắt mang đi không ăn nữa. Như Bác đã từng nói, ở đời ai chẳng thích ăn ngon, mặc đẹp, nhưng nếu miếng ngon đó lại đánh đổi bằng sự mệt nhọc, phiền hà của người khác thì Bác đâu có chấp nhận.

Những anh em công tác trong Phủ Chủ tịch hàng ngày vẫn thường đi lại bằng xe đạp, thỉnh thoảng có gặp Bác đi bộ. Nhìn thấy Bác, mọi người đều xuống dắt xe chờ Bác đi qua rồi mới lên xe đi tiếp. Thấy vậy, Bác thường khoát tay ra hiệu bảo anh em cứ đi tiếp, không cần xuống xe. Nhưng ai có thể cho phép mình ngồi trên xe khi Bác đi bộ. Một lần, Bác gọi đồng chí vừa xuống dắt xe lại gần và bảo:

- Các chú có công việc của mình nên cứ tiếp tục đạp xe mà đi. Bác đâu có phải là cái đèn có biển “hạ mã” ở trước để ai đi qua cũng phải xuống xe, xuống ngựa?

Lão Tử có nói: “Trời đất sở dĩ có thể dài và lâu vì không sống cho mình nên mới được trường sinh. Thánh nhân đặt thân mình ở sau mà lại lên trước, đặt thân mình ở ngoài mà lại còn”. Bác Hồ sống quên mình, không nghĩ đến mình mà lại trở thành sống mãi. Lời Lão Tử thật sâu sắc lắm thay!

Trần Hiếu

*Trong cuốn "Bác Hồ, con người và phong cách",
tập 1, NXB Lao động, H. 1993.*

82. TỪ ĐÔI DÉP ĐẾN CHIẾC XE Ô TÔ

Đôi dép của Bác "ra đời" vào năm 1947, được "chế tạo" từ một chiếc lốp ô tô quân sự của thực dân Pháp bị bộ đội ta phục kích tại Việt Bắc.

Đôi dép đo cắt không dày lắm, quai trước to bản, quai sau nhỏ rất vừa chân Bác.

Trên đường công tác, Bác nói vui với anh em cán bộ đi cùng:

- Đây là đôi hài vạn dặm trong truyện cổ tích ngày xưa... Đôi hài thần đất, đi đến đâu mà chẳng được.

Chẳng những khi "hành quân" mà cả mùa đông, Bác đi thêm đôi tất cho ấm chân, tiếp khách trong nước, khách quốc tế vẫn thường thấy Bác đi đôi dép ấy.

Gặp suối hoặc trời mưa trơn, bùn nước vào dép khó đi, Bác tụt dép xách tay. Đi thăm bà con nông dân, sai chân trên các cánh đồng đang cấy, đang vụ gặt, Bác lại xắn quần cao lội ruộng, tay xách hoặc nách kẹp đôi dép...

Mười một năm rồi vẫn đôi dép ấy... Các đồng chí cảnh vệ cũng đã đôi ba lần "xin" Bác đổi dép nhưng Bác bảo "vẫn còn đi được".

Cho đến lần đi thăm Ấn Độ, khi Bác lên máy bay, ngồi trong buồng riêng thì anh em lập mẹo giấu dép đi, để sẵn một đôi giày mới...

Máy bay hạ cánh xuống Niu Đê-li. Bác tìm dép. Anh em thưa:

- Có lẽ đã cắt xuống khoang hàng của máy bay rồi...
Thưa Bác....

Bác ôn tồn nói:

- Bác biết các chú cất dép của Bác đi chứ gì. Nước ta còn chưa được độc lập hoàn toàn. Nhân dân ta còn khó khăn. Bác đi dép cao su nhưng bên trong lại có đôi tất mới thề là đủ lắm mà vẫn lịch sự...

Thế là các ông "tham mưu con" phải trả lại dép để Bác đi vì dưới đất chủ nhà đang nóng lòng chờ đợi...

Trong suốt thời gian ở Ấn Độ, các chính khách, nhà báo, quay phim, chụp ảnh lại rất quan tâm đến đôi dép của Bác. Họ cúi xuống sờ nắn quai dép, thì nhau bấm máy từ nhiều góc độ, ghi ghi chép chép... làm anh em cảnh vệ lại phải một phen xem chừng và bảo vệ "đôi hài thần kỳ" ấy.

Năm 1960, Bác đến thăm một đơn vị Hải quân nhân dân Việt Nam. Vẫn đôi dép "thâm niên ấy". Bác đi thăm nơi ăn, chôn ở, trại chăn nuôi của đơn vị. Cán bộ và chiến sĩ rồng rắn kéo theo, ai cũng muốn chen chân, vượt lên để được gần Bác, Bác vui cười nắm tay chiến sĩ này, vỗ vai chiến sĩ khác. Bỗng Bác đứng lại:

- Thôi, các cháu đừng làm tụt quai dép của Bác rồi...

Nghe Bác nói, cả đám dừng lại cúi xuống yên lặng nhìn đôi dép rồi lại ồn ào lên:

- Thưa Bác, cháu, để cháu sửa...

- Thưa Bác, cháu, cháu có "rút dép" đây...

Nhao nhác, ăm ỉ như thế, nhưng đồng chí cảnh vệ chỉ

đứng cười vì biết đôi dép của Bác đã phải đóng đinh rồi; có "rút" cũng vô ích...

Bác cười nói:

- Cũng phải để Bác đến chỗ gốc cây kia, có chỗ dựa mà đứng đã chứ!

Bác "lẹp xẹp" lết đôi dép đến gốc cây, một tay vịn vào cây, một chân co lên tháo dép ra, "thách thức":

- Đây! Cháu nào giỏi thì chữa hộ dép cho Bác...

Một anh nhanh tay giành lấy chiếc dép, giơ lên nhưng ngớ ra, lúng túng. Anh bên cạnh liếc thấy, "vượt vây" chạy biến...

Bác phải giục:

- Ở kia, ngấm mãi thế, nhanh lên cho Bác còn đi chứ. Anh chiến sĩ, lúc này chạy đi đã trở lại với chiếc búa con, mấy cái đinh:

- Tôi, để tôi sửa dép...

Mọi người dẫn ra. Phút chốc, chiếc dép đã được chữa xong.

Những chiến sĩ không được may mắn chữa dép phàn nàn:

- Tại dép của Bác cũ quá, Thừa Bác, Bác thay dép đi a...

Bác nhìn các chiến sĩ nói:

- Các cháu nói đúng... nhưng chỉ có đúng một phần... Đôi dép của Bác cũ nhưng nó chỉ mới tụt quai. Cháu đã chữa lại chắc chắn cho Bác thế này thì còn "thọ" lắm! Mua

đôi dép khác chẳng đáng là bao, nhưng khi chưa cần thiết cũng chưa nên... Ta phải tiết kiệm vì đất nước ta còn nghèo...

Đôi dép cá nhân đã vậy, còn "đôi dép" ô tô của Bác cũng thế!

Chiếc xe "Pa - biết - đa" sản xuất tại Liên Xô Bác vẫn đi, đã cũ, Văn phòng xin "đổi" xe khác, "đời mới" hơn, tốt hơn, nhưng Bác không chịu:

- Xe của Bác hỏng rồi à?

Anh em thưa rằng chưa hỏng, nhưng muốn thay xe để Bác đi nhanh hơn, êm hơn.

Bác nói:

- Ai thích nhanh, thích êm thì đổi...

Hôm sau đến giờ đi làm, không biết là xe hỏng thật hay "ai" xui mà Bác đứng đợi bên xe mà xe cứ "ì" ra. Bác cười bảo đồng chí lái xe:

- Máy móc có trục trặc, chú cứ bình tĩnh sửa. Sửa xong Bác cháu ta đi cũng kịp...

Vài phút sau, xe nổ máy..

Bác lại cười nói với đồng chí lái xe, cảnh vệ:

- Thế là xe vẫn còn tốt!

Minh Anh

(theo đồng chí Phan Văn Xoàn, Cục Cảnh vệ)

Trích trong cuốn "Bác Hồ với chiến sĩ",

NXB Quân đội nhân dân, H. 1994.

83. BỮA CƠM KHÁNG CHIẾN

Khoảng giữa năm 1952, Đoàn đại biểu quân đội gồm 20 người tiêu biểu của các đơn vị chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích trong cả nước đến Tuyên Quang dự "Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua công nông binh toàn quốc".

Trước khi vào Đại hội, Bác mời cơm mọi người. Cụ Hoàng Hanh, Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa, anh Ngô Gia Khâm, chị Nguyễn Thị Chiên và một em thiếu nhi được Bác gọi ngồi cùng mâm với Bác.

Trên chiếc bàn bằng tre nửa sạch sẽ, thức ăn được bày lên, có thịt gà, cá rán, dưa chua, rau và cả một bát dưa nấu mắm cá. Bác nói: "Đây là bữa cơm kháng chiến để chúc mừng các chiến sĩ thi đua đã lập nhiều thành tích trong sản xuất và chiến đấu. Trung ương Đảng và Chính phủ không có gì nhiều, chỉ toàn những thứ do anh em trong cơ quan và Bác trồng trọt, chăn nuôi thu hái được, mời cụ, các cô các chú ăn. Đã ăn là ăn thật no, ăn no để đủ sức tham gia hội nghị, nghe hiểu hết mọi điều về nói lại với nhân dân. Nào, xin mời! Rồi Bác cầm đũa gấp thức ăn vào bát cho từng người.

Có đồng chí nói: "Chao ôi! Bác thết chúng cháu nhiều món quá". Bác quay sang vui vẻ nói: "Tất cả đây đều là kết quả tăng gia sản xuất của tập thể cơ quan: gà và cá là Bác tự nuôi. Rau thì các cô các chú xem kia - Bác chỉ tay ra khoảng đất phía sau hội trường. Giữa tán cây cao, có

một khoảng nắng rộng, nhìn rõ các luống rau xanh và giàn bầu tươi tốt. Bác tiếp: Rau thơm, hành tỏi cũng không phải mua. Hôm nay chưa giết lợn, để Hội nghị thành công, rồi sẽ khao chung một bữa.

Mọi người mãi nghe Bác nói, không ai gấp thức ăn. Bác lại vỗ vĩa giục: "Nào tất cả ăn đi, ăn xong ta sẽ nói chuyện với nhau."

Có Bác cùng ăn, mọi người ăn rất ngon lành, vui vẻ. Trong bữa ăn, nhìn anh Ngô Gia Khảm có thương tật ở tay, cầm thìa xúc ăn thật vất vả, Bác rơm rớm nước mắt và cứ gấp cho anh đều. Thấy chị Chiên thích ăn cá, Bác hỏi:

- Quê cháu có nuôi cá không ?

- Thưa Bác, không nuôi ạ. Khi muốn ăn thì xách giỏ ra đồng, hoặc đánh bắt ở ao, hồ, sông.

- Ở đây, Bác và anh em trong cơ quan chỉ ngăn lại một quãng suối, vậy mà cá to thế đấy.

Bác vui vẻ hỏi chuyện mọi người. Bữa ăn hôm ấy thật ngon miệng, thoải mái và thân thiết.

Trung Kiên

*Trích trong cuốn "Bác Hồ với chiến sĩ",
NXB Quân đội nhân dân, H. 1994.*

84. QUYỀN LAO ĐỘNG CỦA BÁC

Ở Việt Bắc trong kháng chiến chống Pháp, Bác có việc phải đi giữa một ngày mưa rất to. Anh em cảnh vệ lo tìm ngựa để Bác đi cho đỡ mệt. Bác nói:

- Chúng ta có 7 người. Ngựa chỉ có một con, Bác đi sao tiện. Bác cháu phải cùng nhau đi bộ chứ. Thôi, đem trả ngựa cho dân.

Anh em nản nì mãi, Bác mới đồng ý cho dẫn ngựa theo để mang đỡ đồ đạc.

Ở khu an toàn, mặc dầu xa địch, nhưng mỗi lần chuyển địa điểm, ngoài việc làm lán trại, Bác cháu còn phải đào hầm, hố. Bác thường giúp đỡ các chiến sĩ bảo vệ vẽ mẫu hầm, cách cắm xèng, phá đất đá, nện "choòng"... Ngay trong mỗi nhà, mỗi lán Bác đều cho đào công sự để phòng máy bay tập kích bất ngờ, cây rừng đổ xuống. Cứ mỗi ngày Bác đào một ít, sau giờ làm việc vài ba buổi là xong. Ai muốn đến giúp, Bác ngăn lại, không đồng ý và nói :

- Đây là quyền lao động của Bác.

Hồng Dương

*Trích trong cuốn "Bác Hồ với chiến sĩ",
Tập 3, NXB Quân đội nhân dân, H. 1998.*

85. AI ĂN THÌ NGƯỜI ẤY TRẢ TIỀN

Năm 1954, hoà bình lập lại trên nửa nước. Đồng bào các địa phương có sản vật gì quý đều gửi một ít lên biểu Bác để giới thiệu thành tích tặng gia với Người.

Trong một bữa cơm, Bác thấy có món cà Nghệ, quả nhỏ, cùi dòn, ngâm mắm. Bữa ấy Bác ăn rất ngon. Hôm sau lại có món cà quê hương. Bác ăn hết vài ba quả. Thấy thế đồng chí anh nuôi lại dọn cà.

Bác hỏi:

- Cà muối mua hay ai cho thế?
- Thừa Bác, đồng bào Nghệ An đưa ra tặng Bác.
- Có nhiều không?
- Dạ, một ô tô ạ.

Bác chậm rãi nói:

- Thế này nhé. Cà Nghệ ăn rất ngon. Bác ăn mấy bữa liền là đủ rồi. Bây giờ ai muốn ăn nữa thì trả tiền cho đồng bào Nghệ An.

Đồng chí chiến sĩ anh nuôi lùi ra nói:

- Chết chưa! Đã bảo mà.

Bích Hạnh

*Trích trong cuốn "Bác Hồ với chiến sĩ",
tập 3, NXB Quân đội nhân dân, H. 1998.*

86. QUẢ TÁO BÁC HỒ CHO EM BÉ

Tháng 4 năm 1946, với danh nghĩa là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bác Hồ sang Pháp để đàm phán với chính phủ Pháp về những vấn đề có liên quan đến vận mệnh của đất nước. Ông Đốc Lý thành phố Pa-ri mở tiệc long trọng thết đãi Bác Hồ. Trước khi ra về, Người chọn lấy một quả táo đẹp trên bàn, bỏ vào túi. Mọi người, kể cả ông Đốc Lý đều kinh ngạc chú ý tới việc ấy, ngạc nhiên và không giấu được sự tò mò. Khi Bác Hồ bước ra khỏi phòng, rất đông bà con Việt kiều và cả người Pháp nữa đang đứng đón Bác. Bác chào mọi người. Khi Bác trông thấy một bà mẹ bế một cháu nhỏ có lách đăm đông lại gần, Bác liền giơ tay bế cháu bé và đưa cho cháu bé quả táo. Cử chỉ của Bác Hồ đã làm những người có mặt ở đó từ chỗ tò mò ngạc nhiên đến chỗ vui mừng và cảm phục về tấm lòng yêu trẻ của Bác.

Trích trong " **Bác Hồ với thiếu nhi và phụ nữ**",
Sđd, tr. 103.

87. MỪNG CHO CÁC CHÁU, BÁC CÀNG THƯƠNG NHỚ MẸ

Một lần trên đường đi thăm hợp tác xã trồng cây giỏi ở huyện Quảng Oai (Hà Tây) Bác Hồ đã nhắc đến mẹ Bác.

Hôm ấy khi xe ô tô đến Quảng Oai, một đoàn các em bé gái cổ quàng khăn đỏ, em mặc áo hoa xen em mặc áo trắng, tay cắp sách vừa ở trong trường ra, lúi rúi như chim sổ lồng. Nhìn thấy các cháu vui, Bác Hồ cũng vui theo. Người nói với chú Vũ Kỳ và các chú ngồi cùng xe:

- Này! các chú thấy không, các cháu được ăn mặc đẹp, được đi học, cháu nào cũng vui vẻ phấn khởi, Bác mừng cho các cháu.

Rồi giọng Bác bỗng trầm hẳn xuống.

- Lúc này Bác rất nhớ mẹ của Bác. Mẹ Bác rất thông minh, lại là con gái ông đồ nho. Thế mà mẹ Bác lại không được đến lớp, đến trường đâu các chú ạ. Cũng như phụ nữ ngày xưa, từ nhỏ mẹ Bác đã phải lo việc nhà.

Mọi người cùng đi không nén nổi cảm xúc trước tình cảm của Bác đối với mẹ Bác là cụ Hoàng Thị Loan.

(Theo lời kể của đồng chí Vũ Kỳ)

Trích trong "Bác Hồ với thiếu nhi và phụ nữ",
Sđd, tr. 104.

88. SO SÁNH

Sách "Sửa đổi lỗi làm việc" ký tên X.Y.Z của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết vào tháng 10/1947, được Nhà xuất bản Sự thật xuất bản lần đầu tiên vào năm 1948, lần thứ 7 vào năm 1959. Từ năm 1959 đến nay, sách chưa có điều kiện tái bản nữa.

Chương V của sách có tiêu đề "Cách lãnh đạo". Tiết 3 của chương này được Bác đặt tên "Học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng", trong bài có đoạn Bác nhấn mạnh rằng "Dân chúng đồng lòng việc gì cũng làm được", "Dân chúng không ủng hộ việc gì làm cũng không nên". Dân chúng sẽ không tin chúng ta nếu cán bộ không nhiệt thành, khiêm tốn, chịu khó học hỏi dân chúng, "Biết, họ không nói. Nói, họ cũng không nói hết lời".

Đề cập đến đặc điểm rõ nhất trong tư tưởng của dân chúng là họ hay "so sánh", Bác viết rất cụ thể: "Họ so sánh bây giờ và họ so sánh thời kỳ đã qua. Họ so sánh từng việc và họ so sánh toàn bộ. Do sự so sánh, họ thấy chỗ khác nhau, họ thấy mối mâu thuẫn. Rồi lại do đó, họ kết luận, họ đề ra cách giải quyết".

Trong khi viết bài của mình, Bác Hồ cho biết: "Dân chúng so sánh đúng, giải quyết đúng", là vì tai mắt họ nhiều, việc gì họ cũng nghe, cũng thấy.

Vì sự so sánh kỹ càng đó mà cách giải quyết của dân chúng bao giờ cũng gọn gàng, hợp lý, công bình", "Dân

chúng cũng do cách so sánh đó mà họ biết rõ ràng (cán bộ)...".

Bác còn dạy: "Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau", "Cố nhiên không phải dân chúng nói gì, ta cũng cứ nhắm mắt theo".

Và Bác Hồ dạy cán bộ cũng phải biết so sánh, "So đi sánh lại, sẽ lòi ra một ý kiến mà mọi người đều tán thành, hoặc số đông người tán thành", "thành một ý kiến đầy đủ, ý kiến đó tức là cái kích thước nó tỏ rõ sự phát triển trình độ của dân chúng trong nơi đó, trong lúc đó. Theo ý kiến đó mà làm, nhất định thành công".

"So đi sánh lại, phân tích rõ ràng là cách làm việc có khoa học". Cuối cùng Bác Hồ căn dặn và mong muốn "làm như thế mới tránh khỏi cái độc đoán, mới tránh khỏi sai lầm".

Cán bộ là "Trung tâm của vấn đề", rường cột của tổ chức, "cán bộ quyết định tất cả". Cần phải "so đi sánh lại" để chọn đúng cán bộ cần cho Đảng, cho quân đội. "Làm như thế, chính sách cán bộ, nhân dân sẽ nhất trí, mà Đảng ta sẽ phát triển rất mau chóng và vững vàng".

Đó là những dòng chữ kết luận cuối cùng của Bác Hồ trong bài viết năm 1947 ấy.

Theo cuốn "Nhớ lời Bác dạy",
Sđd, tr. 222.

89. ĐẠO ĐỨC NGƯỜI ĂN CƠM

Một chiến sĩ bảo vệ Bác - sau này được phong quân hàm cấp tướng - có lần nói rằng:

"Bác thường dạy quân dân ta "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư". Bác dạy phải làm gương trước. Bác dạy phải nêu cao đạo đức cách mạng. Có cán bộ nghĩ rằng "đạo đức" cách mạng là để áp dụng trong công tác thôi. Bản thân tôi, được gần Bác thấy ngay trong khi ăn cơm. Bác cũng đã dạy cho chúng tôi thế nào là "đạo đức".

Thứ nhất, Bác không bao giờ đòi hỏi là Chủ tịch nước phải được ăn thứ này, thứ kia. Kháng chiến gian khổ đã đành là Bác sống như một người bình thường, khi hoà bình lập lại có điều kiện Bác cũng không muốn coi mình là "vua" có gì ngon, lạ là "cồng, hiến".

Thứ hai, món ăn của Bác rất giản dị, toàn các món dân tộc, tương cà, cá kho.... thường là chỉ 3 món trong đó có bát canh, khá hơn là 4 - 5 món thôi...

Thứ ba, Bác thường bảo chúng tôi, ăn món gì cho hết món ấy, không đụng đĩa vào các món khác. Gắp thức ăn phải cho có ý. Cắt miếng bơ cũng phải cho vuông vức. Nhớ lần đi khu 4, đồng chí Bí thư và Chủ tịch Quảng Bình ăn cơm với Bác, trong mâm có một bát mắm Nghệ hơi nhiều. Bác dùng bữa xong trước, ngồi bên mâm cơm. Hai cán bộ tỉnh ăn tiếp rồi buông đũa. Bác nhìn bát mắm nói:

- Hai chú xẻ bát mắm ra, cho cơm thêm vào ăn cho hết.

Hai "quan đầu tỉnh" đành phải ăn tiếp vừa no, vừa mặn... Chiều hôm đó, hai đồng chí đưa Bác đi thăm bờ biển, trời nắng, ăn mặn nên khát nước quá.

Lần khác, một cán bộ ngoại giao cao cấp người Hà Tĩnh được ăn cơm với Bác, đã gấp mấy cọng rau muống cuối cùng vào bát tương ăn hết. Tưởng là đã "hoàn thành nhiệm vụ" nào ngờ Bác lại nói:

- Tương Nghệ đồng bào cho Bác, ngon lắm. Cháu cho thêm ít cơm vào bát "quẹt" cho hết....

Thứ tư, có món gì ngon không bao giờ Bác ăn một mình, Bác sẽ cho người này, người kia rồi sau cùng mới đến phần mình, thường là phần ít nhất. Ăn xong thu xếp bát đĩa gọn gàng, để đỡ vất vả cho người phục vụ.

Thứ năm, tôi có cảm giác là đôi khi ăn cơm có những giây phút Bác cảm đôi đũa, nâng bát cơm. Bác như tự lự về điều gì đó. Tưởng như Bác nghĩ đến đồng bào, cụ già, em bé đói rách ở đâu đâu. Tưởng như Bác nhớ lại những ngày lao động ở xứ người kiếm từng mẩu bánh để ăn, để uống, để làm cách mạng.... Hay là Bác lại nghĩ đến những lần tù đày không có gì ăn. Thật khó hiểu mà càng khó hiểu, tôi lại càng thương Bác quá, thương quá. Bây giờ vào những bữa tiệc cao lương, mỹ vị, rượu bia thức ăn bày la liệt, quái lạ tôi lại nhớ đến Bác rồi... có ăn cũng chẳng thấy ngon như khi xưa ngồi vào mâm cơm đạm bạc với Bác".

Trích trong cuốn: **"Tấm lòng của Bác",**

Sdd, tr. 107.

90. GƯƠNG MẪU TÔN TRỌNG LUẬT LỆ

Hàng ngày, Bác thường căn dặn anh em cảnh vệ chúng tôi phải luôn có ý thức tổ chức, kỷ luật, triệt để tôn trọng nội quy chung. Bác bảo: "Khi bàn bạc công việc gì, đã quyết nghị thì phải triệt để thi hành. Nếu đã tự đặt ra cho mình những việc phải làm thì cương quyết thực hiện cho bằng được".

Một hôm chúng tôi theo Bác đến thăm một ngôi chùa lịch sử. Hôm ấy là ngày lễ, các vị sư, khách nước ngoài và nhân dân đi lễ, tham quan chùa rất đông. Bác vừa vào chùa, vị sư cả liền ra đón Bác và khấn khoản xin Người đừng cỡi dép, nhưng Bác không đồng ý. Đến thềm chùa, Bác dừng lại để dép ở ngoài như mọi người, xong mới bước vào và giữ đúng mọi nghi thức như người dân đến lễ.

Trên đường từ chùa về nhà, xe đang bon bon, bỗng đèn đỏ ở một ngã tư bật lên. Đường phố đang lúc đông người. Xe của Bác như các xe khác đều dừng lại cả. Chúng tôi lo lắng nhìn nhau. Nếu nhân dân trông thấy Bác, họ sẽ ủa ra ngã tư này thì chúng tôi không biết làm thế nào được. Nghĩ vậy, chúng tôi bàn cử một đồng chí cảnh vệ chạy đến bực yêu cầu công an giao cảnh bật đèn xanh mở đường cho xe Bác. Nhưng Bác đã hiểu ý, Người ngăn lại rồi bảo chúng tôi:

- Các chú không được làm như thế. Phải gương mẫu

tôn trọng luật lệ giao thông, không nên bắt người khác nhường quyền ưu tiên cho mình.

Chúng tôi vừa ân hận, vừa xúc động, hồi hộp chờ người công an giao cảnh bật đèn xanh để xe qua...

Theo Phan Văn Xoàn, Hoàng Hữu Kháng, Hồng Nam.

Trích trong cuốn: "Những năm tháng bên Bác"

NXB Công an nhân dân, H. 1985.

91. NƯỚC NÓNG NƯỚC NGUỘI

Buổi đầu kháng chiến chống Pháp, có một đồng chí cán bộ trung đoàn thường hay quát mắng, đôi khi còn bộp tai chiến sỹ. Đồng chí này đã từng là giao thông, bảo vệ Bác đi ra nước ngoài trước Cách mạng Tháng Tám.

Được tin nhân dân “dư luận” về đồng chí này, một hôm, Bác cho gọi lên Việt Bắc. Bác dặn trạm đón tiếp khu ATK, dù có đến sớm, cũng giữa trưa mới cho đồng chí ấy vào gặp Bác.

Trời mùa hè, nắng chang chang, đi bộ đúng ngọ “đồng chí Trung đoàn” vã cả mồ hôi, người như bốc lửa.

Đến nơi, Bác đã chờ sẵn. Trên bàn đã đặt hai cốc nước, một cốc nước sôi có ý chừng vừa như mới rót, bốc hơi nghi ngút, còn cốc kia là nước lạnh.

Sau khi chào hỏi xong, Bác chỉ vào cốc nước nóng nói:

- Chú uống đi.

Đồng chí cán bộ kêu lên:

- Trời! Nắng thế này mà Bác lại cho nước nóng làm sao cháu uống được.

Bác mỉm cười:

- À ra thế. Thế chú thích uống nước nguội, mát không?

- Dạ có ạ.

Bác nghiêm nét mặt nói:

- Nước nóng, cả chú và tôi đều không uống được. Khi chú nóng, cả chiến sĩ của chú và cả tôi cũng không tiếp thu được. Hoà nhã, điềm đạm cũng như cốc nước nguội để uống, dễ tiếp thu hơn.

Hiểu ý Bác giáo dục, đồng chí cán bộ nhận lỗi, hứa sẽ sửa chữa...

*Theo Nguyễn Việt Hồng,
Sdd, tr. 125.*

92. CHÚ NGÃ CÓ ĐAU KHÔNG?

Vào đầu năm 1954, tiết trời đã sang xuân, nhưng ở Việt Bắc vẫn còn rét. Gió bắc thổi mạnh, mưa phùn lâm râm gây nên cái lạnh buốt, Bác vẫn làm việc rất khuya. Bác khoác chiếc áo bông đã cũ, miệng ngâm điếu thuốc lá thỉnh thoảng lại hồng lên, tiếng máy chữ lách tách, lách tách đều đều...

Trời lạnh, nhưng được đứng gác bên Bác, tôi thấy lòng mình như được sưởi ấm lên. Tôi nhẹ bước chân đi vòng quanh lán. Một lần vừa đi, vừa nghĩ, tôi bị thụt chân xuống một cái hố tránh máy bay. Tôi đang tìm cách để lên khỏi hố, chợt nghe có tiếng bước chân đi về phía mình. Có tiếng hỏi:

- Chú nào ngã đấy?

Chưa kịp nhận ra ai, thì tôi đã thấy hai tay Bác luồn vào hai nách, chòm râu của Bác chạm vào má tôi. Tôi cố trấn tĩnh lại để nói một lời thì giật mình khi thấy Bác không khoác áo bông, Bác đi tất, một chân có guốc, một chân không, nước mắt tôi trào ra. Vừa kéo, Bác vừa hỏi:

- Chú ngã có đau không?

Bác sờ khắp người tôi, nắn chân, nắn tay tôi. Rồi Bác nói:

- Chú ngã thế đau lắm. Chú cứ ngồi xuống đây bóp chân cho đỡ đau. Ngồi xuống! Ngồi xuống!

Tôi bàng hoàng cả người, không tin ở tai mình nữa.

Có thật là Bác nói như vậy không! Bác ơi! Bác thương chúng cháu quá!

Tôi trả lời Bác:

- Thưa Bác, cháu không việc gì ạ. Rồi tôi cố gắng bước đi để Bác yên lòng.

Bác cười hiền hậu và căn dặn: “Bất cứ làm việc gì chú cũng phải cẩn thận”. Rồi Bác quay vào.

Tôi đứng nhìn theo Bác cho đến lúc lại nghe tiếng máy chữ của Bác kêu lên lách tách, đều đều trên nhà sàn giữa đêm Việt Bắc.

ND (theo lời kể của Ngô Văn Núi)

Trích trong **"Bác Hồ, con người và phong cách"**,
tập 2, NXB Lao động, H. 1993.

93. ĂN NO RỒI HÃY ĐẾN LÀM VIỆC

Anh em, bạn bè, họ hàng lâu ngày gặp nhau, cùng uống một chén rượu, ăn với nhau một bữa cơm cũng là việc thường tình. Cái chính là ở tấm lòng trung thực, tình nghĩa, kính trọng, yêu thương nhau chứ không nên “khách một khứa mười” tranh thủ chỉ tiêu “tiền chùa” xả láng. Khách không nên vì cương vị “gọi ý” khéo để chủ nhà “nghênh tiếp”.

Anh em ở gần Bác cho biết, dù trong kháng chiến ở Việt Bắc, hay khi đã về Hà Nội, kể cả trong những năm chống Mỹ, cứu nước, hề đi công tác xa, gần, là nhất định Bác “bắt” mang cơm đi theo. Khi cơm nắm, độn cả ngô, mì. Khi là bánh mì với thức ăn nguội. Chỉ có canh là cho vào phích để đến bữa, Bác dùng cho nóng.

Nhớ lần về thăm tỉnh Thái Bình, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cổ nài Bác ở lại ăn cơm. Bác nói: “Đi thăm tỉnh lỵ còn ăn uống nổi gì”. Nói xong, Bác lại thương cán bộ vì đã có cơm sẵn. Bác gọi đồng chí cảnh vệ đưa cơm nắm thức ăn mặn của Bác đến và bảo:

- Mời đồng chí Bí thư và Chủ tịch đến ăn cơm với Bác. Còn chú và bác sĩ sang mâm kia ăn cơm với cán bộ tỉnh.

Thường là đi công tác, đến bữa, Bác cho dừng xe, chọn nơi vắng, mát, sạch, Bác, cháu mang cơm ra ăn. Làm việc xong, Bác chọn giờ ra về để kịp ăn cơm “ở nhà”. Nếu không, lại có cơm nấu bữa thứ hai mang theo.

Chỉ khi nào ở đâu, công tác lâu Bác mới chịu “ăn” cơm ở địa phương. Bao giờ Bác cũng dặn “chủ nhà”:

- Đoàn Bác đi có từng này người. Nếu được, chỉ ăn từng này, từng này...

Dù không nghe lời Bác, chủ nhà dọn “cỗ” ra, Bác cũng có cách riêng của Bác. Bác nói với anh em:

- Bác cháu ta chỉ ăn hết món này, món này thôi. Còn món này để nguyên.

Nhà chủ thiết tha mời Bác dùng thử món “cây nhà lá vườn”, Bác cũng chỉ gắp vào bát anh em và bát mình mỗi người một miếng rồi lại xếp ngay ngắn đĩa thức ăn ấy, kiên quyết để ra ngoài mâm, người ngoài nhìn vào thấy đĩa thức ăn vẫn như nguyên vẹn. Bác nói với cán bộ:

- Người ta dọn ra một bữa sang, Bác cháu mình có khi cũng chẳng ăn đâu, chẳng ăn hết. Nhưng đi rồi để lại cái tiếng: Đây, Bác Hồ đến thăm cũng làm cơm thế này, thế nọ, cũng điều động người này, người nọ từ giao tế sang, mất thời gian. Thế là, tự mình, Bác lại bao che cho cái chuyện xôi, thịt... Cứ ăn no rồi đến làm việc.

Nguyễn Việt Hồng

Trích trong "**Bác Hồ, con người và phong cách**",

NXB Lao động, H. 1993, T. 4.

94. TÂM LÒNG BÁC HỒ VỚI CHIẾN SĨ

Đối với chiến sĩ là những người hy sinh nhiều nhất cho dân tộc, Bác Hồ thường dành cho anh em sự chăm lo, săn sóc ân tình, chu đáo nhất.

Mùa đông, thương anh em chiến sĩ rét mướt ở rừng núi hay bung biển, Bác đem tấm áo lụa của mình được đồng bào tặng, bán đấu giá để lấy tiền mua áo ấm gửi cho các chiến sĩ.

Bác thường nói: “Chiến sĩ còn đói khổ, tôi ăn ngon sao được!”, “Chiến sĩ còn rách rưới, mình mặc thế này cũng là đầy đủ lắm rồi!”.

Mùa hè năm ấy (1967), trời Hà Nội rất nóng. Sức khỏe Bác Hồ đã kém, thần kinh tuổi già cũng suy nhược, dễ bị toát mồ hôi, ướt đẫm, có ngày phải thay mấy lần quần áo, có khi hong tại chỗ, rồi lại thay ngay. Bác không cho dùng máy điều hòa nhiệt độ. Bác bảo: mùi nó hôi lắm, Bác không chịu được ! (Bác không dùng nên nói vậy thôi, chứ máy đã có nút xả thơm).

Thấy trời oi bức quá, Bác nói với đồng chí Vũ Kỳ:

- Nắng nóng thế này, các chú bộ đội trực phòng không trên nóc hội trường Ba Đình thì chịu sao được? Các chú ấy có đủ nước uống không? Chú thử lên tìm hiểu xem thế nào, về cho Bác biết.

Đồng chí Vũ Kỳ lên, được biết trên đó có một tổ súng máy 14 ly 5. Ụ cát sơ sài, nếu địch bắn vào thì chỉ có hy sinh, rất nguy hiểm.

Trời nắng chói, đứng một lúc mà hoa cả mắt. Đồng chí Vũ Kỳ hỏi:

- Các đồng chí có nước ngọt uống không?
- Nước chè thường còn chưa có, lấy đâu ra nước ngọt!
- Dưới hội trường thấy có nước ngọt cơ mà!
- Đây là dành cho các “ông bà” đến họp mới được uống, còn bọn tôi lấy đâu ra!

Đồng chí Vũ Kỳ về nói lại với Bác, Bác gọi điện ngay cho đồng chí Văn Tiến Dũng:

- Sao các chú không lo đủ nước uống cho các chiến sĩ trực phòng không? Nghe nói ụ súng trên nóc hội trường Ba Đình rất sơ sài, chú phải lo sửa ngay để đảm bảo an toàn cho chiến sĩ trong chiến đấu!

Sau đó Bác bảo đồng chí Vũ Kỳ đi lấy sổ tiết kiệm của Bác, xem tiền tiết kiệm của Bác còn bao nhiêu.

Tại sao Bác có tiền tiết kiệm? Lương Bác cao nhất nước, nhưng hàng tháng cũng chỉ đủ tiêu. Mọi chi phí cho sinh hoạt của Bác, từ cái chổi lông gà, đều ghi vào lương cả.

Tiền tiết kiệm của Bác là do các báo trả nhuận bút cho Bác. Bác viết báo nhiều, có năm hàng trăm bài. Các báo gửi đến bao nhiêu, văn phòng đều gửi vào sổ tiết kiệm của Bác. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác cũng đã có tiền tiết kiệm. Đến dịp tết Nguyên đán, Bác lại đem chia cho cán bộ các cơ quan chung quanh Bác, mua lợn để đón xuân.

Đồng chí Vũ Kỳ xem sổ và báo cáo:

- Thừa Bác, còn lại tất cả hơn 25.000 đồng (lúc đó là một món tiền rất lớn, tương đương với khoảng 60 lạng vàng).

Bác bảo:

- Chú chuyển ngay số tiền đó cho Bộ Tổng tham mưu và nói: đó là quà của Bác tặng để mua nước ngọt cho anh em chiến sĩ trực phòng không uống, không phải chỉ cho những chiến sĩ ở Ba Đình, mà cho tất cả các chiến sĩ đang trực chiến trên mâm pháo ở khắp miền Bắc. Nếu số tiền đó không đủ thì yêu cầu địa phương nào có bộ đội phòng không trực chiến góp sức vào cùng lo!

Về sau, Bộ Tư lệnh Phòng không Không quân báo cáo lại cho Văn phòng Phủ Chủ tịch biết: số tiền của Bác đủ mua nước uống cho bộ đội phòng không, không quân được một tuần!

Trần Đức Hiếu (theo lời kể của đồng chí Vũ Kỳ)
Trích trong "**Bác Hồ, con người và phong cách**",
NXB Lao động, H. 1993, T. 1.

95. CHÚ ĐỀ BÁC THUYẾT MINH CHO

Khi còn hoạt động ở chiến khu Việt Bắc, Bác thường xem phim cùng các đồng chí phục vụ trong cơ quan. Đó là những giờ phút, Bác cháu thoải mái sau hàng tuần, hàng tháng làm việc trong hoàn cảnh thiếu thốn, căng thẳng.

Một lần, máy chiếu phim đã chạy đều đều, trên màn ảnh diễn ra những cảnh nối tiếp nhau, tiếng đối thoại của các nhân vật sôi nổi..., nhưng người xem không ai hiểu gì cả, vì đó là phim nước ngoài mà không có thuyết minh.

Như biết rõ yêu cầu mọi người, Bác hỏi đồng chí phụ trách chiếu phim:

- Sao chú không thuyết minh cho mọi người nghe?

Đồng chí phụ trách thưa với Bác là phim mới nhập về, không có bản thuyết minh kèm. Nhưng vì thực hiện lịch chiếu phim do cơ quan quy định nên cứ thực hiện chương trình...

Với nụ cười đôn hậu, Bác nói:

- Chú đề Bác thuyết minh cho...

Bác cầm micrô, tóm tắt đoạn phim vừa chiếu và trực tiếp thuyết minh hết bộ phim. Mọi người càng thêm mến phục Bác.

Hoà bình lập lại, cơ quan của Bác chuyển về Hà Nội. Lịch chiếu phim trong cơ quan Bác vẫn được duy trì.

Thường vào tối thứ 7, tại phòng lớn ngôi nhà Phủ Chủ tịch có chương trình chiếu phim.

Tối ấy, nghe có phim hay, người xem khá đông.

Đúng giờ, Bác tới. Người ra hiệu cho mọi người ngừng vỗ tay rồi nhanh nhẹn ngồi vào ghế. Một số cháu nhỏ tíu tít ngồi quanh Bác.

Buổi chiếu phim: "*Hoàng tử Cóc*" bắt đầu. Mọi người trật tự theo dõi phim. Song lần này, đồng chí thuyết minh chưa xem trước, nên nhiều đoạn lời thuyết minh và hình ảnh không ăn nhập với nhau. Người xem khó theo dõi. Có người xì xào, phản nản... Nhiều người quay lại chỗ đặt máy chiếu có ý chờ đợi...

Hiểu rõ hoàn cảnh, Bác bảo đồng chí thuyết minh:

- Chú thuyết minh như vậy làm mất cả cái hay của bộ phim. Chú để Bác thuyết minh cho.

Nói rồi, Bác cầm micrô chăm chú theo dõi hình ảnh, lắng nghe đối thoại và thuyết minh trực tiếp bộ phim Pháp này. Mọi người chăm chú theo dõi. Có lúc Bác giải thích thêm. Lời thuyết minh rõ ràng, ngắn gọn. Giọng Bác âm áp gợi cảm... Người xem hướng cả lên màn ảnh.

Cảnh cung điện huy hoàng của nhà vua... Hoàng tử bắn cung để chọn vợ. Mũi tên trúng một con Cóc. Cóc nói tiếng người. Nàng Cóc yêu cầu hoàng tử đưa mình về Cung.

Hoàng tử buồn bã vì phải sống chung với nàng Cóc. Song có điều lạ là, từ khi chung phòng với nàng Cóc,

hoàng tử được ăn những bữa ăn ngon hơn yến tiệc trước đây, nhà cửa luôn luôn ngăn nắp sạch, đẹp. Hoàng tử bí mật theo dõi. Cuối cùng, nàng Cóc hiện nguyên hình là một cô gái đẹp, duyên dáng. Từ đó, hai người sống cuộc đời hạnh phúc...

Phim kết thúc. Như thường lệ, mọi người hướng về Bác chờ đợi một lời, một ý của Bác, Bác hỏi mọi người:

- Phim có hay không?

- Dạ, hay lắm ạ! Mọi người đồng thanh trả lời.

Bác lại hỏi:

- Hay vì sao? Và không đợi câu trả lời, Bác giải thích luôn:

- Hay vì có nội dung tốt. Câu chuyện răn mọi người muốn có lứa đôi hạnh phúc, thì đừng quá lệ thuộc vào hình thức bên ngoài; cần phải có cái đẹp bên trong, cái đẹp bản chất, về phẩm giá con người. Các tài tử đóng khéo, màu sắc đẹp, tình tiết hấp dẫn...

Người xem hôm ấy hiểu thêm về nội dung phim, về Bác. Làm việc gì Bác cũng muốn đem lại điều bổ ích cho mọi người, phục vụ mọi người...

Nguyễn Lê

Trích trong "**Bác Hồ, con người và phong cách**",
NXB Lao động, H. 1993, T. 3.

96. CHÚ LÀM NHƯ THẾ LÀ KHÔNG ĐƯỢC

Vào khoảng năm 1947 bác sĩ Chánh được giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe Bác Hồ. Lần đầu tiên đến gặp Bác, bác sĩ thấy Bác đang nằm trên võng ở cửa đình Hồng Thái. Thấy bác sĩ đến, Bác ngồi dậy hỏi:

- Chú đi đâu đấy ?

- Thưa Bác, cháu là bác sĩ được phân công sang phục vụ Bác.

- Bác không ốm đâu. Chú xuống văn phòng, chỗ chú Phan Mỹ mà ở và chăm sóc sức khỏe cho các chú ở dưới đó...

Ngày kháng chiến ở với Bác, đồng chí Chánh thấy Bác ít bị ốm đau. Lần Bác bị sốt rét, Bác gọi mời bác sĩ Chánh lên thăm bệnh cho Bác. Khi thấy Bác bị sốt cao, bác sĩ đang tính xem nên dùng thuốc gì thì Bác đã bảo:

- Bác "ra lệnh" cho chú chữa hai hôm là phải hết sốt. Bác sĩ Chánh lo quá. Bác sốt cao như thế chữa hai ngày thì khỏi hẳn làm sao được. Sau khi bác sĩ tiêm cho Bác, cơn sốt hạ dần... Bác cười nói:

- Đấy, chú xem, Bác "ra lệnh" chữa hai ngày phải khỏi thế mà đúng như thế đấy !

Một lần, nghe tin vợ bác sĩ đến công tác ở vùng gần đấy. Bác cử bác sĩ đi công tác đến vùng vợ bác sĩ đang làm việc, có ý cho 2 vợ chồng gặp nhau. Vì thời gian gấp, xong công việc bác sĩ về ngay, không ghé vào thăm vợ.

Khi về tới cơ quan, bác sĩ Chánh gặp Bác, chưa kịp báo cáo công việc thì Bác đã hỏi ngay:

- Thím ấy có khỏe không ?

Khi biết bác sĩ Chánh không gặp được vợ, Bác tỏ ý không vui, Người nói:

" Bác cử chú đi công tác là để cho cô chú gặp nhau. Đã tới đó mà không vào thăm và động viên thím ấy, chú làm như thế là không được !".

Minh Hiền (sưu tầm)

Trích trong: "Bác Hồ với chiến sỹ", Sdd, tr. 136.

97. ĐỀ BÁC QUẠT

Năm ấy, Bác đến thăm trại điều dưỡng thương binh ở Hà Nội.

Tin Bác đến nhanh chóng lan ra khắp trại. Anh chị em thương binh ai cũng muốn len vào gần Bác, quên cả nặng phải dùng để đi.

Đang lúc Bác thăm hỏi sức khoẻ thương binh bỗng một đồng chí hồng mắt nhờ một y tá dẫn đến xin đứng bên Bác. Đồng chí Ninh đi với Bác định bước lại đỡ đồng chí ấy, nhưng Bác đã đi tới, giơ hai tay ra đón. Đồng chí thương binh ôm chầm lấy Bác nghẹn ngào "Bác ơi!" Bác lặng đi giây lát rồi mới tiếp tục câu chuyện thăm hỏi.

Bác đến từng giường anh chị em đau nặng hỏi thăm bệnh tật đã đỡ chưa, mỗi bữa ăn được bao nhiêu bát cơm.

Hôm ấy, trời nóng bức, Bác lấy cái quạt giấy vẫn dùng, quạt cho các thương binh. Có người định làm thay, Bác nói:

- Đề Bác quạt.

Hôm ấy, lúc ra về Bác không vui.

Và có lẽ vì thế mà khi cơ quan định lắp máy điều hoà nhiệt độ nơi Bác ở, Bác bảo đem ra cho các đồng chí thương binh.

Nguyễn Dung

*Trích trong : "Bác Hồ với chiến sỹ",
NXB Quân đội nhân dân, H. 1998, T. 3.*

98. BÁC HỒ VỚI CHIẾN SĨ NGƯỜI DÂN TỘC

Bác của chúng ta yêu quý mọi chiến sĩ. Đối với các chiến sĩ giỏi, chiến sĩ người dân tộc, Bác còn chăm sóc hơn vì đây là những người làm cách mạng khó khăn hơn chiến sĩ trai, chiến sĩ người Kinh nhiều.

Anh hùng La Văn Cầu, dân tộc Tày mãi mãi không quên bữa cơm của Bác "đãi" với rau, thịt gà... những "sản phẩm" do chính Bác nuôi, trồng. Bác hỏi thăm mẹ Cầu, gửi quà cho mẹ, dặn cán bộ tạo mọi điều kiện để Cầu về thăm mẹ, giúp đỡ gia đình.

Nhiều chiến sĩ người dân tộc đã lấy họ Hồ cho mình như Hồ Vai, Hồ Can Lịch, Hồ Văn Bột...

Mùa thu năm 1964, chị Choáng Kring Thêm - chiến sĩ người dân tộc Cà Tu, tham gia đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam được ra miền Bắc, gặp Bác Hồ. Chị Thêm kể:

"Đoàn chúng tôi vừa bước xuống xe thì đã thấy Bác đứng chờ ngay ngoài sân.

Bác ôm hôn thăm thiết các thành viên trong đoàn. Chúng tôi theo Bác đến đây bàn tiếp khách kê ngay ngoài vườn đầy hoa và nắng. Thấy tôi mặc bộ quần áo dân tộc, Bác nói:

- Cháu đúng là con gái dân tộc Cà Tu giữ được tính chất của dân tộc mình.

Chị Ngân, chị Cao gặp Bác, mừng quá khóc lên. Bác dịu dàng bảo:

- Các cháu gái đừng khóc. Gặp Bác phải vui chứ. Hai cháu hãy kể cho Bác nghe bà con ta ở tiền tuyến đánh Mỹ như thế nào?

Tôi thưa:

- Thưa Bác, cháu thương, cháu nhớ Bác. Tất cả đồng bào dân tộc miền Nam đều thương nhớ Bác.

Sau đó tôi kể Bác nghe một số chuyện chiến đấu của mẹ Giôn, anh Bên, em Thơ...

Bác nói:

- Cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam ta là toàn dân, toàn diện. Trẻ, già, gái, trai, Kinh, Cà Tu, Cà Tang và đồng bào các dân tộc khác đều sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi".

Tôi hiểu đó là Bác dành tình thương mệnh mông của Bác cho tất cả chúng ta.

Trích trong cuốn: **"Tấm lòng của Bác"**,
Sdd, tr. 138.

99. TÂM LÒNG CỦA BÁC VỚI THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ

Ngày 10 tháng 3 năm 1946 báo Cứu quốc đăng thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Nam Bộ. Trong thư có đoạn Người viết: "Tôi xin kính cúi chào vong linh các anh chị em đã bỏ thân vì nước và các đồng bào đã hy sinh trong cuộc đấu tranh cho nước nhà. Sự hy sinh đó không phải là uổng".

Tiếp sau đó, trong Thư gửi đồng bào miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại viết: "Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sĩ và đồng bào Việt Nam đã vì Tổ quốc mà hy sinh anh dũng".

Hơn nửa tháng sau khi đi Pháp về, ngày 7 tháng 11 năm 1946, Người đã đến dự lễ "Mùa đông binh sĩ" do Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam tổ chức tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội, vận động đồng bào ở hậu phương đóng góp tiền của để may áo trấn thủ cho chiến sĩ, thương binh, bệnh binh.

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp đã thu hút nhiều thanh niên nam nữ tham gia quân đội. Một số chiến sĩ đã hy sinh anh dũng, một số nữa là thương binh, bệnh binh, đời sống gặp nhiều khó khăn, mặc dầu anh chị em tình nguyện chịu đựng không kêu ca, phàn nàn.

Trước tình hình ấy, tháng 6 năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Chính phủ chọn một ngày nào đó trong

năm làm "Ngày Thương binh" để đồng bào ta có dịp tỏ lòng hiếu nghĩa, yêu mến thương binh. Có lẽ - trừ những ngày kỷ niệm quốc tế - "Ngày Thương binh" là ngày kỷ niệm trong nước đầu tiên được tổ chức.

Hưởng ứng và đáp lại tấm lòng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một hội nghị trù bị đã khai mạc tại xã Phú Minh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên gồm có một số đại biểu ở Trung ương, khu và tỉnh. Hội nghị nhất trí lấy ngày 27 tháng 7 hàng năm là Ngày Thương binh Liệt sĩ và tổ chức ngay lần đầu trong năm 1947.

Báo *Vệ quốc quân* số 11, ra ngày 27 tháng 7 năm 1947 đã đăng thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Thường trực Ban tổ chức "Ngày Thương binh toàn quốc". Đầu thư Người viết: "Đang khi Tổ quốc lâm nguy, giang sơn, sự nghiệp, mồ mả, đền chùa, nhà thờ của tổ tiên ta bị uy hiếp. Cha mẹ, anh em, vợ con, ao vườn, làng mạc ta bị nguy ngập. Ai là người xung phong trước hết để chống cự quân thù? Đó là những chiến sĩ mà nay một số đã thành ra thương binh".

Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích: "thương binh là người đã hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào. Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào mà các đồng chí đó chịu ốm yếu, què quặt. Vì vậy, Tổ quốc và đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy".

Cuối thư, Người vận động đồng bào nhường cơm sẻ áo, giúp đỡ thương binh. Bản thân Người đã xung phong góp chiếc áo lụa, một tháng lương và tiền ăn một bữa của

Người và của tất cả các nhân viên của Phủ Chủ tịch, tổng cộng là một ngàn một trăm hai mươi bảy đồng (1.127 đồng) để tặng thương binh.

Năm sau, ngày 27 tháng 7 năm 1948, trong một thư dài đầy tình thương yêu, Bác nói: "Nạn ngoại xâm như trận lụt to đe dọa tràn ngập cả non sông Tổ quốc, đe dọa cuốn trôi cả tính mệnh, tài sản, chìm đắm cả bố mẹ, vợ con, dân ta. Trong cơn nguy hiểm ấy, số đông thanh niên yêu quý của nước ta quyết đem xương máu của họ đắp thành một bức tường đồng, một con đê vững để ngăn cản nạn ngoại xâm tràn ngập Tổ quốc, làm hại đồng bào".

Người xót xa viết: "Họ quyết liều chết chống địch, để cho Tổ quốc và đồng bào sống. Ngày nay, bố mẹ họ mất một người con yêu quý. Vợ trẻ trở nên bà goá. Con đại trở nên mồ côi. Trên bàn thờ gia đình thêm một linh bài tử sĩ. Tay chân tàn phế của thương binh sẽ không mọc lại được. Và những tử sĩ sẽ không thể tái sinh".

Trích trong cuốn **"Tấm lòng của Bác"**

NXB Công an nhân dân, H. 2005.

100. TÂM LÒNG CỦA BÁC

Trong những ngày ra thăm miền Bắc, đoàn anh hùng, dũng sĩ miền Nam được Bác chăm lo, ân cần như cha đối với con. Bác bảo tôi (vì tôi được phụ trách theo dõi sức khoẻ và đời sống của đoàn):

- Cô Bi¹ phải chăm sóc các cô, các chú ấy thật tốt, đừng để các cô các chú ấy ốm.

Một bữa, đồng chí Huỳnh Văn Đảnh bị sốt rét, Bác biết được, gọi tôi lên hỏi:

- Chú Đảnh bị sốt ra sao?

Tôi báo cáo tình hình của đồng chí Đảnh cho Bác. Bác nhắc:

- Cô phải cho các cô, các chú ấy ăn uống đầy đủ, chú ý các món ăn của địa phương để các cô, các chú ấy ăn được nhiều, sức khỏe mới tốt.

Một hôm khác, Bác chỉ vào Trần Dương và hỏi tôi:

- Cô Bi, tại sao chú Dương hơi gầy?

Bác nghe anh hùng Vai kể chuyện quê hương miền núi nghèo khổ của mình. Bác cảm động nói:

Thống nhất Bác vô Nam, thế nào cũng về thăm quê hương cháu Vai.

Trong những ngày sống bên Bác, tôi càng thấm thía

¹ Anh hùng quân đội Hồ Thị Bi

hơn tình cảm của Bác đối với đồng bào miền Nam. Chị Tạ Thị Kiều nói với tôi:

- Càng được gần Bác, càng thấy Bác thương yêu dân miền Nam ta quá chị à.

Nói xong, hai chị em lại khóc vì sung sướng và cảm động trước tấm lòng của Bác Hồ.

Hiền Minh

(Theo lời kể của đồng chí Hồ Thị Bi)

Trích trong cuốn **"Bác Hồ với chiến sỹ"**,

NXB Quân đội nhân dân, H. 1994

101. BÁC HỒ TẮM CHO TRẺ Ở VIỆT BẮC

Hơn một năm xa Tổ quốc, trải qua ngót ba chục nhà tù của Tưởng Giới Thạch gần khắp Quảng Tây, Bác Hồ trở về Pác Bó cuối năm 1944.

Nhìn thấy việc giữ vệ sinh nước ăn và nơi ở chưa được dân ở đây chú ý, Bác bảo chúng tôi cùng Bác bắt tay dọn dẹp. Một buổi sáng Bác bảo các cháu xếp hàng đi ra phía khe nước.

Người tự tay cởi quần áo cho các cháu bé, lần lượt tắm rửa, kỳ cọ cho từng cháu. Chúng vừa tắm, vừa đùa, bắn cả nước vào mặt Bác.

Trong số bọn trẻ được Bác tắm cho hôm đó có cháu Thân (con trai tôi) chốc đầu, tóc dính bết. Tắm gội xong, Bác còn làm thuốc dịt cho. Thuốc xót, thấy cháu kêu, Bác Hồ dễ dàng ngọt ngào:

- Không sao, chỉ một lát là hết xót ngay thôi cháu ạ.

Rồi Bác nói với đám thanh niên chúng tôi đứng quanh đó:

- Các cô, các chú, vợ chồng còn trẻ phải giữ gìn quanh năm sạch sẽ cho con cái, bệnh ghẻ lây nhanh lắm đấy, thật khổ cho cháu tôi.

Chúng tôi im lặng, cảm động. Trông thấy mấy cháu mặc quần áo bẩn và rách, Bác không vui:

Các cháu này con cô chú nào đây. Lấy áo sạch thay

cho tré, còn mang quần áo bẩn đi giặt, chỗ nào rách thì khâu lại.

Bà cố tôi gần một trăm tuổi, nghe vậy xuýt xoa thần phục, nói:

- Ông già này là con người quý giá lắm đấy.

Rồi bà cố bảo bố tôi bung một bát cháo có đánh trứng gà lại mời Bác Hồ. Bác tỏ vẻ không bằng lòng:

- Các đồng chí làm cách mạng, tôi cũng làm cách mạng, tại sao tôi được ăn đặc biệt hơn các đồng chí?

Và Người đứng dậy bê bát cháo trứng gà mời cố tôi ăn và nói:

- Đây mới là người cần được đặc biệt bồi dưỡng. Bà đã sống gần trăm tuổi rồi, khổ cực nhiều nhiều, cần ăn cho khoẻ để sống đến ngày đất nước độc lập, vui hưởng thái bình.

Trích trong: **"Bác Hồ với thiếu nhi và phụ nữ"**,
NXB Hội nhà văn, H. 2002.

102. BÁC HỒ QUAN TÂM ĐẾN NỮ PHÓNG VIÊN

Trong Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ ba, tôi là phóng viên báo Phụ nữ Việt Nam được vào Phủ Chủ tịch chụp ảnh, đưa tin và viết về cuộc gặp gỡ giữa Bác Hồ với các đại biểu phụ nữ trong và ngoài nước.

Đại biểu tỉnh nào cũng muốn chụp ảnh chung với Bác, nhưng Bác giành ưu tiên cho các đại biểu miền núi và đại biểu quốc tế. Vừa lúc Bác đang cầm thuốc chưa kịp hút thì các chị đại biểu dân tộc vừa tập hợp nhau, quần áo đủ màu sắc xin chụp ảnh chung với Bác.

Tôi sung sướng được bấm một “ Pô” ảnh chụp Bác đang đứng nói chuyện với các chị.

Riêng phần mình, tôi vẫn thầm mong được chụp một ảnh chân dung Bác đứng một mình.

Các chị em đại biểu ra về, tôi tần ngần mãi giữa vườn cây. Tiễn đoàn đại biểu cuối cùng xong, Bác quay gót lại, bước chân lên mấy bậc cầu thang trước Phủ Chủ tịch.

Tôi vội gơ chiếc máy ảnh Pralike, nhưng chưa kịp bấm thì Bác đã bước nhanh lên thềm. Tôi đang loay hoay với chiếc máy ảnh chưa nghĩ ra cách nào để chụp được ảnh Bác, thì Bác trông thấy, Bác hiểu ý, mỉm cười đứng lại, trong vài giây kịp cho tôi bấm “tách”.

Nguyệt Tú

Trích trong: **"Bác Hồ với thiếu nhi và phụ nữ",**
Sđd, tr. 146.

103. TÌNH THƯƠNG YÊU BAO LA*

Đoàn chuyên gia y tế Cộng hoà Dân chủ Đức chúng tôi sang tới thủ đô Hà Nội vào ngày 2 tháng 2 năm 1956, sau một thời gian ngót ba tuần đáp tàu liên vận quốc tế từ thành phố Béc-lin. Chúng tôi cả thấy gồm 35 người, do Giáo sư Tiến sĩ Kiểc-sơ, nhà giải phẫu xuất sắc làm trưởng đoàn. Tất cả chúng tôi sang Việt Nam lần đầu và đều tự hào nhưng cũng đều lo lắng, hồi hộp trước nhiệm vụ mà Hội đồng toàn quốc Mặt trận dân tộc đã giao cho là giúp trang bị nhà thương Phủ Doãn, tức bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cộng hoà Dân chủ Đức ngày nay, bằng những máy móc và dụng cụ y tế do nhân dân nước chúng tôi gửi tặng nhân dân Việt Nam anh em. Riêng tôi và một vài anh chị em nữa, trong đó có đồng chí Thít-xkê, Tôn-man, Đvê-sơ, Vít-xtu-ba có nhiệm vụ hoàn thành xưởng làm chân tay giả cho các đồng chí thương binh Việt Nam.

Tôi còn nhớ, những ngày đầu tới Việt Nam, thời tiết khá lạnh và Tết Nguyên đán cũng sắp đến. Cả một không khí nô nức chuẩn bị Tết. Chúng tôi đã được sống với các bạn Việt Nam trong không khí ấy và sẽ không bao giờ quên các món ăn dân tộc, các phong tục, các trò vui trong Tết cổ truyền. Riêng đồng chí trưởng đoàn của chúng tôi còn được hưởng một vinh dự đặc biệt cùng một số bạn

* Viết theo lời kể của đồng chí Quyn-thơ Ô-đơ, bác sĩ nổi tiếng khoa chỉnh hình.

quốc tế ăn Tết với Bác Hồ. Đi dự về, đồng chí đã kể cho chúng tôi nghe nhiều mẩu chuyện lý thú trong dịp vui hiếm có ấy và chúng tôi đều hy vọng rằng trong thời gian công tác ở Việt Nam sẽ có dịp được trông thấy Người. Và, không ngờ là chúng tôi đã không những được trông thấy vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam mà còn được thừa chuyện với Người, được ở bên Người nhiều lần.

Lần thứ nhất là tối mùng 9 tháng 6, chúng tôi được Bác mời đến dự cuộc vui trong vườn Phủ Chủ tịch do Người tổ chức riêng cho các chuyên gia các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu. Tôi nhớ đêm ấy Bác rất vui, coi chúng tôi như người quen thân đã lâu và chính vì vậy, ngay từ giờ phút đầu, chúng tôi hoàn toàn không cảm thấy những ngăn cách giữa vị lãnh đạo tối cao của một Nhà nước với những công dân bình thường. Bác đã kể cho chúng tôi nghe về những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, về những đau thương, mất mát mà nhân dân Việt Nam phải chịu đựng để giành cho được nền độc lập, tự do chân chính của mình. Bác nói: Bác thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam chào mừng những người anh em xã hội chủ nghĩa đã từ những phương trời xa sang đây chung sức, chung lòng giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng lại đất nước. Bác chỉ nói có thế, không đọc diễn văn trang nghiêm gì cả, cũng chính vì vậy mà chúng tôi càng thấm thía những điều Bác mong muốn. Bác đã đi gặp, nói chuyện với từng đoàn chuyên gia. Với đoàn chúng tôi. Bác cũng hỏi rất kỹ về công việc của từng nhóm, từng

người. Biết tôi phụ trách nhóm chính hình, Bác dừng lại hỏi khá kỹ nội dung công việc và dặn nếu có yêu cầu gì thì cứ cho Bác biết. Thấy chúng tôi còn rất trẻ, Bác hỏi thăm tình hình gia đình, vợ con ra sao. Tôi có thưa với Bác là tôi chưa xây dựng gia đình, người yêu của tôi đang công tác ở thủ đô Béc-lin. Chúng tôi hứa hẹn với nhau là sẽ làm lễ thành hôn sau chuyến đi công tác này. Bác vỗ vai tôi thân mật nói: "Cho tôi gửi lời thăm người bạn gái thân yêu của đồng chí và mong hai người viết thư đều cho nhau". Tôi rất sung sướng được chuyển lời thăm của Người tới người yêu của tôi. Trong chín tháng công tác ở Việt Nam, tôi đã viết cho cô ấy những bức thư và điều thú vị là cho đến nay, những bức thư ấy vẫn còn giữ được cả. Bác cũng có hỏi thăm đồng chí Ác-nô Brốc, người vừa mới cưới vợ được ba tháng thì nhận được lệnh đi công tác ở Việt Nam. Đồng chí Brốc báo cáo với Bác rằng, lúc đầu người vợ ấy cũng buồn, nhưng khi hiểu rõ ý nghĩa công việc mà chồng sẽ làm thì lại vui vẻ ngay...

Cũng trong cuộc vui ấy, Bác đã đề nghị từng đồng chí chuyên gia hát một bài dân ca của nước mình. Mở đầu là tiếng hát êm dịu của một nữ văn công Việt Nam. Chúng tôi thấy gay quá, bởi vì làm thầy thuốc chúng tôi đâu có tài hát! Mà các chuyên gia nước khác cũng chẳng hơn gì chúng tôi! Nhưng rồi ai cũng hát. Đoàn chúng tôi rất ân hận là không thuộc một bài dân ca nào cả, cho nên đã xin phép Bác hát bài "Lữ đoàn Ten-lơ-man", một bài hát quen thuộc của những người đã từng chiến đấu ở Tây Ban Nha. Và Bác cũng gật đầu khen.

Nhờ có lần gặp ấy, được Bác Hồ quan tâm, khuyến khích, tôi càng tự tin trong công việc của mình. Chẳng hạn việc mở rộng xưởng chỉnh hình lúc đầu không phải là đã được nhiều đồng chí Việt Nam tán thành. Tôi đã trình bày ý kiến của tôi với một đồng chí cán bộ cao cấp của Việt Nam và không ngờ Bác cũng biết chuyện này. Cuối cùng ý kiến của tôi đã được Bác, đồng chí Trường Chinh hồi ấy là Tổng Bí thư Đảng và đồng chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng ủng hộ.

Ngày 28 tháng 7 năm 1956, nhân khánh thành Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cộng hoà Dân chủ Đức, Bác Hồ đã tới thăm, mang đến cho cán bộ, công nhân viên Việt Nam và Cộng hoà Dân chủ Đức niềm phấn khởi đặc biệt. Tiếc rằng, tôi không có mặt hôm đó vì bận đi công tác địa phương. Nhưng ít lâu sau, vào ngày 12 tháng 8, tại cuộc chiêu đãi tiễn Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc nước Cộng hoà Dân chủ Đức do đồng chí Smít-xơ dẫn đầu đang ở thăm Việt Nam, tôi sung sướng được gặp lại Bác và có điều kiện báo cáo với Người về công việc của chúng tôi. Tôi cũng không quên bày tỏ niềm xúc động của mình về sự quan tâm của Bác. Bác bảo: "Chúng tôi cảm ơn các đồng chí mới đúng chứ!". Bác tỏ ý quan tâm đặc biệt với vấn đề làm chân tay giả và công tác thương binh xã hội nói chung. Qua những điều Người hỏi, tôi nhận thấy rất rõ tình cảm yêu thương của Bác đối với anh em thương binh. Thật ra, tôi đã nhận thấy điều đó ngay từ khi một đồng chí bác sĩ Việt Nam cho tôi xem bức thư của Bác Hồ gửi anh em thương binh, bệnh binh năm 1948. Lá thư ngắn, nhưng

tràn đầy tình thương yêu của vị cha già đối với những người con ưu tú của Tổ quốc, đồng thời thể hiện nội dung hết sức đúng đắn đối với công tác thương binh. Tôi nhớ mãi một câu trong lá thư đó: "Tôi cùng đồng bào luôn luôn nhớ đến các đồng chí". Vừa qua, tôi đã được đi nghiên cứu tình hình công tác thương binh trên toàn miền Bắc, vào đến tận khu giới tuyến ở Vĩnh Linh, cho nên đã có thể báo cáo với Bác Hồ một số suy nghĩ của tôi. Bác từng nói "Thương binh tàn chứ không phế", tôi nghĩ đó là một ý kiến hết sức quan trọng, bởi vì nó động viên mạnh mẽ anh em thương binh luôn luôn nhìn thấy triển vọng của đời mình, nghĩa là có thể trở thành người có ích cho xã hội. Bác Hồ rất chú ý nghe những điều tôi thưa với Người.

Sau đó, Bác nhìn tôi với vẻ trầm ngâm:

- Đồng chí Ô-đơ, đồng chí có vui lòng viết thành văn bản cho tôi những ý kiến đồng chí vừa nói không?

Tôi sung sướng đáp:

- Dạ, thưa Bác, được ạ!.

Bác tỏ ý hài lòng. Một lát sau Người lại nói:

- Hay thế này vậy: tôi sẽ đề nghị một nhà báo của chúng tôi đến ghi lại những ý kiến của đồng chí và cho đăng lên báo.

Tôi không ngờ điều tôi nói lại có thể có ích như vậy. Ít hôm sau, có một đồng chí ở báo Nhân dân đến tìm gặp tôi và chúng tôi đã làm việc với nhau trong hai giờ liền theo chỉ thị của Bác. Dĩ nhiên, tôi có thể nói tỉ mỉ hơn là

khi thừa chuyện với Bác, và đã nói thêm về tầm quan trọng của thể dục thể thao đối với sức khoẻ của anh em thương binh - thật tình là nó còn quan trọng hơn cả đối với người thường - nó giúp anh em vững tin ở sức lực mình, tự thấy làm chủ được sức khoẻ của mình, không bị lệ thuộc vào thương tật hay trở ngại vì thương tật. Tôi cũng trình bày một số kinh nghiệm về việc dạy nghề cho thương binh ở Cộng hoà Dân chủ Đức và báo Nhân dân cũng giới thiệu lại.

Là một thầy thuốc, tôi rất xúc động trước sự quan tâm của Bác đối với thương binh, một mối quan tâm chứa chan tình thương yêu. Chính tình cảm đó của Người đã động viên tôi nhiều trong những ngày công tác ở Việt Nam cũng như trong suốt quá trình công tác sau này của tôi. Có thể nói: Chúng tôi đã làm việc với tất cả trái tim mình.

Trích trong: **"Bác Hồ như chúng tôi đã biết"**

Sđd, tr. 158.

104. ĐI LÀM RUỘNG VỚI NÔNG DÂN

Bác sinh ra và lớn lên trong gia đình nhà Nho, nhưng là nhà Nho có nguồn gốc nông dân. Thời gian dài từ tám bé đến tuổi học trò Bác sống ở quê giữa những người nghèo khổ, một nắng hai sương ngoài đồng nên Người thấm thía nỗi khổ, nỗi vất vả của người nông dân. Những việc của nghề nông đối với Bác cũng không có gì xa lạ. Thời kỳ hoạt động cách mạng ở nước ngoài, khi Người được bầu vào Ban Chấp hành Quốc tế Nông dân, có người thắc mắc hoài nghi vì Bác khai trong lý lịch là xuất thân nhà Nho, trí thức, nghề nghiệp chính lại là thủy thủ, họ e rằng Bác sẽ không có điều kiện để am hiểu các vấn đề về nông dân. Sau khi bế mạc Đại hội Nông dân, các đại biểu đi thăm một nông trang, thấy nông dân đang lao động, Bác cũng xắn quần xuống giúp một nông dân đang làm ruộng, việc nhà nông đối với Bác không gì khó khăn, trong khi các đại biểu nhiều người đang lúng túng, thì Bác làm nhanh nhẹn như một nông dân thực thụ, trước con mắt thán phục của mọi người. Có ai biết một thời Bác ra đồng cùng người dân quê làng Sen làm ruộng, hay những lúc đi trồng nho cùng những người nông dân nghèo khổ ở Bruklín nước Mỹ. Trên mặt trận báo chí công luận, Bác là người viết nhiều về nông dân, tố cáo, vạch mặt sự bóc lột sức lao động người nông dân của địa chủ cường hào phong kiến, đẩy nông dân vào con đường bán rẻ mình bằng sưu cao thuế nặng. Bác đã tìm ra và chính Người đã thực hiện cương lĩnh giải phóng người nông dân bằng cuộc Cách mạng Tháng Tám lịch sử. Người đã để lại một di sản có một

không hai trong lịch sử loài người: chân dung một lãnh tụ bên người nông dân...

Ngay sau khi giành được chính quyền, tuy bận trăm công nghìn việc, Bác vẫn dành nhiều thời gian, không chỉ nhắc nhở các địa phương đắp đê chống bão lụt, mà còn trực tiếp xuống tận các xã đê đôn đốc, kiểm tra công việc. Biết tin đê sông Hồng ở khu vực Hưng Yên, Thái Bình bị vỡ, Bác đích thân xuống kiểm tra việc khắc phục hậu quả đê có biện pháp kịp thời cùng chính quyền địa phương vận động giúp đỡ nhân dân vượt qua khó khăn. Bác hỏi cận vệ số người bị nạn, trước hết phải lo cái ăn để họ khỏi đói bữa, sau đến nơi ở và ổn định sinh hoạt cho mọi người, tập trung nhân tài vật lực để đắp lại chỗ đê bị vỡ. Bác hứa khi nào đắp xong Bác sẽ xuống thăm. Thế rồi giữ đúng lời hứa, bốn tháng sau Bác xuống cắt băng khánh thành chỗ đê vừa mới đắp. Bác đi kiểm tra một lượt, nhìn chỗ giáp ranh đê mới đê cũ, Người nhắc nhở phải tăng cường gia cố mới an toàn. Bác vừa đi vừa nhún thử độ lún, khen đắp nhanh nhưng chưa lèn chặt, cần tăng cường thêm lực lượng để đầm thật kỹ mới bảo đảm lâu dài.

Thay mặt "Ban đời sống mới" nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đến báo cáo với Bác là hoạt động của Ban dựa trên ba nguyên tắc: dân tộc, dân chủ và khoa học. Nghe xong, Bác liền nói: "Trong đồng bào ta chưa mấy người hiểu những từ chú nói mà hiện nay họ cần là cần cái này", vừa nói Bác vừa chỉ tay vào bụng, "phải có cái ăn đã, nếu không có ăn không làm gì được. Hoạt động của "Ban đời sống mới" cũng phải tập trung cái đó đã, vận động bà con "lá lành đùm lá rách", "tăng gia sản xuất, cứu đói".

Hậu quả nạn đói năm 1945 như một bóng ma ghê rợn phủ lên cuộc sống đói rách của người nông dân, càng làm không khí ảm đạm khó khăn thêm. Trên cương vị Chủ tịch nước, Bác đi xuống các địa phương như Ninh Bình, Thái Bình... đề đơn đốc việc cứu đói, tổ chức tăng gia sản xuất, đắp đê phòng chống thiên tai... Một lần trong cuộc họp, bàn chống đói, Bác nói: "Các chú biết không, người xưa nói: dân dĩ thực vi thiên". Có đồng chí tưởng Bác nói nhầm bèn chữa lại: Thưa Bác "Dân dĩ thực vi tiên chứ ạ". Bác cười và giải thích: "Bác nói "Dân dĩ thực vi thiên" là người xưa dạy "Dân lấy cái ăn làm trời", Đảng, Chính phủ phải lo cái ăn cho dân không được để dân đói". Đó là Bác lấy lời của Lục Sinh nói với Hán Cao Tổ: "Nhà vua lấy dân làm trời, dân lấy cái ăn làm trời". Bác dạy thật chí lý. Năm 1955, nghe tin lũ lụt lớn ở Kiến An gây thiệt hại lớn về người và của cho nhân dân, Bác cho gọi đồng chí có trách nhiệm lên hỏi cụ thể. Bác hỏi: xã Hòa Nghĩa mấy người chết, nhà cửa trường học bệnh xá bị đổ bao nhiêu. Khi nghe báo cáo con số thiệt hại cụ thể. Bác rất lo lắng và rơm rớm nước mắt, nhất là biết có nhiều gia đình chết người và trôi nhà cửa. Bác căn dặn phải có phương án tỉ mỉ khắc phục hậu quả thiệt hại. Người chỉ thị Tỉnh ủy phải trực tiếp chỉ đạo và dặn đi dặn lại: "Trước hết phải lo để không một người bị đói". Cứ đến mùa nước lũ, hay kỳ hạn hán Bác thường trực tiếp xuống địa phương tham gia "chống trời" cùng nhân dân. Nhớ lần về công trường Đại thủy nông Bắc - Hưng - Hải, Bác xuống công trường tham gia lao động như một người dân. Trên đường đi, thấy một chị đang đẩy xe cút kít nặng nề lên dốc, Bác vội chạy đến đẩy giúp chị...

Lần Bác về Hải Hưng tham gia chống hạn với nông dân, nghe tin Bác về các đồng chí cán bộ tỉnh tổ chức đón Bác long trọng. Bác không hài lòng, phê bình ngay: "Bác về là đi chống hạn chứ có phải đi chơi đâu mà đón tiếp". Bác ăn mặc quần áo như một lão nông thực sự. Người đi rất nhanh đến chỗ nhân dân đang đào mương, xắn quần, xắn tay áo xuống cùng đào đất với bà con, để lại phía sau các "quan cách mạng" trong những bộ quần áo bảnh bao đang lúng túng hổ thẹn trước dân chúng. Cuối cùng tất cả cùng ào xuống đào đất với bà con theo gương Bác. Bác không nói, không hô hào, nhưng Người đã làm cuộc "cách mạng" cho "các quan" trước muôn dân. Bác ăn cơm chung với mọi người tại nơi đang đào mương. Thấy người xới cơm xới bát nào cũng vơi, Bác nói vui: "Chú xới cơm thế này thì công việc làm sao cho đầy được". Bữa ăn có Bác vui hẳn lên. Bác hỏi chuyện: "Các chú có biết nấu nướng không?" Mỗi người kể theo cách hiểu của mình. Bác thừa hiểu chẳng có ai ở nhà thực sự giúp vợ nấu ăn cả nên nghe nói nấu nướng sao thì kể vậy. Rồi Bác kể chuyện hồi xưa Bác làm phụ bếp thế nào nên biết nấu nướng, Bác nói nghề nấu ăn ai biết nấu kể là biết ngay, còn ai chỉ nghe hoặc nhìn thì không thể bì được người khác, vì kỹ thuật nấu ăn quan trọng là chỗ này. Bác chỉ vào mũi, chứ không phải chỗ này - Bác chỉ vào mắt và tai. Bác nói tiếp, vì sao mọi người phải biết nấu ăn là vì vừa giúp được "cô ấy" có thời gian học tập và nuôi dạy con cái, vừa rèn luyện mình, chữa cái bệnh hão, bệnh sĩ, bệnh gia trưởng thâm căn cố đế, cho việc bếp núc là của đàn bà. Hơn nữa khi tự mình nấu thì mình ăn ngon hơn, thích ăn món nào thì làm món ấy. Chuyện vui, nhưng Bác giáo dục đạo đức con người,

đạo đức cộng sản trong cán bộ. Bác lo lắng quan tâm đến sự tiến bộ của cán bộ từ những việc làm bình thường nhất nhưng chính đó là những xuất phát điểm của đạo đức chân chính, mà mọi người cán bộ muốn dân tin thì soi vào để tự xem xét, rèn luyện hoàn thiện mình.

Bác về Hà Đông chống hạn, khi đến một con mương chắn ngang đường, đồng chí Chủ tịch tỉnh mời Bác đi vòng đến chỗ dễ qua hơn. Nhìn xuống thấy đồng chí Chủ tịch tỉnh đi đôi giày bóng lộn. Bác bảo: "Chú cứ đi đường ấy"; nói rồi, Bác cởi dép lội tắt qua cho nhanh để đến với nông dân đang tát nước chống hạn. Sang bờ bên kia, Bác bảo mọi người cùng tát nước giúp dân. Bác chỉ một thanh niên ăn mặc bảnh bao cùng tát nước với Bác, nhưng đồng chí này không biết tát nước, đồng chí Bí thư tỉnh đỡ lời: "Thưa Bác, đồng chí này là nhà báo ạ". Bác cười và nói: "Nhà báo của nông dân thì phải biết lao động như nông dân thì viết mới đúng được".

Mỗi người dân chúng ta ai cũng được xem hình ảnh Bác đang đập nước trên guồng chống úng, ghi nhận trong ta hình ảnh Bác hòa mình với nổi vất vả một nắng hai sương của người nông dân. Khắc sâu trong ta tâm niệm Chủ tịch nước cũng là một công dân, một người lao động trong triệu triệu người không có gì cách biệt. Đó là hình ảnh được ghi lại vào năm 1960 khi Bác về chống úng tại xã Hiệp Lực. Vừa đập guồng nước, Bác vừa nhắc nên lắp ổ bi vào trục để người đập đỡ vất vả, mà năng suất cao hơn. Bác hỏi các cô thanh niên có biết hát đối không, rồi Bác lấy Kiều: "Trăm năm trong cõi người ta, chống úng thắng lợi mới là người ngoan". Bác bảo các cô lấy tiếp, các cô vì mãi

ngắm Bác nên không chuẩn bị không lấy tiếp được chỉ biết vỗ tay, và xin mắc nợ với Bác. Bác nói: "Muốn lao động đỡ mệt và có sức mạnh thanh niên nên tổ chức văn nghệ".

Năm 1958, Bác về Nam Định dự Hội nghị "Bàn về sản xuất nông nghiệp". Bác chăm chú lắng nghe các bản báo cáo thành tích của các đơn vị. Bác chú ý bản báo cáo nói về cách làm các loại phân bón. Bác đứng lên nhìn khắp hội trường và hỏi to: "Chú nào gánh bùn đổ cho hai sào lúa có đầy không?". Không có ai đứng dậy. Một đồng chí cán bộ tỉnh ủy báo cáo là người nông dân đó không thuộc diện tham dự hội nghị này. Bác phê bình và yêu cầu cho người đó đến dự hội nghị ngay. Bác hỏi, chị em phụ nữ ở đây có đội phân nữa không? Các đồng chí cán bộ tỉnh chưa dám báo cáo Bác ngay, may có chị đại biểu nữ đỡ lời: "Thưa Bác, chị em ở đây không quen gánh nên cái gì cũng đội ạ". Bác dặn: "Nên tìm cách cải tiến vận chuyển bằng xe để đỡ cho chị em về lâu dài".

Năm 1963, Bác về chống hạn ở Nghiêm Xuân (huyện Thường Tín); hôm đó Bác đến sớm, đồng bào còn vắng, tiện đường Bác xuống khu dân cư, hỏi thăm bà con. Bác vào một nhà dân hỏi tết vừa qua gia đình đón tết có vui không? Có cụ già 60 tuổi thưa với Bác là ăn tết không vui. Bác hỏi vì sao, cụ kể lại gia đình từ xưa có ngôi nhà gần đường, vừa qua huyện có lệnh đuổi bà đi để mở đường, không bồi thường, cũng không chi cho gia đình chuyển đi đâu, vì thế gia đình ăn tết không vui, người ra lệnh ấy là ông Chủ tịch huyện. Bác lắng nghe mà vẻ mặt không vui, Bác bảo, làm người cán bộ như vậy là không xứng đáng, không khác gì cường hào xưa. Sau đó Bác chỉ thị phải

điều tra làm rõ ngay. Vị Chủ tịch kia bị kỷ luật. Lòng dân rất phấn khởi và nhắc mãi chuyện đó như làm gương cho cán bộ đối với dân phải làm gì. Hôm đó Bác tham gia chống hạn với dân, trời nắng to có đồng chí cầm ô che cho Bác, Bác bảo: "Dân chịu được thì Bác cũng chịu được, chú làm như Bác là ông quan thời xưa". Trên đường đi chống hạn giúp dân, thấy phía trước có xe công an còi inh ỏi dẹp đường, Bác cho dừng xe và lệnh cho xe công an dừng lại, Bác mới đi tiếp. Bác phê bình: "Bác xuống với dân để chống hạn mà các chú làm cho dân họ sợ thì xuống làm gì?"...

Những năm tháng cuối đời, tuy sức khỏe yếu nhưng Người dành nhiều thời gian làm việc với các đồng chí phụ trách nông nghiệp. Hợp Bộ Chính trị hay trong các buổi làm việc về nông nghiệp Bác thường nhắc đến Điều lệ Hợp tác xã. Bác bảo công nhân có ngày kỷ niệm, nên lấy ngày ban hành Điều lệ Hợp tác xã làm ngày kỷ niệm cho nông dân. Bác dặn viết bản Điều lệ sao cho nông dân ít học cũng hiểu được. Sau khi đọc bản dự thảo, Bác nói đây là bản dùng cho cán bộ, còn đối với xã viên thì viết phải tóm tắt hơn, dễ hiểu hơn. Bác đọc và sửa chữa rất kỹ, có chỗ nào chữ nghĩa câu kỳ khó hiểu Bác đều sửa lại. Số thứ tự các chương đánh số La Mã, Bác sửa lại "chương một... hai..." Sau đó Bác yêu cầu chuyển nội dung bản Điều lệ sang diễn ca phát trên đài phát thanh cho dân dễ thuộc, dễ nhớ, để làm theo.

Bá Ngọc

*Trích trong "Hồ Chí Minh - chân dung đời thường",
NXB Lao động, H. 2005.*

105. NGƯỜI PHÁP, NGƯỜI MỸ

Tuần báo “Đấy Paris” ra ngày 18/6/1946 là một trong những bài viết sớm nhất, tương đối đầy đủ nhất về phong cách của Bác Hồ.

“Chủ tịch nước Việt Nam là một người giản dị quá đời. Quanh năm ông chỉ mặc một bộ áo ka ki xoàng xĩnh và khi những người cộng tác quanh ông để ý, nói với ông rằng với địa vị ông ngày nay, nhiều khi cần phải mặc cho được trang trọng, thì ông chỉ mỉm cười trả lời:

“Chúng ta tưởng rằng chúng ta được quý trọng vì có áo đẹp mặc, trong khi bao nhiêu đồng bào mình trần đang rét run trong thành phố và các vùng quê”.

Sự ăn ở giản dị đến cực độ, như một nhà ẩn sĩ, đó là một đức tính rõ rệt nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một tuần lễ ông nhịn ăn một bữa, không phải là để hành hạ mình cho khổ sở mà là để nêu một tấm gương dè xén gạo cho đồng bào đảng làm giảm bớt nạn đói trong nước. Hết thấy mọi người xung quanh đều bắt chước hành động đó của ông.

Trong những ngày thường, ông dùng cơm ở Bắc Bộ phủ, ngồi chung với hết thấy mọi người. Người ta thấy quây quần xung quanh bàn ăn: các bộ trưởng, những thư ký và cả những cậu thiếu niên phục vụ bàn giấy. Nhờ có đức tính giản dị của ông mà khi ngồi ăn với mọi người ông không làm ai phải giữ kẽ nhiều quá, mà trái lại, không khí chung lộ ra, lúc nào cũng thân mật, cũng vui vẻ, gây cho bữa ăn một vẻ gia đình.

Tính giản dị và thân mật của ông còn biểu lộ ra trong những bài diễn văn. Không bao giờ ông tỏ vẻ thông thái, vốn rất rộng của ông. Ông thông thạo bảy thứ tiếng khác nhau và nói được rất nhiều tiếng thổ âm, trái lại ông chỉ dùng những câu nôm na, khiến cho một người dù quê mùa chất phác nghe cũng hiểu ngay được. Ngày ông viết xã luận cho báo Cứu Quốc, trước khi đem bài cho nhà in, bao giờ ông cũng đem đọc cho một số người không biết chữ, ông già, bà già cùng nghe. Nếu ông thấy thánh giả tỏ vẻ không hiểu mấy những ý tưởng trong bài viết lập tức ông viết lại ngay bài khác. Tất cả đức tính Hồ Chí Minh bao gồm trong một cử chỉ bé nhỏ đó.

Chú tịch Hồ Chí Minh rất ghét lối nói khoa trương, văn vẻ. Mỗi bài diễn văn của ông là một bài học nhỏ kết luận bằng một ý kiến đạo đức. Bởi những ý tưởng hết sức giản đơn ấy mà bài diễn văn của ông có một tiếng vang lớn trong giới trí thức và dân chúng”.

Hai mươi lăm năm sau bài viết trên, năm 1971 - sau khi Bác Hồ đã mất, một người Mỹ - nhà báo, nhà văn Đây-vít Han-bơc-stơn trong cuốn sách “Hồ” của mình, do Nhà xuất bản Răng-đôm Hao-sơ ở Niu-Óoc ấn hành đã viết:

“... Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại này - hơi giống Găng-đi, hơi giống Lênin, hoàn toàn Việt Nam. Có lẽ hơn bất kỳ một người nào khác của thế kỷ này, đối với dân tộc của ông, và đối với cả thế giới ông là hiện thân của một cuộc cách mạng. Thế nhưng đối với hầu hết nông dân Việt Nam, ông là biểu tượng của cuộc sống, hy vọng, đấu tranh, hy sinh và thắng lợi của họ. Ông là một người Việt Nam lịch sự,

khêm tốn, nói năng hòa nhã, không màng địa vị, luôn luôn mặc quần áo đơn giản nhất - cách ăn mặc của ông không khác mấy người nông dân nghèo nhất - một phong cách mà Phương Tây đã chế giễu ông trong nhiều năm, cười ông thiếu nghị thức quyền lực, không có đồng phục, không theo thời trang. Cho đến một ngày họ mới tỉnh ngộ và nhận thấy chính cái tính giản dị ấy, cái sùng bái sự giản dị ấy, cái khả năng hòa mình vào nhân dân ấy là cơ sở cho sự thành công của ông.

Trong một nước khi mà dân chúng đã thấy những người cầm đầu đạt tới một địa vị nào đó rồi trở thành “Tây” hơn là “Việt Nam”, bị quyền lực, tiền bạc và lối sống phương Tây làm thối nát; trong một nước khi những người đó đã ngoi lên khá cao thì không làm gì cho dân chúng cả, lập tức bị bán mình cho người nước ngoài, tính giản dị của ông Hồ là một sức mạnh. Địa vị càng cao sang, ông càng giản dị và trong sạch. Hình như ông luôn luôn giữ được những giá trị vĩnh cửu của người Việt Nam: kính già, yêu trẻ, ghét tiền của. Ông Hồ không cố tìm kiếm cho mình những cái trang sức quyền lực vì ông tự tin ở mình và ở mối quan hệ của ông với nhân dân, với lịch sử đến nỗi không cần những pho tượng, những cái cầu, những pho sách, những tấm ảnh để chứng tỏ điều đó cho mình và cho thiên hạ biết. Việc ông từ chối sự sùng bái cá nhân là đặc biệt đáng chú ý trong cái xã hội kém phát triển...”.

Nguyễn Việt Hồng

*Trích trong "Bác Hồ, con người và phong cách"
tập 4, NXB Lao động, H. 1993*

106. CÁI ĐUÔI TÔN NGỘ KHÔNG

Một cán bộ cấp cao dự lớp Chính Đảng Trung ương khoá 1, năm 1952 tại Việt Bắc, nói với chúng tôi:

- Bây giờ xem Tây Du Ký hay, đẹp thật đấy nhưng mình vẫn nhớ mãi câu chuyện “ngoài” Tây Du Ký hay nhất mà mình được Bác Hồ dạy.

“Năm ấy, Bác đến lớp. Bác nói: “các cô, các chú (bao giờ Bác cũng gọi các cô trước, đồng bào, chiến sỹ trước) học đã căng thẳng, nên Bác đề nghị tối nay nghỉ học để Bác cháu ta nói chuyện vui.

Cả lớp vỗ tay hoan hô, không khí lớp học sôi nổi hẳn lên.

Bác hỏi: “Trong các chú ở đây, ai đã đọc Tây Du Ký?”. Nhiều cánh tay giơ lên. Bác nhìn thấy ông Tôn Quang Phiệt là nhà hoạt động cách mạng, người đã tham gia sáng lập Đảng Tân Việt, bấy giờ là Tổng thư ký Ủy ban Thường trực Quốc hội, Bác mời ông Phiệt, đồng hương Nghệ An lên kể chuyện, nhưng yêu cầu chỉ được nói trong 15 phút. Ông Phiệt mới “đi” được vài đoạn đã hết giờ, đành thú thực “kể vắn tắt khó lắm” và ông Phiệt “trêu” lại Bác: “xin mời Bác”.

Bác cười, “thông cảm” rồi kể:

“Từ khi loài người có đầu óc tư hữu thì sinh ra nhiều thói hư, tật xấu. Đường Tăng là một vị chân tu, bản chất tốt, có lòng nhân hậu, có tính khoan dung. Ông ta muốn

chống áp bức, nhưng không có đường lối cách mạng dẫn đường. Tin vào sức mạnh cảm hoá của Đạo Phật, nên ông tình nguyện đi lấy Kinh Phật để truyền bá. Sau 14 năm trời, tức là qua 5048 ngày đêm, thầy trò Đường Tăng vượt 18 vạn 8 ngàn dặm đường chịu đựng 81 tai ương để lấy được 55 bộ kinh gồm 5.048 quyển. Đó là pho truyện dài, đấu tranh giữa thiện và ác, chính nghĩa và phi nghĩa. Còn có thể tìm thấy ở Tây Du Ký nhiều vấn đề bổ ích nữa. Đường Tăng là một người có lập trường kiên định, có bản lĩnh, tạo được cái “bất biến” để đối phó với cái “vạn biến”.

Còn Tôn Ngộ Không vì không tu thành đạo được nên vẫn còn cái đuôi. Khi Tôn Ngộ Không biến thành cái đình thì cái đuôi ở sau phải hoá phép làm cái cột cờ. Bọn ma vương thấy lạ, tại sao cột cờ ở phía sau đình, phát hiện ra cái đuôi của Tề Thiên Đại Thánh nên không bị mắc lừa, không vào đình nữa, nên mưu của họ Tôn bị thất bại...”.

Nghe đến đây chúng tôi “sợ” quá. Quả là được nghe một bản “tổng thuật” giá trị về Tây Du Ký. Biết chắc là Bác còn có cái gì đó nữa nên chờ...

Bác nói tiếp:

“Người cách mạng chúng ta nếu không tu dưỡng thì cũng có phen có cái đuôi ấy, dù nhỏ sẽ có ngày gây hậu quả khôn lường”...

Cả lớp ngồi im...

Nguyễn Việt Hồng

Trích trong "**Bác Hồ, con người và phong cách**"

Sđd, tr. 177.

107. THI ĐUA VỀ LÒNG YÊU NƯỚC THÌ TA THẮNG

Những bức ảnh Bác Hồ chúng ta biết được đến ngày nay, thường là không thấy Bác mặc com-lê, thắt ca vát. Nhớ lại khoảng tháng 10 năm 1945, khi đi thăm tỉnh Thái Bình, Bác gặp một đội viên bảo vệ chân đi giày ghệt, thắt lưng to bản (bấy giờ gọi là xanh-tuya-rông...) và thắt cả ca vát nữa. Bác dừng lại nói:

- Chú mà cũng phải thắt cái này à?

Trong Bác bộ phủ, thấy có một số cán bộ từ chiến khu mới về đã “xúng xính”, Bác nhẹ nhàng:

- Trông các chú ra đáng người thành phố rồi...

Bác bao giờ cũng mong đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành. Rồi Bác còn mong các cháu có áo đẹp, cụ già có khăn lụa... Bác không bao giờ lấy ý của mình áp đặt người khác, không bắt ai cứ phải theo mình.

Lần sang thăm một nước bạn, một cán bộ ngoại giao xin phép Bác ra phố. Bác bắt cán bộ đó mặc quần áo, thắt ca vát nghiêm chỉnh rồi mới cho phép đi.

Bác nói:

- Đời sống khá hơn thì ăn mặc cũng được khá lên. Nhưng phải tùy cảnh, tùy thời.

“Thời” và “cảnh” năm 1945 là đa số đồng bào ta vừa qua 80 năm bị áp bức nô lệ, qua cơn đói Ất Dậu, vừa bị lụt bão, miếng cơm, củ khoai chưa đủ ăn, áo không đủ mặc. Thế mà các cán bộ - là những đầy tớ của nhân dân, như lời Bác dạy - lại mặc những bộ quần áo sang trọng, đắt tiền,

không phải lúc, thì “khó coi”. Khi Bác đi thăm đồng bào nông dân, Bác đi dép, tới ruộng, Bác bỏ dép, xắn quần lội ruộng, tát nước với bà con. Trong khi đó, có anh cán bộ, đi giày bóng loáng, chỉ có thể đứng trên bờ hỏi thăm.

Báo Nhân Dân ngày 18 tháng 5 năm 1994, có đăng một bài, nội dung tóm tắt như sau:

Chuyện rằng vào khoảng cuối tháng 4 năm 1946, do tình hình thực dân Pháp không chịu từ bỏ ý đồ xâm lược trở lại Việt Nam, để tạo điều kiện, thời gian chuẩn bị kháng chiến, Bác và phái đoàn do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn, sang thăm Pháp điều đình với Chính phủ Pháp.

Trước ngày ra đi, vẫn thấy Bác làm việc theo đúng thời gian biểu đã định, chẳng thấy Bác “sắm sửa gì”. Trong khi đó, một số cán bộ trong phái đoàn lo tìm hiểu “môt” Pa-ri, lo may mặc những bộ com-lê, sơ mi, cà vạt, đóng giày mới, và có người còn lo cả khoản nước hoa.

Việc làm ấy của các cán bộ cũng là điều tốt. Nhưng có điều chắc là các “vị” đi hơi xa, hay có thể hơi “ồn ào”, có vẻ như một cuộc thi đua may sắm. Chuyện đó đến tai Bác.

Thương yêu, bình đẳng, nhưng không thể không nhắc nhở, Bác nói:

- Các chú muốn thi đua với Tổng thống, Thủ tướng nước ngoài về ăn mặc thì thua họ thôi. Bác cháu ta thi đua với họ về lòng yêu nước, thương dân thì ta mới thắng.

Nguyễn Việt Hồng

*Trích trong "Bác Hồ, con người và phong cách",
tập 4, NXB Lao động, II. 1993.*

108. PHẢI QUAN TÂM ĐẾN MỌI NGƯỜI HƠN

Hồi trường Đảng Nguyễn Ái Quốc còn ở căn cứ kháng chiến Việt Bắc, một lần Bác Hồ đến dự lễ bế giảng của trường. Xuống thăm nhà bếp, Bác thấy làm cỗ có vẻ linh đình, Bác nói với đồng chí phụ trách trường: "Này, bế mạc, chứ không phải "bế bụng" đâu nhé! Kháng chiến còn khó khăn lắm đây, các chú ạ".

Đến bữa ăn, thấy mâm cơm chỉ có một bát, một đôi đũa, Bác hỏi: "Thế Bác ăn với ai?". Đồng chí phụ trách gãi đầu gãi tai: "Dạ, xin để Bác ăn riêng cho tiện...". Bác ngắt lời: "Không tiện gì cả. Thế ra các chú muốn cho Bác ăn trên ngai trúc à?". Và Bác đòi phải bê các món ăn của cán bộ, nhân viên nhà trường lên cho Bác xem, rồi Bác bảo kê thêm bàn ghế cho mọi người cùng ăn với Bác. Bố trí xong xuôi cả rồi, Bác mới vui vẻ, bảo mọi người: Ngồi cả vào đây, ăn chung với Bác, ăn một mình thì Bác ăn sao được? Khi Bác lên nói chuyện với các học viên, đồng chí phụ trách trường giới thiệu: "Bác Hồ sẽ huấn thị cho chúng ta". Bác cười mà bảo rằng: "Tôi nói chuyện với các đồng chí thôi, chứ có "huấn thị" gì đâu".

Buổi tối, Bác ở lại trường để làm việc. Các đồng chí mang đến cho Bác một chiếc đèn tọa đăng rất sáng. Khoảng 9-10 giờ tối, Bác cầm đèn đó xuống văn phòng trường và bảo rằng: "Đèn này to, tốn dầu lắm! Bác còn làm việc khuya, một chiếc đèn con thôi cũng đủ. Các đồng chí đổi cho Bác chiếc đèn khác".

Sáng sớm hôm sau, trước khi Bác chia tay trường, đồng chí phụ trách hỏi Bác có điều gì cần dặn thêm về công việc của trường. Người nói: "Tôi chỉ mong là các đồng chí đừng quan tâm đến tôi quá mà phải quan tâm đến mọi người hơn".

*Trích trong cuốn: “Bác Hồ với chiến sỹ”,
NXB Quân đội Nhân dân, H. 1994.*

109. ĐỜI SỐNG CỦA DÂN QUAN TRỌNG HƠN

Năm 1951, hai nhà quay phim chiến sĩ miền Nam Nguyễn Thế Đoàn, Lê Minh Hiền được tham gia vào đoàn cán bộ miền Nam ra Việt Bắc.

Đoàn đã được Bác Hồ tiếp thân mật và tổ chức đón tiếp long trọng tại Văn phòng Chủ tịch nước. Riêng mấy anh em điện ảnh miền Nam còn được Bác mời đến trong một cuộc liên hoan lửa trại đêm ẩm. Anh em đề nghị Bác cho phép "quay" một số cảnh làm việc, sinh hoạt của Bác. Bác đồng ý. Với chiếc máy quay phim "cổ lỗ sĩ" và một số mét phim ít ỏi, Lê Minh Hiền đã ghi được một số hình ảnh quý giá - cho đến ngày nay là vô giá - về Bác Hồ.

Đồng chí Hiền và đồng chí Đoàn vẫn còn áy náy là Bác mặc quần áo giản dị quá, sợ mang về miền Nam chiếu lên, đồng bào có thể là quá xúc động hoặc là chê trách người quay phim. Đồng chí Đoàn bàn với đồng chí Hiền là đề nghị Bác mặc bộ ka ki đại cán, kiểu Tôn Trung Sơn, bộ độc nhất của Bác để quay "cho đẹp".

Tương Bác đồng ý, nào ngờ Bác nói:

- Bác như thế đấy, có thể nào các chú cừ thế mà quay.

"Thua" keo này, lại bày keo khác. Lâu lâu hai anh em lại "xin" Bác mặc đại cán "cho". Thấy các nghệ sĩ năn nỉ mãi, Bác cũng đành mặc "cho" đôi ba lần, những khi cần

thiết... Tổ làm phim còn quay được một số cảnh Bác đánh máy chữ, trồng rau xanh, đi công tác lội suối, cưỡi ngựa. Anh em còn định xin quay một số cảnh nữa về đời sống hằng ngày của Bác.

Bác nói:

- Thôi! Đời sống của Bác lúc này không quan trọng bằng đời sống của nhân dân.

*Trích trong cuốn: “**Bác Hồ với chiến sỹ**”
tập 4, NXB Quân đội Nhân dân, H. 1994.*

110. ỨNG BIÊN NHANH GIẶC NÀO CÙNG THẮNG

Nhân dịp đón các đồng chí ở miền Nam ra thăm miền Bắc vào dịp tết Nguyên đán, Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức bữa cơm thân mật...

Các đồng chí và gia đình được mời đã đến dự đông đủ. Riêng còn thiếu gia đình Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ban Tổ chức có ý đợi một lát...

Bác bảo: "Đúng giờ ta đi ăn cơm, ai tới chậm đề phần".

Đang lúc mọi người chuẩn bị nâng cốc thì Đại tướng Võ Nguyên Giáp và gia đình tới. Biết chậm, Đại tướng mặc dù mặc quân phục vẫn vội bế hai cháu nhỏ khăn trương bước vào phòng. Vợ đồng chí cùng cháu lớn theo sau vội vã...

Thấy Đại tướng, Bác xem giờ rồi nói: "Chú Văn chậm 5 phút? Đại tướng cũng chậm giờ à?"...

Đại tướng vội đặt hai cháu xuống rồi lại trước Bác đứng nghiêm nói:

- Thưa Bác, riêng quân chủ lực thì cơ động dễ dàng. Song còn "lực lượng dân quân du kích" đông đảo thế này cơ động khó quá ạ!.

Bác cười và khen:

- Giỏi! Chú ứng biến nhanh như vậy, nếu nắm vững lực lượng của mình thì giặc nào cũng thắng.

Nói rồi Bác chỉ vào bàn ăn:

- Xung trận!

Mọi người cùng cười ồ cả lên và theo Bác vào "trận".

Minh Hiền

*Trích trong cuốn: “**Bác Hồ với chiến sỹ**”,
NXB Quân đội Nhân dân, H. 1994.*

111. CHỮ "QUAN LIÊU" VIẾT THẾ NÀO ?

Năm 1952, trong một lần đến thăm lớp "chính huấn" chính trị cán bộ trung, cao cấp, anh em quây quần xung quanh Bác, nghe Bác kể chuyện, dần dò.

Cuối buổi, Bác cầm một cái que nói:

- Các chú học đã giỏi, bây giờ Bác đổ chữ này xem các chú có biết không nhé !

Anh em hưởng ứng "Vâng ạ! "Vâng ạ!". Người nào biết tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc thì "nhảm" lại kiến thức của mình, người không biết tiếng nước ngoài thì băn khoăn có chữ gì khó mà lại không đọc được nhỉ ?

Bác vẽ một vạch ngang trên mặt đất rồi hỏi:

- Chữ gì nào ?

Tưởng chữ "phạn"... chữ "cồ đại" nào chứ chữ này ai mà không biết. Cả lớp hò lên: Thừa Bác, chữ "nhất" ạ.

Bác khen:

- Giỏi đấy.

Rồi Bác lại gạch một gạch nữa dưới chữ nhất. Chưa kịp hỏi, anh em đã ồn lên:

- Chữ "nhị" ạ.

Bác động viên:

- Giỏi lắm...

Người lại gạch thêm một gạch nữa dưới hai gạch cũ.

- Chữ "tam" ạ...

Bác cười:

- Khá lắm.

Rồi Người vạch thêm một vạch nữa dưới chữ "tam"

- Chữ gì nào?

"Các vị" đỡ người ra, nhìn vào vạch đầu tiên thì vừa phải, vạch thứ hai dài hơn đã có hơi lệch một chút, vạch thứ ba dài hơn tí nữa cũng không được "song song" cho lắm, vạch thứ tư dài nhất, có vẻ đã "cong" lắm rồi.... Tiếng Phách thì không phải. Tiếng Hán chữ "tứ" viết khác cơ!

Bác giục:

- Thế nào? Các nhà "mác - xít"?

Bác lại cầm que vạch một vạch, rồi hai vạch dọc từ trên xuống dưới, ban đầu thì thẳng đứng, xuống đến vạch ngang thứ hai đã "queo", vạch ba thì "queo", vạch bốn như một con giun, loằng ngoằng như cái đuôi chuột nhất...

Bác đứng dậy:

Chịu hết à? Có thể mà không đoán ra... Các chú biết cả đây...

Để que xuống đất, Bác nói:

- Chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng đúng đắn... Đến tỉnh đã hơi cong, đến huyện đã "tả hữu", đến xã đã sai lệch. Vì sao? Vì cán bộ không làm đúng, không nắm chắc chủ trương đường lối, không gần gũi dân, không chịu làm "đầy tớ nhân dân" mà chỉ muốn làm "quan cách mạng". Cho nên chữ ấy là chữ "quan liêu". Các chú không học nhưng biết và vẫn làm. Còn cái các chú học, thì các chú lại ít làm...

Học viên cả lớp đứng im, không dám nhìn vào Bác.

Nguyễn Hồng Nhung

*Trích trong cuốn: "Bác Hồ với chiến sỹ",
NXB Quân đội Nhân dân, H. 1994.*

112. LÀM SAO LO CHO CÁC CHÁU ĂN NO, CÓ QUẦN ÁO MẶC

Tháng 8 năm 1945, Ủy ban Cách mạng họp ở đình Tân Trào, có đại biểu khắp nơi đến dự để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa toàn quốc. Bác Hồ và các đại biểu đang ngồi họp ở đình Tân Trào thì đồng bào địa phương - đại biểu các dân tộc Tày, Trại, Nùng đến chào mừng, thăm hỏi. Hôm đó có chừng 2, 3 em nhỏ chừng ba bốn tuổi trong xóm ra chơi trước đình.

Các em đều xanh gầy, bụng ỏng, đít beo, lại trần truồng, lấm lem, đi chân đất. Bác Hồ trông thấy rất thương, xúc động, chỉ các cháu, Bác nói với đại biểu đến dự đại hội Tân Trào:

Nhiệm vụ của chúng ta là làm sao cho các cháu được ăn no, có quần áo mặc. Câu nói đó của Người mãi mãi ghi sâu trong trí nhớ mọi người có mặt trong buổi họp và ai cũng thấy có trách nhiệm thiêng liêng chăm lo cho đời sống trẻ em được no cơm, ấm áo.

Theo lời kể của Đại tướng Võ Nguyên Giáp
Trích trong cuốn: **"Bác Hồ với thiếu nhi và phụ nữ"**,
NXB Hội nhà văn, H. 2002.

113. DÙ TÁ HAY TƯỚNG ĐỀU PHẢI LO PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Vào khoảng tháng 7 năm 1944, một máy bay Mỹ bị quân Nhật bắn rơi ở Hoà An, Cao Bằng. Phi công Mỹ nhảy dù rơi xuống cánh rừng đã bị du kích địa phương bắt.

Lúc này Mỹ ở trong phe Đồng minh chống phát xít. Phi công Mỹ được đưa đến chỗ chúng tôi. Bác gọi tôi đến, chỉ thị:

- Tuy ta còn thiếu thốn, nhưng các chú cố gắng cho anh ta ăn uống tương đối, cư xử tử tế, nhân đạo để họ hiểu ta.

Vâng lệnh Bác, chúng tôi đã làm như vậy. Phi công Mỹ được ăn với khẩu phần còn hơn cả chúng tôi.

Sau đó mấy ngày, Bác cho đưa anh ta đến gặp Bác. Bác hỏi chuyện bằng tiếng Anh. Người phi công vô cùng ngạc nhiên, trở mặt nhìn Bác đầy vẻ kính phục, không sao hiểu nổi ở chốn rừng núi này lại gặp được một ông già gầy guộc, mặc áo chàm với đôi mắt rực sáng lại nói tiếng Anh rất thành thạo, am hiểu phong tục nước Mỹ.

Sao (Shaw) - tên người phi công - tha thiết xin được thả về bộ chỉ huy Mỹ đang đóng trên đất Trung Quốc, dù có phải tốn phí đến bao nhiêu khi về nước cũng xin Chính phủ Mỹ và gia đình lo chịu.

Bác mỉm cười và giải thích thêm:

- Các anh trong quân đội Đồng minh, cùng chung một mục đích chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hoà bình thế giới. Chúng tôi cư xử với anh như thế này là thể

hiện những cam kết thiện chí chứ không phải dùng anh vào mục đích kiếm lợi.

Sao đã hiểu và càng kính phục, tin tưởng Bác. Sau đó, chính anh ta đã được Bác cho theo sang Côn Minh, trao lại cho Bộ Tư lệnh Mỹ.

.... Bác ở Trung Quốc về được một thời gian, Bộ Tư lệnh quân đội Mỹ điện cho Bác, xin được cử người sang để hợp tác bằng cách họ sẽ cho người nhảy dù xuống căn cứ Tân Trào.

Tôi lại được Bác giao nhiệm vụ đón 5 người Mỹ này. Chúng tôi đốt lửa thây khói làm ám hiệu cho máy bay biết mục tiêu. Khi họ nhảy dù xuống, chúng tôi tập hợp bộ đội hoan hô họ. Họ rất cảm động trước việc làm đó của ta.

Sau khi tiếp nhận 5 nhân viên tình báo quân sự Mỹ, họ đều được Bác giao nhiệm vụ.

Bác chỉ thị thành lập đại đội Việt - Mỹ và chỉ thị tôi làm đại đội trưởng.

Một người Mỹ mang hàm thiếu tá tên là Tô-mát làm tham mưu trưởng đại đội. Lúc đó, tôi còn nhớ là tôi rất tự hào. Tôi thưa với Bác là nếu thiếu tá làm tham mưu trưởng, thì đại đội trưởng gọi là cấp gì, nào ngờ nét mặt Bác nghiêm lại. Bác bảo:

- Chú phải lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt, dù tá hay tướng, đã là một chiến sĩ cách mạng cũng đều phải lo phục vụ nhân dân cho tốt cả.

Từ bấy đến nay tôi luôn luôn nhớ lời dạy ấy.

Bích Hạnh

Theo lời kể của Thượng tướng Đàm Quang Trung

114. CÓ ĂN BỚT PHẦN CƠM CỦA CON KHÔNG

Mùa thu năm 1951, Bác đến thăm lớp chính huấn chính trị toàn quân. Sau khi đọc lên những con số cụ thể về tệ nạn tham ô, lãng phí mà ban lãnh đạo nhà trường đã báo cáo với Bác, Bác nói:

- Các chú xem đây, mới có từng này cán bộ mà đã tham ô, lãng phí như vậy, thử hỏi nếu cán bộ trong toàn quân, toàn quốc cũng phạm khuyết điểm như các chú ở đây thì thiệt hại cho công quỹ của Nhà nước, của nhân dân biết bao nhiêu. Ngừng một lát, Bác hỏi:

- Ở đây, những chú nào có vợ rồi giờ tay.

Có độ một phần ba số cán bộ giờ tay.

Bác chỉ vào một đồng chí trong số những người vừa giờ tay ngồi ở hàng ghế đầu, rồi hỏi:

- Chú có bao giờ ăn bớt phần cơm của con mình không?

Đồng chí cán bộ trả lời:

- Thưa Bác, không ạ!

- Thế thì tại sao của cải của nhân dân, tiêu chuẩn của chiến sĩ hễ sinh ra là đút vào túi?

Bác vừa nói vừa làm động tác vợ vét và đút vào cái túi vải bên mình. Bác phân tích cho mọi người thấy rõ tham ô, lãng phí là một tệ nạn, một thói xấu, nó giống như sâu

một đục khoét của cái của nhân dân, nó làm vẩn đục chế độ tốt đẹp của chúng ta, đến đạo đức và nhân phẩm của người cán bộ đảng viên.

Hôm này, chúng tôi được một bài học nhớ đời. Có anh cúi mặt không dám nhìn lên Bác nữa.

Hiếu Thảo (theo C.V.C)

*Trích trong cuốn: "Tâm lòng của Bác",
NXB Công an nhân dân, H. 2005.*

115. BÁC MUỐN BIẾT SỰ THẬT KIA

Hòa bình lập lại, mặc dù rất bận, Bác vẫn dành thời gian đi thăm bà con nông dân.

Lần ấy, vào vụ thu hoạch mùa. Anh em cảnh vệ chúng tôi được lệnh đến trước và bố trí một số chiến sĩ cùng gặt với bà con để tiện cho việc bảo vệ Bác.

Trên cánh đồng lúa vàng trải rộng, có khoảng năm sáu tổ đang khăn trương gặt hái, mấy tổ gặt ở kè ngay đường, còn một nhóm gặt mãi xa trong cánh đồng lầy lội. Chúng tôi nghĩ, chắc là Bác sẽ đến thăm mấy tổ gần đường, vì vậy một số anh em bảo vệ trà trộn cùng dân gặt trong những nhóm đó.

Chuẩn bị xong, chúng tôi yên chí chờ đợi... Một lúc sau xe Bác đến và dừng lại gần chỗ chúng tôi bố trí. Bác xuống xe nhưng không lại chỗ bà con đang gặt gần đường. Người xắn quần, tháo dép đi thẳng ra nhóm đang gặt ở đằng xa. Thấy vậy một đồng chí trong chúng tôi lúng túng gợi ý:

- Thừa Bác, chỗ đằng kia nông dân gặt đông quá ạ!

Bác quay lại nói ngay:

- Đông gì? Các chú bố trí đây! - Rồi Bác tiếp tục đi. Chúng tôi anh nọ nhìn anh kia ngượng quá.

Đến chỗ bà con nông dân đang gặt ở giữa cánh đồng, Bác ân cần hỏi han từ chuyện trong nhà đến việc ngoài đồng... Do hóa trang rất khéo, và lại buổi đi thực tế của

Bác rất bất ngờ, nên bà con nông dân cứ ngỡ là một cán bộ giả đi qua đường xuống thăm nói chuyện với Bác rất tự nhiên, vui vẻ.

Lúc về nhà, Bác bảo chúng tôi: "Các chú nên rút kinh nghiệm, nếu làm việc gì cần phải bí mật, thì phải làm sao để không ai phát hiện được (hóa ra Bác đã nhìn thấy trong đám gặt gần đường có cả những anh "nông dân" mặc quần kaki đi gặt). Bác nói tiếp:

- Lần này đi thăm bà con nông dân. Bác muốn nói chuyện thật tự nhiên để biết rõ tình hình thực tế. Bác thì Bác muốn biết sự thật kia! Đối với nông dân, điều đầu tiên là phải chân thực!.

Trần Minh Trường

*(Theo lời kể của các đồng chí Hồng Long, Văn Nam,
Văn Phan - Cục Cảnh vệ)*

Trích trong cuốn: "Bác Hồ với chiến sỹ"

NXB Quân đội nhân dân, H. 1994.

116. ĐÓN VUA HAY ĐÓN BÁC

Hồi còn bé, tôi được thấy một lần nhân dân huyện Thiệu Hóa tổ chức đón Bảo Đại đến khánh thành trường tiểu học của huyện.

Không biết thợ ở đâu về, họ dựng cổng chào bằng gỗ, bằng mây, bằng cành dừa, đan, cài hoa lá, viết chữ, treo cờ, giăng đèn rất công phu... Các quan sở tại từ các xã xa về, mũ áo thụng xanh, giày hia xúng xính chấp tay chờ đợi. Lính tráng súng ống canh gác nghiêm ngặt. Trông đến lạ mắt...

Lớn lên theo cách mạng, tôi được chứng kiến một số lần các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, hội nghị đón Bác...

Lần Bác đến dự lễ kỷ niệm thành lập quân đội ở nhà khách quốc tế trên đường Phạm Ngũ Lão. Bác từ một chiếc xe không được đẹp lắm bước xuống, anh em chúng tôi quên cả kỷ luật chạy ra vây lấy Bác. Mấy đồng chí bảo vệ xô bặt chúng tôi ra. Bác chỉ nói nhẹ nhàng:

- Các cháu để Bác đi. Các chú đừng làm thế.

Lần vào Vinh, sáng sớm, hoa trong vườn tươi là thế mà mới 9, 10 giờ đã rũ xuống làm cho các vị chủ nhà héo hắt cả ruột gan.

Bác ra vườn, cầm cây hoa nhỏ lên. Thì ra không phải là cây hoa trồng mà mới cầm... Bác cũng nhẹ nhàng nói:

- Không nên làm thế...

Năm 1953, Trung ương Hội phụ nữ mời Bác đến thăm.

Chị em hô hào quét nhà trong, vườn ngoài, đầu cổng sạch sẽ. Các chị căng một khẩu hiệu cắt dán chữ "Hồ Chí Minh muôn năm" nhưng không dán các đầu. Lại làm một cổng chào kết lá, cài hoa rừng... Ai cũng bảo nhau mặc quần áo thật đẹp rồi xếp hai hàng, từ cổng vào nhà như kiểu "hàng rào danh dự", hồi hộp, chờ đợi...

Sương sớm Việt Bắc đã tan, trời đã đẹp. Chờ mãi không thấy khách đến. Chủ tịch Hội đã sốt ruột hết đi ra, lại đi vào. Bỗng có tiếng báo:

- Chị Xuyên ơi! Bác ở trong này rồi!...

Thế là hàng rào danh dự tan! Ùa vào trong nhà đã thấy Bác đang thăm vườn rau, giếng nước... Bác bước ra cổng, Bác nói:

- Chào các cô, các cháu. Vào nhà thấy vắng. Bác đoán ngay là tất cả ở ngoài này.

Nhìn lên khẩu hiệu, Bác cười:

- Tiếng Việt ta có dấu, phát âm rất hay, phân biệt rõ ràng. Dán chữ thế này đọc thế nào cũng được, sai ý của mình đi.

Vào đến hội trường Bác hỏi:

- Các cô đón ai thế?

Mọi người ngớ ra, không rõ ý Bác là thế nào.

Thưa Bác, đón Bác đấy ạ!

Bác ôn tồn nói:

- À ra thế. Các cô đón Bác, chứ có phải đón ông vua, ông quan nào đâu mà sửa soạn trang trí cầu kỳ như thế!...

Nghĩ thương các chị mất vui, Bác "rề" sang chuyện khác khen:

- Sạch sẽ, gọn gàng thường xuyên hay chỉ được hôm nay thôi đây!...

Bây giờ các chị em mới dám "bắt chuyện":

- Dạ thưa Bác, thường xuyên ạ.

Thảo Hạnh (*Theo chị X và các anh H.Đ*)

Trích trong cuốn: "Tấm lòng của Bác"

NXB Công an nhân dân, H. 2005.

117. "CÁCH MẠNG" THEO Ý BÁC HIÒ

Năm 1946, khi nêu lên khẩu hiệu "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", một số cán bộ đã góp ý với Người là nghe "nó cũ quá". Bác đã giải thích, đại ý "không phải cái gì cũng bỏ".

Năm 1947, ở Chiến khu Việt Bắc, với tên ký là Tân Sinh, Bác viết cuốn "Đời sống mới", xuất bản lần đầu tiên ngay trong năm đó.

Trong trang đầu tiên đề cập tới "Đời sống mới", tác giả viết "Không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ là xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam. Cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Thí dụ: đơn cử cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi "*Cái gì cũ mà tốt* thì phải phát triển thêm. Thí dụ, ta phải tương thân, tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước. *Cái gì mới mà hay* thì ta phải làm. Thí dụ, ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp". Năm 1958, khi đồng chí Giang Đức Tuệ, Bí thư Tỉnh uỷ Thái Bình đến gặp Bác tại Văn phòng Chủ tịch ngày 20 tháng 10, Bác dặn: Cách mạng chỉ xoá bỏ cái xấu, cái dở và giữ lại cái tốt, cái hay".

Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng có lưu trữ một bài nói chuyện của Bác, nhan đề "Thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, chống bệnh quan liêu" (chưa xác minh chính xác ngày tháng ra đời của văn kiện nên tạm xếp vào năm 1952).

Bác nói "Cách mạng là tiêu diệt những cái xấu, xây dựng những cái gì tốt".

Bác thực sự đã cho ta một tấm gương sáng về lời nói và cả về hành động cách mạng.

Bác đã nghiên cứu, đối chiếu, gạn lọc, xoá bỏ tất cả những cái "xấu" ngay trong lòng xã hội mới hiện đại, văn minh nhất đương thời, đồng thời đã phát hiện và giữ lại tất cả những cái hay, tốt, đẹp của lịch sử phát triển các dân tộc trên thế giới, cổ kim, đông, tây. Người đã thấy được cái hay, cái tốt trong Phật giáo, Thiên chúa giáo, trong Không học để vận dụng vào cuộc cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng những điều hay, điều tốt của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bác cũng thấy được trong từng con người, từng cộng đồng người, tuy "cũ", tuy "xấu", nhưng vẫn có cái "tốt" để phục vụ cách mạng, mà cái tốt trên hết "là lòng yêu Tổ quốc, yêu nước, thương nòi". Cho nên, đã có những người làm quan to cho Pháp, cho triều đình Huế, đã học và kiếm được nhiều tiền trên đất nước "tư bản", những nhà "tư sản", những "địa chủ", những công dân sống lâu, sống sâu với kẻ địch, nhưng họ vẫn thấy được cái điều "cách mạng" ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin và đi theo "Cụ Hồ".

Người đã đến viếng và thắp hương ở đền Bà Triệu tại Thanh Hoá, thích các làn điệu dân ca Nghệ Tĩnh, Việt Nam, Pháp, Ý. Khi nói, khi viết đều dùng lời lẽ, chữ nghĩa giản dị, khi cần thiết cũng đã nêu lên những ý hay của Tổng thống Hoa Kỳ, dí dỏm của người Anh, sâu sắc

của Không Tử. Tất cả những điều ấy và biết bao điều khác nữa đâu có thể nói Bác là "cũ"!

Bác đã từng nói "Một đoàn thể mạnh thì cái tốt ngày càng phát triển, cái dở ngày càng bớt đi. Một điều tốt phải đưa ra cho tất cả mọi người cùng học, một điều xấu phải đưa ra cho tất cả mọi người cùng biết mà tránh". Người cũng đã dạy rằng xoá điều xấu, làm điều tốt không thể gấp gáp được. Vì nếu có nấu cơm cũng phải 15 phút mới chín, huống chi là sửa chữa cả một nước đã 80 năm nô lệ, người tốt có, người xấu có, một đám ruộng có lúa lại có cỏ, muốn nhổ cỏ cũng phải vài ba giờ mới xong".

Trong tình hình đổi mới của nước ta hiện nay, cụm từ "Cách mạng, cái xấu, cái tốt", nhất thiết cũng cần cho chúng ta suy nghĩ. Mở cửa đón gió bốn phương, không phải "nhập" cả những điều "mới", "hiện đại" nhưng lại xấu xa, đồi bại, có những cái không tốt của "khách" mà chính họ cũng bỏ, tởm lợm, càng không phải một cuộc "loại bỏ" những cái "cũ" dẹp dần mất đi, cái mới chưa tốt lại đang được o bế, đang có "môi trường" sinh sôi, nảy nở. Điều này làm cho những ai đó, rất cực đoan, muốn trở lại hai đầu "cũ, cũ hết, mới, mới hết; cũ xấu hết, mới tốt hết". Đó là một thái độ không "cách mạng", như lời Bác dạy.

Theo cuốn: **"Nhớ lời Bác dạy"**

**117 CHUYỆN KỂ VỀ
TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Trương Minh Tuấn

Sửa bản in:

Trịnh Duy Kim

Trình bày bìa:

Lương Xuân Đoàn

In 5.000 cuốn khổ 13 x 19cm tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - BQP.

Giấy phép xuất bản số 82/GP-CXB ngày 17 tháng 4 năm 2007.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2007.

Giá: 23.000 đ

